

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

Số: 834 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 29 tháng 3 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa tỉnh Đồng Nai

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ về quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh tại Tờ trình số 917/TTr-VP ngày 29 tháng 3 năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành Danh mục thành phần hồ sơ của 1180 thủ tục hành chính phải số hóa của tỉnh Đồng Nai (Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa đính kèm).

Số 02, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai  
Số điện thoại: (02513) 822 501 - Số Fax: (02513) 823 854

Trường hợp Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa ban hành tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

**Điều 2.** Các đơn vị triển khai các nhiệm vụ sau:

1. Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, triển khai thực hiện danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị, địa phương theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ.

2. Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tiếp tục rà soát thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, đề xuất danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ, gửi Sở quản lý chuyên ngành tổng hợp chung theo lĩnh vực quản lý chuyên ngành.

3. Giám đốc các sở, ban ngành tỉnh rà soát thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, tổng hợp đề xuất của cấp huyện để bổ sung Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa, báo cáo UBND tỉnh (thông qua Văn phòng UBND tỉnh) để tổng hợp, ban hành theo quy định.

4. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm phối hợp theo dõi, đôn đốc và tổng hợp bổ sung Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa của tỉnh Đồng Nai theo kết quả tổng hợp, đề xuất của các sở, ban, ngành tỉnh.

5. Giao Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, triển khai thực hiện danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa đáp ứng yêu cầu số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Q. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTN, KTNS, THNC, HCTC, HCC.



**Q. CHỦ TỊCH**

**Võ Tấn Đức**



**Phụ lục**  
**DANH MỤC CÁC THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SƠ HÓA**  
(Định Kèm Quyết định số **834** /QĐ-UBND ngày **29** tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

**I. NGÀNH Y TẾ**

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải sơ hóa	Chi chú
<b>A. CẤP TỈNH</b>				
<b>I. Lĩnh vực Khám bệnh chữa bệnh</b>				
1	1.012259	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là bác sĩ, y sĩ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản xác nhận đạt kết quả tại kỳ kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh</li> <li>- Giấy phép hành nghề đã được thừa nhận theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP</li> </ul>	
2	1.012265	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là bác sĩ, y sĩ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề đã được cấp (nếu có)	
3	1.012269	Gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là bác sĩ, y sĩ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề đã được cấp	
4	1.012270	Điều chỉnh giấy phép hành nghề	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề đã được cấp</li> <li>- Bản sao hợp lệ văn bản đào tạo chuyên khoa theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP</li> </ul>	
5	1.012271	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bản sao hợp lệ của một trong các giấy tờ sau đây:</li> <li>- Giấy chứng nhận là lương y do cơ quan có thẩm quyền cấp;</li> <li>- Giấy chứng nhận là người có bài thuốc gia truyền do cơ quan có thẩm quyền cấp;</li> </ul>	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			- Giấy chứng nhận là người có phương pháp chữa bệnh gia truyền do cơ quan có thẩm quyền cấp.	
6	1.012272	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề đã được cấp	
7	1.012273	Gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề đã được cấp	
8	1.012276	Thu hồi giấy phép hành nghề trong trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 Luật Khám bệnh, chữa bệnh	Giấy phép hành nghề	
9	1.012278	Cấp mới giấy phép hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc văn bản có tên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài</li> <li>- Bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề và giấy xác nhận quá trình hành nghề theo Mẫu 11 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP</li> </ul>	
10	1.012279	Cấp lại giấy phép hoạt động	Bản sao bị mất hoặc bản gốc giấy phép hoạt động bị hư hỏng (nếu có)	
11	1.012280	Điều chỉnh giấy phép hoạt động	Bản gốc giấy phép hoạt động	
12	1.012281	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS	Bản sao hợp lệ giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	
13	1.012260	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa	Bản sao hợp lệ Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của cơ sở	

Số t/	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
14	1.012261	Đề nghị thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa	Bản sao hợp lệ Giấy phép hoạt động Khám bệnh, chữa bệnh của cơ sở	
15	1.012289	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Bản sao hợp lệ văn bằng chuyên môn hoặc giấy phép hành nghề đã được thừa nhận theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP	
16	1.012290	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Bản chính hoặc bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề đã được cấp (nếu có)	
17	1.012291	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề đã được cấp	
18	1.012292	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề đã cấp</li> <li>- Bản sao hợp lệ văn bằng đào tạo hoặc chứng chỉ đào tạo chuyên khoa</li> </ul>	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
19	1.001552	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	- Bản sao có chứng thực các chứng chỉ học phần - Bản sao có chứng thực văn bằng về trình độ học vấn	
20	1.001538	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 4, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	- Bản sao có chứng thực các chứng chỉ học phần - Bản sao có chứng thực văn bằng về trình độ học vấn	
21	1.001532	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 5, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	- Bản sao có chứng thực các chứng chỉ học phần - Bản sao có chứng thực văn bằng về trình độ học vấn	
22	1.001398	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 6, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	- Bản sao có chứng thực các chứng chỉ học phần - Bản sao có chứng thực văn bằng về trình độ học vấn	
23	1.002464	Thủ tục cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp hoặc giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài; - Bản sao giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của cơ sở thực hiện dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh được quảng cáo - Bản sao chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh của người thực hiện dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh được quảng cáo trong trường hợp pháp luật quy định phải có chứng chỉ hành nghề.	
24	1.001138	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Bản sao có chứng thực quyết định thành lập trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	
25	2.000559	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Bản sao có chứng thực quyết định thành lập điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	
<b>II. Lĩnh vực Dược phẩm</b>				
26	1.004616	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp chứng chỉ hành nghề dược nhưng chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo	- Bản sao có chứng thực văn bằng chuyên môn - Bản sao có chứng thực căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu	

Số tít	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
		quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật được) theo hình thức xét hồ sơ		
27	1.004593	Thủ tục cấp lần đầu và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được đối với trường hợp bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ được liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở.</li> <li>- Bản sao có chứng thực Chứng chỉ hành nghề được</li> </ul>	
28	1.004585	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh hoặc phạm vi kinh doanh được mà có thay đổi điều kiện kinh doanh; thay đổi địa điểm kinh doanh được thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ được liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở.</li> <li>- Bản sao có chứng thực Chứng chỉ hành nghề được</li> </ul>	
29	1.002399	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở.</li> <li>- Bản sao có chứng thực Chứng chỉ hành nghề được</li> </ul>	
<b>III.</b>	<b>Lĩnh vực Mỹ phẩm</b>			
30	1.002483	Thủ tục cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp hoặc giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài	
31	1.009566	Thủ tục cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
<b>IV. Lĩnh vực An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng</b>				
32	1.003108	Thủ tục đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	Giấy tiếp nhận đăng ký bán công bố sản phẩm và Bản công bố sản phẩm đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận hoặc Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy/Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm còn hiệu lực (bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân)	
33	1.003348	Thủ tục đăng ký bán công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định) (bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân)	
<b>B. CẤP HUYỆN</b>				
<b>I. Lĩnh vực An toàn thực phẩm và dinh dưỡng</b>				
34	1.002425	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;</li> <li>- Danh sách người kinh doanh dịch vụ ăn uống đã được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở;</li> <li>- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm;</li> <li>- Giấy khám sức khoẻ của chủ cơ sở và người trực tiếp kinh doanh dịch vụ ăn uống do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp.</li> <li>- Kết quả: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm</li> </ul>	
<b>C. CẤP XÃ</b>				
<b>I. Lĩnh vực Dân số - Kế hoạch hóa gia đình</b>				
35	2.001088	Thủ tục xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai của đối tượng hoặc thân nhân trực tiếp của đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ;</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp có kèm theo bản chính để đối chiếu các giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng hỗ trợ theo</li> </ul>	



Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<p>quy định tại Điều 1 của Nghị định số 39/2015/NĐ-CP:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy đăng ký kết hôn đối với đối tượng hưởng chính sách là người dân tộc Kinh có chồng là người dân tộc thiểu số;</li> <li>+ Kết luận của Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh hoặc cấp Trung ương đối với trường hợp sinh con thứ ba nếu đã có hai con đẻ nhưng một hoặc cả hai con bị dị tật hoặc mắc bệnh hiểm nghèo không mang tính di truyền.</li> </ul>	

## II. NGÀNH NGOÀI VỤ

Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
I.				
36	2.002311	Thủ tục cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công văn xin phép tổ chức.</li> <li>- Đề án tổ chức theo Mẫu 01 tại Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg ngày 21/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam.</li> <li>- Văn bản có ý kiến của các cơ quan liên quan trong trường hợp các quy định pháp luật khác có yêu cầu.</li> <li>- Văn bản đồng ý chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế (nếu có).</li> <li>- Công văn xin phép tổ chức.</li> <li>- Đề án tổ chức theo Mẫu 01 tại Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg ngày 21/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam.</li> <li>- Văn bản có ý kiến của các cơ quan liên quan trong trường hợp các quy định pháp luật khác có yêu cầu.</li> <li>- Văn bản đồng ý chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế (nếu có).</li> </ul>	
37	2.002312	Thủ tục cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ.		
38	2.002313	Thủ tục cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm	<p>Công văn xin chủ trương để đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế, trong đó nêu rõ lý do, mục đích, chủ đề, dự kiến thành phần tham dự và dự kiến nguồn kinh phí.</p>	

Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
39	2.002314	Thủ tục cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ.	Công văn xin chủ trương để đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế, trong đó nêu rõ lý do, mục đích, chủ đề, dự kiến thành phần tham dự và dự kiến nguồn kinh phí.	
<b>II.</b>	<b>Lĩnh vực Lãnh sự</b>			
40	1.005409	Thủ tục cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ tại các cơ quan trong nước.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đề nghị cấp, gia hạn hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ và công hàm đề nghị phía nước ngoài cấp thị thực.</li> <li>- 02 ảnh giống nhau, cỡ 4cm x 6cm, nền màu trắng, đầu để trần, không đeo kính màu, chụp không quá 01 năm (01 ảnh dán vào Tờ khai và 01 ảnh dính kèm).</li> <li>- 01 bản chính văn bản cử hoặc cho phép cán bộ, công chức, viên chức quản lý, sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp đi nước ngoài.</li> <li>- Trường hợp vợ, chồng và con dưới 18 tuổi đi thăm hoặc đi theo thành viên cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, cơ quan thông tấn và báo chí nhà nước của Việt Nam thường trú ở nước ngoài quy định tại khoản 14 Điều 8 và khoản 5 Điều 9 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam:</li> <li>+ Văn bản có ý kiến đồng ý của Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Ngoại giao.</li> <li>+ 01 bản chụp Giấy khai sinh hoặc Bản sao trích lục khai sinh hoặc Giấy chứng nhận việc nuôi con nuôi đối với con dưới 18 tuổi (xuất trình bản chính để đối chiếu).</li> <li>- 01 bản chụp Giấy chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh sỹ quan đối với lực lượng vũ trang (xuất trình bản chính để đối chiếu).</li> <li>- Giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức đối với trường hợp người đại diện nộp thay và xuất trình giấy tờ tùy thân để đối chiếu.</li> <li>- Hộ chiếu ngoại giao hoặc hộ chiếu công vụ hết giá trị được cấp trong vòng 08 năm (nếu có). Trường hợp mất hộ chiếu thì nộp 01 bản chính văn bản thông báo mất hộ chiếu Cơ quan quản lý hộ chiếu.</li> </ul>	

Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Chi chú
41	2.000800	Thủ tục gia hạn hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ tại các cơ quan trong nước.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp đề nghị cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ theo quy định tại Khoản 15 Điều 8 và Khoản 6 Điều 9 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam thì cần bổ sung 01 bản chính văn bản đề nghị gửi Bộ Ngoại giao của cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 11 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.</li> <li>- Tờ khai đề nghị cấp, gia hạn hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ và công hàm đề nghị phía nước ngoài cấp thị thực.</li> <li>- 01 ảnh cỡ 4cm x 6cm, nền màu trắng, đầu để trần, không đeo kính màu, chụp không quá 01 năm (dán vào Tờ khai).</li> <li>- 01 bản chính văn bản cử hoặc cho phép cán bộ, công chức, viên chức quản lý, sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp đi nước ngoài.</li> <li>- Hộ chiếu ngoại giao hoặc hộ chiếu công vụ còn giá trị sử dụng dưới 01 năm và chưa được gia hạn.</li> <li>- Giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức đối với trường hợp người đại diện nộp thay và xuất trình giấy tờ tùy thân để đối chiếu.</li> </ul>	
42	2.000807	Thủ tục cấp công hàm tại các cơ quan trong nước.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đề nghị cấp, gia hạn hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ và công hàm đề nghị phía nước ngoài cấp thị thực.</li> <li>- 01 ảnh cỡ 4cm x 6cm, nền màu trắng, đầu để trần, không đeo kính màu, chụp không quá 01 năm (dán vào Tờ khai).</li> <li>- 01 bản chính văn bản hoặc quyết định cử hoặc cho phép công chức, viên chức, sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp ra nước ngoài.</li> <li>- Trường hợp vợ, chồng và con dưới 18 tuổi đi thăm hoặc đi theo thành viên cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, cơ quan thông tấn và báo chí nhà nước của Việt Nam thường trú ở nước ngoài quy định tại Điều 8, 9 và 10 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản có ý kiến đồng ý của Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Ngoại giao.</li> <li>+ 01 bản chụp Giấy khai sinh hoặc Bản sao trích lục khai sinh hoặc Giấy chứng nhận việc nuôi con nuôi đối với con dưới 18 tuổi (xuất trình bản chính để đối chiếu).</li> <li>+ Hộ chiếu còn giá trị sử dụng trên 6 tháng, kể từ ngày dự kiến xuất cảnh.</li> <li>+ 01 bản sao thư mời (nếu có).</li> </ul> </li> </ul>	

## III. NGÀNH CÔNG THƯƠNG

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
<b>A.</b>	<b>CẤP TỈNH</b>			
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Xúc tiến thương mại</b>			
43	2.000004	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại (Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018);</li> <li>+ Thẻ lệ chương trình khuyến mại (Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018);</li> <li>+ Mẫu bằng chứng xác định trúng thưởng hoặc mô tả chi tiết về bằng chứng xác định trúng thưởng.</li> <li>+ Bản sao không cần chứng thực giấy tờ về chất lượng của hàng hóa khuyến mại theo quy định của pháp luật.</li> </ul>	
44	2.000002	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ.	
45	2.000131	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại (Mẫu số 10 Kèm theo Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ);</li> <li>+ 01 Bản sao không cần chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định thành lập hoặc các quyết định khác có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật;</li> </ul>	
46	2.000001	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức Hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	Mẫu số 13 ban hành kèm theo Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ.	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Chi chú
II	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước			
47	2.000190	Cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá;</li> <li>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;</li> <li>+ Bản sao các văn bản giới thiệu của Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;</li> <li>+ Bảng kê danh sách thương nhân, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</li> <li>+ Giấy chứng nhận mã số thuế,</li> <li>+ Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá (nếu đã kinh doanh) của các thương nhân đã hoặc sẽ thuộc hệ thống phân phối sản phẩm thuốc lá trên địa bàn;</li> <li>+ Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp (đối với trường hợp cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp hết thời hạn hiệu lực).</li> </ul>	
48	2.000176	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá;</li> <li>+ Bản sao Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp (nếu có);</li> <li>+ Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung;</li> <li>+ Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.</li> </ul>	
49	2.000167	Cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trường hợp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp hết thời hạn hiệu lực thì hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới.</li> <li>+ Trường hợp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy, thì hồ sơ gồm:</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá;</li> </ul>

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp (nếu có).</li> <li>- Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.</li> </ul>	
50	2.001624	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn rượu theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Bản sao Giấy, chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.</li> <li>- Bản sao hợp đồng thuê/mượn hoặc tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp cơ sở dự kiến làm kho hàng, địa điểm bán lẻ rượu và bán rượu tiêu, dùng tại chỗ (nếu có kinh doanh) theo quy định.</li> <li>- Bản sao Bản tự công bố sản phẩm theo Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ hoặc Bản công bố sản phẩm theo Mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ (đối với trường rượu có chức năng như thực phẩm bảo vệ sức khỏe).</li> <li>- Bản sao hợp đồng nguyên tắc, thư xác nhận hoặc bản cam kết tham gia hệ thống bán buôn của các thương nhân bán lẻ; bản sao Giấy phép bán lẻ rượu của các thương nhân dự kiến tham gia hệ thống bán buôn của doanh nghiệp xin cấp phép.</li> <li>- Tài liệu liên quan đến nhà cung cấp rượu.</li> <li>- Bản sao các văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất trong nước, thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn khác, trong đó ghi rõ các loại rượu dự kiến kinh doanh phù hợp với hoạt động của thương nhân sản xuất, thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn khác;</li> <li>- Bản sao Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép phân phối hoặc Giấy phép bán buôn rượu của các nhà cung cấp rượu.</li> </ul>	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa		Ghi chú
51	2.001619	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	- Bản cam kết do thương nhân tự lập, trong đó nêu rõ nội dung thương nhân bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện vệ phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật tại trụ sở, địa điểm kinh doanh và kho hàng. - Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ). - Bản sao Giấy phép bán buôn rượu đã được cấp. - Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung		
52	2.000366	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Trường hợp cấp lại do Giấy phép hết thời hạn hiệu lực: Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới. * Trường hợp Giấy phép bán buôn rượu bị mất, hỏng hồ sơ bao gồm: + Đơn đề nghị cấp lại (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ) + Bản gốc Giấy phép bán buôn rượu đã được cấp (nếu có). + Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (theo phụ lục Mẫu số 03 ban hành Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ); + Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của thương nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu; + Bản kê trang thiết bị của cửa hàng bán lẻ xăng dầu theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định 83/2014 (theo phụ lục 01 kèm theo)		
53	2.000648	Cấp giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	+ Tài liệu chứng minh tình hợp pháp về xây dựng của cửa hàng bán lẻ xăng dầu;		

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao chứng chỉ hoặc giấy tờ tương đương về đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý và nhân viên cửa hàng theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định 83/2014 (có chứng chỉ đào tạo huấn luyện nghiệp vụ về PCCC và bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng dầu);</li> <li>+ Bản sao văn bản xác nhận cung cấp hàng cho các cửa hàng xăng dầu của thương nhân cung cấp;</li> <li>+ Bản sao giấy tờ pháp lý chứng minh quyền sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên của thương nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận.</li> <li>- Trường hợp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu hết hiệu lực thi hành, thương nhân phải lập hồ sơ như đối với trường hợp cấp mới và gửi về Sở Công Thương trước ít nhất ba mươi (30) ngày làm việc, trước khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực. Trường hợp cửa hàng xăng dầu không xây mới hoặc cải tạo mở rộng, hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận khi hết hiệu lực thi hành không bao gồm tài liệu chứng minh tính hợp pháp về xây dựng của cửa hàng bán lẻ xăng dầu</li> <li>+ Đơn đề nghị bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (theo phụ lục Mẫu số 03 ban hành Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ).</li> <li>+ Bản gốc giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu đã được cấp.</li> <li>+ Các tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi</li> <li>+ Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (theo phụ lục Mẫu số 03 ban hành Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ).</li> <li>+ Bản gốc hoặc bản sao giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (nếu có)</li> </ul>	
54	2.000645	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu		
55	2.000647	Cấp lại giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu		



Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
56	2.000673	Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	<p><b>Thành phần hồ sơ phải số hóa</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (theo phụ lục mẫu số 9 của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu);</li> <li>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>+ Bản sao giấy tờ chứng minh đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP;</li> <li>+ Bảng kê cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ kinh doanh xăng dầu theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu chứng minh;</li> <li>+ Bản gốc văn bản xác nhận của thương nhân cung cấp xăng dầu cho đại lý có thời hạn tối thiểu 01 (một) năm, trong đó ghi rõ chủng loại xăng dầu.</li> <li>+ Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương (theo phụ lục mẫu số 9 của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu).</li> <li>+ Bản gốc giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu đã được cấp.</li> <li>+ Các tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi.</li> </ul>	
57	2.000669	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (theo phụ lục mẫu số 9 của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu).</li> <li>- Bản gốc hoặc bản sao giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (nếu có).</li> </ul>	
58	2.000672	Cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (theo phụ lục Mẫu số 7 của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu);</li> </ul>	
59	2.000674	Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương		

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>+ Bản sao giấy tờ chứng minh đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh theo quy định tại Khoản 5 Điều 16 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP;</li> <li>+ Bảng kê cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ kinh doanh xăng dầu theo quy định tại Khoản 2 và 3 Điều 16 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP,</li> <li>+ Kèm theo các tài liệu chứng minh;</li> <li>+ Danh sách hệ thống phân phối xăng dầu của thương nhân theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu chứng minh;</li> <li>+ Bản gốc văn bản xác nhận của thương nhân cung cấp xăng dầu cho tổng đại lý có thời hạn tối thiểu một (01) năm, trong đó ghi rõ chủng loại xăng dầu.</li> </ul>	
60	2.000666	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương (theo phụ lục mẫu số 7 của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu).</li> <li>+ Bản gốc giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu đã được cấp.</li> <li>+ Các tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi.</li> </ul>	
61	2.000664	Cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đơn đề nghị cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương (theo phụ lục mẫu số 7 của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu).</li> <li>+ Bản gốc hoặc bản sao giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (nếu có).</li> </ul>	
62	1.001005	Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Biểu mẫu đăng ký giá theo mẫu Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26/6/2017 của Bộ Công Thương (bao gồm: biểu mẫu đăng</li> </ul>	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
		giải quyết của Sở Công Thương	Ký giá, bảng đăng ký mức giá bán cụ thể, thuyết minh cơ cấu tính giá hàng hóa (đăng ký giá)	
63	2.000459	Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	+ Biểu mẫu kê khai giá theo mẫu Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26/6/2017 của Bộ Công Thương (bao gồm: Công văn gửi Biểu mẫu kê khai giá; bảng kê khai mức giá) hoặc Thông báo mức giá tại phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26/6/2017 của Bộ Công Thương	
64	2.001646	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	Hồ sơ về môi trường	
			Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	
65	2.001636	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	Hồ sơ về môi trường (nếu có),	
			Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	
66	2.001630	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	Hồ sơ về môi trường (nếu có),	
			Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	
67	2.000626	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Hợp đồng ủy thác	
			Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	
68	2.000204	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Hợp đồng ủy thác (nếu có)	
69	2.000622	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	
70	2.000637	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	
71	2.000197	Cấp sửa đổi, bổ sung chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
72	2.000640	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	
III		<b>Lĩnh vực Quản lý cạnh tranh</b>		
73	2.000309	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	<p>- Đơn đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương theo (Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2018/NĐ-CP)</p> <p>- 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;</p> <p>- 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp;</p> <p>- 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (nếu có).</p> <p>Trường hợp không có trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại địa phương, doanh nghiệp cung cấp các giấy tờ liên quan đến đầu mối tại địa phương, bao gồm: 01 bản sao được chứng thực căn cước công dân hoặc hộ chiếu; 01 bản chính hoặc bản sao có chứng thực Phiếu lý lịch tư pháp; 01 bản sao chứng thực xác nhận kiến thức cho đầu mối tại địa phương; 01 văn bản chỉ định quy định rõ phạm vi công việc, quyền và nghĩa vụ của các bên.</p> <p>- Danh sách người tham gia bán hàng đa cấp cư trú tại địa phương đến thời điểm nộp hồ sơ trong trường hợp doanh nghiệp đã có hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương trước thời điểm Nghị định số 40/2018/NĐ-CP có hiệu lực (danh sách ghi rõ: Họ tên, ngày tháng năm sinh, địa chỉ nơi cư trú (thường trú hoặc tạm trú trong trường hợp không cư trú tại nơi thường trú), số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu, số hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, mã số người tham gia, điện thoại liên hệ của người tham gia bán hàng đa cấp) tới Sở Công Thương nơi doanh nghiệp dự kiến hoạt động.</p>	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
74	2.000631	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	<p>- Đơn đăng ký sửa đổi bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp;</p> <p>- 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;</p> <p>- 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (nếu có). Trường hợp không có trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại địa phương, doanh nghiệp cung cấp các giấy tờ liên quan đến đầu mối tại địa phương, bao gồm: 01 bản sao được chứng thực chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu; 01 bản chính hoặc bản sao có chứng thực Phiếu lý lịch tư pháp; 01 bản sao chứng thực xác nhận kiến thức cho đầu mối tại địa phương; 01 văn bản chỉ định quy định rõ phạm vi công việc, quyền và nghĩa vụ của các bên;</p> <p>- 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;</p> <p>- 01 văn bản ủy quyền cho người đại diện tại địa phương,</p> <p>- Kèm theo 01 bản sao được chứng thực chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người đại diện đó trong trường hợp doanh nghiệp không có trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa phương.</p>	
75	2.000609	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	<p>- Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp theo (Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2018/NĐ-CP);</p> <p>- Các nội dung tài liệu trình bày tại hội thảo, số lượng người tham gia dự kiến;</p>	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
76	2.000191	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	<p>- Danh sách báo cáo viên tại hội nghị, hội thảo, đào tạo kèm theo hợp đồng thuê khoán của doanh nghiệp, trong đó quy định rõ quyền hạn, trách nhiệm, nội dung báo cáo của báo cáo viên;</p> <p>- 01 bản chính văn bản ủy quyền trong trường hợp doanh nghiệp ủy quyền cho cá nhân thực hiện đào tạo hoặc tổ chức hội nghị, hội thảo;</p> <p>- Thông tin tài khoản hoặc đường dẫn truy cập vào hội nghị, hội thảo, đào tạo trong trường hợp tổ chức theo hình thức trực tuyến.</p> <p><b>* Trường hợp đăng ký thủ tục qua mạng điện tử, hồ sơ gồm:</b></p> <p>- 01 bản scan màu Đơn đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung (Thông tư 10/2013/TT-BCT ngày 30/5/2013).</p> <p>- 01 bản scan màu Dự thảo hợp đồng theo mẫu và/hoặc dự thảo điều kiện giao dịch chung được đóng dấu của tổ chức, cá nhân kinh doanh vào trang đầu và giáp lại toàn bộ văn bản;</p> <p>- 01 bản mềm Dự thảo hợp đồng theo mẫu và/hoặc dự thảo điều kiện giao dịch chung dạng Microsoft Word.</p> <p><b>* Trường hợp nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện, hồ sơ gồm:</b></p> <p>- Đơn đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung (Thông tư 10/2013/TT-BCT ngày 30/5/2013).</p> <p>- 01 bản scan màu Dự thảo hợp đồng theo mẫu và/hoặc dự thảo điều kiện giao dịch chung được đóng dấu của tổ chức, cá nhân kinh doanh vào trang đầu và giáp lại toàn bộ văn bản;</p> <p>- 01 bản mềm Dự thảo hợp đồng theo mẫu và/hoặc dự thảo điều kiện giao dịch chung dạng Microsoft Word.</p>	
IV	Lĩnh vực Giám định Thương mại			
77	1.005190	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại		- Đơn đăng ký dấu nghiệp vụ thực hiện (Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2015/TT-BCT ngày 12/01/2015 của Bộ Công Thương quy định

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
78	2.000110	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	<p>thủ tục đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại).</p> <p>- Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.</p> <p>- Các mẫu dấu nghiệp vụ hoặc bản thiết kế các mẫu dấu nghiệp vụ mà thương nhân đăng ký.</p> <p>- Đơn đăng ký dấu nghiệp vụ thực hiện (Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định thủ tục đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại).</p> <p>- Bản sao Thông báo đăng ký dấu nghiệp vụ kinh doanh dịch vụ giám định thương mại đã được cấp;</p> <p>- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.</p>	
V	Lĩnh vực Thương mại Quốc tế		<p>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký (Mẫu MD-1 ban hành kèm theo thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương).</p> <p>- Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài;</p> <p>- Văn bản của thương nhân nước ngoài cử/bổ nhiệm người đứng đầu Văn phòng đại diện;</p> <p>- Bản sao báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất;</p>	
79	2.000063	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam		

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<p><b>Thành phần hồ sơ phải số hóa</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao hộ chiếu hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam) hoặc bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu Văn phòng đại diện;</li> <li>- Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện bao gồm: Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm đề đặt trụ sở Văn phòng đại diện; Bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 28 Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 và quy định pháp luật có liên quan.</li> </ul> <p>Thành phần hồ sơ quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5 (đối với trường hợp bản sao hộ chiếu của người đứng đầu Văn phòng đại diện là người nước ngoài) phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam. Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài phải được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận hoặc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p>	
80	2.000347	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (Mẫu MD-3 ban hành kèm theo thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương).</li> <li>- Các tài liệu chứng minh về nội dung thay đổi, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trường hợp thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài: bản sao tài liệu pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh sự thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài.</li> <li>+ Trường hợp thay đổi nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:</li> </ul> </li> </ul>	



Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
81	2.000327	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	<p>Bản sao tài liệu pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh sự thay đổi nội dung hoạt động của thương nhân nước ngoài.</p> <p>+ Trường hợp thay đổi người đứng đầu của Văn phòng đại diện: Văn bản của thương nhân nước ngoài cử/bỏ nhiệm người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện; bản sao hộ chiếu hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam) hoặc bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện; giấy tờ chứng minh người đứng đầu cũ của Văn phòng đại diện, đã thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân đến thời điểm thay đổi.</p> <p>+ Trường hợp thay đổi địa chỉ đặt trụ sở của Văn phòng đại diện trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện; bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 28 Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/1/2016 của Chính phủ và quy định pháp luật có liên quan.</p> <p>+ Trường hợp thay đổi tên gọi của Văn phòng đại diện: bản sao tài liệu pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh sự thay đổi tên gọi của Văn phòng đại diện.</p> <p>- Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện</p> <p>+ Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký (Mẫu MHD-4 ban hành kèm theo thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương);</p> <p>+ Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài;</p>	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
82	2.000450	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất;</li> <li>+ Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp.</li> </ul>	
83	2.000340	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký (Mẫu MD-1, MD-2 ban hành kèm theo thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương);</li> <li>+ Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện gửi Cơ quan cấp Giấy phép nơi chuyển đi theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 36 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/1/2016 của Chính phủ;</li> <li>+ Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp;</li> <li>+ Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện nơi chuyển đến theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/1/2016 của Chính phủ.</li> </ul>	
84	2.000330	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018);</li> <li>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp cấp lại do tổ chức Chuyển địa điểm đặt trụ sở chính từ một tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương đến một tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương khác).</li> </ul>	
84	2.000330	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018);</li> <li>+ Trường hợp thay đổi nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 trừ trường hợp chuyển địa điểm trụ sở chính: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ghi nhận nội dung điều chỉnh</li> </ul>	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
85	2.000361	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	<p align="center"><b>Thành phần hồ sơ phải số hóa</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trường hợp thay đổi nội dung quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều 11 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018;</li> <li>- Bản giải trình ghi các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 12 của Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018;</li> <li>- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn;</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP).</li> <li>- Bản giải trình có nội dung: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung; có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;</li> <li>+ Kế hoạch kinh doanh tại cơ sở bán lẻ: trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động; hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh;</li> <li>+ Kế hoạch tài chính cho việc lập cơ sở bán lẻ: báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất trong trường hợp đã thành lập ở Việt Nam từ 01 năm trở lên; giải trình về vốn, nguồn vốn và phương án huy động vốn; kèm theo tài liệu về tài chính;</li> <li>- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.</li> <li>- Bản sao: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có), Giấy phép kinh doanh.</li> </ul> </li> </ul>	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
86	2.000339	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giám diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	<p><b>Thành phần hồ sơ phải số hóa</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định).</li> <li>+ Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính: Bản sao Giấy phép kinh doanh ghi nhận nội dung điều chỉnh.</li> <li>+ Trường hợp thay đổi địa chỉ của cơ sở bán lẻ: Bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp phường, xã, thị trấn xác nhận việc thay đổi địa chỉ.</li> <li>+ Trường hợp giảm diện tích cơ sở bán lẻ: Các giấy tờ có liên quan.</li> </ul>	
87	2.000334	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m <sup>2</sup>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định).</li> <li>+ Bản giải trình có nội dung:               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa điểm lập cơ sở bán lẻ; địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;</li> <li>- Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của cơ sở bán lẻ trong năm gần nhất.</li> </ul> </li> <li>+ Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.</li> </ul>	
88	2.000665	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định).</li> </ul>	
89	1.001441	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP)</li> <li>+ Bản giải trình có nội dung:               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa điểm lập cơ sở bán lẻ; địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định này; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;</li> <li>- Kế hoạch kinh doanh tại cơ sở bán lẻ; trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh;</li> </ul> </li> </ul>	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa		Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch tài chính cho việc lập cơ sở bán lẻ; báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất trong trường hợp đã thành lập ở Việt Nam từ 01 năm trở lên; giải trình về vốn, nguồn vốn và phương án huy động vốn; kèm theo tài liệu về tài chính;</li> <li>+ Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.</li> <li>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có), Giấy phép kinh doanh.</li> </ul>		
90	2.000255	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyên phân phối bán lẻ hàng hóa	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018);</li> <li>+ Bản giải trình có nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;</li> <li>+ Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn;</li> <li>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).</li> </ul>		
<b>VI Lĩnh vực Điện</b>					
91	2.001535	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đèn cấp điện áp 0,4kV tại địa phương	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận thành lập (đôi với các tổ chức không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.</li> </ul>		
92	2.001266	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương	<ul style="list-style-type: none"> <li>Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT</li> <li>Tài liệu chứng minh việc chuyển giao tài sản; tài liệu chứng minh việc chuyển giao nhân sự hoặc tài liệu về đội ngũ trực quản lý kỹ thuật, quản lý vận hành, chuyên gia tư vấn theo các quy định tương ứng tại khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
93	2.001249	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương	<p>7, khoản 3 Điều 8 và khoản 3 Điều 9 Thông tư này trong trường hợp có sự thay đổi nhân sự.”</p> <p>Kết quả giải quyết của thủ tục hành chính</p> <p>Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT.</p> <p>Danh sách trích ngang người trực tiếp quản lý kỹ thuật, đội ngũ trưởng ca vận hành theo Mẫu 3b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; bản sao hợp đồng lao động và bản sao bảng tổng kết nghiệp vụ người trực tiếp quản lý kỹ thuật, đội ngũ trưởng ca vận hành; tài liệu chứng minh thời gian làm việc trong lĩnh vực truyền tải hoặc phân phối điện của người trực tiếp quản lý kỹ thuật (Bản khai lý lịch công tác có xác nhận của người sử dụng lao động hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương); tài liệu về kết quả tập huấn sát hạch đạt yêu cầu về an toàn hoặc thẻ an toàn điện theo quy định tại Điều 64 Luật Điện lực, giấy chứng nhận vận hành được cấp điều độ có quyền điều khiển cấp theo Quy trình điều độ hệ thống điện quốc gia do Bộ Công Thương ban hành của đội ngũ trưởng ca vận hành.</p> <p>Danh mục các hạng mục công trình lưới điện (trang thiết bị công nghệ, đường dây, trạm biến áp) và phạm vi lưới điện do tổ chức đang quản lý. Bản sao biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt các hạng mục công trình lưới điện (trang thiết bị công nghệ, đường dây, trạm biến áp). Trường hợp mua bán, sáp nhập, bản giao tài sản lưới điện phải có Biên bản nghiệm thu theo quy định hoặc Biên bản giao tài sản. Trường hợp tài sản lưới điện thuộc sở hữu chung của nhiều nhà đầu tư, phải có văn bản thỏa thuận hoặc ủy quyền của các chủ sở hữu cho một đơn vị quản lý vận hành.</p>	<p>Không số hóa “bản sao bảng tổng kết nghiệp vụ hợp đồng lao động” theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 4 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP</p> <p>Không số hóa “bản sao biên bản nghiệm thu và biên bản bàn giao tài sản” theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 4 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP</p>

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	
				Ghi chú
94	2.001724	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương	<p>Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT.</p> <p>Kết quả giải quyết của thủ tục hành chính</p> <p>Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT</p> <p>Tài liệu chứng minh việc chuyển giao tài sản; tài liệu chứng minh việc chuyển giao nhân sự hoặc tài liệu về đội ngũ trực tiếp quản lý kỹ thuật, quản lý vận hành, chuyên gia tư vấn theo các quy định tương ứng tại khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 7, khoản 3 Điều 8 và khoản 3 Điều 9 Thông tư này trong trường hợp có sự thay đổi nhân sự.”</p>	
95	2.001617	Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03MW đặt tại địa phương	<p>Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT.</p>	<p>Trường hợp nhà máy điện, tổ máy phát điện dự phòng không nối lưới và chỉ phát điện để bán điện cho khách hàng khi sự cố mất điện từ lưới điện quốc gia, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép không bao gồm: “Bản sao biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt hệ thống hạ</p>

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<p>Danh sách trích ngang người trực tiếp quản lý kỹ thuật, đội ngũ trưởng ca nhà máy điện theo Mẫu 3b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; bản sao bằng tốt nghiệp và hợp đồng lao động với chủ đầu tư hoặc đơn vị quản lý vận hành của người trực tiếp quản lý kỹ thuật, đội ngũ trưởng ca nhà máy điện; tài liệu chứng minh thời gian làm việc trong lĩnh vực phát điện của người trực tiếp quản lý kỹ thuật (Bản khai lý lịch công tác có xác nhận của người sử dụng lao động hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương); tài liệu về kết quả tập huấn sát hạch đạt yêu cầu về an toàn và giấy chứng nhận vận hành được cấp điều độ có quyền điều khiển cấp theo Quy trình điều độ hệ thống điện quốc gia do Bộ Công Thương ban hành của đội ngũ trưởng ca nhà máy điện.</p>	<p>tăng công nghệ thông tin, hạ tầng viễn thông phục vụ vận hành thị trường điện; bản sao biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt hệ thống SCADA phục vụ vận hành hệ thống điện và thị trường điện (đối với nhà máy tham gia thị trường điện)."</p> <p>Không số hóa "bản sao bằng tốt nghiệp và hợp đồng lao động" theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 4 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP</p>



Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
96	2.001549	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03MW đặt tại địa phương	<p>Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT</p> <p>Kết quả giải quyết của thủ tục hành chính</p>	
97	2.000621	Huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện	<p>02 ảnh (2x3) cm</p> <p>Văn bản đề nghị của người sử dụng lao động: Ghi đầy đủ họ tên, công việc và bậc an toàn hiện tại của người lao động;</p> <p>02 ảnh (2x3) cm và thẻ an toàn điện cũ (nếu có) của người lao động.</p> <p>Văn bản đề nghị của người sử dụng lao động: Ghi đầy đủ họ tên, công việc và bậc an toàn hiện tại của người lao động;</p> <p>Kết quả giải quyết của thủ tục hành chính</p>	
98	2.000638	Huấn luyện và cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện	<p>02 ảnh (2x3) cm và thẻ an toàn điện cũ (nếu có) của người lao động.</p> <p>Văn bản đề nghị của người sử dụng lao động: Ghi đầy đủ họ tên, công việc và bậc an toàn hiện tại của người lao động;</p> <p>Kết quả giải quyết của thủ tục hành chính</p>	
99	2.000643	Cấp lại thẻ an toàn điện	<p>Văn bản đề nghị của người sử dụng lao động: Ghi đầy đủ họ tên, công việc và bậc an toàn hiện tại của người lao động;</p> <p>Kết quả giải quyết của thủ tục hành chính</p>	
<b>VII</b>	<b>Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa Thủy điện</b>			
100	2.001607	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP)	Bản sao giấy tờ quyền sử dụng đất khu vực đặt hệ thống xử lý nước thải.	
<b>VIII</b>	<b>Lĩnh vực Hóa chất</b>			
101	2.001547	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản	Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
		xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	<p>Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng nhà xưởng, kho chứa, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí nhà xưởng, kho tàng, khu vực chứa hóa chất, điện tích và đường vào nhà xưởng, khu vực sản xuất và kho hóa chất; Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất với thửa đất xây dựng nhà xưởng, kho chứa hoặc Hợp đồng thuê nhà xưởng, kho chứa</p> <p>Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của cơ sở sản xuất hóa chất</p> <p>Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất nguy hiểm trong cơ sở sản xuất theo quy định</p> <p>Kết quả giải quyết của thủ tục hành chính</p>	
102	2.001172	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	<p>Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện (Mẫu 01c, Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương)</p> <p>Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp</p> <p>Kết quả giải quyết của thủ tục hành chính</p>	
103	2.001175	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	<p>Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận (Mẫu 01b, Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương)</p> <p>Bản chính Giấy chứng nhận đã được cấp trong trường hợp Giấy chứng nhận bị sai sót hoặc có thay đổi về thông tin của tổ chức, cá nhân; phần bản chính còn lại có thể nhận dạng được của Giấy chứng nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng</p> <p>Kết quả giải quyết của thủ tục hành chính</p>	
104	1.002758	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	<p>Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp theo mẫu quy định (Mẫu 01a, Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương)</p> <p>Bản kê khai về từng địa điểm kinh doanh</p> <p>Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng của từng địa điểm kinh doanh, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí kho chứa, khu vực chứa hóa chất, điện tích và đường vào khu vực kho hóa chất; Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử</p>	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<p>dùng đối với thửa đất xây dựng kho chứa hoặc Hợp đồng thuê kho đối với trường hợp thuê kho lưu trữ hoặc Hợp đồng hay thỏa thuận mua bán hóa chất trong trường hợp sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất</p> <p>Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của từng địa điểm kinh doanh hóa chất (Mẫu 01g, Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương)</p> <p>Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất nguy hiểm trong cơ sở kinh doanh theo quy định</p>	
105	2.000652	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	<p>Kết quả giải quyết của thủ tục hành chính</p> <p>Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện (Mẫu 01c, Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương)</p> <p>Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp</p>	
106	2.001161	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	<p>Kết quả giải quyết của thủ tục hành chính</p> <p>Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp</p> <p>Bản chính Giấy chứng nhận đã được cấp trong trường hợp Giấy chứng nhận bị sai sót hoặc có thay đổi về thông tin của tổ chức, cá nhân; phần bản chính còn lại có thể nhận dạng được của Giấy chứng nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng</p>	
107	1.011506	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	<p>Kết quả giải quyết của thủ tục hành chính</p> <p>Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp</p> <p>Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng nhà xưởng, kho chứa, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí nhà xưởng, kho tàng, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào nhà xưởng, khu vực sản xuất và kho hóa chất; Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất xây dựng nhà xưởng, kho chứa hoặc Hợp đồng thuê nhà xưởng, kho chứa</p>	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
108	1.011508	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	<p>Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của cơ sở sản xuất hóa chất</p> <p>Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất nguy hiểm trong cơ sở sản xuất theo quy định</p> <p>Kết quả giải quyết của thủ tục hành chính</p> <p>Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện (Mẫu 01c, Nghị định 82/2022/NĐ-CP)</p> <p>Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp</p> <p>Kết quả giải quyết của thủ tục hành chính</p>	
109	1.011507	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	<p>Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận (Nghị định 82/2022/NĐ-CP)</p> <p>Bản chính Giấy chứng nhận đã được cấp trong trường hợp Giấy chứng nhận bị sai sót hoặc có thay đổi về thông tin của tổ chức, cá nhân; phần bản chính còn lại có thể nhận dạng được của Giấy chứng nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng</p> <p>Kết quả giải quyết của thủ tục hành chính</p>	
<b>IX</b>	<b>Lĩnh vực Khoa học Công nghệ</b>			
110	2.000046	Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	<p>Theo Mẫu 2. CBHC/HQ quy định tại Phụ lục III Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN và nội dung bổ sung quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư 02/2017/TT-BKHCN)</p> <p>-Báo cáo kết quả tự đánh giá bao gồm các thông tin sau:</p> <p>+ Tên tổ chức, cá nhân; địa chỉ; điện thoại, fax;</p> <p>+Tên sản phẩm, hàng hóa, nhà sản xuất;</p> <p>+Số hiệu quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;</p>	<p>Khoản 1, Điều số 12 Thông tư số 36/20</p>

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa		Ghi chú
X	Lĩnh vực Kinh doanh Khí			<p>- Kết quả thử nghiệm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của tổ chức thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng; Kết luận sản phẩm, hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; Cam kết chất lượng sản phẩm, hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn công bố áp dụng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và kết quả tự đánh giá.</p> <p>- Bản sao y bản chính Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng kèm theo mẫu dấu hợp quy do tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp cho tổ chức, cá nhân”.</p>	19/T T- BCT
111	2.000142	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	<p>Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018).</p> <p>Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh.</p> <p>Bản sao Giấy chứng nhận kết quả kiểm định kỹ thuật an toàn lao động bồn chứa.</p> <p>Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy.</p> <p>Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định chai LPG còn hiệu lực;</p> <p>Bản sao Giấy chứng nhận hợp quy đối với chai LPG.</p>		
112	2.000136	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	<p>Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG (Mẫu số 12 ban hành kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018).</p>		
113	2.000078	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	<p>Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG (Mẫu số 12 ban hành kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018).</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
114	2.000166	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	<p>Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018).</p> <p>Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh.</p> <p>Bản sao Giấy chứng nhận kết quả kiểm định kỹ thuật an toàn lao động bồn chứa.</p> <p>Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy.</p> <p>Tài liệu chứng minh có trạm cấp LNG hoặc trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải đáp ứng các quy định về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.</p> <p>Đổi với thương nhân kinh doanh mua bán khí qua đường ống ngoài các giấy tờ quy định tại mục 2, 3, 4 trên phải bổ sung tài liệu chứng minh có đường ống vận chuyển khí hoặc hợp đồng thuê đường ống vận chuyển khí; bản sao Giấy chứng nhận kiểm định đường ống còn hiệu lực và tài liệu chứng minh có trạm cấp khí đáp ứng các quy định về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ và pháp luật có liên quan.</p>	
115	2.000156	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG (Mẫu số 12 ban hành kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018).	
116	2.000390	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG (Mẫu số 12 ban hành kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018).	
117	2.000354	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	<p>Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018).</p> <p>Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh.</p> <p>Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy.</p> <p>Tài liệu chứng minh có xe bồn CNG đã được kiểm định còn hiệu lực;</p>	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa		Ghi chú
			Tài liệu chứng minh có trạm cấp CNG hoặc trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải đáp ứng các quy định về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP và pháp luật có liên quan;		
			Tài liệu chứng minh có trạm nén CNG đáp ứng các quy định về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.		
118	2.000279	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG (Mẫu số 12 ban hành kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018).		
119	1.000481	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG (Mẫu số 12 ban hành kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018).		
120	2.000073	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai theo Mẫu số 07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP; Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh; Tài liệu chứng minh trạm nạp được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng; Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy.		
121	2.000207	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	Giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện Trạm nạp LPG vào chai Mẫu số 12 tại Phụ lục Nghị định số 87/2018/NĐ-CP.		
122	2.000201	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai theo Mẫu số 12 tại Phụ lục Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở chính; thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.		
123	2.000194	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn (Mẫu số 07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí);		

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
124	2.000187	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	<p>Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh;</p> <p>Tài liệu chứng minh trạm nạp được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng;</p> <p>Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy.</p> <p>Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào xe bồn theo Mẫu số 12 tại Phụ lục Nghị định số 87/2018/NĐ-CP.</p>	
125	2.000175	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	<p>Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào xe bồn (Mẫu số 12 tại Phụ lục Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí)</p> <p>Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở chính; thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.</p> <p>Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải (Mẫu số 07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí);</p>	
126	2.000196	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	<p>Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh;</p> <p>Tài liệu chứng minh trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng;</p> <p>Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy;</p>	
127	1.000425	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	<p>Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải (Mẫu số 12 tại Phụ lục Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí).</p>	
128	2.000180	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	<p>Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải (Mẫu số 12 tại Phụ lục Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí);</p> <p>Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở chính; thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.</p>	
129	2.000387	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	<p>Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải (Mẫu số 07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí);</p>	



Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa		Ghi chú
			Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh;		
			Tài liệu chứng minh trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng;		
			Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy;		
130	2.000376	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải theo Mẫu số 12 tại Phụ lục Nghị định số 87/2018/NĐ-CP.		
131	2.000371	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải (Mẫu số 12 tại Phụ lục Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí); Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở chính; thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký. Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải (Mẫu số 07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí); Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh; Tài liệu chứng minh trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng; Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy;		
132	2.000163	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải (Mẫu số 12 tại Phụ lục Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí).		
133	1.000444	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải theo Mẫu số 12 tại Phụ lục Nghị định số 87/2018/NĐ-CP;		
134	2.000211	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải theo Mẫu số 12 tại Phụ lục Nghị định số 87/2018/NĐ-CP; Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở chính; thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.		
XI	<b>Lĩnh vực An toàn thực phẩm</b>				

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
135	2.000591	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	
136	2.000535	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	
<b>XII</b>	<b>Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp</b>			
137	2.001434	Cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản;	
138	2.001433	Cấp lại giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản; Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự	
139	<b>Lĩnh vực Công nghiệp nặng</b>			
140	1.001158	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh,  Hồ sơ về môi trường	
<b>B.</b>	<b>CẤP HUYỆN</b>			

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
<b>I. Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước</b>				
141	2.000181	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;</li> <li>+ Bản sao các văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh</li> <li>- Số lượng hồ sơ: 02 bộ, trong đó 01 bộ gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép, 01 bộ lưu tại doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh.</li> <li>+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.</li> <li>* (Số hóa kết quả: Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá)</li> </ul>	
142	2.000162	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung.</li> <li>+ Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp (Bản sao)</li> <li>+ Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.</li> <li>* (Số hóa kết quả: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá)</li> </ul>	
143	2.000150	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp cấp lại Giấy phép do hết thời hạn hiệu lực:</li> <li>+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá</li> <li>- Trường hợp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: Hồ sơ gồm:</li> <li>a) Văn bản đề nghị cấp lại; Phụ lục 52 theo mẫu (Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương).</li> <li>* (Số hóa kết quả: Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá)</li> </ul>	
144	2.000620	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	<ul style="list-style-type: none"> <li>(1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP.</li> <li>(2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh.</li> <li>(3) Bản sao hợp đồng thuê/mượn hoặc tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp cơ sở dự kiến làm địa điểm bán lẻ.</li> <li>(4) Bản sao văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.</li> <li>* (Số hóa kết quả: Giấy phép bán lẻ rượu)</li> </ul>	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
145	2.000615	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	<p>(1) Đơn đề nghị cấp sửa đổi Giấy phép bán lẻ rượu theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP</p> <p>(2) Bản sao Giấy phép đã được cấp</p> <p>(3) Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.</p> <p>* (Số hóa kết quả: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu)</p>	
146	2.001240	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	<p>- Trường hợp cấp lại do giấy phép hết thời hạn hiệu lực:</p> <p>+ Đơn đề nghị cấp sửa đổi Giấy phép bán lẻ rượu theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP;</p> <p>Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.</p> <p>- Trường hợp cấp lại Giấy phép do bị mất, bị hỏng:</p> <p>Đơn đề nghị cấp sửa đổi Giấy phép bán lẻ rượu theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP;</p> <p>+ Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép đã được cấp (nếu có).</p> <p>* (Số hóa kết quả: Giấy phép bán lẻ rượu)</p>	
147	2.000633	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	<p>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh.</p> <p>+ Bản sao Bản công bố sản phẩm rượu hoặc bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật); bản sao Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, trừ trường hợp đối với cơ sở thuộc loại kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.</p> <p>+ Bản liệt kê tên hàng hóa rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa rượu mà tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc dự kiến sản xuất.</p> <p>+ Bản liệt kê tên hàng hóa rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa rượu mà tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc dự kiến sản xuất.</p> <p>* (Số hóa kết quả: Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh)</p>	
148	1.001279	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	<p>- Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực:</p> <p>+ Bản liệt kê tên hàng hóa rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa rượu mà tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc dự kiến sản xuất.</p>	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<p>+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP.</p> <p>- Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng:</p> <p>Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03 ban hành tại Nghị định 17/2020/NĐ-CP và bản gốc hoặc bản sao giấy phép đã cấp (nếu có).</p> <p>* (Số hóa kết quả: Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh)</p>	
149	2.000629	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	<p>- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP</p> <p>- Bản sao giấy phép đã được cấp</p> <p>- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.</p> <p>* (Số hóa kết quả: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh)</p>	
<b>II. Lĩnh vực kinh doanh khí</b>				
150	2.001283	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	<p>1. Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai theo Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2017/NĐ-CP.</p> <p>2. Bản sao hợp đồng bán LPG chai với thương nhân có giấy chứng nhận đủ điều kiện còn hiệu lực.</p> <p>3. Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy.</p> <p>* (Số hóa kết quả: Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai).</p>	
151	2.001270	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	<p>- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP.</p> <p>- Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai * (Số hóa kết quả: Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai).</p>	
152	2.001261	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	<p>- Hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai bao gồm</p> <p>- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi;</p> <p>- Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP.</p> <p>* (Số hóa kết quả: Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai).</p>	

Số TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
III.	Lĩnh vực Công nghiệp địa phương			
153	2.002096	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện.	<p>- Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (Mẫu số 01) kèm theo bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn</p> <p>- Bản thuyết minh về sản phẩm (Mẫu số 02)</p> <p>- 03 ảnh màu, cỡ tối thiểu (10x15)cm của sản phẩm được chụp tại 3 góc độ khác nhau (chính diện, mặt bên, từ trên xuống)</p> <p>* (Số hóa kết quả: Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện)</p>	

#### IV. NGÀNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
I.	Lĩnh vực An toàn bức xạ và hạt nhân			
154	2.002379	Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đôi với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ.</li> <li>- Bản sao văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp với công việc đảm nhiệm.</li> <li>- Giấy chứng nhận đào tạo an toàn bức xạ.</li> <li>- Phiếu khám sức khỏe tại cơ sở y tế từ cấp huyện trở lên được cấp không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ.</li> </ul>	
155	2.002382	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị sửa đổi giấy phép theo Mẫu số 07 Phụ lục IV của Nghị định 142/2020/NĐ-CP.</li> <li>- Bản gốc giấy phép</li> <li>- Các văn bản xác nhận thông tin sửa đổi cho các trường hợp thay đổi tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax.</li> <li>- Bản sao hợp đồng chuyển nhượng đối với trường hợp giảm số lượng thiết bị bức xạ do chuyển nhượng; văn bản thông báo của cơ sở về việc chấm dứt sử dụng hoặc chấm dứt vận hành.</li> </ul>	

Số TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
156	2.002384	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các văn bản chứng minh các thông tin về thiết bị bức xạ trong giấy phép đã cấp khác với thông tin về thiết bị bức xạ trên thực tế và cần hiệu đính.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu</li> <li>- Trường hợp giấy phép bị rách, nát: Bản gốc giấy phép bị rách, nát.</li> </ul>	
157	2.002380	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ.</li> <li>- Bản sao của một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập tổ chức, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Phiếu khai báo nhân viên bức xạ và người phụ trách an toàn.</li> <li>- Bản sao Chứng chỉ nhân viên bức xạ của người phụ trách an toàn.</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đào tạo an toàn bức xạ của nhân viên bức xạ</li> <li>- Phiếu khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán y tế</li> <li>- Bản sao tài liệu của nhà sản xuất có thông tin về thiết bị X-quang chẩn đoán y tế như trong phiếu khai báo. Trường hợp không có tài liệu của nhà sản xuất về các thông tin này, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép phải nộp kết quả xác định thông số kỹ thuật của thiết bị.</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, Biên bản kiểm định thiết bị X-quang.</li> <li>- Báo cáo đánh giá an toàn chứng minh đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Nghị định 142/2020/NĐ-CP.</li> <li>- Bản sao Biên bản kiểm xạ.</li> <li>- Kế hoạch ứng phó sự cố thực hiện theo quy định tại Phụ lục II của Nghị định 142/2020/NĐ-CP.</li> </ul>	
158	2.002381	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị gia hạn giấy phép.</li> <li>- Bản sao giấy phép đã được cấp và sắp hết hạn.</li> <li>- Kết quả đo liều kế cá nhân trong thời gian hiệu lực của giấy phép đề nghị gia hạn.</li> <li>- Bản sao kết quả kiểm xạ.</li> </ul>	

Số TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
159	2.002383	Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định thiết bị (đối với việc sử dụng thiết bị bức xạ, vận hành thiết bị chiếu xạ trong y tế); Biên bản kiểm định thiết bị bức xạ.</li> <li>- Phiếu khai báo đối với nhân viên bức xạ hoặc người phụ trách an toàn bức xạ (nếu có thay đổi so với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép gần nhất);</li> <li>- Báo cáo đánh giá an toàn bức xạ theo mẫu trong ứng quy định tại Phụ lục V của Nghị định 142/2020/NĐ-CP (nếu có thay đổi so với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép gần nhất).</li> <li>- Đơn đề nghị sửa đổi giấy phép theo Mẫu số 07 Phụ lục IV của Nghị định 142/2020/NĐ-CP</li> <li>- Bản gốc giấy phép cần bổ sung</li> <li>- Phiếu khai báo thiết bị bức xạ mới theo mẫu trong ứng quy định tại Phụ lục III của Nghị định 142/2020/NĐ-CP đối với trường hợp bổ sung thiết bị bức xạ; kèm theo bản sao tài liệu của nhà sản xuất cung cấp các thông tin như trong phiếu khai báo.</li> <li>- Báo cáo đánh giá an toàn đối với công việc bức xạ bổ sung theo mẫu trong ứng quy định tại Phụ lục V của Nghị định 142/2020/NĐ-CP.</li> <li>- Bản sao Chứng chỉ nhân viên bức xạ của nhân viên.</li> <li>- Phiếu khai báo thiết bị bức xạ mới theo mẫu trong ứng quy định tại Phụ lục III của Nghị định 142/2020/NĐ-CP đối với trường hợp bổ sung thiết bị bức xạ; kèm theo bản sao tài liệu của nhà sản xuất cung cấp các thông tin như trong phiếu khai báo.</li> </ul>	
160	2.002385	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu khai báo thiết bị bức xạ mới theo mẫu trong ứng quy định tại Phụ lục III của Nghị định 142/2020/NĐ-CP đối với trường hợp bổ sung thiết bị bức xạ; kèm theo bản sao tài liệu của nhà sản xuất cung cấp các thông tin như trong phiếu khai báo.</li> </ul>	
II.	<b>Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ</b>			
161	1.006427	Thủ tục đánh giá, xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao của Bằng khen, Giấy khen, văn bản cho phép áp dụng của cơ quan có thẩm quyền</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.</li> <li>- Các tài liệu khác (nếu có) liên quan đến kết quả thực hiện nhiệm vụ (giải thưởng về khoa học và công nghệ, hợp đồng thực hiện nhiệm vụ, quyết định giao nhiệm vụ....).</li> </ul>	



Số TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
162	2.000079	Thủ tục thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản cho phép ứng dụng của tổ chức, cá nhân chủ trì kết quả thực hiện nhiệm vụ.</li> <li>- Tài liệu về kết quả thực hiện nhiệm vụ: Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt (nếu có); Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và các tài liệu kèm theo; Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu kết quả nghiên cứu và Biên bản đánh giá của Hội đồng nghiệm thu các cấp (nếu có).</li> <li>- Thuyết minh chi tiết việc ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ vào sản xuất, đời sống.</li> <li>- Bản sao Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ (nếu có).</li> <li>- Bản sao Giấy xác nhận thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ đã được cấp (nếu có).</li> <li>- Những tài liệu khác có liên quan đến kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cần thẩm định.</li> </ul>	
163	2.002144	Thủ tục đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu về kết quả thực hiện nhiệm vụ: Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt (nếu có); Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và các tài liệu kèm theo; Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu kết quả nghiên cứu và Biên bản đánh giá của Hội đồng nghiệm thu các cấp (nếu có).</li> <li>- Thuyết minh chi tiết việc ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ vào sản xuất, đời sống.</li> <li>- Bản sao Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ (nếu có).</li> <li>- Bản sao Giấy xác nhận thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ đã được cấp (nếu có).</li> </ul>	
164	1.001786	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký</li> <li>- Hồ sơ (có chứng thực hợp pháp) Quyết định thành lập tổ chức khoa học và công nghệ;</li> <li>- Hồ sơ của người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ</li> <li>- Hồ sơ Điều lệ</li> </ul>	

Số TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
165	1.001747	Thủ tục thay đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký</li> <li>- Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ đã được cấp</li> </ul>	
166	1.001770	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký</li> <li>- Xác nhận của cơ quan công an</li> <li>- Giấy biên nhận của cơ quan báo, đài đã đăng thông báo mất Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ hoặc tờ báo đã đăng thông báo này.</li> <li>- Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ đã được cấp bị rách, nát</li> </ul>	
167	1.001716	Thủ tục cấp giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký</li> <li>- Hồ sơ của người đứng đầu văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ</li> <li>- Hồ sơ về trụ sở của văn phòng đại diện, chi nhánh</li> </ul>	
168	1.001677	Thủ tục thay đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký</li> <li>- Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ đã được cấp</li> </ul>	
169	1.001693	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký</li> <li>- Xác nhận của cơ quan công an</li> <li>- Giấy biên nhận của cơ quan báo, đài đã đăng thông báo mất Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ hoặc tờ báo đã đăng thông báo này.</li> <li>- Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ đã được cấp bị rách, nát</li> </ul>	

Số TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
170	2.002278	Thủ tục cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (cấp tỉnh)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn Đăng ký</li> <li>- Văn bản xác nhận, công nhận kết quả khoa học và công nghệ của cơ quan có thẩm quyền</li> <li>- Phương án sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ</li> </ul>	
171	2.001525	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Toàn bộ hồ sơ	
172	2.002248	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của bộ khoa học và công nghệ)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký chuyển giao công nghệ</li> <li>- Văn bản thỏa thuận chuyển giao công nghệ (hợp đồng, thỏa thuận chuyển giao công nghệ...)</li> </ul>	
173	2.002249	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của bộ khoa học và công nghệ)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung chuyển giao công nghệ;</li> <li>- Văn bản thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung chuyển giao công nghệ (hợp đồng, thỏa thuận chuyển giao công nghệ...)</li> </ul>	
174	2.002544	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị</li> <li>- Văn bản thỏa thuận chuyển giao công nghệ (hợp đồng, thỏa thuận chuyển giao công nghệ...)</li> <li>- Thuyết minh nội dung chuyển giao công nghệ.</li> </ul>	
175	2.002546	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung;</li> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận;</li> <li>- Văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung (hợp đồng, thỏa thuận chuyển giao công nghệ...)</li> </ul>	

Số TT	Mã THHC	Tên THHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
176	2.002548	Thủ tục Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp lại;</li> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận (trừ trường hợp bị mất).</li> </ul>	
177	1.011818	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước theo Mẫu 5 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2023/TT-BKHHCN.</li> </ul>	
<b>III. Lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng</b>				
178	2.001209	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận</li> <li>- Giấy chứng nhận hợp chuẩn do tổ chức chứng nhận đã đăng ký cấp kèm theo mẫu dấu hợp chuẩn.</li> <li>- Bản công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh</li> <li>- Trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn được tổ chức chứng nhận đã đăng ký cấp Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý (ISO 9001, ISO 22000, HACCP...), thì hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn của tổ chức, cá nhân phải có bản sao y bản chính Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý còn hiệu lực.</li> <li>- Báo cáo đánh giá hợp chuẩn kèm theo bản sao y bản chính Phiếu kết quả thử nghiệm mẫu trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn của tổ chức thử nghiệm đã đăng ký. Trong quá trình xem xét hồ sơ, nếu cần thiết sẽ xem xét, đối chiếu với bản gốc hoặc yêu cầu bổ sung bản sao có chứng thực</li> </ul>	
179	2.001207	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh		

Số TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
180	2.001277	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do bộ khoa học và công nghệ ban hành	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản công bố hợp quy</li> <li>- Đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc tổ chức chứng nhận được chỉ định: Bản sao y bản chính Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng kèm theo mẫu dấu hợp quy do tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp cho tổ chức, cá nhân.</li> </ul>	
<b>IV. Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ</b>				
181	1.011937	Thủ tục cấp giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp, làm theo Mẫu số 05 tại Phụ lục VI của Nghị định này;</li> <li>- Bản sao Quyết định tuyên dụng hoặc hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên sở hữu công nghiệp hoạt động cho tổ chức (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực);</li> <li>- Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục này).</li> </ul>	
182	1.011938	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp, làm theo Mẫu số 06 tại Phụ lục VI</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được sửa đổi của tổ chức giám định sở hữu công nghiệp trong trường hợp có sự thay đổi thông tin của tổ chức (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực), trừ trường hợp trong Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp đã có thông tin về Mã số doanh nghiệp;</li> <li>- Bản sao Quyết định tuyên dụng, hợp đồng lao động hoặc quyết định chấm dứt hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên sở hữu công nghiệp hoạt động cho tổ chức trong trường hợp có sự thay đổi về giám định viên sở hữu công nghiệp (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực);</li> </ul>	

Số TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
183	1.011939	Thủ tục thu hồi giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	<p><b>Thành phần hồ sơ phải số hóa</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục này).</li> <li>- Đơn yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp;</li> <li>- Chứng cứ chứng minh căn cứ đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp;</li> </ul>	

#### V. NGÀNH TÀI CHÍNH

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ cần số hóa	Ghi chú
184	2.002206	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao hợp lệ Quyết định hoặc Văn bản thông báo của cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.</li> <li>- Tờ khai đăng ký mã số ĐVQHNS.</li> <li>- Kết quả: Giấy chứng nhận mã số có quan hệ với ngân sách.</li> </ul>	
185	1.005434	Mua quyền hóa đơn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công văn đề nghị cấp hóa đơn.</li> </ul>	
186	1.006218	Xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.</li> <li>- Bảng kê chủng loại, số lượng, khối lượng, giá trị, hiện trạng của tài sản.</li> <li>- Hợp đồng tặng cho tài sản trong trường hợp chuyển giao dưới hình thức tặng cho và theo quy định của pháp luật phải lập thành hợp đồng.</li> <li>- Các hồ sơ, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng của tài sản chuyển giao và hình thức chuyển giao (nếu có).</li> <li>- Kết quả giải quyết TTHC.</li> </ul>	
187	1.005419	Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản (trong đó nêu rõ sự cần thiết, thời hạn, tính khả thi, phương án sử dụng tài sản công tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công-tư).</li> <li>- Văn bản đề nghị của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có).</li> <li>- Danh mục tài sản (chủng loại, số lượng; tình trạng; nguyên giá; giá trị còn lại theo sổ kế toán).</li> </ul>	

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ cần số hóa	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có).</li> <li>- Kết quả giải quyết TTHC.</li> </ul>	
188	1.0062220	Thanh toán phân giá trị của tài sản cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản chôn giấu, bị vùi lấp, chôn đấm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên nhưng không xác định được chủ sở hữu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị thanh toán phân giá trị tài sản được hưởng.</li> <li>- Kết quả giải quyết TTHC.</li> </ul>	
189	2.002217	Đăng ký giá của các doanh nghiệp thuộc phạm vi cấp tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản kê đăng ký của doanh nghiệp.</li> <li>- Bảng đăng ký mức giá cụ thể.</li> <li>- Bảng thuyết minh cơ cấu tính giá hàng hoá, dịch vụ đăng ký giá.</li> <li>- Kết quả giải quyết TTHC.</li> </ul>	
190	1.006241	Quyết định giá thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị thẩm định phương án giá của các đơn vị sản xuất, kinh doanh cung cấp hàng hoá, dịch vụ.</li> <li>- Bảng thuyết minh về phương án giá.</li> <li>- Các văn bản pháp lý có liên quan.</li> <li>- Kết quả giải quyết TTHC.</li> </ul>	

### VI. NGÀNH XÂY DỰNG

Số TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
<b>A. CẤP TỈNH</b>				
<b>I. Lĩnh vực Vật liệu xây dựng</b>				
191	1.006871	Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	Bản công bố hợp quy theo Mẫu 02. CBHC/HQ, Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012	
<b>II. Lĩnh vực Hoạt động xây dựng</b>				
192	1.009928	Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	Đơn đề nghị cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 1 Phụ lục số IV Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.	

193	1.009936	Cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	Đơn đề nghị gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng theo Mẫu số 4 Phụ lục số IV Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ
194	1.009982	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III	Bản gốc chứng chỉ năng lực đã được cấp. Trường hợp bị mất chứng chỉ năng lực thì phải có cam kết của tổ chức đề nghị cấp lại.
195	1.009983	Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 1 Phụ lục số IV Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.
196	1.009984	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng)	Đơn đề nghị cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 1 Phụ lục số IV Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ
197	1.009985	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do lỗi của cơ quan cấp)	Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 1 Phụ lục số IV Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ
198	1.009986	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	Bản gốc chứng chỉ hành nghề còn thời hạn nhưng bị ghi sai thông tin.
199	1.009987	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III của cá nhân người nước ngoài	Đơn đề nghị cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 3 Phụ lục số IV Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.
200	1.009988	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng theo Mẫu số 4 Phụ lục số IV Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý: Quyết định thành lập tổ chức trong trường hợp có quyết định thành lập.



			<p>Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý: Quyết định công nhận phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của tổ chức hoặc hợp đồng nguyên tắc về việc liên kết thực hiện công việc thí nghiệm phục vụ khảo sát xây dựng với phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công nhận (đối với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực khảo sát địa chất công trình).</p> <p>Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý: Chứng chỉ hành nghề kèm theo bản kê khai và tự xác định hạng chứng chỉ theo Mẫu số 05 Phụ lục IV Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ hoặc kê khai mã số chứng chỉ hành nghề trong trường hợp đã được cấp chứng chỉ hành nghề được cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014 của các chức danh yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề; các văn bản được đào tạo của cá nhân tham gia thực hiện công việc.</p> <p>Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý: Hợp đồng và Biên bản nghiệm thu công việc đã thực hiện theo nội dung kê khai (đối với tổ chức khảo sát xây dựng, lập thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng, tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây dựng hạng I, hạng II).</p> <p>Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý: Hợp đồng; Biên bản nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng hoặc bộ phận công trình (trong trường hợp thi công công tác xây dựng chuyên biệt) đã thực hiện theo nội dung kê khai (đối với tổ chức thi công xây dựng hạng I, hạng II).</p> <p>Bản gốc chứng chỉ năng lực đã được cấp. Trường hợp bị mất chứng chỉ năng lực thì phải có cam kết của tổ chức đề nghị cấp lại.</p> <p>Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng theo Mẫu số 4 Phụ lục số IV Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.</p>	<p>Bản sao điện tử có giá trị pháp lý</p>
201	1.009989	<p>Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do mất, hư hỏng)</p>		

202	1.009990	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do lỗi của cơ quan cấp)	Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng theo Mẫu số 4 Phụ lục số IV Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ. Bản gốc chứng chỉ năng lực đã được cấp.	
203	1.009991	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	Đơn đề nghị điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng theo Mẫu số 4 Phụ lục số IV Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ. Bản gốc chứng chỉ năng lực đã được cấp và bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý các tài liệu liên quan đến nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 87 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ. Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng theo Mẫu số 1 (đối với tổ chức) hoặc Mẫu số 4 (đối với cá nhân) Phụ lục số III Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.	Bản sao điện tử có giá trị pháp lý
204	1.009980	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, C	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử về kết quả đấu thầu hoặc quyết định chọn thầu hợp pháp (nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam). Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với tổ chức và chứng chỉ hành nghề (nếu có) của nước nơi mà nhà thầu nước ngoài mang quốc tịch cấp và phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam và các nước có liên quan là thành viên có quy định về miễn trừ hợp pháp hóa lãnh sự. Biểu báo cáo kinh nghiệm hoạt động liên quan đến các công việc nhận thầu và bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử báo cáo tổng hợp kiểm toán tài chính trong 03 năm gần nhất (đối với trường hợp không thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu). Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử Hợp đồng liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc hợp đồng chính thức hoặc hợp đồng nguyên tắc với nhà thầu phụ Việt Nam để thực hiện công việc nhận thầu (đã có	Bản sao điện tử có giá trị pháp lý

			trong hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ chào thầu) (nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam).	
			Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử quyết định phê duyệt dự án hoặc quyết định đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư của dự án/công trình	
			Giấy ủy quyền hợp pháp đối với người không phải là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam).	
205	1.009981	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, C	Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng theo Mẫu số 8 Phụ lục số III Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.	
206	1.009972	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	Vấn bản chấp thuận của chủ đầu tư (thầu chính trường hợp nhà thầu đề nghị điều chỉnh là thầu phụ)	
207	1.009973	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	Tờ trình thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo Mẫu số 4 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ	
208	1.009974	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh	Đổi với điều chỉnh thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, chủ đầu tư phải nộp báo cáo tình hình thực tế thi công xây dựng công trình (trường hợp công trình đã thi công xây dựng). Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo Mẫu số 1 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ (riêng đối với mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn thì tiêu đề của đơn đổi thành “Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn”); thành phần hồ sơ khác cho từng loại công trình, cụ thể như sau:	

<p>hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).</p>	<p>Đối với công trình không theo tuyến:- Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. - Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng. - 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm: bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đầu nói với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án. (*Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử)</p>	<p>Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao điện tử</p>
	<p>Đối với công trình theo tuyến:- Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vị trí và phương án tuyến hoặc Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai. - Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa</p>	<p>Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính</p>

	<p>cháy và các tài liệu, bản vẽ được tham duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không tham định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng. - 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm: sơ đồ vị trí tuyến công trình; bản vẽ mặt bằng tổng thể hoặc bản vẽ bình đồ công trình; bản vẽ các mặt cắt dọc và mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình; bản vẽ mặt bằng; mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đầu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án.</p> <p>(* Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử)</p>	<p>hoặc bản sao điện tử</p>
	<p>Đối với công trình tôn ngưỡng, tôn giáo: - Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình tôn giáo gồm các tài liệu như quy định tại mục “(1.1) Đối với công trình không theo tuyến” và văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình tín ngưỡng gồm các tài liệu như quy định tại Điều 46 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ gồm: + Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. + 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng kèm theo Giấy chứng nhận tham duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy kèm theo bản vẽ thẩm duyệt trong trường hợp pháp luật về phòng cháy và chữa cháy có yêu cầu; báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng trong trường hợp pháp luật về xây dựng có yêu cầu, gồm: Bản vẽ mặt bằng công trình trên lô đất kèm theo sơ đồ vị trí công trình; Bản vẽ mặt bằng các tầng, các mặt đứng và mặt cắt chính của công trình; Bản vẽ mặt bằng móng và mặt cắt móng kèm theo sơ đồ đầu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình gồm cấp nước, thoát nước,</p>	<p>Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao điện tử</p>

	<p>cấp điện; Đối với công trình xây dựng có công trình liên kết phải có bản cam kết bảo đảm an toàn đối với công trình liên kết. - Ý kiến của cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trường hợp pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo có quy định); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng đối với các công trình tín ngưỡng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng; - Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình tín ngưỡng, tôn giáo thuộc dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, ngoài các tài liệu quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 43 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ, phải bổ sung văn bản về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.</p> <p>(* Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử)</p>	
	<p>Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng: - Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. - Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng. - 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm; bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt</p>	<p>Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao điện tử</p>

	<p>đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng; mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đầu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án.</p> <p>- Văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa.</p> <p>(* Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử)</p>	
	<p>Đối với công trình của các cơ quan ngoại giao và tổ chức quốc tế: - Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. - Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng. - 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm: bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đầu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án. - Các điều khoản quy định của Hiệp định hoặc thỏa thuận đã được ký kết với Chính phủ Việt Nam.</p> <p>(* Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử)</p>	<p>Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao điện tử</p>

209	1.009975	<p>Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/ Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).</p>	<p>Đơn đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình theo Mẫu số 1 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.</p> <p>Một trong những giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu, quản lý, sử dụng công trình theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Bản vẽ hiện trạng của các bộ phận công trình dự kiến sửa chữa, cải tạo đã được phê duyệt theo quy định có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ các bản vẽ của hồ sơ đề nghị cấp phép sửa chữa, cải tạo và ảnh chụp (kích thước tối thiểu 10 x 15 cm) hiện trạng công trình và công trình lân cận trước khi sửa chữa, cải tạo.</p> <p>Hồ sơ thiết kế sửa chữa, cải tạo tương ứng với mỗi loại công trình theo quy định tại Điều 43 hoặc Điều 46 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.</p> <p>Đòi với các công trình di tích lịch sử - văn hóa và danh lam, thắng cảnh đã được xếp hạng thì phải có văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa.</p> <p>*Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử</p>	<p>Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao điện tử</p>
210	1.009976	<p>Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).</p>	<p>Đơn đề nghị cấp giấy phép di dời công trình theo Mẫu số 1 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.</p> <p>Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất nơi công trình sẽ di dời đến và giấy tờ hợp pháp về sở hữu công trình theo quy định của pháp luật.</p> <p>Bản vẽ hoàn công công trình (nếu có) hoặc bản vẽ thiết kế mô tả thực trạng công trình được di dời, gồm mặt bằng, mặt cắt móng và bản vẽ kết cấu chịu lực chính; bản vẽ tổng mặt bằng địa điểm công trình sẽ được di dời tới; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng tại địa điểm công trình sẽ di dời đến.</p> <p>Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện.</p>	<p>Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính</p>



		<p>Phương án đi dời do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện gồm: + Phần thuyết minh về hiện trạng công trình và khu vực công trình sẽ được đi dời đến; giải pháp đi dời, phương án bố trí sử dụng phương tiện, thiết bị, nhân lực; giải pháp bảo đảm an toàn cho công trình, người, máy móc, thiết bị và công trình lân cận; bảo đảm vệ sinh môi trường; tiến độ đi dời; tổ chức, cá nhân thực hiện đi dời công trình; + Phần bản vẽ biện pháp thi công đi dời công trình.</p> <p>*Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử</p>	<p>hoặc bản sao điện tử</p>
<p>211 1.009977</p>	<p>Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tương đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).</p>	<p>Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp;</p> <p>- Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng theo Mẫu số 2 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ</p> <p>-Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt bộ phận, hạng mục công trình đề nghị điều chỉnh tỷ lệ 1/50 - 1/200</p> <p>-Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản phê duyệt điều chỉnh thiết kế của người có thẩm quyền theo quy định kèm theo Bản kê khai điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thiết kế đối với trường hợp thiết kế không do cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định hoặc Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế điều chỉnh của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.</p> <p>*Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử</p>	<p>Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao điện tử</p>

212	1.009978	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	<p>-Đơn đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng, trong đó giải trình rõ lý do đề nghị cấp lại theo Mẫu số 2 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ</p> <p>-Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp (đối với trường hợp bị rách, nát)</p>
213	1.009979	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	<p>Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng theo Mẫu số 2 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ;</p> <p>Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp.</p>
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực</b>	<b>Quản lý chất lượng công trình xây dựng</b>	
214	1.009788	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh	<p>Báo cáo kết quả đánh giá an toàn công trình</p> <p>Báo cáo kết quả thực hiện công việc tổ chức kiểm tra, kiểm định để đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình và đề xuất phương án gia cố, cải tạo, sửa chữa hư hỏng công trình (nếu có), xác định thời gian được tiếp tục sử dụng công trình sau khi sửa chữa, gia cố; tổ chức gia cố, cải tạo, sửa chữa hư hỏng công trình (nếu có) để đảm bảo công năng và an toàn sử dụng.</p> <p>- Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục VIa Nghị định số 06/2021/NĐ-CP</p>
215	1.009791	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	
216	1.009794	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan	

		chuyên môn về xây dựng tại địa phương	- Danh mục hồ sơ hoàn thành công trình theo quy định tại Phụ lục VIb Nghị định số 06/2021/NĐ-CP * (Số hóa kết quả: Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng).	
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực Giám định tư pháp</b>			
217	1.011675	Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	Văn bản đề nghị miễn nhiệm giám định viên tư pháp của cơ quan, tổ chức quản lý giám định viên tư pháp hoặc đơn xin miễn nhiệm của giám định viên tư pháp (theo mẫu số 01 kèm theo Quyết định này).	
218	2.001116	Bỏ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	Sơ yếu lý lịch và Phiếu lý lịch tư pháp. Giấy đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng theo mẫu tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD.	
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực Nhà ở</b>			
219	1.007765	Cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước	Đơn đề nghị thuê nhà ở sinh viên - Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có)	
220	1.006876	Công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư	Bản tự kê khai, đánh giá phân hạng nhà chung cư của tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh hạng nhà chung cư theo mẫu quy định tại phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD	
221	1.007763	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh	Đơn đề nghị điều chỉnh hạng nhà chung cư theo mẫu quy định tại phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD Văn bản đăng ký thuê nhà ở công vụ của cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý người có nhu cầu thuê nhà ở công vụ; Đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ đã có xác nhận của cơ quan đang trực tiếp quản lý cán bộ, công chức về thực trạng nhà ở	
222	1.006873	Công nhận hạng/công nhận lại hạng nhà chung cư	Đơn đề nghị công nhận hạng/công nhận lại hạng nhà chung cư theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD Bản tự kê khai, đánh giá phân hạng nhà chung cư của tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận hạng nhà chung cư theo mẫu hướng dẫn tham khảo quy định tại phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD	

223	1.007750	Thủ tục thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua	Văn bản gửi Sở Xây dựng đề nghị thông báo nhà ở đủ điều kiện bán, cho thuê mua.
224	1.010009	Công nhận chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh (trong trường hợp có nhiều nhà đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại được chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư).	Văn bản đề nghị của nhà đầu tư (trong đó ghi rõ tên, địa chỉ nhà đầu tư, các đề xuất, dự kiến tiến độ thực hiện dự án).
<b>VI</b>	<b>Lĩnh vực Kinh doanh bất động sản</b>		
225	1.002625	Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng hoặc cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do hết hạn (hoặc gần hết hạn)	Đơn xin cấp lại chứng chỉ có dán ảnh
226	1.002572	Thủ tục cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	Đơn đăng ký dự thi có dán ảnh màu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự thi
227	1.010746	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do Thủ tướng Chính phủ quyết định việc đầu tư	Đơn đề nghị chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản của chủ đầu tư; Bảo cáo quá trình thực hiện dự án bất động sản của chủ đầu tư tính đến thời điểm chuyển nhượng. Hồ sơ của bên nhận chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản bao gồm: - Đơn đề nghị được nhận chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án. Đơn đề nghị cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án của chủ đầu tư chuyển nhượng Bảo cáo quá trình thực hiện dự án của chủ đầu tư chuyển nhượng đến thời điểm chuyển nhượng
228	1.010747	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do UBND cấp tỉnh quyết định việc đầu tư	

			Đơn đề nghị được nhận chuyển nhượng dự án hoặc một phần dự án	
<b>VII</b>	<b>Lĩnh vực Quy hoạch kiến trúc</b>			
		Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh	Thuyết minh nội dung nhiệm vụ Các bản vẽ in màu thu nhỏ  Tờ trình đề nghị thẩm định;	
229	1.002701		Tờ trình đề nghị thẩm định;	
		Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Tờ trình đề nghị thẩm định đồ án. Thuyết minh nội dung đồ án bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ.  Các bản vẽ in màu đúng tỷ lệ quy định	
230	1.003011			
		Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng	Đơn đề nghị cung cấp thông tin quy hoạch (trong đó ghi rõ thông tin về vị trí, địa điểm lô đất cần cung cấp thông tin).	
231	1.008432			
<b>VIII</b>	<b>Lĩnh vực Kiến trúc</b>			
		Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo mẫu số 02 Phụ lục III của Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;	
232	1.008891			
		Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề	Bản gốc chứng chỉ hành nghề kiến trúc đã được cấp. Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề theo mẫu số 03 Phụ lục III của Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.	
233	1.008990			
		Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc).	Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề theo mẫu số 03 Phụ lục III của Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.	
234	1.008989			
		Gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc	Đơn đề nghị gia hạn chứng chỉ hành nghề theo mẫu số 02 Phụ lục III của Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.	
235	1.008991			

236	1.008992	Công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	Đơn đề nghị công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc theo mẫu số 04 Phụ lục III của Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.
237	1.008993	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	Đơn đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc theo mẫu số 04 Phụ lục III của Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.
<b>IX</b>	<b>Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng</b>		
238	1.011705	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp: Cấp lần đầu hoặc Giấy chứng nhận hết hạn mà tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có nhu cầu tiếp tục hoạt động)	Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.
239	1.011708	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin hoặc tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xin dừng thực hiện một số chỉ tiêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	Đơn đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.
240	1.011710	Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa chỉ, tên của tổ chức trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện	Đơn đăng ký cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.

		hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được cấp)		
241	1.011711	Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa điểm đặt phòng thí nghiệm hoặc thay đổi, bổ sung, sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn thí nghiệm trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.	
<b>B. CẤP HUYỆN</b>				
<b>I. Lĩnh vực Hoạt động xây dựng</b>				
242	1.009994	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tương đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	<p>Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo Mẫu số 1 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ (riêng đối với mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn thì tiêu đề của đơn đổi thành “Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn”);</p> <p>Thành phần hồ sơ khác cho từng loại công trình, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với công trình không theo tuyến:</li> <li>- Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (trường hợp trong giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất không thể hiện hình thể, kích thước thửa đất thì bổ sung hồ sơ kỹ thuật thửa đất);</li> <li>- Quyết định phê duyệt dự án;</li> <li>- Văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có);</li> </ul> <p>- Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ;</p>	Các giấy tờ, tài liệu thuộc phạm vi thực hiện số hóa theo Điều 4 Chương II Thông tư số 01/2023/T-T-VP/CP ngày 5/3/2023 của Văn

		<p>- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy;</p> <p>-Văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng.</p> <p>- Bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm: bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng dấu nói với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án.</p> <p>-Kết quả: Giấy phép xây dựng</p> <p><b>(*Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử)</b></p> <p>Đối với công trình theo tuyến:</p> <p>- Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vị trí và phương án tuyên hoặc Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <p>- Quyết định phê duyệt dự án;</p> <p>-Văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có);</p> <p>-Bảo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ;</p>	phòng Chính phủ
--	--	---	-----------------



-Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy;

-Văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng.

-Bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm: sơ đồ vị trí tuyến công trình; bản vẽ mặt bằng tổng thể hoặc bản vẽ bình đồ công trình; bản vẽ các mặt cắt dọc và mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án.

- Kết quả: Giấy phép xây dựng

(\***Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử**)

Đối với công trình tín ngưỡng, tôn giáo:

- Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình tôn giáo gồm các tài liệu như quy định tại mục "(1.1) Đối với công trình không theo tuyến" và văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình tín ngưỡng gồm:

+ Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (trường hợp trong giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất không thể hiện hình thể, kích thước thửa đất thì bổ sung hồ sơ kỹ thuật thửa đất);

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy kèm theo bản vẽ thẩm duyệt trong trường hợp pháp luật về phòng cháy và chữa cháy có yêu cầu;

- + Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng đối với các công trình tín ngưỡng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng;
  - + Đối với công trình xây dựng có công trình liền kề phải có bản cam kết bảo đảm an toàn đối với công trình liền kề.
  - + Ý kiến của cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trường hợp pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo có quy định).
  - + Bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm: Bản vẽ mặt bằng công trình trên lô đất kèm theo sơ đồ vị trí công trình; Bản vẽ mặt bằng các tầng, các mặt đứng và mặt cắt chính của công trình; Bản vẽ mặt bằng móng và mặt cắt móng kèm theo sơ đồ đấu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình gồm cấp nước, thoát nước, cấp điện;
  - Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình tín ngưỡng, tôn giáo thuộc dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, ngoài các tài liệu quy định như nêu trên phải bổ sung văn bản về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.
  - + Kết quả: Giấy phép xây dựng
- (\*Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử)**
- Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:
- Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (trường hợp trong giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất không thể hiện hình thể, kích thước thửa đất thì bổ sung hồ sơ kỹ thuật thửa đất);
  - Quyết định phê duyệt dự án;

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có);</li> <li>- Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ;</li> <li>- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy;</li> <li>- Văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng.</li> <li>- Bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm: bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng dấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án.</li> <li>- Văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa.</li> <li>- Kết quả: Giấy phép xây dựng</li> </ul> <p><b>(*Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử)</b></p> <p>Đối với công trình của các cơ quan ngoại giao và tổ chức quốc tế:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (trường hợp trong giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất không thể hiện hình thể, kích thước thửa đất thì bổ sung hồ sơ kỹ thuật thửa đất);</li> <li>- Quyết định phê duyệt dự án;</li> </ul>	
--	--	--	--

- Văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có);
  - Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại Khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ;
  - Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy;
  - Văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng.
  - Bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm: bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án.
  - Các điều khoản quy định của Hiệp định hoặc thỏa thuận đã được ký kết với Chính phủ Việt Nam.
  - Kết quả: Giấy phép xây dựng
  - (\*Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử)**
- Đối với công trình nhà ở riêng lẻ:
- Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.
  - Bản vẽ thiết kế xây dựng kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy kèm theo bản vẽ thẩm duyệt trong trường hợp pháp luật về phòng cháy và chữa cháy có yêu cầu; báo cáo kết quả

			<p>thẩm tra thiết kế xây dựng trong trường hợp pháp luật về xây dựng có yêu cầu, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản vẽ mặt bằng công trình trên lô đất kèm theo sơ đồ vị trí công trình;</li> <li>+ Bản vẽ mặt bằng các tầng, các mặt đứng và mặt cắt chính của công trình;</li> <li>+ Bản vẽ mặt bằng móng và mặt cắt móng kèm theo sơ đồ đầu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình gồm cấp nước, thoát nước, cấp điện;</li> <li>+ Đối với công trình xây dựng có công trình liên kết phải có bản cam kết bảo đảm an toàn đối với công trình liên kết.</li> </ul> <p>- Kết quả: Giấy phép xây dựng</p> <p>(* Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử)</p>	
243	1.009995	<p>Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyên/Theo tuyên trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tương đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyên/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyên trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ</p>	<p>Đom đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình theo Mẫu số 1 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.</p> <p>Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (trường hợp trong giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất không thể hiện hình thức, kích thước thửa đất thì bổ sung hồ sơ kỹ thuật thửa đất):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản vẽ hiện trạng của các bộ phận công trình dự kiến sửa chữa, cải tạo đã được phê duyệt theo quy định có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ các bản vẽ của hồ sơ đề nghị cấp phép sửa chữa, cải tạo.</li> </ul> <p>Hồ sơ thiết kế sửa chữa, cải tạo tương ứng với mỗi loại công trình theo quy định tại Điều 43 hoặc Điều 46 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.</p> <p>Đối với các công trình di tích lịch sử - văn hóa và danh lam, thắng cảnh đã được xếp hạng thì phải có văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa</p> <p>Kết quả: Giấy phép xây dựng</p>	<p>Các giấy tờ, tài liệu thuộc phạm vi thực hiện số hóa theo Điều 4 Chương II Thông tư số 01/2023/T-T-VP-CP ngày 5/3/2023 của Văn phòng Chính phủ</p>

			<p><b>*Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử</b></p>	
244	1.009996	<p>Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ</p>	<p>Đơn đề nghị cấp giấy phép di dời công trình theo Mẫu số 1 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.</p> <p>Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất nơi công trình sẽ di dời đến và giấy tờ hợp pháp về sở hữu công trình theo quy định của pháp luật.</p> <p>Bản vẽ hoàn công công trình (nếu có) hoặc bản vẽ thiết kế mô tả thực trạng công trình được di dời, gồm mặt bằng, mặt cắt móng và bản vẽ kết cấu chịu lực chính; bản vẽ tổng mặt bằng địa điểm công trình sẽ được di dời tới; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng tại địa điểm công trình sẽ di dời đến.</p> <p>Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện.</p> <p>Phương án di dời do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện gồm: + Phần thuyết minh về hiện trạng công trình và khu vực công trình sẽ được di dời đến; giải pháp di dời, phương án bố trí sử dụng phương tiện, thiết bị, nhân lực; giải pháp bảo đảm an toàn cho công trình, người, máy móc, thiết bị và công trình lân cận; bảo đảm vệ sinh môi trường; tiến độ di dời; tổ chức, cá nhân thực hiện di dời công trình; + Phần bản vẽ biện pháp thi công di dời công trình.</p> <p>Kết quả: Giấy phép xây dựng</p> <p><b>*Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử</b></p>	<p>Các giấy tờ, tài liệu thuộc phạm vi thực hiện số hóa theo Điều 4 Chương II Thông tư số 01/2023/T-T-VP-CP ngày 5/3/2023 của Văn phòng Chính phủ</p>
245	1.009997	<p>Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo</p>	<p>Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp; Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng theo Mẫu số 2 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt bộ phận, hạng mục công trình đề nghị điều chỉnh tỷ lệ 1/50 - 1/200</p>	<p>Các giấy tờ, tài liệu thuộc phạm vi thực hiện số hóa theo Điều</p>

		tuyên/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyên trong đồ thi/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	-Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản phê duyệt điều chỉnh thiết kế của người có thẩm quyền theo quy định kèm theo Bản kê khai điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thiết kế đối với trường hợp thiết kế không do cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định hoặc Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế điều chỉnh của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng. Kết quả: Giấy phép xây dựng điều chỉnh <b>*Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử</b>	4 Chương II Thông tư số 01/2023/T T-VP/CP ngày 5/3/2023 của Văn phòng Chính phủ
246	1.0099999	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyên/Theo tuyên trong đồ thi/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tương đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyên/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyên trong đồ thi/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Đơn đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng, trong đó giải trình rõ lý do đề nghị cấp lại theo Mẫu số 2 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp (đối với trường hợp bị rách, nát). Bản cam kết tự chịu trách nhiệm về việc thất lạc giấy phép xây dựng của chủ đầu tư đối với trường hợp bị thất lạc giấy phép xây dựng. Kết quả: Giấy phép xây dựng được cấp lại.	Các giấy tờ, tài liệu thuộc phạm vi thực hiện số hóa theo Điều 4 Chương II Thông tư số 01/2023/T T-VP/CP ngày 5/3/2023 của Văn phòng Chính phủ
247	1.0099998	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyên/Theo tuyên trong đồ thi/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tương đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyên/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyên trong đồ thi/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	- Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng theo Mẫu số 2 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp. - Kết quả: Giấy phép xây dựng gia hạn	ngày 5/3/2023 của Văn phòng Chính phủ

II	Lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	
248	1.009794		<p>- Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục VIa Nghị định số 06/2021/NĐ-CP</p> <p>- Danh mục hồ sơ hoàn thành công trình theo quy định tại Phụ lục VIb Nghị định số 06/2021/NĐ-CP</p> <p>* (Số hóa kết quả: Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng)</p>
III	Lĩnh vực Quy hoạch kiến trúc		
249	1.002662	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	<p>Tờ trình đề nghị thẩm định</p> <p>Các bản vẽ in màu thu nhỏ</p> <p>Thuyết minh nội dung nhiệm vụ</p> <p>Kết quả: Quyết định phê duyệt của UBND cấp huyện.</p>
250	1.003141	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	<p>- Đối với thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết (theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP), thành phần hồ sơ gồm: (1) Tờ trình đề nghị thẩm định; (2) thuyết minh nội dung nhiệm vụ; (3) dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ; (4) các bản vẽ in màu thu nhỏ; (5) các văn bản pháp lý có liên quan.</p> <p>- Đối với thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đặc thù, điểm dân cư nông thôn (theo quy định của Luật Xây dựng và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP), thành phần hồ sơ gồm: (1), (2), (3), (4), (5) và văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch; hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng.</p> <p>* (Số hóa kết quả: Kết quả thẩm định)</p>
251	1.008455	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng	<p>- Đơn đề nghị cung cấp thông tin quy hoạch (trong đó ghi rõ thông tin về vị trí, địa điểm lô đất cần cung cấp thông tin).</p> <p>- Kết quả: Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng</p>



IV	Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật	
252	1.002693 Cấp giấy phép chặt hạ, di chuyển cây xanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin đi dòi hoặc đốn hạ cây xanh (theo Phụ lục I của Quyết định 15/2013/QĐ-UBND tỉnh Đồng Nai)</li> <li>- Bản vẽ thiết kế tổng mặt bằng trong đó có định vị cây xanh cần chặt hạ, di dòi. Trường hợp không có bản vẽ thiết kế thì trong đơn đề nghị nêu rõ vị trí chặt hạ, di dòi, kích thước, loại cây và lý do cần chặt hạ, di dòi cây xanh.</li> <li>- Kết quả: Giấy phép</li> </ul>

#### VII. BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Số TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
<b>I. Lĩnh vực Lao động</b>				
253	2.001955	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	Văn bản đề nghị đăng ký nội quy lao động Nội quy lao động; Văn bản góp ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở đối với nơi có tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở Các văn bản của người sử dụng lao động có quy định liên quan đến ký luật lao động và trách nhiệm vật chất (nếu có).	
<b>II. Lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước</b>				
254	1.005132	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	Văn bản đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập (theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH); Bản sao hợp đồng nhận lao động thực tập kèm theo bản dịch tiếng Việt được chứng thực; Tài liệu chứng minh việc đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề phù hợp với pháp luật của nước tiếp nhận lao động theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH, cụ thể gồm một trong các giấy tờ sau: + 01 bản sao văn bản cho phép cơ sở tiếp nhận lao động thực tập được tiếp nhận lao động nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại cấp. + Giấy tờ khác thể hiện cơ sở tiếp	

Số TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			nhận lao động thực tập được phép tiếp nhận người lao động theo quy định của nước sở tại; Giấy tờ chứng minh việc ký quỹ của doanh nghiệp theo Mẫu số 11 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP.	
<b>III.</b>		<b>Lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam</b>		
255	1.009748	Chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý các KCN quy định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận.</li> <li>- Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư.</li> <li>- Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.</li> <li>- Đề xuất dự án đầu tư.</li> <li>- Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.</li> <li>- Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).</li> <li>- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận.</li> <li>- Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư.</li> <li>- Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.</li> <li>- Đề xuất dự án đầu tư.</li> <li>- Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.</li> <li>- Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.</li> <li>- Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).</li> </ul>	
256	1.009756	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư.</li> <li>- Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh.</li> <li>- Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với nhà đầu tư là tổ chức.</li> <li>- Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung</li> </ul>	
257	1.009757	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.		

Số TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
258	1.009759	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý các KCN.	<p>quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư.</li> <li>- Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh.</li> <li>- Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với nhà đầu tư là tổ chức.</li> <li>- Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có).</li> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư.</li> <li>- Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh</li> <li>- Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với nhà đầu tư là tổ chức.</li> <li>- Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có).</li> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư.</li> <li>- Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chuyển nhượng dự án đầu tư.</li> <li>- Hợp đồng hoặc hợp đồng nguyên tắc về việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư.</li> <li>- Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng.</li> <li>- Hợp đồng BCC (đối với dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng BCC).</li> <li>- Bản sao một trong các tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư.</li> </ul>	
259	1.009760	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý các Khu công nghiệp.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư.</li> <li>- Hợp đồng BCC (đối với dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng BCC).</li> </ul>	
260	1.009763	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư.</li> <li>- Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư giữa bên nhận bảo đảm và nhà đầu tư nhận chuyển nhượng.</li> </ul>	

Số TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
261	1.009764	tài sản bảo đảm đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý các KCN.	<p><b>Tên TTHC</b></p> <p>Thành phần hồ sơ phải số hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp đồng cho vay hoặc hợp đồng cấp tín dụng hoặc hợp đồng mua bán nợ (nếu có).</li> <li>- Hợp đồng hoặc văn bản xác nhận giao dịch bảo đảm (nếu có).</li> <li>- Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư chuyển nhượng và nhà đầu tư nhận chuyển nhượng.</li> <li>- Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng.</li> <li>- Văn bản xác nhận của bên nhận bảo đảm về tình trạng pháp lý của tài sản bảo đảm.</li> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư.</li> <li>- Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư.</li> <li>- Quyết định của nhà đầu tư về việc chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương.</li> <li>- Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư.</li> <li>- Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có).</li> </ul>	
262	1.009765	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý các KCN.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư.</li> <li>- Nghị quyết hoặc quyết định của nhà đầu tư là tổ chức kinh tế bị tổ chức lại về việc tổ chức lại, trong đó có nội dung về việc xử lý tài sản, quyền và nghĩa vụ liên quan đến dự án đầu tư.</li> <li>- Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có).</li> </ul>	
263	1.009766	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư.</li> <li>- Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm góp vốn.</li> <li>- Thỏa thuận của các cổ đông, thành viên về việc sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn thành lập doanh nghiệp hoặc</li> </ul>	

Số TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
		vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý các Khu công nghiệp các KCN.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- góp thêm vốn điều lệ của doanh nghiệp đang hoạt động.</li> <li>- Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư góp vốn, nhà đầu tư nhận góp vốn.</li> </ul>	
264	1.009767	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý các KCN.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư.</li> <li>- Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm hợp tác kinh doanh.</li> <li>- Hợp đồng hợp tác kinh doanh.</li> <li>- Tài liệu về tư cách pháp lý của các bên tham gia hợp tác kinh doanh.</li> <li>- Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của bên tham gia hợp tác kinh doanh.</li> </ul>	
265	1.009768	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư.</li> <li>- Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư.</li> </ul>	
266	1.009769	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư.</li> <li>- Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư.</li> </ul>	

Số TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
267	1.009770	nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP). Giã hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý các KCN.	- Văn bản đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư. - Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư. - Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.	
268	1.009774	Cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	- Văn bản đề nghị cấp lại hoặc hiệu đính.	
269	1.009773	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	- Văn bản đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	
270	1.009775	Thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phân vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài.	- Văn bản đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phân vốn góp gồm những nội dung: thông tin về đăng ký doanh nghiệp của tổ chức kinh tế mà nhà đầu tư nước ngoài dự kiến góp vốn, mua cổ phần, mua phân vốn góp; ngành, nghề kinh doanh; danh sách chủ sở hữu, thành viên, cổ đông sáng lập, danh sách chủ sở hữu, thành viên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (nếu có); tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trước và sau khi góp vốn, mua cổ phần, mua phân vốn góp vào tổ chức kinh tế; giá trị giao dịch dự kiến của hợp đồng góp vốn, mua cổ phần, mua phân vốn góp; thông tin về dự án đầu tư của tổ chức kinh tế (nếu có). - Giấy tờ pháp lý của cá nhân, tổ chức góp vốn, mua cổ phần, mua phân vốn góp và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phân vốn góp. - Văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phân vốn góp giữa nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phân vốn góp hoặc giữa nhà đầu tư nước ngoài với cổ	

Số TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			đồng hoặc thành viên của tổ chức kinh tế đó.	
271	1.009776	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đăng ký thành lập văn phòng điều hành gồm: tên và địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có) của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC; tên, địa chỉ văn phòng điều hành; nội dung, thời hạn, phạm vi hoạt động của văn phòng điều hành; họ, tên, nơi cư trú, số Giấy chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu của người đứng đầu văn phòng điều hành.</li> <li>- Quyết định của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC về việc thành lập văn phòng điều hành.</li> <li>- Quyết định bổ nhiệm người đứng đầu văn phòng điều hành.</li> <li>- Hợp đồng BCC.</li> <li>- Quyết định chấm dứt hoạt động của văn phòng điều hành trong trường hợp văn phòng điều hành chấm dứt hoạt động trước thời hạn.</li> <li>- Danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán.</li> <li>- Danh sách người lao động, quyền và lợi ích của người lao động đã được giải quyết.</li> <li>- Hợp đồng BCC.</li> </ul>	
272	1.009777	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản thông báo về việc ngừng hoạt động dự án đầu tư.</li> </ul>	
273	1.009771	Ngừng hoạt động của dự án đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Văn bản thông báo về việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư.</li> <li>2. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.</li> <li>3. Quyết định của nhà đầu tư về việc chấm dứt hoạt động dự án đầu tư.</li> </ul>	
274	1.009772	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư		
<b>IV.</b>	<b>Lĩnh vực Thương mại quốc tế</b>			
275	2.000063	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký.</li> <li>- Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài.</li> <li>- Văn bản của thương nhân nước ngoài cử/bổ nhiệm người đứng đầu Văn phòng đại diện.</li> <li>- Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa</li> </ul>	

Số TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
276	2.000347	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	<p>vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu Văn phòng đại diện.</li> <li>- Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện.</li> </ul>	
277	2.000327	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký.</li> <li>- Trường hợp thay đổi người đứng đầu của Văn phòng đại diện: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản của thương nhân nước ngoài cử/bỏ nhiệm người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện.</li> <li>+ Hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện.</li> </ul> </li> <li>- Trường hợp thay đổi nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện, thay đổi địa chỉ đặt trụ sở của Văn phòng đại diện trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc trong khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý: Biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm đề đặt trụ sở Văn phòng đại diện; tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện.</li> </ul>	



Số TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
278	2.000450	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký.</li> <li>- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện gửi Cơ quan cấp Giấy phép nơi chuyển đi theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 36 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP.</li> <li>- Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện nơi chuyển đến theo quy định tại Điểm e khoản 1 Điều 10 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP.</li> </ul>	
279	2.000314	Chấm dứt hoạt động của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền của cơ quan cấp Giấy phép.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 35 Nghị định 07/2016/NĐ-CP.</li> <li>- Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội.</li> <li>- Danh sách người lao động và quyền lợi tương ứng hiện hành của người lao động.</li> </ul>	
<b>V.</b>	<b>Lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam</b>			
280	1.009972	Thẩm định báo nghiên cứu khả thi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.</li> <li>- Quyết định phê duyệt nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi.</li> <li>* (Số hóa kết quả: Kết quả thẩm định)</li> </ul>	
281	1.0099974	- Thủ tục cấp Giấy phép xây dựng đối với công trình Cấp I, Cấp II	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép xây dựng.</li> <li>- Quyết định phê duyệt dự án.</li> <li>- Quyết định phê duyệt thiết kế.</li> <li>- Thông báo kết quả thẩm định thiết kế.</li> <li>* (Số hóa kết quả: Giấy phép xây dựng)</li> </ul>	
282	1.009994	- Thủ tục cấp Giấy phép xây dựng đối với công trình Cấp III, Cấp IV	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép xây dựng.</li> <li>- Quyết định phê duyệt dự án.</li> <li>- Quyết định phê duyệt thiết kế.</li> <li>- Thông báo kết quả thẩm định thiết kế.</li> <li>* (Số hóa kết quả: Giấy phép xây dựng)</li> </ul>	

Số TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
283	1.009975	Thủ tục cấp Giấy phép sửa chữa cải tạo đối với công trình cấp I, cấp II	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép sửa chữa cải tạo.</li> <li>- Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật.</li> <li>- Quyết định phê duyệt thiết kế.</li> <li>- Thông báo kết quả thẩm định thiết kế.</li> <li>* (Số hóa kết quả: Giấy phép xây dựng sửa chữa cải tạo)</li> </ul>	
284	1.009995	Thủ tục cấp Giấy phép sửa chữa cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép sửa chữa cải tạo.</li> <li>- Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật.</li> <li>- Quyết định phê duyệt thiết kế.</li> <li>- Thông báo kết quả thẩm định thiết kế.</li> <li>* (Số hóa kết quả: Giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình)</li> </ul>	
285	1.009997	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép xây dựng.</li> <li>- Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật điều chỉnh.</li> <li>- Quyết định phê duyệt thiết kế điều chỉnh.</li> <li>- Thông báo kết quả thẩm định thiết kế.</li> <li>* (Số hóa kết quả: Giấy phép xây dựng điều chỉnh)</li> </ul>	
286	1.009998	Thủ tục Gia hạn Giấy phép xây dựng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép xây dựng</li> </ul>	
<b>VI. Lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình</b>				
287	1.009794	Thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo hoàn thành thi công.</li> <li>- Báo cáo hoàn thành công tác giám sát.</li> <li>- Danh mục hồ sơ hoàn thành công trình theo quy định tại Phụ lục VIb Nghị định số 06/2021/NĐ-CP</li> <li>* (Số hóa kết quả: Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng)</li> </ul>	

## VIII. NGÀNH VĂN HÓA – THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Sst	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			

Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
A	<b>LĨNH VỰC VĂN HÓA</b>			
A1	<b>Lĩnh vực Di sản văn hóa</b>			
288	2.001631	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị đăng ký;</li> <li>- Giấy chứng nhận (Kết quả).</li> </ul>	
289	1.003838	Thủ tục cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp phép;</li> <li>- Đề án nghiên cứu;</li> <li>- Quyết định (Kết quả).</li> </ul>	
290	2.001613	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị xác nhận đủ điều kiện được cấp phép;</li> <li>- Đề án hoạt động bảo tàng;</li> <li>- Văn bản xác nhận (Kết quả).</li> </ul>	
291	1.003793	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị xác nhận đủ điều kiện được cấp phép;</li> <li>- Đề án hoạt động bảo tàng;</li> <li>- Quyết định của Chủ tịch UBND (Kết quả).</li> </ul>	
292	2.001591	Thủ tục cấp giấy phép khai quật khảo cổ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp phép khai quật;</li> <li>- Sơ đồ tỉ lệ 1:500</li> <li>- Văn bản đề nghị cấp phép thăm dò;</li> <li>- Quyết định của Chủ tịch UBND (Kết quả).</li> </ul>	
293	1.003738	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề</li> <li>- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn nơi cư trú;</li> <li>- Chứng chỉ hành nghề (Kết quả).</li> </ul>	
294	1.003646	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị công nhận bảo vật quốc gia;</li> <li>- Bản thuyết minh hiện vật, tài liệu khác có liên quan.</li> <li>- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Kết quả).</li> </ul>	
295	1.003835	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị thẩm định và làm thủ tục đề nghị công nhận;</li> <li>- Bản thuyết minh hiện vật, các tài liệu khác có liên quan;</li> <li>- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Kết quả)</li> </ul>	

Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
296	1.001106	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị;</li> <li>- Danh sách kèm theo lý lịch khoa học</li> <li>- Danh mục trang thiết bị, phương tiện để thực hiện;</li> <li>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện (Kết quả).</li> </ul>	
297	1.001123	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị;</li> <li>- Bản chính giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật đã được cấp;</li> <li>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật</li> </ul>	
298	1.001822	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị;</li> <li>- Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích (Kết quả).</li> </ul>	
299	1.002003	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị;</li> <li>- Bản chính chứng chỉ hành nghề đã cấp;</li> <li>- Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích (Kết quả).</li> </ul>	
300	1.003901	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị;</li> <li>- Danh sách người được cấp chứng chỉ;</li> <li>- Giấy chứng nhận hành nghề tu bổ di tích (Kết quả).</li> </ul>	
301	2.001641	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị;</li> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận hành nghề đã được ghi nhận;</li> <li>- Giấy chứng nhận hành nghề tu bổ di tích (Kết quả).</li> </ul>	
A2	<b>Lĩnh vực Điện ảnh</b>			
302	1.011454	Thủ tục cấp Giấy phép phân loại phim	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị;</li> <li>- Bản phim hoàn chỉnh;</li> <li>- Bản thuyết minh phim bằng Tiếng Việt đối với phim nước ngoài;</li> <li>- Giấy phép phân loại phim (Kết quả).</li> </ul>	
A3	<b>Lĩnh vực Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm</b>			

Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Chi chú
303	1.001833	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề án tổ chức, thể lệ cuộc thi;</li> <li>- Văn bản trả lời (Kết quả).</li> </ul>	
304	1.001809	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị;</li> <li>- Danh sách tác phẩm, tác giả;</li> <li>- Văn bản của chủ địa điểm (triển lãm ngoài trời);</li> <li>- Giấy mời hoặc văn bản thỏa thuận (trường hợp triển lãm nước ngoài);</li> <li>- Văn bản trả lời (Kết quả).</li> </ul>	
305	1.001778	Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp phép;</li> <li>- Giấy phép (Kết quả).</li> </ul>	
306	1.001755	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp phép;</li> <li>- Quyết định chọn mẫu phác thảo;</li> <li>- Các thành phần khác theo quy định;</li> <li>- Giấy phép (Kết quả).</li> </ul>	
307	1.001738	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trải sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị;</li> <li>- Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;</li> <li>- Giấy phép (Kết quả).</li> </ul>	
308	1.001704	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị;</li> <li>- Danh sách tác phẩm bằng tiếng Việt;</li> <li>- Văn bản xác nhận địa điểm (đối với triển lãm không phải là nhà triển lãm);</li> <li>- Văn bản thỏa thuận (đối với triển lãm nhiếp ảnh ngoài trời);</li> <li>- Giấy phép (Kết quả).</li> </ul>	
309	1.001671	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị;</li> <li>- Danh sách tác phẩm bằng tiếng Việt;</li> <li>- Văn bản thỏa thuận (đối với triển lãm nhiếp ảnh ngoài trời);</li> </ul>	

Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
310	1.001229	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy phép (Kết quả).</li> <li>- Đơn đề nghị;</li> <li>- Danh sách tác phẩm, hiện vật;</li> <li>- Văn bản thỏa thuận hoặc thư mời;</li> <li>- Giấy phép (Kết quả).</li> </ul>	
311	1.001211	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị;</li> <li>- Danh sách tác phẩm, hiện vật;</li> <li>- Văn bản thỏa thuận địa điểm;</li> <li>- Phương án đảm bảo các điều kiện;</li> <li>- Giấy phép (Kết quả).</li> </ul>	
312	1.001191	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy phép đã được cấp;</li> <li>- Đơn đề nghị;</li> <li>- Danh sách tác phẩm, hiện vật;</li> <li>- Giấy phép (Kết quả).</li> </ul>	
313	1.001182	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy phép đã được cấp;</li> <li>- Đơn đề nghị;</li> <li>- Danh sách tác phẩm, hiện vật;</li> <li>- Giấy phép (Kết quả).</li> </ul>	
314	1.001147	Thủ tục thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo tổ chức triển lãm;</li> <li>- Trường hợp không đồng ý thì có văn bản trả lời (Kết quả).</li> </ul>	
<b>A4</b>	<b>Lĩnh vực Nghệ thuật biểu diễn</b>			
315	1.009397	Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị;</li> <li>- Kịch bản, danh mục tác phẩm;</li> <li>- Văn bản chấp thuận (Kết quả).</li> </ul>	
316	1.009398	Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị;</li> <li>- Đề án tổ chức cuộc thi, liên hoan;</li> </ul>	

Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
		chuyên ngành và nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	- Văn bản chấp thuận (Kết quả).	
317	1.009399	Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị;</li> <li>- Đề án tổ chức cuộc thi;</li> <li>- Văn bản chấp thuận (Kết quả).</li> </ul>	
318	1.009403	Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai về việc ra nước ngoài dự thi;</li> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp số 1;</li> <li>- Văn bản xác nhận (Kết quả).</li> </ul>	
<b>A5</b>	<b>Lĩnh vực Văn hóa, Quảng cáo</b>			
319	1.003676	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đăng ký;</li> <li>- Phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội, PCCN;</li> <li>- Các tài liệu khác có liên quan;</li> <li>- Văn bản chấp thuận hoặc văn bản trả lời nếu không chấp thuận (Kết quả).</li> </ul>	
320	1.003654	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên lễ hội, sự cần thiết tổ chức;</li> <li>- Các hoạt động trong lễ hội;</li> <li>- Dự kiến thành phần;</li> <li>- Các phương án đảm bảo;</li> <li>- Văn bản chấp thuận hoặc văn bản trả lời nếu không chấp thuận (Kết quả).</li> </ul>	
321	1.001029	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp phép;</li> <li>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự</li> <li>- Giấy phép (Kết quả).</li> </ul>	
322	1.001008	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp phép;</li> <li>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự</li> <li>- Giấy phép (Kết quả).</li> </ul>	

Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
323	1.000963	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị điều chỉnh;</li> <li>- Giấy phép đã cấp;</li> <li>- Giấy phép điều chỉnh (Kết quả).</li> </ul>	
324	1.000922	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị điều chỉnh;</li> <li>- Giấy phép đã cấp;</li> <li>- Giấy phép điều chỉnh (Kết quả).</li> </ul>	
325	1.004650	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản thông báo;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh sự hợp quy hợp chuẩn của sản phẩm quảng cáo;</li> <li>- Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng bảng quảng cáo;</li> <li>- Giấy phép xây dựng công trình quảng cáo;</li> <li>- Văn bản trả lời (Kết quả).</li> </ul>	
326	1.004645	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản thông báo;</li> <li>- Văn bản trả lời (Kết quả).</li> </ul>	
327	1.004639	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép;</li> <li>- Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương chứng minh;</li> <li>- Bản phiên dịch các giấy tờ đã cung cấp bằng tiếng Việt;</li> <li>- Giấy phép (Kết quả).</li> </ul>	
328	1.004666	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy phép (Kết quả).</li> </ul>	
329	1.004662	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị sửa đổi;</li> <li>- Giấy phép đã được cấp;</li> <li>- Giấy phép (Kết quả).</li> </ul>	
A6	<b>Lĩnh vực Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa</b>			



Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
330	1.003784	Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị;</li> <li>- Giấy chứng nhận bản quyền tác giả;</li> <li>- Văn đơn hoặc giấy báo nhận hàng;</li> <li>- Giấy phép nhập khẩu VHP (Kết quả).</li> </ul>	Sửa đổi
331	1.003743	Thủ tục giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức cấp tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị;</li> <li>- Văn hóa phẩm đề nghị giám định;</li> <li>- Tài liệu chứng minh nguồn gốc có liên quan;</li> <li>- Biên bản giám định và niêm phong VHP (Kết quả).</li> </ul>	
332	2.001496	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị;</li> <li>- Hình ảnh tác phẩm nhập khẩu;</li> <li>- Văn bản phê duyệt (Kết quả).</li> </ul>	
333	1.003560	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị nhập khẩu;</li> <li>- Bản mô tả nội dung, hình ảnh;</li> <li>- Văn bản chấp thuận (Kết quả).</li> </ul>	
A7	<b>Lĩnh vực Thư viện</b>			
334	1.008895	Thủ tục thông báo thành lập thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định thành lập (thư viện ngoài công lập);</li> <li>- Thông báo thành lập thư viện và tài liệu chứng minh đủ điều kiện thành lập (Thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài);</li> <li>- Văn bản trả lời (Kết quả).</li> </ul>	
335	1.008896	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc văn bản thông báo;</li> <li>- Văn bản trả lời (Kết quả).</li> </ul>	
336	1.008897	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc văn bản thông báo;</li> <li>- Văn bản trả lời (Kết quả).</li> </ul>	
<b>B</b>	<b>LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO</b>			

Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
337	1.002445	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị;</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình các điều kiện kinh doanh;</li> <li>- Giấy chứng nhận (Kết quả).</li> </ul>	
338	1.002396	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị;</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình các điều kiện kinh doanh;</li> <li>- Giấy chứng nhận (Kết quả).</li> </ul>	
339	1.003441	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị;</li> <li>- Giấy chứng nhận đã được cấp;</li> <li>- Tài liệu chứng minh sự thay đổi;</li> <li>- Giấy chứng nhận (Kết quả).</li> </ul>	
340	1.000983	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị;</li> <li>- Giấy chứng nhận đã được cấp;</li> <li>- Giấy chứng nhận (Kết quả).</li> </ul>	
341	1.002022	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin đăng cai;</li> <li>- Điều lệ giải;</li> <li>- Chương trình thi đấu;</li> <li>- Quyết định hành chính (Kết quả).</li> </ul>	
342	1.002013	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin đăng cai;</li> <li>- Điều lệ giải;</li> <li>- Chương trình thi đấu;</li> <li>- Quyết định hành chính (Kết quả).</li> </ul>	
343	1.001782	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin đăng cai;</li> <li>- Điều lệ giải;</li> <li>- Chương trình thi đấu;</li> <li>- Quyết định hành chính (Kết quả).</li> </ul>	
344	1.000953	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện;</li> <li>- Giấy chứng nhận (Kết quả).</li> </ul>	

Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
345	1.000936	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện;</li> <li>- Giấy chứng nhận (Kết quả).</li> </ul>	
346	1.000920	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện;</li> <li>- Giấy chứng nhận (Kết quả).</li> </ul>	
347	1.001195	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện;</li> <li>- Giấy chứng nhận (Kết quả).</li> </ul>	
348	1.000904	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện;</li> <li>- Giấy chứng nhận (Kết quả).</li> </ul>	
349	1.000883	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện;</li> <li>- Giấy chứng nhận (Kết quả).</li> </ul>	
350	1.000863	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện;</li> <li>- Giấy chứng nhận (Kết quả).</li> </ul>	
351	1.000847	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện;</li> <li>- Giấy chứng nhận (Kết quả).</li> </ul>	
352	1.000830	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện;</li> <li>- Giấy chứng nhận (Kết quả).</li> </ul>	
353	1.000814	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện;</li> <li>- Giấy chứng nhận (Kết quả).</li> </ul>	
354	1.000644	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện;</li> </ul>	

Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận (Kết quả).</li> </ul>	
355	1.000842	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện;</li> <li>- Giấy chứng nhận (Kết quả).</li> </ul>	
356	1.005163	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện;</li> <li>- Giấy chứng nhận (Kết quả).</li> </ul>	
357	2.002188	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện;</li> <li>- Giấy chứng nhận (Kết quả).</li> </ul>	
358	1.000594	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện;</li> <li>- Giấy chứng nhận (Kết quả).</li> </ul>	
359	1.000560	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện;</li> <li>- Giấy chứng nhận (Kết quả).</li> </ul>	
360	1.000544	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện;</li> <li>- Giấy chứng nhận (Kết quả).</li> </ul>	
361	1.001213	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện;</li> <li>- Giấy chứng nhận (Kết quả).</li> </ul>	
362	1.000518	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện;</li> <li>- Giấy chứng nhận (Kết quả).</li> </ul>	
363	1.000501	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện;</li> <li>- Giấy chứng nhận (Kết quả).</li> </ul>	

Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
364	1.000485	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện;</li> <li>- Giấy chứng nhận (Kết quả).</li> </ul>	
365	1.005357	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện;</li> <li>- Giấy chứng nhận (Kết quả).</li> </ul>	
366	1.001801	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện;</li> <li>- Giấy chứng nhận (Kết quả).</li> </ul>	
367	1.001500	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện;</li> <li>- Giấy chứng nhận (Kết quả).</li> </ul>	
368	1.005162	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện;</li> <li>- Giấy chứng nhận (Kết quả).</li> </ul>	
369	1.001517	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện;</li> <li>- Giấy chứng nhận (Kết quả).</li> </ul>	
370	1.001527	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện;</li> <li>- Giấy chứng nhận (Kết quả).</li> </ul>	
371	1.001056	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện;</li> <li>- Giấy chứng nhận (Kết quả).</li> </ul>	
<b>C</b>	<b>LĨNH VỰC DU LỊCH</b>			
372	1.004528	Thủ tục công nhận điểm du lịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị công nhận;</li> <li>- Bản thuyết minh về điều kiện công nhận;</li> <li>- Quyết định công nhận (Kết quả).</li> </ul>	
373	2.001628	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép;</li> </ul>	

Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận ký quỹ;</li> <li>- Quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng;</li> <li>- Bảng tốt nghiệp các chuyên ngành có liên quan;</li> <li>- Giấy phép (Kết quả).</li> </ul>	
374	2.001616	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại;</li> <li>- Giấy phép (Kết quả).</li> </ul>	
375	2.001622	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp đổi;</li> <li>- Giấy phép đã cấp;</li> <li>- Giấy phép (Kết quả).</li> </ul>	
376	2.001611	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo chấm dứt hoạt động;</li> <li>- Giấy phép đã cấp (bản chính);</li> <li>- Quyết định thu hồi (Kết quả).</li> </ul>	
377	2.001589	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo chấm dứt hoạt động;</li> <li>- Giấy phép đã cấp (bản chính);</li> <li>- Quyết định giải thể;</li> <li>- Quyết định thu hồi (Kết quả).</li> </ul>	
378	1.003742	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định của Tòa án;</li> <li>- Giấy phép đã cấp (bản chính);</li> <li>- Quyết định thu hồi (Kết quả).</li> </ul>	
379	1.001837	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo chấm dứt hoạt động;</li> <li>- Danh sách chủ nợ và số nợ;</li> <li>- Danh sách người lao động và quyền lợi;</li> <li>- Giấy phép thành lập Văn phòng;</li> <li>- Thông báo (Kết quả).</li> </ul>	
380	1.001440	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị;</li> <li>- Thẻ hướng dẫn viên du lịch (Kết quả).</li> </ul>	

Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
381	1.004605	Thủ tục cấp giấy chứng nhận khóa cấp nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký;</li> <li>- Giấy chứng nhận cấp nhật khóa học (Kết quả).</li> </ul>	
382	1.003717	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lưu hành nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị;</li> <li>- Văn bản cử/bỏ nhiệm người đứng đầu Văn phòng;</li> <li>- Hộ chiếu chứng minh hoặc căn cước công dân;</li> <li>- Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt;</li> <li>- Các hồ sơ phải dịch ra tiếng Việt nếu là bản nước ngoài;</li> <li>- Giấy phép (Kết quả).</li> </ul>	
383	1.003240	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lưu hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập trụ sở của Văn phòng đại diện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại;</li> <li>- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động;</li> <li>- Giấy phép đã được cấp;</li> <li>- Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt;</li> <li>- Giấy phép (Kết quả).</li> </ul>	
384	1.003275	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lưu hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị;</li> <li>- Giấy phép (Kết quả).</li> </ul>	
385	1.005161	Thủ tục điều chỉnh giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lưu hành nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị;</li> <li>- Các tài liệu chứng minh về nội dung thay đổi;</li> <li>- Giấy phép đã được cấp;</li> <li>- Giấy phép (Kết quả).</li> </ul>	
386	1.003002	Thủ tục gia hạn giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lưu hành nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị gia hạn;</li> <li>- Giấy phép đã được cấp;</li> <li>- Giấy phép (Kết quả).</li> </ul>	
387	1.004628	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp thẻ;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh về trình độ, nghiệp vụ;</li> </ul>	

Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
388	1.004623	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ chứng minh về trình độ, ngoại ngữ;</li> <li>- Chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận ngoại ngữ;</li> <li>- Thẻ hướng dẫn viên (Kết quả).</li> <li>- Đơn đề nghị cấp thẻ;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh về trình độ, nghiệp vụ;</li> <li>- Thẻ hướng dẫn viên (Kết quả).</li> </ul>	
389	1.001432	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp đổi thẻ;</li> <li>- Giấy chứng nhận đã qua khóa cập nhật kiến thức;</li> <li>- Thẻ hướng dẫn viên (Kết quả).</li> </ul>	
390	1.004614	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp đổi thẻ;</li> <li>- Giấy tờ liên quan đến việc cấp lại thẻ;</li> <li>- Thẻ hướng dẫn viên (Kết quả).</li> </ul>	
391	1.003490	Thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị công nhận;</li> <li>- Bản thuyết minh về điều kiện;</li> <li>- Quyết định (Kết quả).</li> </ul>	
392	1.004551	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp biên hiệu;</li> <li>- Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn;</li> <li>- Quyết định (Kết quả).</li> </ul>	
393	1.004503	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp biên hiệu;</li> <li>- Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn;</li> <li>- Quyết định (Kết quả).</li> </ul>	
394	1.001455	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp biên hiệu;</li> <li>- Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn;</li> <li>- Quyết định (Kết quả).</li> </ul>	
395	1.004580	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp biên hiệu;</li> <li>- Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn;</li> <li>- Quyết định (Kết quả).</li> </ul>	
396	1.004572	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp biên hiệu;</li> <li>- Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn;</li> </ul>	



Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
397	1.004594	Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định (Kết quả).</li> <li>- Đơn đề nghị công nhận;</li> <li>- Bản tự đánh giá chất lượng;</li> <li>- Danh sách người quản lý và nhân viên;</li> <li>- Văn bản chứng chỉ có liên quan;</li> <li>- Quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú (Kết quả).</li> </ul>	
II	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN</b>			
A	<b>LĨNH VỰC VĂN HÓA</b>			
A1	<b>Lĩnh vực Văn hóa</b>			
398	1.000903	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện cấp)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị;</li> <li>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự;</li> <li>- Giấy phép (Kết quả).</li> <li>- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019).</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.</li> <li>- Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke đã được cấp.</li> <li>- Kết quả: Giấy phép kinh doanh karaoke.</li> </ul>	
399	1.000831	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện cấp)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các tài liệu hoặc văn bản chứng minh về nguồn gốc lễ hội (đối với lễ hội truyền thống).</li> <li>- Văn bản đăng ký nêu rõ tên lễ hội, sự cần thiết, thời gian, địa điểm, quy mô, nội dung hoạt động lễ hội, dự kiến thành phần số lượng khách mời</li> <li>- Phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường.</li> <li>- Dự kiến thành phần Ban tổ chức lễ hội.</li> </ul>	
400	1.003645	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp huyện		

Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
401	1.003635	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp huyện	<p>- Kết quả: Văn bản của UBND thành phố về việc chấp thuận tổ chức lễ hội cấp huyện.</p> <p>- Văn bản thông báo tổ chức lễ hội gồm các nội dung:            (1) Tên lễ hội, sự cần thiết về việc tổ chức lễ hội; (2) Thời gian, địa điểm, quy mô và các hoạt động của lễ hội; (3) Dự kiến thành phần, số lượng khách mời; (4) Dự kiến thành phần Ban tổ chức lễ hội; (5) Phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường.</p> <p>- Kết quả: Văn bản của UBND thành phố về việc thông báo tổ chức lễ hội cấp huyện.</p>	
A2	Thư viện			
402	1.008898	Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	<p>* Đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập:</p> <p>- <b>Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc thông báo thành lập thư viện theo Mẫu M01C Thông báo thành lập thư viện của</b>            cơ quan, tổ chức, đơn vị, cơ sở giáo dục, ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>+ <b>Đối với thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng:</b></p> <p>- Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc thông báo thành lập thư viện theo Mẫu M01A Thông báo thành lập thư viện cộng đồng/thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>	

Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu chứng minh đủ điều kiện thành lập quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Thư viện số 46/2019/QH14.</li> </ul>	
403	1.008899	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện (Mẫu M02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).</li> </ul>	
404	1.008900	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện theo Mẫu M03. Thông báo giải thể/chấm dứt hoạt động thư viện ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> </ul>	
<b>III</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ</b>			
<b>A</b>	<b>LĨNH VỰC VĂN HÓA</b>			
<b>A1</b>	<b>Văn hóa</b>			
405	1.003622	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên lễ hội, sự cần thiết tổ chức;</li> <li>- Các hoạt động trong lễ hội;</li> <li>- Dự kiến thành phần;</li> <li>- Các phương án đảm bảo;</li> <li>- Văn bản chấp thuận hoặc văn bản trả lời nếu không chấp thuận (Kết quả).</li> </ul>	
<b>A2</b>	<b>Thư viện</b>			
406	1.008901	Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo thành lập thư viện;</li> <li>- Tài liệu chứng minh đủ điều kiện thành lập;</li> <li>- Văn bản trả lời (Kết quả).</li> </ul>	
407	1.008902	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định hoặc thông báo sáp nhập/hợp nhất/chia tách thư viện;</li> <li>- Văn bản trả lời (Kết quả).</li> </ul>	

Sst	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
408	1.008903	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	- Quyết định hoặc thông báo sát nhập/hợp nhất/chia tách thư viện; - Văn bản trả lời (Kết quả).	
A4	<b>Lĩnh vực Gia đình</b>			
409	1.012084	Thủ tục cam tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch UBND cấp xã (Chủ tịch UBND cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã) theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân.	- Đơn đề nghị cam tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch UBND cấp xã (theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật phòng, chống bạo lực gia đình. - Đơn đề nghị hủy bỏ Quyết định cam tiếp xúc (theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Nghị định 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật phòng, chống bạo lực gia đình).	
410	1.012085	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cam tiếp xúc theo đơn đề nghị.		
B	<b>THỂ DỤC THỂ THAO</b>			
411	2.000794	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	- Quyết định thành lập; - Danh sách Ban chủ nhiệm, hội viên; - Địa điểm luyện tập; - Quy chế hoạt động; - Quyết định hành chính (Kết quả).	

## IX. NGÀNH THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Số stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
A.	<b>TTHC CẤP TỈNH</b>			
I.	<b>Lĩnh vực Báo chí</b>			
412	1.003888	Chấp thuận trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên	Đơn đề nghị theo mẫu Nội dung thông tin, tranh, ảnh dự kiến trưng bày	

Số t#	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa		Ghi chú
		ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài			
413	1.009374	Cấp giấy phép xuất bản bản tin		<p>Tờ khai đề nghị cấp giấy phép xuất bản bản tin</p> <p>Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý hoặc bản sao kèm bản chính đề đổi chiếu quyết định thành lập, giấy phép thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương.</p> <p>Sơ yếu lý lịch của người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin.</p> <p>Mẫu trình bày tên gọi của bản tin có xác nhận của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép và bản dịch tiếng việt được công chứng (đối với tên gọi bản tin thể hiện bằng tiếng nước ngoài).</p> <p>Văn bản đề nghị thay đổi của cơ quan, tổ chức</p> <p>Sơ yếu lý lịch của người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin (đối với trường hợp thay đổi người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin).</p> <p>Mẫu trình bày tên gọi bản tin có xác nhận của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép và bản dịch tiếng việt được công chứng đối với trường hợp tên gọi bản tin thể hiện bằng tiếng nước ngoài</p> <p>Văn bản của cơ quan, tổ chức, cá nhân xin hợp báo</p>	
415	2.001171	Cho phép hợp báo trong nước			
416	2.001173	Cho phép hợp báo nước ngoài			
<b>II. Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành</b>					
			Đơn đề nghị cấp giấy phép		
417	1.003868	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh		Hai (02) bản thảo tài liệu in trên giấy có đóng dấu của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản tại trang đầu và giáp lai giữa các trang bản thảo; hoặc 01 (một) bản thảo lưu trong thiết bị lưu trữ điện tử với định dạng không cho phép can thiệp, sửa đổi; trường hợp tài liệu không kinh doanh xuất bản dưới dạng điện tử thì nộp (01) bản thảo điện tử có chữ ký số của thủ trưởng cơ quan, tổ chức đề nghị cấp phép xuất bản	
418	2.001594		Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm theo mẫu quy định		

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<p>Bản sao có chứng thực một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập cơ sở in</p> <p>Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở in theo mẫu quy định</p> <p>Tài liệu chứng minh về việc có mặt bằng sản xuất và thiết bị để thực hiện một trong các công đoạn chế bản in, in và gia công sau in xuất bản phẩm</p> <p>Bản sao chứng thực văn bằng do cơ sở đào tạo chuyên ngành in cấp hoặc giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý hoạt động in xuất bản phẩm do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp (trường hợp cơ sở in chưa có văn bằng, chứng chỉ về nghiệp vụ in làm cam kết trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép hoạt động in người đứng đầu cơ sở in phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của điểm a, khoản 1, điều 32 của Luật Xuất bản năm 2012 và phải nộp bản sao công chứng cho cơ quan cấp giấy phép)</p> <p>Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh - trật tự; vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật</p>	
419	2.001584	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Đơn đề nghị cấp lại giấy phép	
420	1.003729	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Bản chính giấy phép bị hư hỏng hoặc bản sao giấy phép (nếu có) trong trường hợp bị mất	
			Đơn đề nghị cấp đổi giấy phép	
			Bản chính giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	
			Đơn đề nghị cấp giấy phép in gia công cho tổ chức, cá nhân nước ngoài	
			Hai bản mẫu xuất bản phẩm đặt in	
			Bản sao có chứng thực giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	
421	2.001564	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài	Bản sao chứng thực hợp đồng in gia công xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài; trường hợp hợp đồng bằng tiếng nước ngoài thì phải kèm theo bản dịch tiếng Việt	
			Bản sao hộ chiếu còn thời hạn sử dụng của người đặt in hoặc giấy ủy quyền, giấy chứng minh nhân dân/căn cước công dân của người được ủy quyền đặt in	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
422	1.003725	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh Danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu không kinh doanh	
423	1.003483	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm	Đơn đề nghị cấp giấy phép trong đó ghi rõ mục đích, thời gian, địa điểm và tên các đơn vị tham gia triển lãm, hội chợ Danh mục xuất bản phẩm để triển lãm, hội chợ theo mẫu quy định	
424	1.003114	Cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	Đơn đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm Đơn đăng ký lại hoạt động phát hành xuất bản phẩm Bản sao (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu) hoặc bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh được phép thương trú tại Việt Nam của người đứng đầu cơ sở phát hành do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp Bản sao (xuất trình kèm bản chính để đối chiếu) hoặc bản sao có chứng thực văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ về phát hành xuất bản phẩm của người đứng đầu cơ sở phát hành do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng chuyên ngành phát hành xuất bản phẩm cấp	
425	1.008201	Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	Đơn đăng ký lại hoạt động phát hành xuất bản phẩm Bản sao (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu) hoặc bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh được phép thương trú tại Việt Nam của người đứng đầu cơ sở phát hành do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp Bản sao (xuất trình kèm bản chính để đối chiếu) hoặc bản sao có chứng thực văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ về phát hành xuất bản phẩm của người đứng đầu cơ sở phát hành do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng chuyên ngành phát hành xuất bản phẩm cấp	
426	1.004153	Cấp giấy phép hoạt động in	Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động in	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
427	2.001744	Cấp lại giấy phép hoạt động in	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký thuế, quyết định thành lập cơ sở in đối với cơ sở in sự nghiệp công lập Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động in Các giấy tờ chứng minh sự thay đổi trong các trường hợp cụ thể như: Tên gọi của cơ sở in; địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh của cơ sở in; loại hình tổ chức hoạt động của cơ sở in; thành lập hoặc giải thể chi nhánh của cơ sở in và người đứng đầu cơ sở in Giấy phép hoạt động in (trường hợp giấy phép bị hư hỏng)	
428	2.001740	Xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in	Tờ khai đăng ký hoạt động in	
429	2.001737	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in	Tờ khai thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in	
III.		<b>Lĩnh vực Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử</b>		
430	2.001098	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Đơn đề nghị cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (theo Mẫu số 23 kèm theo thủ tục này) Bản sao hợp lệ bao gồm bản sao được cấp từ số gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao đối chiếu với bản gốc một trong các loại giấy tờ: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định thành lập (hoặc bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác được cấp trước ngày có hiệu lực của Luật đầu tư số 67/2014/QH13 và Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13); Điều lệ hoạt động (đối với các tổ chức hội, đoàn thể) Đề án hoạt động có chữ ký, dấu của người đứng đầu tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép, bao gồm các nội dung chính: Mục đích cung cấp thông tin; nội dung thông tin, các chuyên Mục dự kiến; nguồn tin chính thức, bản in trang chủ và các trang chuyên Mục chính; phương án nhân sự, kỹ thuật, quản lý thông tin, tài chính bảo đảm hoạt động của trang thông tin điện tử tổng hợp	



Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa		Ghi chú
				phù hợp với các quy định tại điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ Khoản 5 Điều 23 Nghị định 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 và khoản 1, khoản 2, Điều 2, Nghị định số 150/2018/NĐ-CP của Chính phủ; thông tin địa điểm đặt hệ thống máy chủ tại Việt Nam	
				Văn bản chấp thuận của các tổ chức cung cấp nguồn tin để đảm bảo tính hợp pháp của nguồn tin	
431	2.001087	Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp		Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép (văn bản đề nghị phải nêu rõ số giấy phép, ngày cấp của giấy phép đã cấp và lý do đề nghị cấp lại giấy phép)	
				Trường hợp giấy phép bị hư hỏng thì phải gửi kèm theo bản giấy phép bị hư hỏng	
				Văn bản đề nghị (nêu rõ nội dung, lý do cần sửa đổi, bổ sung)	
432	1.005452	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp		Các tài liệu chứng minh có liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung để trình cho cơ quan cấp giấy phép	
433	2.001091	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp		Văn bản đề nghị gia hạn (nêu rõ thời gian gia hạn)	
				Tờ khai đăng ký theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định	
				Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu các loại giấy tờ sau: Giấy phép thành lập hoặc văn bản pháp lý tương đương đối với các tổ chức quy định tại Khoản 2 Điều 29 Nghị định này; Thẻ thương trú hoặc giấy tờ pháp lý tương đương đối với hộ gia đình, cá nhân người nước ngoài quy định tại Khoản 3 Điều 29 Nghị định này; Văn bản đăng ký hoạt động của khách sạn quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 29 Nghị định này; Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đối với doanh nghiệp quy định tại Khoản 6 Điều 29 Nghị định này	
434	2.001765	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh		Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bản thuê, mượn địa điểm lắp đặt thiết bị trong trường hợp thiết bị không được lắp đặt tại địa điểm ghi trong Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Thẻ thương trú, Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
435	1.003384	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tin hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Văn bản đề nghị nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung Đổi với trường hợp thay đổi địa điểm lắp đặt, cần có bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc đề đổi chiếu văn bản chứng minh quyền sở hữu, thuê, mượn địa điểm mới	
436	2.001766	Thông báo thay đổi chủ sở hữu, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Thông báo thay đổi chủ sở hữu; địa chỉ trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, nội dung bao gồm: Tên tổ chức, doanh nghiệp; số giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp; những nội dung thay đổi	
437	2.001681	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp trò chơi điện tử G1 trên mạng do chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần góp vốn từ 30% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp trò chơi điện tử G1 trên mạng do chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần góp vốn từ 30% vốn điều lệ trở lên, bao gồm: Tên doanh nghiệp, số giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng; những nội dung thay đổi	
438	1.000067	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4, bao gồm: Tên doanh nghiệp; số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng; những nội dung thay đổi	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4, bao gồm: Tên doanh nghiệp; số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng; những nội dung thay đổi	

Số t	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
		30% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng		
439	2.001684	Thông báo thay đổi địa chỉ trụ sở chính, văn phòng giao dịch, địa chỉ đặt hoặc cho thuê máy chủ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng	Thông báo thay đổi trụ sở chính, văn phòng giao dịch, địa chỉ đặt hoặc cho thuê máy chủ bao gồm các nội dung: Tên doanh nghiệp, số giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng; những nội dung thay đổi.	
440	1.000073	Thông báo thay đổi phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng đã được phê duyệt	Thông báo thay đổi phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 đã được phê duyệt, bao gồm các nội dung: Tên doanh nghiệp; số giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng; những nội dung thay đổi	
441	2.001666	Thông báo thay đổi tên miền khi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên trang thông tin điện tử (trên Internet), kênh phân phối trò chơi (trên mạng viễn thông di động); thẻ loại trò chơi (G2, G3, G4); thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	Thông báo thay đổi tên miền khi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên trang thông tin điện tử (trên Internet), kênh phân phối trò chơi (trên mạng viễn thông di động); thẻ loại trò chơi (G2, G3, G4); thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng; những nội dung thay đổi	
<b>IV.</b>	<b>Lĩnh vực Bưu chính</b>			
442	1.003659	Cấp giấy phép bưu chính	<p>Giấy đề nghị cấp giấy phép bưu chính</p> <p>Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</p> <p>Điều lệ của doanh nghiệp (nếu có)</p> <p>Phương án kinh doanh</p> <p>Mẫu hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính</p>	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<p>Mẫu biểu trưng, nhãn hiệu, ký hiệu đặc thù hoặc các yếu tố thuộc hệ thống nhận diện của doanh nghiệp được thể hiện trên bưu gửi (nếu có)</p> <p>Bảng giá cước dịch vụ bưu chính phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ bưu chính công bố áp dụng phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính</p> <p>Quy định về mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp phát sinh thiệt hại, quy trình giải quyết khiếu nại của khách hàng, thời hạn giải quyết khiếu nại phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính</p> <p>Thỏa thuận với doanh nghiệp khác, đối tác nước ngoài bằng tiếng việt, đối với trường hợp hợp tác cung ứng một, một số hoặc tất cả các công đoạn của dịch vụ bưu chính đề nghị cấp phép</p> <p>Tài liệu về tư cách pháp nhân của đối tác nước ngoài đã được hợp pháp hóa lãnh sự</p> <p>Hợp đồng nhượng quyền thương mại với doanh nghiệp đang cung ứng dịch vụ bưu chính (nếu có)</p>	
443	1.003687	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính	<p>Giấy đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính</p> <p>Tài liệu liên quan đến nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính</p> <p>Giấy đề nghị cấp lại giấy phép bưu chính</p> <p>Phương án kinh doanh trong giai đoạn tiếp theo, nếu doanh nghiệp bị lỗ 02 năm liên tiếp</p> <p>Các tài liệu sau nếu có thay đổi so với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép bưu chính lần gần nhất</p> <p>Hợp đồng nhượng quyền thương mại với doanh nghiệp đang cung ứng dịch vụ bưu chính (nếu có)</p>	
444	1.003633	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn		
445	1.004379	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	<p>Giấy đề nghị cấp lại giấy phép bưu chính</p>	

Số t#	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
446	1.004470	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	<p>Hồ sơ đề nghị xác nhận thông báo hoạt động bưu chính đối với trường hợp tự cung ứng dịch vụ: Cung ứng dịch vụ thư không có địa chỉ nhận có khối lượng đơn chiếc đến 02 Kg, cung ứng dịch vụ thư có khối lượng đơn chiếc trên 02 kg và cung ứng dịch vụ gói, kiện hàng hóa gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Văn bản thông báo hoạt động bưu chính</li> <li>2. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</li> <li>3. Mẫu hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính</li> <li>4. Mẫu biểu trưng, nhãn hiệu, ký hiệu đặc thù hoặc các yếu tố thuộc hệ thống nhận diện của doanh nghiệp được thể hiện trên bưu gửi (nếu có)</li> <li>5. Bảng giá cước dịch vụ bưu chính phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính.</li> <li>6. Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ bưu chính công bố áp dụng phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính</li> <li>7. Quy định về mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp phát sinh thiệt hại, quy trình giải quyết khiếu nại của khách hàng, thời hạn giải quyết khiếu nại phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính</li> <li>8. Hợp đồng nhượng quyền thương mại với doanh nghiệp đang cung ứng dịch vụ bưu chính (nếu có)</li> <li>9. Các biện pháp bảo đảm an toàn đối với con người, bưu gửi, mạng bưu chính và an ninh thông tin trong hoạt động bưu chính</li> </ol> <p>Hồ sơ đề nghị xác nhận thông báo hoạt động bưu chính đối với các trường hợp làm chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính được thành lập theo pháp luật Việt Nam.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Văn bản thông báo hoạt động bưu chính</li> <li>2. Bản sao giấy phép thành lập do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp được doanh nghiệp tự đóng dấu xác nhận và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao</li> </ol>	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
447	1.005442	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	Giấy đề nghị cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	
448	1.010902	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	Giấy đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính Tài liệu liên quan đến nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	
<b>B. CẤP HUYỆN</b>				
<b>Lĩnh vực Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử</b>				
449	2.001885	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận Bản sao có chứng thực giấy đăng ký kinh doanh điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng Bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu của chủ điểm cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đối với trường hợp chủ điểm là cá nhân Bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu của cá nhân địa điểm cho tổ chức, doanh nghiệp trực tiếp quản lý điểm cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đối với trường hợp chủ điểm là tổ chức, doanh nghiệp	
450	2.001884	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận Các tài liệu có liên quan đến các thông tin thay đổi (nếu có)	
451	2.001880	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Đơn đề nghị gia hạn giấy chứng nhận; Bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu của chủ điểm là cá nhân	
452	2.001786	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận	

## X. NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
<b>I. SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH DỒNG NAI</b>				
<b>A. CẤP TỈNH</b>				
<b>I. Lĩnh vực Giáo dục trung học</b>				
453	1.006388	Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình về việc thành lập trường;</li> <li>- Đề án thành lập trường;</li> <li>- Sơ yếu lý lịch kèm theo bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu văn bản, chứng chỉ hợp lệ của người dự kiến làm hiệu trưởng.</li> </ul>	
454	1.005074	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình đề nghị cho phép nhà trường hoạt động giáo dục;</li> <li>- Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trường</li> </ul>	
455	1.005067	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động trở lại	Tờ trình cho phép hoạt động giáo dục trở lại	
456	1.005070	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các văn bản xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan</li> <li>- Tờ trình về việc sáp nhập, chia, tách</li> <li>- Đề án sáp nhập, chia, tách, trong đó có phương án bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên;</li> </ul>	
457	1.006389	Giải thể trường trung học phổ thông (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường trung học phổ thông)	Tờ trình đề nghị giải thể của tổ chức, cá nhân.	
458	3.000181	Tuyển sinh trung học phổ thông	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ</li> </ul>	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học cơ sở tạm thời hoặc bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở</li> <li>- Học bạ cấp trung học cơ sở</li> <li>- Giấy xác nhận chế độ ưu tiên, do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có)</li> <li>- Giấy xác nhận do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp (đối với người học đã tốt nghiệp trung học cơ sở từ những năm học trước)</li> <li>- Đơn xin chuyển trường do cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ ký</li> <li>- Học bạ (bản chính).</li> <li>- Giấy chứng nhận trúng tuyển vào lớp đầu cấp trung học phổ thông quy định cụ thể loại hình trường được tuyển (công lập hoặc tư thục).</li> <li>- Giấy giới thiệu chuyển trường do Hiệu trưởng nhà trường nơi đi cấp.</li> <li>- Giấy giới thiệu chuyển trường do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp trung học phổ thông) nơi đi cấp (trường hợp xin chuyển đến từ tỉnh, thành phố khác).</li> <li>- Học bạ hoặc giấy xác nhận của nhà trường về kết quả học tập các lớp học trước đó (bản dịch sang tiếng Việt có chứng thực).</li> <li>- Giấy chứng nhận tốt nghiệp của lớp hoặc bậc học dưới tại nước ngoài (bản gốc và bản dịch sang tiếng Việt).</li> <li>- Đơn xin học do cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ ký.</li> <li>- Bằng tốt nghiệp bậc học dưới tại Việt Nam trước khi ra nước ngoài</li> <li>- Bản sao giấy khai sinh, kể cả học sinh được sinh ra ở nước ngoài</li> <li>- Đơn xin học do cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ ký</li> <li>- Bản tóm tắt lý lịch</li> <li>- Bản sao và bản dịch sang tiếng Việt các giấy chứng nhận cần thiết theo quy định tại Điều 13 của Quyết định 51/2002/QĐ-BGDĐT (có công chứng hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước gửi đào tạo).</li> <li>- Học bạ hoặc giấy xác nhận của nhà trường về kết quả học tập các lớp học trước đó (bản dịch sang tiếng Việt có chứng thực).</li> <li>- Giấy chứng nhận sức khỏe (do cơ quan y tế có thẩm quyền của nước gửi đào tạo cấp</li> </ul>	
459	2.002478	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông		
460	2.002479	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông Việt Nam về nước		
461	2.002480	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông người nước ngoài		



Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<p>trước khi đến Việt Nam không quá 6 tháng).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ảnh cỡ 4 x 6 cm (chụp không quá 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ).</li> <li>- Đơn xin học lại học sinh kỹ.</li> <li>- Học bạ của lớp hoặc cấp học đó học (bản chính).</li> <li>- Bảng tốt nghiệp cấp học dưới (bản công chứng).</li> <li>- Bản sao giấy khai sinh.</li> <li>- Giấy xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú về việc chấp hành chính sách và pháp luật của nhà nước.</li> </ul>	
462	1.001088	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học phổ thông		
<b>II. Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp</b>				
463	1.005069	Thành lập trường trung cấp sư phạm công lập, cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm tư thực	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị thành lập của cơ quan chủ quản đối với trường công lập; văn bản đề nghị cho phép thành lập của tổ chức, cá nhân đối với trường tư thực.</li> <li>- Văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi trường đặt trụ sở chính;</li> <li>- Đề án thành lập</li> <li>- Dự thảo quy hoạch tổng thể mặt bằng và thiết kế sơ bộ các công trình kiến trúc xây dựng, bảo đảm phù hợp với ngành đào tạo, quy mô, trình độ đào tạo và tiêu chuẩn diện tích sử dụng, diện tích xây dựng cho học tập, giảng dạy;</li> <li>- Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc văn bản chấp thuận giao đất, cho thuê đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</li> <li>- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng trường; xác định rõ nguồn vốn để thực hiện theo kế hoạch đầu tư xây dựng trường của cơ quan chủ quản đối với hồ sơ đề nghị thành lập trường công lập; văn bản xác nhận của ngân hàng về số vốn góp trong tài khoản của ban quản lý dự án, các minh chứng về quyền sở hữu tài sản kèm theo văn bản định giá tài sản góp vốn nếu bằng tài sản hoặc quyền sở hữu tài sản đối với hồ sơ đề nghị cho phép thành lập trường tư thực. Đối với trường tư thực, hồ sơ còn phải có: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Biên bản cử người đại diện đứng tên thành lập trường của các thành viên góp vốn.</li> <li>+ Danh sách trích ngang các thành viên ban sáng lập.</li> </ul> </li> </ul>	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<p><b>Thành phần hồ sơ phải số hóa</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Danh sách, hình thức và biên bản góp vốn của các cổ đông cam kết góp vốn thành lập.</li> <li>+ Dự kiến chủ tịch và hội đồng quản trị của trường.</li> </ul>	
464	1.005073	Sáp nhập, chia tách trường trung cấp sư phạm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị sáp nhập, chia, tách của cơ quan chủ quản đối với trường công lập; văn bản đề nghị cho phép sáp nhập, chia, tách của tổ chức, cá nhân đối với trường tư thực. - Văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi trường đặt trụ sở chính;</li> <li>- Đề án sáp nhập, chia, tách trường nêu rõ: Sự cần thiết sáp nhập, chia, tách trường, đánh giá sự phù hợp của việc sáp nhập, chia, tách trường với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tên gọi của trường; chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu bộ máy tổ chức, quản lý; ngành nghề, quy mô đào tạo; mục tiêu, nội dung, chương trình; nguồn lực tài chính; đất đai; dự kiến về cơ sở vật chất, số lượng, cơ cấu đội ngũ giảng viên cơ hữu và cán bộ quản lý, đáp ứng tiêu chuẩn về chất lượng, trình độ đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phù hợp với lộ trình đăng ký ngành nghề đào tạo và tuyển sinh; kế hoạch xây dựng và phát triển trường trong từng giai đoạn; thời hạn và tiến độ thực hiện dự án đầu tư; hiệu quả kinh tế - xã hội;</li> <li>- Dự thảo quy hoạch tổng thể mặt bằng và thiết kế sơ bộ các công trình kiến trúc xây dựng, bảo đảm phù hợp với ngành đào tạo, quy mô, trình độ đào tạo và tiêu chuẩn diện tích sử dụng, diện tích xây dựng cho học tập, giảng dạy;</li> <li>- Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc văn bản chấp thuận giao đất, cho thuê đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trong đó xác định rõ địa chỉ, diện tích, mốc giới của khu đất);</li> <li>- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng trường.</li> </ul>	
465	2.001988	Giải thể trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường trung cấp sư phạm)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công văn của trường đề nghị giải thể nêu rõ lý do giải thể, các phương án giải quyết các vấn đề về quyền, lợi ích hợp pháp của người học, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên trong trường (chỉ áp dụng đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị giải thể).</li> </ul>	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
466	1.005082	Cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	<p>Tờ trình cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên;</li> <li>- Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập;</li> <li>- Báo cáo tình hình thực hiện cam kết theo đề án thành lập trường;</li> <li>- Điều lệ, quy chế tổ chức và hoạt động của trường</li> <li>- Thuyết minh các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Danh sách trích ngang cán bộ giảng viên cơ hữu và cán bộ quản lý; + Đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động đào tạo theo cam kết; thống kê cơ sở vật chất phục vụ đào tạo chung toàn trường, số lượng và diện tích giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, các loại máy móc thiết bị, giáo trình, tài liệu, sách phục vụ hoạt động giáo dục;</li> <li>+ Nguồn lực tài chính theo quy định để bảo đảm duy trì và phát triển hoạt động giáo dục nghề nghiệp;</li> <li>+ Dự kiến chỉ tiêu và kế hoạch tuyển sinh;</li> <li>+ Chương trình đào tạo và giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập theo quy định.</li> </ul> </li> <li>- Văn bản đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trong đó nêu rõ ngành đề nghị bổ sung để tổ chức đào tạo;</li> <li>- Báo cáo các điều kiện bảo đảm đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên phù hợp với ngành đào tạo giáo viên đề nghị bổ sung để tổ chức đào tạo kèm theo các giấy tờ chứng minh.</li> </ul> <p>- Văn bản đề nghị thành lập của cơ quan chủ quản đối với trường công lập; văn bản đề nghị cho phép thành lập của tổ chức, cá nhân đối với trường tư thực. Văn bản phải</p>	
467	1.005354	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp		
468	2.001989	Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp		
469	1.005088	Thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm		

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
		hoặc cho phép thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm tư thực	<p><b>Thành phần hồ sơ phải số hóa</b></p> <p>ghi cụ thể: Lý do đề nghị thành lập, cho phép thành lập phân hiệu trường; tên phân hiệu trường bằng tiếng Việt và tiếng Anh; địa chỉ trụ sở chính, địa điểm đào tạo; chức năng, nhiệm vụ của phân hiệu trường; ngành, nghề, quy mô và trình độ đào tạo;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi trường đặt phân hiệu;</li> <li>- Đề án thành lập phân hiệu trường nêu rõ: Sự cần thiết thành lập phân hiệu trường, đánh giá sự phù hợp của việc thành lập phân hiệu trường với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tên gọi của phân hiệu trường; chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu bộ máy tổ chức, quản lý; ngành nghề, quy mô đào tạo; mục tiêu, nội dung, chương trình; nguồn lực tài chính; đất đai; dự kiến về cơ sở vật chất, số lượng, cơ cấu đội ngũ giảng viên cơ hữu và cán bộ quản lý, đáp ứng tiêu chuẩn về chất lượng, trình độ đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phù hợp với lộ trình đăng ký ngành nghề đào tạo và tuyển sinh; kế hoạch xây dựng và phát triển trường trong từng giai đoạn; thời hạn và tiến độ thực hiện dự án đầu tư; hiệu quả kinh tế - xã hội;</li> <li>- Dự thảo quy hoạch tổng thể mặt bằng và thiết kế sơ bộ các công trình kiến trúc xây dựng, bảo đảm phù hợp với ngành đào tạo, quy mô, trình độ đào tạo và tiêu chuẩn diện tích sử dụng, diện tích xây dựng cho học tập, giảng dạy;</li> <li>- Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc văn bản chấp thuận giao đất, cho thuê đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trong đó xác định rõ địa chỉ, diện tích, mốc giới của khu đất);</li> <li>- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng phân hiệu trường, xác định rõ nguồn vốn để thực hiện theo kế hoạch đầu tư xây dựng phân hiệu trường của cơ quan chủ quản đối với hồ sơ đề nghị thành lập phân hiệu trường công lập; văn bản xác nhận của ngân hàng về số vốn góp trong tài khoản của ban quản lý dự án, các minh chứng về quyền sở hữu tài sản kèm theo văn bản định giá tài sản góp vốn nếu góp vốn bằng tài sản hoặc quyền sở hữu tài sản đối với hồ sơ đề nghị cho phép thành lập phân hiệu trường tư thực. Đối với trường tư thực, hồ sơ còn phải có: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản cử người đại diện đứng tên thành lập trường của các thành viên góp vốn.</li> </ul> </li> </ul>	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Chi chú
470	1.005087	Giải thể trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập phân hiệu)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh sách trích ngang các thành viên ban sáng lập.</li> <li>- Danh sách, hình thức và biên bản góp vốn của các cổ đông cam kết góp vốn thành lập.</li> <li>- Dự kiến chủ tịch và hội đồng quản trị của trường.</li> </ul> <p>Công văn của trường đề nghị giải thể phân hiệu nêu rõ lý do giải thể, các phương án giải quyết các vấn đề về quyền, lợi ích hợp pháp của người học, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên trong phân hiệu trường (chỉ áp dụng đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị giải thể).</p>	
<b>III. Lĩnh vực giáo dục dân tộc</b>				
471	1.005084	Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình về việc thành lập trường</li> <li>- Đề án thành lập trường</li> <li>- Sơ yếu lý lịch kèm theo bản sao văn bằng, chứng chỉ hợp lệ của người dự kiến làm hiệu trưởng</li> <li>- Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan về việc thành lập hoặc cho phép thành lập trường</li> <li>- Báo cáo giải trình việc tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan và báo cáo bổ sung theo ý kiến chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có).</li> </ul>	
472	1.005081	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình đề nghị cho phép nhà trường hoạt động giáo dục;</li> <li>- Bản sao có chứng thực quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trường;</li> <li>- Văn bản thẩm định của các cơ quan liên quan về các điều kiện để trường phổ thông dân tộc nội trú hoạt động giáo dục.</li> </ul>	
473	1.005079	Sáp nhập, chia tách trường phổ thông dân tộc nội trú	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình về việc sáp nhập, chia, tách;</li> <li>- Đề án sáp nhập, chia, tách, trong đó có phương án bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</li> <li>- Các văn bản xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan.</li> </ul>	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
474	1.005076	Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Tờ trình đề nghị giải thể của tổ chức, cá nhân.	
<b>IV. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác</b>				
475	1.005015	Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thực	-Tờ trình về việc thành lập trường -Đề án thành lập trường -Sơ yếu lý lịch kèm theo bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu văn bằng, chứng chỉ hợp lệ của người dự kiến làm hiệu trưởng.	
476	1.005008	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục	-Tờ trình đề nghị cho phép nhà trường hoạt động giáo dục; - Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trường;	
477	1.004988	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại	Tờ trình cho phép hoạt động giáo dục trở lại.	
478	1.004999	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên	-Tờ trình về việc sáp nhập, chia, tách -Đề án sáp nhập, chia, tách, trong đó có phương án bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên; -Các văn bản xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan.	
479	1.004991	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Tờ trình đề nghị giải thể của tổ chức, cá nhân	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
480	1.005053	Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học	-Tờ trình đề nghị thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học -Đề án thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học -Dự thảo nội quy tổ chức hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học.	
481	1.005049	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục	Tờ trình đề nghị cấp phép hoạt động giáo dục - Nội quy hoạt động giáo dục của trung tâm -Báo cáo về cơ sở vật chất, trang thiết bị, chương trình, tài liệu dạy học; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên; văn bản chứng minh về quyền sử dụng hợp pháp đất, nhà; nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động của trung tâm.	
482	1.005025	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục trở lại	Tờ trình cho phép hoạt động giáo dục trở lại.	
483	1.005043	Sắp nhập, chia tách trung tâm ngoại ngữ, tin học	-Tờ trình đề nghị sắp nhập, chia, tách trung tâm ngoại ngữ, tin học -Đề án sắp nhập, chia, tách trung tâm ngoại ngữ, tin học -Dự thảo nội quy tổ chức hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học.	
484	1.005195	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục	- Văn bản đề nghị cho phép hoạt động giáo dục, trong đó nêu rõ điều kiện đáp ứng hoạt động tương ứng với các nhiệm vụ - Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trung tâm	
485	1.005359	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động trở lại	Tờ trình cho phép hoạt động giáo dục trở lại.	
486	1.000181	Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	-Tờ trình đề nghị cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa. -Giấy phép đăng ký kinh doanh -Danh sách, lý lịch trích ngang kèm theo các minh chứng hợp lệ về đội ngũ giáo viên, huấn luyện viên, báo cáo viên (ghi rõ họ tên, trình độ học vấn, chức vụ, nghề nghiệp, năng lực sư phạm và am hiểu các lĩnh vực kỹ năng sống hoặc hoạt động giáo dục có	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
487	1.001000	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	<p>liên quan) tham gia tổ chức và thực hiện các hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;</p> <p>-Kế hoạch hoạt động, giáo trình, tài liệu giảng dạy, huấn luyện.</p> <p>-Công văn đăng ký tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;</p> <p>-Danh sách, lý lịch trích ngang kèm theo các minh chứng hợp lệ về đội ngũ giáo viên, huấn luyện viên, báo cáo viên (ghi rõ họ tên, trình độ học vấn, chức vụ, nghề nghiệp, năng lực sư phạm và am hiểu các lĩnh vực kỹ năng sống hoặc hoạt động giáo dục có liên quan) tham gia tổ chức và thực hiện các hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;</p> <p>-Kế hoạch hoạt động, giáo trình, tài liệu giảng dạy, huấn luyện..</p>	
488	1.005061	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	<p>- Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học; với những nội dung chủ yếu gồm: Mục tiêu, nội dung hoạt động; khả năng khai thác và phát triển dịch vụ du học ở nước ngoài; kế hoạch và các biện pháp tổ chức thực hiện; phương án giải quyết khi gặp vấn đề rủi ro đối với người được tư vấn du học;</p> <p>- Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;</p> <p>- Danh sách đội ngũ nhân viên trực tiếp tư vấn du học bao gồm các thông tin chủ yếu sau đây: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, vị trí công việc sẽ đảm nhiệm tại tổ chức dịch vụ tư vấn du học; bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu văn bằng tốt nghiệp đại học, chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ tư vấn du học.</p>	
489	2.001985	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	<p>- Văn bản đề nghị điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học; với những nội dung chủ yếu gồm: Mục tiêu, nội dung hoạt động; khả năng khai thác và phát triển dịch vụ du học ở nước ngoài; kế hoạch và các biện pháp</p>	



Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<p>tổ chức thực hiện; phương án giải quyết khi gặp vấn đề rủi ro đối với người được tư vấn du học;</p> <p>- Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;</p> <p>- Danh sách đội ngũ nhân viên trực tiếp tư vấn du học bao gồm các thông tin chủ yếu sau đây: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, vị trí công việc sẽ đảm nhiệm tại tổ chức dịch vụ tư vấn du học; bản sao có chứng thực văn bằng tốt nghiệp đại học, chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ tư vấn du học.</p>	
490	2.001987	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	Tờ trình đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại. Tờ trình nêu rõ việc khắc phục các nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ và kèm theo các tài liệu minh chứng (nếu có).	
<b>V. Lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục</b>				
491	1.000715	Cấp chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	-Bảo cáo tự đánh giá -Công văn đăng ký đánh giá ngoài, trong đó có nêu rõ nguyên vọng đánh giá ngoài trường mầm non đề được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục hoặc công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đồng thời công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia.	
492	1.000713	Cấp chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	-Công văn đăng ký đánh giá ngoài, trong đó có nêu rõ nguyên vọng đánh giá ngoài trường tiểu học đề được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục hoặc công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đồng thời công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia - Bảo cáo tự đánh giá.	
493	1.000711	Cấp chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	- Công văn đăng ký đánh giá ngoài, trong đó có nêu rõ nguyên vọng đánh giá ngoài trường trung học đề được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục hoặc công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đồng thời công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia -Bảo cáo tự đánh giá.	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
494	1.000259	Cấp chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên	-Công văn đăng ký đánh giá ngoài của trung tâm giáo dục thường xuyên; -Báo cáo tự đánh giá của trung tâm giáo dục thường xuyên (2 bản).	
<b>VI. Lĩnh vực giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân</b>				
495	1.000288	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	-Công văn đăng ký đánh giá ngoài, trong đó có nêu rõ nguyện vọng đánh giá ngoài trường mầm non để được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục hoặc công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đồng thời công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia -Báo cáo tự đánh giá	
496 2	1.000280	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	- Công văn đăng ký đánh giá ngoài, trong đó có nêu rõ nguyện vọng đánh giá ngoài trường tiểu học để được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục hoặc công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đồng thời công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia -Báo cáo tự đánh giá.	
497	1.000691	Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia	-Công văn đăng ký đánh giá ngoài, trong đó có nêu rõ nguyện vọng đánh giá ngoài trường trung học để được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục hoặc công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đồng thời công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia -Báo cáo tự đánh giá.	
498	1.000729	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên	-Tờ trình đề nghị xếp hạng của trung tâm giáo dục thường xuyên; -Quyết định thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên; -Bản báo cáo kết quả hoạt động và hiệu quả hoạt động của trung tâm giáo dục thường xuyên trong thời gian 3 năm liên tục tính đến thời điểm đề nghị xếp hạng; -Bảng tự đánh giá tính điểm theo tiêu chí xếp hạng của trung tâm giáo dục thường xuyên (trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh theo Phụ lục I, trung tâm giáo dục thường xuyên cấp huyện theo Phụ lục II);	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Chi chú
499	1.005143	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	<p>-Số liệu thông kê số lượng học viên theo học các chương trình trong 3 năm liên tục tính đến thời điểm đề nghị xếp hạng;</p> <p>-Danh sách cán bộ, giáo viên, viên chức trong biên chế và giáo viên hợp đồng kèm theo trình độ đào tạo, trình độ ngoại ngữ-tin học;</p> <p>-Số liệu thông kê chi tiết về diện tích đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.</p> <p>- Văn bản đề nghị phê duyệt Đề án tổ chức thực hiện chương trình dạy và học bằng tiếng nước ngoài;</p> <p>- Đề án tổ chức thực hiện chương trình dạy và học bằng tiếng nước ngoài, trong đó làm rõ các nội dung: Chương trình và tài liệu; người dạy, người học, cơ sở vật chất; kiểm tra, thi, đánh giá, công nhận tốt nghiệp, cấp văn bằng, chứng chỉ; kiểm định chất lượng giáo dục; học phí, quản lý và sử dụng học phí và việc tổ chức thực hiện Đề án;</p> <p>- Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng của chương trình đào tạo đối với các chương trình đào tạo sử dụng của nước ngoài (nếu có) do cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài cấp và được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận.</p>	
<b>VII. Lĩnh vực đào tạo với nước ngoài</b>				
500	1.00492	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	<p>-Đơn đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài theo Mẫu số 20 tại Phụ lục Nghị định số 86/2018/NĐ-CP</p> <p>-Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu với Quyết định cho phép thành lập văn phòng đại diện và bản sao hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền cho phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài đã gửi cho Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> <p>-Quyết định bổ nhiệm Trưởng văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài và lý lịch cá nhân của người được bổ nhiệm</p> <p>-Địa điểm cụ thể đặt văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài và giấy tờ pháp lý có liên quan.</p>	
501	1.001499	Phê duyệt liên kết giáo dục	-Đơn đề nghị phê duyệt liên kết giáo dục với nước ngoài do các bên liên kết cùng ký theo Mẫu số 01 Phụ lục Nghị định số 86/2018/NĐ-CP	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<p>-Thỏa thuận (Hợp đồng) hợp tác giữa các bên liên kết trong đó có thông tin chi tiết về các bên liên kết, trách nhiệm của các bên đối với nội dung cam kết cụ thể về chương trình, tài liệu học tập và giảng dạy, giáo viên, cơ sở vật chất, kiểm tra, đánh giá, văn bằng, thông tin về tài chính và các nội dung khác</p> <p>-Giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của các bên liên kết: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục hoặc các tài liệu tương đương khác</p> <p>-Chương trình giáo dục của nước ngoài có nội dung, môn học đưa vào chương trình giáo dục tích hợp và chương trình giáo dục tích hợp dự kiến thực hiện</p> <p>-Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục của chương trình giáo dục nước ngoài hoặc giấy tờ phê duyệt chương trình giáo dục nước ngoài của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu)</p> <p>-Văn bản, tài liệu thuyết minh việc tích hợp chương trình giáo dục</p> <p>-Đề án thực hiện liên kết giáo dục với nước ngoài do các bên liên kết xây dựng theo Mẫu số 02 Phụ lục Nghị định số 86/2018/NĐ-CP, bao gồm các nội dung chủ yếu: Sự cần thiết, giới thiệu các bên liên kết; nội dung liên kết; cơ sở vật chất, thiết bị; danh sách giáo viên dự kiến kèm theo lý lịch chuyên môn; đối tượng, tiêu chí và quy mô tuyển sinh; văn bằng, chứng chỉ sẽ cấp, tính tương đương của văn bằng, chứng chỉ của nước ngoài đối với văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam (nếu có); biện pháp đảm bảo quyền lợi của người học và người lao động; bộ phận phụ trách liên kết, lý lịch cá nhân của người đại diện cơ sở giáo dục Việt Nam và cơ sở giáo dục nước ngoài tham gia quản lý chương trình; mức học phí, sự hỗ trợ tài chính của cá nhân, tổ chức Việt Nam và nước ngoài (nếu có), dự toán kinh phí, cơ chế quản lý tài chính; trách nhiệm và quyền hạn của các bên liên kết; trách nhiệm và quyền hạn của giáo viên và học sinh.</p>	
502	1.001496	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết	-Đơn đề nghị chấm dứt hoạt động cơ sở giáo dục	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<p>-Phương án giải thể, chấm dứt hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài trong đó nêu rõ các biện pháp bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người học, nhà giáo cán bộ quản lý và nhân viên; phương án giải quyết tài chính, tài sản.</p>	
503	1.001497	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục	<p>-Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh liên kết giáo dục do các bên liên kết cùng ký tại Mẫu số 04 của Phụ lục Nghị định số 86/2018/NĐ-CP</p> <p>-Bảo cáo tổng kết hoạt động liên kết trong thời gian được cấp phép</p> <p>-Thỏa thuận (Hợp đồng) hợp tác đang còn hiệu lực giữa các bên liên kết trong đó có thông tin theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.</p>	
504	1.00939	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài	<p>-Đề án thành lập cơ sở giáo dục theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 86/2018/NĐ-CP, trong đó xác định rõ: Tên gọi của cơ sở giáo dục; mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục; phạm vi hoạt động giáo dục; văn bằng, chứng chỉ sẽ cấp; dự kiến cơ cấu bộ máy tổ chức, quản lý, điều hành.</p> <p>-Dự kiến cụ thể kế hoạch xây dựng, phát triển và quy mô đào tạo của cơ sở giáo dục trong từng giai đoạn, trong đó làm rõ khả năng đáp ứng các nội dung bảo đảm chất lượng giáo dục quy định tại các Điều 36, 37 và 38 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP</p> <p>-Đơn đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 86/2018/NĐ-CP</p> <p>-Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu của giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;</p> <p>-Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu của văn bản chấp thuận cho thuê đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp xây dựng cơ sở vật chất (trong đó xác định rõ địa chỉ, diện tích, mốc giới của khu đất) hoặc thỏa thuận về nguyên tắc thuê cơ sở vật chất sẵn có phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 36 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP và các giấy tờ pháp lý liên quan</p> <p>-Kế hoạch về cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục hoặc dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, bao gồm phần thuyết minh và thiết kế chi tiết cơ sở giáo dục</p> <p>-Văn bản chứng minh năng lực tài chính theo mức quy định tại Điều 35 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.</p>	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
505	1.000716	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	<p><b>Thành phần hồ sơ phải số hóa</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Đơn đề nghị giải thể cơ sở giáo dục</li> <li>-Phương án giải thể, chấm dứt hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài trong đó nêu rõ các biện pháp bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người học, nhà giáo cán bộ quản lý và nhân viên; phương án giải quyết tài chính, tài sản.</li> <li>-Văn bản cam kết của các nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực chuyển sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận, bảo đảm thực hiện hoạt động không vì lợi nhuận, không rút vốn, không hưởng lợi tức; phần lợi nhuận tích lũy hàng năm thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia để tiếp tục đầu tư phát triển nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực.</li> <li>-Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động; dự thảo quy chế tài chính nội bộ của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận.</li> <li>-Tờ trình đề nghị chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận, trong đó nêu rõ sự cần thiết phải chuyển đổi; tôn chỉ, mục đích hoạt động không vì lợi nhuận; phân vốn góp, phần tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực (nếu có).</li> <li>-Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu báo cáo kết quả kiểm toán; thỏa thuận giải quyết phần vốn góp cho nhà đầu tư không đồng ý chuyển đổi sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (nếu có); các giấy tờ, tài liệu về đất đai, tài sản, tài chính, tổ chức và nhân sự của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực chuyển đổi sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận.</li> <li>-Báo cáo đánh giá tác động của việc chuyển đổi về nhân sự, tài chính, tài sản và phương án xử lý.</li> <li>-Quyết định thành lập nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương</li> </ul>	
506	1.008722	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Đơn đề nghị giải thể cơ sở giáo dục</li> <li>-Phương án giải thể, chấm dứt hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài trong đó nêu rõ các biện pháp bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người học, nhà giáo cán bộ quản lý và nhân viên; phương án giải quyết tài chính, tài sản.</li> <li>-Văn bản cam kết của các nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực chuyển sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận, bảo đảm thực hiện hoạt động không vì lợi nhuận, không rút vốn, không hưởng lợi tức; phần lợi nhuận tích lũy hàng năm thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia để tiếp tục đầu tư phát triển nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực.</li> <li>-Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động; dự thảo quy chế tài chính nội bộ của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận.</li> <li>-Tờ trình đề nghị chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận, trong đó nêu rõ sự cần thiết phải chuyển đổi; tôn chỉ, mục đích hoạt động không vì lợi nhuận; phân vốn góp, phần tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực (nếu có).</li> <li>-Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu báo cáo kết quả kiểm toán; thỏa thuận giải quyết phần vốn góp cho nhà đầu tư không đồng ý chuyển đổi sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (nếu có); các giấy tờ, tài liệu về đất đai, tài sản, tài chính, tổ chức và nhân sự của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực chuyển đổi sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận.</li> <li>-Báo cáo đánh giá tác động của việc chuyển đổi về nhân sự, tài chính, tài sản và phương án xử lý.</li> <li>-Quyết định thành lập nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương</li> </ul>	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<p>nhiệm của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực và các tài liệu liên quan khác (nếu có).</p> <p>-Văn bản cam kết của các nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với cơ sở giáo dục phổ thông tư thực chuyển sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận, bảo đảm thực hiện hoạt động không vì lợi nhuận, không rút vốn, không hưởng lợi tức; phần lợi nhuận tích lũy hàng năm thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia để tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở giáo dục phổ thông tư thực.</p> <p>-Tờ trình đề nghị chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thực sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận, trong đó nêu rõ sự cần thiết phải chuyển đổi; tôn chỉ, mục đích hoạt động không vì lợi nhuận; phân vốn góp, phần tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia của nhà trường (nếu có).</p> <p>-Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động; dự thảo quy chế tài chính nội bộ của cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận.</p> <p>-Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu báo cáo kết quả kiểm toán; thỏa thuận giải quyết phần vốn góp cho nhà đầu tư không đồng ý chuyển đổi sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (nếu có); các giấy tờ, tài liệu về đất đai, tài sản, tài chính, tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục phổ thông tư thực chuyển đổi sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận.</p> <p>-Bảo cáo đánh giá tác động của việc chuyển đổi về nhân sự, tài chính, tài sản và phương án xử lý.</p> <p>-Quyết định thành lập cơ sở giáo dục phổ thông tư thực, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của cơ sở giáo dục phổ thông tư thực và các tài liệu liên quan khác (nếu có).</p>	
507	1.008723	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thực, trường phổ thông tư thực có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận.	<p>-Đơn đăng ký hoạt động giáo dục theo Mẫu số 16 tại Phụ lục Nghị định số 86/2018/NĐ-CP</p>	
508	1.006446	Cho phép hoạt động giáo dục đối với: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non;		

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
		<p>cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam</p>	<p><b>Thành phần hồ sơ phải số hóa</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu Quyết định cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài</li> <li>-Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu của giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài</li> <li>-Quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non/cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài</li> <li>-Báo cáo tiến độ thực hiện dự án đầu tư, tình hình góp vốn, vay vốn, tổng số vốn đầu tư đã thực hiện</li> <li>-Báo cáo giải trình về việc cơ sở giáo dục mầm non/cơ sở giáo dục phổ thông đã đáp ứng các nội dung quy định tại các Điều 35, 36, 37, 38 của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP, đồng thời gửi kèm: - Danh sách Hiệu trưởng (Giám đốc), Phó Hiệu trưởng (Phó Giám đốc), trưởng các khoa, phòng, ban và kế toán trưởng; - Danh sách và lý lịch cá nhân của cán bộ, giáo viên (cơ hữu, thỉnh giảng); - Mô tả cấp học, trình độ đào tạo, ngành đào tạo; - Chương trình, kế hoạch giảng dạy, tài liệu học tập, danh mục sách giáo khoa và tài liệu tham khảo chính; - Đối tượng tuyển sinh, quy chế và thời gian tuyển sinh; - Quy chế đào tạo; - Quy mô đào tạo (học sinh, học viên); - Các quy định về học phí và các loại phí liên quan; - Quy định về kiểm tra, đánh giá, công nhận hoàn thành chương trình môn học, mô đun, trình độ đào tạo; - Mẫu văn bằng, chứng chỉ sẽ được sử dụng.</li> </ul>	
509	1.000718	<p>Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với: cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Đơn đề nghị trong đó có nội dung và lý do bổ sung, điều chỉnh kèm theo giấy tờ</li> <li>-Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu của quyết định cho phép thành lập đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài; bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu của giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài.</li> <li>-Quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục.</li> </ul>	



Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
		nước ngoài tại Việt Nam.	-Báo cáo tiền độ thực hiện dự án đầu tư, tình hình góp vốn, vay vốn, tổng số vốn đầu tư đã thực hiện. Báo cáo giải trình về việc cơ sở giáo dục đã đáp ứng các nội dung quy định tại các Điều 35, 36, 37 và 38 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP,	
510	1.001495	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; Cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	-Đơn đề nghị cho phép hoạt động giáo dục trở lại, trong đó nêu rõ kết quả khắc phục vi phạm dẫn đến bị đình chỉ -Quyết định thành lập đoàn kiểm tra -Biên bản kiểm tra.	
511	1.001493	Chăm đút hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	-Đơn đề nghị chăm đút hoạt động cơ sở giáo dục -Phương án giải thể, chăm đút hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	
<b>VIII. Lĩnh vực thi, tuyển sinh</b>				
512 1	1.005090	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú (Xét tuyển sinh vào trường PTDNTT)	-Bản sao giấy khai sinh hợp lệ -Học bạ cấp tiểu học hoặc các hồ sơ khác có giá trị thay thế học bạ -Giấy xác nhận chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có) -Học bạ cấp trung học cơ sở -Bản sao chứng thực hoặc bản chụp/photo kèm bản chính đề đổi chiếu bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học cơ sở tạm thời	
<b>IX. Lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ</b>				
513	1.005092	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	-Giấy căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng -Đơn đề nghị cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ.	
514	2.001914	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	-Đơn đề nghị chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ -Văn bằng, chứng chỉ đề nghị chỉnh sửa Trích lục hoặc quyết định thay đổi hoặc cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính đối với trường hợp chỉnh sửa văn bằng, chứng chỉ do thay đổi hoặc cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> <li>-Giấy khai sinh đối với trường hợp chỉnh sửa văn bằng, chứng chỉ do bỏ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch, đăng ký lại việc sinh, đăng ký khai sinh quá hạn</li> <li>-Giấy căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân hợp pháp khác có ảnh của người được cấp văn bằng, chứng chỉ</li> </ul>	
515	1.004889	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Đơn đề nghị công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp (theo mẫu);</li> <li>-Một (01) bản sao văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp kèm theo bản dịch ra tiếng Việt được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;</li> <li>-Một (01) bản sao kết quả quá trình học tập tại cơ sở giáo dục nước ngoài kèm theo bản dịch ra tiếng Việt được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.</li> <li>-Hồ sơ minh chứng thời gian học ở nước ngoài,</li> </ul>	
<b>B</b>	<b>CẤP HUYỆN</b>			
<b>I. Lĩnh vực Giáo dục Mầm non</b>				
516	1.004494	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thực	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình đề nghị thành lập của cơ quan chủ quản đối với trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập; của tổ chức hoặc cá nhân đối với trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thực cần nêu rõ sự cần thiết thành lập; tên trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ; địa điểm dự kiến làm trụ sở tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em;</li> <li>- Đề án thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ</li> <li>-Tờ trình đề nghị cho phép hoạt động giáo dục;</li> <li>-Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ;</li> <li>- Danh sách cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo chủ chốt gồm hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng, tổ trưởng tổ chuyên môn trong đó ghi rõ trình độ chuyên môn được đào tạo; danh sách đội ngũ giáo viên, trong đó ghi rõ trình độ chuyên môn được đào tạo; hợp</li> </ul>	
517	1.006390	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục		

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Chi chú
			<p>đồng làm việc đã được ký giữa trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ với từng cán bộ quản lý, giáo viên;</p> <p>- Chương trình giáo dục mầm non, tài liệu phục vụ cho việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non</p> <p>- Danh mục số lượng phòng học, phòng làm việc, cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng các điều kiện theo quy định;</p> <p>- Các văn bản pháp lý: xác nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê trụ sở trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ với thời hạn tối thiểu 05 năm; xác nhận về số tiền hiện có do trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ đang quản lý, bảo đảm tính hợp pháp và cam kết sẽ chi sử dụng để đầu tư xây dựng và chi phí cho các hoạt động thường xuyên của trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ sau khi được cho phép hoạt động giáo dục; phương án huy động vốn và cân đối vốn tiếp theo để bảo đảm duy trì ổn định hoạt động của trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ trong giai đoạn 05 năm, bắt đầu từ khi được tuyển sinh;</p> <p>- Quy chế tổ chức và hoạt động của trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ</p>	
518	1.006444	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	<p>- Tờ trình đề nghị cho phép hoạt động giáo dục trở lại;</p> <p>- Quyết định thành lập đoàn kiểm tra;</p> <p>- Biên bản kiểm tra;</p>	
519	1.006445	Sắp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	<p>- Đề án sắp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ, trong đó có phương án đề bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên;</p> <p>- Tờ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị sắp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ</p>	
520	1.004515	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	<p>- Quyết định thành lập đoàn kiểm tra của Ủy ban nhân dân cấp huyện;</p> <p>- Biên bản kiểm tra;</p> <p>- Tờ trình đề nghị giải thể của tổ chức, cá nhân thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ trong đó nêu rõ lý do đề nghị giải thể, các biện pháp giải quyết quyền,</p>	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			lợi ích hợp pháp của trẻ em, giáo viên, cán bộ và nhân viên trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ; phương án giải quyết các tài sản của trường.	
<b>II. Lĩnh vực Giáo dục Tiểu học</b>				
521	1.004555	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình về việc thành lập trường</li> <li>- Đề án thành lập trường</li> <li>- Sơ yếu lý lịch (Lý lịch Tư pháp) kèm theo bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu văn bằng, chứng chỉ hợp lệ của người dự kiến làm hiệu trưởng</li> </ul>	
522	2.001842	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình cho phép hoạt động giáo dục</li> <li>- Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường.</li> </ul>	
523	1.004552	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	Tờ trình cho phép hoạt động giáo dục trở lại	
524	1.004563	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề án sáp nhập, chia, tách, trong đó có phương án để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên.</li> <li>- Các văn bản xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan</li> <li>- Tờ trình về việc sáp nhập, chia, tách;</li> </ul>	
525	1.001639	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học).	Tờ trình đề nghị giải thể của tổ chức, cá nhân	
<b>III. Lĩnh vực Giáo dục Trung học</b>				
526	1.004442	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình về việc thành lập trường</li> <li>- Đề án thành lập trường</li> <li>- Sơ yếu lý lịch (Lý lịch Tư pháp) của người dự kiến làm hiệu trưởng</li> </ul>	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu văn bản, chứng chỉ hợp lệ của người dự Kiến làm hiệu trưởng</li> </ul>	
527	1.004444	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình đề nghị cho phép nhà trường hoạt động giáo dục</li> <li>- Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trường</li> </ul>	
528	1.004475	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại	<p>Tờ trình cho phép hoạt động giáo dục trở lại</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình về việc sáp nhập, chia, tách</li> <li>- Đề án sáp nhập, chia, tách, trong đó có phương án bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên;</li> <li>- Các văn bản xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan</li> </ul>	
529	2.001809	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở	<p>Tờ trình đề nghị giải thể của tổ chức, cá nhân</p>	
530	2.001818	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)		
531	3.000182	Tuyên sinh THCS	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ</li> <li>- Học bạ cấp tiểu học hoặc các hồ sơ khác có giá trị thay thế học bạ</li> </ul>	
532	2.002481	Chuyển trường đối với THCS	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin chuyển trường do cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ kí</li> <li>- Học bạ (bản chính).</li> <li>- Giấy giới thiệu chuyển trường do Hiệu trưởng nhà trường nơi đi cấp</li> <li>- Giấy giới thiệu chuyển trường do Trường phòng Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp trung học cơ sở) nơi đi cấp (trường hợp xin chuyển đến từ tỉnh, thành phố khác).</li> </ul>	
533	2.002482	Tiếp nhận học sinh THCS Việt Nam về nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin học do cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ ký</li> <li>- Học bạ hoặc giấy xác nhận của nhà trường về kết quả học tập các lớp học trước đó (bản dịch sang tiếng Việt có chứng thực).</li> </ul>	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận tốt nghiệp của lớp hoặc bậc học dưới tại nước ngoài (bản gốc và bản dịch sang tiếng Việt).</li> <li>- Bằng tốt nghiệp bậc học dưới tại Việt Nam trước khi ra nước ngoài (nếu có).</li> <li>- Bản sao giấy khai sinh, kể cả học sinh được sinh ra ở nước ngoài.</li> <li>- Đơn xin học do cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ ký</li> <li>- Bản tóm tắt lý lịch</li> <li>- Bản sao và bản dịch sang tiếng Việt các giấy chứng nhận cần thiết theo quy định tại Điều 13 của Quyết định 51/2002/QĐ-BGDĐT (có công chứng hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước gửi đào tạo).</li> <li>- Học bạ hoặc giấy xác nhận của nhà trường về kết quả học tập các lớp học trước đó (bản dịch sang tiếng Việt có chứng hực</li> <li>- Giấy chứng nhận sức khỏe (do cơ quan y tế có thẩm quyền của nước gửi đào tạo cấp trước khi đến Việt Nam không quá 6 tháng).</li> <li>- Ảnh cỡ 4 x 6 cm (chụp không quá 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ)</li> </ul>	
534	2.002483	Tiếp nhận học sinh THCS người nước ngoài		
<b>IV. Lĩnh vực Giáo dục Dân tộc</b>				
535	1.004545	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình đề nghị thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú</li> <li>- Đề án thành lập trường theo quy định.</li> </ul>	
536	2.001824	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình đề nghị cho phép chuyển đổi.</li> <li>- Tờ trình cần nêu rõ phương án sử dụng cơ sở vật chất của trường, chế độ chính sách đối với học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên sau khi trường chuyển đổi.</li> </ul>	
537	2.001837	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình về việc sáp nhập, chia, tách</li> <li>- Đề án sáp nhập, chia, tách, trong đó có phương án bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên;</li> <li>- Các văn bản xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan</li> </ul>	
538	2.001824	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục	Tờ trình đề nghị cho phép hoạt động giáo dục trở lại;	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
539	1.004496	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình đề nghị cho phép nhà trường hoạt động giáo dục;</li> <li>- Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trường</li> </ul>	
<b>V. Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống Quốc dân và cơ sở giáo dục khác</b>				
540	1.004443 9	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trung tâm học tập cộng đồng;</li> <li>- Sơ yếu lý lịch của những người dự kiến làm giám đốc trung tâm học tập cộng đồng</li> </ul>	
541	1.004440	Cho phép Trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình cho phép hoạt động trở lại</li> <li>- Quyết định thành lập đoàn kiểm tra</li> <li>- Biên bản kiểm tra.</li> </ul>	
<b>VI. Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống Quốc dân</b>				
542	1.005097	Đề nghị đánh giá, công nhận "Cộng đồng học tập" cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã;</li> <li>- Báo cáo (kèm các minh chứng phù hợp với các tiêu chí theo mẫu hướng dẫn) đánh giá kết quả xây dựng "Cộng đồng học tập" của cấp xã, có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;</li> <li>- Biên bản tự kiểm tra, đánh giá, công nhận "Cộng đồng học tập" của cấp xã;</li> <li>- Kết quả: Quyết định công nhận</li> </ul>	
543	1.008725	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực do nhà nước đầu tư trong nước sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình đề nghị chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận, trong đó nêu rõ sự cần thiết phải chuyển đổi; tôn chỉ, mục đích hoạt động không vì lợi nhuận; phần vốn góp, phần tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực (nếu có).</li> <li>- Văn bản cam kết của các nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực chuyển sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận, bảo đảm thực hiện hoạt động không vì lợi nhuận, không rút vốn, không hưởng lợi tức; phần lợi nhuận tích lũy</li> </ul>	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<p>hàng năm thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia để tiếp tục đầu tư phát triển nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động; dự thảo quy chế tài chính nội bộ của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận.</li> <li>- Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu báo cáo kết quả kiểm toán; thỏa thuận giải quyết phần vốn góp cho nhà đầu tư không đồng ý chuyển đổi sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (nếu có); các giấy tờ, tài liệu về đất đai, tài sản, tài chính, tổ chức và nhân sự của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực chuyển đổi sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận.</li> <li>- Báo cáo đánh giá tác động của việc chuyển đổi về nhân sự, tài chính, tài sản và phương án xử lý</li> <li>- Quyết định thành lập nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực và các tài liệu liên quan khác (nếu có).</li> </ul>	
544	1.008726	Chuyển đổi trường tiểu học tư thực, THCS tư thực và trường phổ thông tư thực có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS do nhà nước đầu tư trong nước sang trường phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình đề nghị chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thực sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận, trong đó nêu rõ sự cần thiết phải chuyển đổi; tôn chỉ, mục đích hoạt động không vì lợi nhuận; phân vốn góp, phân tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia của nhà trường (nếu có).</li> <li>- Văn bản cam kết của các nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với cơ sở giáo dục phổ thông tư thực chuyển sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận, bảo đảm thực hiện hoạt động không vì lợi nhuận, không rút vốn, không hưởng lợi tức; phân lợi nhuận tích lũy hằng năm thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia để tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở giáo dục phổ thông tư thực.</li> <li>- Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động; dự thảo quy chế tài chính nội bộ của cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận</li> </ul>	



Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu báo cáo kết quả kiểm toán; thỏa thuận giải quyết phần vốn góp cho nhà đầu tư không đồng ý chuyển đổi sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (nếu có); các giấy tờ, tài liệu về đất đai, tài sản, tài chính, tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục phổ thông tư thực chuyển đổi sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận</li> <li>- Báo cáo đánh giá tác động của việc chuyển đổi về nhân sự, tài chính, tài sản và phương án xử lý</li> <li>- Quyết định thành lập cơ sở giáo dục phổ thông tư thực, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của cơ sở giáo dục phổ thông tư thực và các tài liệu liên quan khác (nếu có)</li> </ul>	
545	1.008950	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại KCN, Cụm CN	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động tại khu công nghiệp (Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP) có xác nhận của đơn vị sử dụng lao động nơi cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em đang công tác</li> <li>- Giấy khai sinh hoặc Thông tin cư trú của trẻ em (Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực)</li> </ul>	
546	1.008951	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục MN dân lập, tư thực ở địa bàn có KCN, Cụm CN	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh sách giáo viên được hưởng chính sách (Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP)</li> <li>- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Hợp đồng lao động của giáo viên được hưởng chính sách</li> </ul>	
547	1.005106	Công nhân xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo quá trình thực hiện và kết quả phổ cập giáo dục hoặc xóa mù chữ kèm theo các biểu thống kê.</li> <li>- Biên bản tự kiểm tra phổ cập giáo dục hoặc xóa mù chữ.</li> <li>- Kết quả: Quyết định công nhận</li> </ul>	
548	1.002407	Xét, cấp học bằng chính sách	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu giấy khai sinh.</li> </ul>	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			- Đơn đề nghị cấp học bổng. - Kết quả: Văn bản chấp thuận	
<b>VII. Lĩnh vực Văn bản, chứng chỉ</b>				
549	1.005092	Chỉnh sửa nội dung văn bản, chứng chỉ	- Đơn đề nghị chỉnh sửa nội dung văn bản, chứng chỉ - Văn bản, chứng chỉ đề nghị chỉnh sửa - Trích lục hoặc quyết định thay đổi hoặc cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính đối với trường hợp chỉnh sửa văn bản, chứng chỉ do thay đổi hoặc cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính - Giấy khai sinh đối với trường hợp chỉnh sửa văn bản, chứng chỉ do bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch, đăng ký lại việc sinh, đăng ký khai sinh quá hạn - Giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân hợp pháp khác có ảnh của người được cấp văn bản, chứng chỉ. - Giấy chứng minh nhân dân/CCCD hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng (bản sao có chứng thực hoặc bản chính) - Đơn đề nghị cấp bản sao văn bản, chứng chỉ, trong đó cung cấp các thông tin về văn bản, chứng chỉ đã được cấp	
550	2.001914	Cấp bản sao văn bản, chứng chỉ từ sổ gốc		
<b>C. CẤP XÁ</b>				
<b>Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo</b>				
551	1.004441	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	- Tờ trình đề nghị cho phép thực hiện chương trình giáo dục tiểu học - Văn bản nhận bảo trợ của một trường tiểu học cùng địa bàn trong huyện.	
552	1.004443	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	- Biên bản kiểm tra. - Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra - Tờ trình đề nghị cho phép hoạt động giáo dục trở lại;	
553	1.004492	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	- Tờ trình đề nghị cho phép thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	
554	1.004485	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	- Tờ trình đề nghị sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập, trong đó có phương án để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em, giáo viên	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
555	2.001810	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	- Văn bản đề nghị giải thể của tổ chức, cá nhân thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tự thực.	

### XI. NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Sst	Mã số	Tên thủ tục	Thành phần hồ sơ cần số hóa	Ghi chú
<b>A. CẤP TỈNH</b>				
<b>I Lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư</b>				
556	1.009491	Thủ tục Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	Văn bản đề nghị thẩm định	
557	1.009492	Thủ tục Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	Văn bản đề nghị thẩm định	
558	1.009493	Thủ tục Thẩm định nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	Tờ trình đề nghị phê duyệt nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư	
559	1.009494	Thủ tục Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	Văn bản đề nghị thẩm định	

Stt	Mã số	Tên thủ tục	Thành phần hồ sơ cần số hóa	Ghi chú
II	Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam			
560	1.009642	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị chấp thuận nhà đầu tư;</li> <li>- Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;</li> <li>- Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;</li> <li>- Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;</li> <li>- Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC;</li> <li>- Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).</li> </ul>	
561	1.009644	Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư</li> <li>- Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chuyển nhượng dự án đầu tư;</li> <li>- Hợp đồng hoặc hợp đồng nguyên tắc về việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư;</li> <li>- Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng;</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có);</li> <li>- Bản sao Hợp đồng BCC (đối với dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng BCC);</li> <li>- Bản sao một trong các tài liệu sau của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất hoặc báo cáo kiểm toán vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.</li> </ul>	

Stt	Mã số	Tên thủ tục	Thành phần hồ sơ cần số hóa	Chi chú
562	1.009645	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	<p><b>Thành phần hồ sơ cần số hóa</b></p> <p>- Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập bao gồm:</p> <p>+ Tờ trình chấp thuận chủ trương đầu tư;</p> <p>+ Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án, điều kiện thu hồi đất đối với dự án thuộc diện thu hồi đất, dự kiến nhu cầu sử dụng đất (nếu có); đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; dự kiến hình thức lựa chọn nhà đầu tư và điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có); cơ chế, chính sách đặc biệt (nếu có).</p> <p>+ Trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền được sử dụng báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư.</p> <p>- Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất bao gồm:</p> <p>+ Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận;</p> <p>+ Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;</p> <p>+ Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;</p> <p>+ Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: nhà đầu tư hoặc hình thức lựa chọn nhà đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án và đề xuất nhu cầu sử dụng đất (nếu có), nhu cầu về lao động, đề xuất hướng ưu đãi đầu tư, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu</p>	

Stt	Mã số	Tên thủ tục	Thành phần hồ sơ cần số hóa	Ghi chú
			<p><b>Thành phần hồ sơ cần số hóa</b></p> <p>tiền khả thi thì nhà đầu tư được nộp báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư;</p> <p>+ Trường hợp dự án đầu tư không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;</p> <p>+ Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;</p> <p>+ Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC;</p> <p>+ Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).</p> <p>+ Tài liệu, giấy tờ giải trình đề xuất hình thức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 33 Luật Đầu tư gồm: i) Bản sao Danh mục dự án thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua; giấy tờ chứng minh đất đã được giải phóng mặt bằng (nếu có), tài liệu giải trình khác (nếu có) trong trường hợp đề xuất lựa chọn nhà đầu tư thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai; ii) Bản sao Danh mục dự án thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua; giấy tờ chứng minh đất chưa được giải phóng mặt bằng (nếu có), tài liệu giải trình khác (nếu có) trong trường hợp đề xuất lựa chọn nhà đầu tư thông qua đấu thầu dự án có sử dụng đất. Trong trường hợp này, đề xuất dự án đầu tư xác định sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án được xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư của dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng, không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trường hợp đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về xã hội hóa, pháp luật chuyên ngành, tài liệu giải trình căn cứ pháp lý và điều kiện áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư thông qua đấu thầu theo quy định của pháp luật về xã hội hóa, pháp luật chuyên ngành; iii) Tài liệu chứng minh dự án không thuộc Danh mục dự án thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua; bản sao hợp lệ Quyết định giao đất hoặc quyết định cho thuê đất, hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng</p>	

Stt	Mã số	Tên thủ tục	Thành phần hồ sơ cần số hóa	Chi chú
563	1.009646	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của	<p><b>Thành phần hồ sơ cần số hóa</b></p> <p>đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất trong trường hợp đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư đối với nhà đầu tư có quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 29 của Luật Đầu tư; iii) Bản sao hợp lệ văn bản của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền chấp thuận việc nhân chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư và bản sao hợp lệ các giấy tờ, văn bản khác thỏa thuận sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư trong trường hợp đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư đối với nhà đầu tư nhân chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 29 của Luật Đầu tư.</p> <p>+ Đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị, ngoài các nội dung quy định tại điểm d khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 33 Luật Đầu tư, đề xuất dự án đầu tư bổ sung các nội dung: thuyết minh việc triển khai dự án đầu tư đáp ứng mục tiêu, định hướng phát triển đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; dự kiến phân chia dự án thành phần (nếu có); sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư bảo đảm yêu cầu đồng bộ; sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở và việc dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội; sơ bộ phương án đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng đô thị trong và ngoài phạm vi dự án. Đối với các dự án đầu tư xây dựng còn lại thì bổ sung dự kiến phân chia dự án thành phần (nếu có);</p> <p>+ Trường hợp dự án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập, trong đó đề xuất lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu, ngoài các nội dung quy định tại điểm d khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 33 Luật Đầu tư, đề xuất dự án đầu tư bổ sung sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án theo quy định pháp luật về đấu thầu. Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án được xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư của dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng, không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư</p> <p>+ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; + Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh;</p>	

Stt	Mã số	Tên thủ tục	Thành phần hồ sơ cần số hóa	Ghi chú
		UBND cấp tỉnh	<p><b>Thành phần hồ sơ cần số hóa</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với nhà đầu tư là tổ chức;</li> <li>+ Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, e, g và h khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư (nếu có).</li> </ul>	
564	1.009647	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với Trường hợp 1: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;</li> <li>+ Tài liệu liên quan đến việc thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư.</li> </ul> </li> <li>- Đối với Trường hợp 2: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;</li> <li>+ Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh;</li> <li>+ Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với nhà đầu tư là tổ chức;</li> <li>+ Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có).</li> </ul> </li> </ul>	
565	1.009649	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;</li> <li>- Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chuyển nhượng dự án đầu tư;</li> <li>- Hợp đồng hoặc hợp đồng nguyên tắc về việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư;</li> <li>- Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng;</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có);</li> <li>- Bản sao Hợp đồng BCC (đối với dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng BCC);</li> <li>- Bản sao một trong các tài liệu sau của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất hoặc báo cáo kiểm toán vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.</li> </ul>	



Stt	Mã số	Tên thủ tục	Thành phần hồ sơ cần số hóa	Ghi chú
566	1.009650	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;</li> <li>- Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư giữa bên nhận bảo đảm và nhà đầu tư nhận chuyển nhượng;</li> <li>- Hợp đồng cho vay hoặc hợp đồng cấp tín dụng hoặc hợp đồng mua bán nợ (nếu có);</li> <li>- Hợp đồng hoặc văn bản xác nhận giao dịch bảo đảm (nếu có);</li> <li>- Văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp bên nhận bảo đảm, cơ quan thi hành án dân sự bán đấu giá tài sản (nếu có);</li> <li>- Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư chuyển nhượng và nhà đầu tư nhận chuyển nhượng;</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có);</li> <li>- Bản sao một trong các tài liệu sau của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất hoặc báo cáo kiểm toán vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;</li> <li>- Văn bản xác nhận của bên nhận bảo đảm về tình trạng pháp lý của tài sản bảo đảm.</li> </ul>	
567	1.009652	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;</li> <li>- Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư;</li> <li>- Quyết định của nhà đầu tư về việc chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương;</li> <li>- Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có);</li> <li>- Bản sao Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có);</li> <li>- Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có);</li> </ul>	

Stt	Mã số	Tên thủ tục	Thành phần hồ sơ cần số hóa	Ghi chú
568	1.009653	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	<p><b>Thành phần hồ sơ cần số hóa</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;</li> <li>- Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức kinh tế sau khi tổ chức lại;</li> <li>- Bản sao nghị quyết hoặc quyết định của nhà đầu tư là tổ chức kinh tế bị tổ chức lại về việc tổ chức lại, trong đó có nội dung về việc xử lý tài sản, quyền và nghĩa vụ liên quan đến dự án đầu tư;</li> <li>- Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có);</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có).</li> </ul>	
569	1.009654	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;</li> <li>- Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm góp vốn;</li> <li>- Thỏa thuận của các cổ đông, thành viên về việc sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn thành lập doanh nghiệp hoặc góp thêm vốn điều lệ của doanh nghiệp đang hoạt động;</li> <li>- Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư góp vốn, nhà đầu tư nhận góp vốn;</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có) của bên góp vốn;</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất.</li> </ul>	
570	1.009655	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;</li> <li>- Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm hợp tác kinh doanh;</li> <li>- Bản sao hợp đồng hợp tác kinh doanh;</li> <li>- Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của các bên tham gia hợp tác kinh doanh;</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có) của nhà đầu tư sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh;</li> </ul>	

Stt	Mã số	Tên thủ tục	Thành phần hồ sơ cần số hóa	Ghi chú
			<p><b>Thành phần hồ sơ cần số hóa</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất;</li> <li>- Bản sao một trong các tài liệu sau của bên tham gia hợp tác kinh doanh: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất hoặc báo cáo kiểm toán vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.</li> </ul>	
571	1.009656	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trong tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;</li> <li>- Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;</li> <li>- Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án, trong tài;</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có).</li> </ul>	
572	1.009657	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trong tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;</li> <li>- Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;</li> <li>- Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án, trong tài;</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có).</li> </ul>	

Stt	Mã số	Tên thủ tục	Thành phần hồ sơ cần số hóa	Ghi chú
573	1.009659	<p>Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)</p> <p>Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư;</li> <li>- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư;</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;</li> <li>- Quyết định chấp thuận nhà đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;</li> <li>- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;</li> <li>- Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.</li> </ul>	
574	1.009661	<p>Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản thông báo ngừng hoạt động của dự án đầu tư.</li> </ul>	
575	1.009662	<p>Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản thông báo chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư;</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).</li> <li>- Tài liệu ghi nhận việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư.</li> </ul>	
576	1.009664	<p>Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận;</li> <li>- Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;</li> </ul>	

Stt	Mã số	Tên thủ tục	Thành phần hồ sơ cần số hóa	Ghi chú
577	1.009665	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	<p><b>Thành phần hồ sơ cần số hóa</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;</li> <li>- Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: nhà đầu tư hoặc hình thức lựa chọn nhà đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án và đề xuất nhu cầu sử dụng đất (nếu có), nhu cầu về lao động, đề xuất hướng ưu đãi đầu tư, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì nhà đầu tư được nộp báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư;</li> <li>- Trường hợp dự án đầu tư không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm đề thực hiện dự án đầu tư;</li> <li>- Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;</li> <li>- Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC;</li> <li>- Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).</li> </ul> <p>(*) Đối với dự án đầu tư đã triển khai hoạt động, nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó đề xuất dự án đầu tư được thay bằng báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư từ thời điểm triển khai đến thời điểm đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp lại hoặc hiệu đính.</li> <li>- Văn bản đề nghị cấp lại hoặc hiệu đính.</li> </ul>	

Stt	Mã số	Tên thủ tục	Thành phần hồ sơ cần số hóa	Ghi chú
578	1.009671	Thủ tục đối Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	<p><b>Thành phần hồ sơ cần số hóa</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị đối Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.</li> <li>- Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.</li> </ul>	
579	1.009729	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp gồm những nội dung: thông tin về đăng ký doanh nghiệp của tổ chức kinh tế mà nhà đầu tư nước ngoài dự kiến góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp; ngành, nghề kinh doanh; danh sách chủ sở hữu, thành viên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (nếu có); tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trước và sau khi góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp vào tổ chức kinh tế; giá trị giao dịch dự kiến của hợp đồng góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp; thông tin về dự án đầu tư của tổ chức kinh tế (nếu có);</li> <li>- Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân, tổ chức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp;</li> <li>- Văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp giữa nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp hoặc giữa nhà đầu tư nước ngoài với cổ đông hoặc thành viên của tổ chức kinh tế đó;</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp (đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 65 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.</li> </ul>	
580	1.009731	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đăng ký thành lập văn phòng điều hành gồm: tên và địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có) của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC; tên, địa chỉ văn phòng điều hành; nội dung, thời hạn, phạm vi hoạt động của văn phòng điều hành; họ, tên, nơi cư trú, số Giấy chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu của người đứng đầu văn phòng điều hành;</li> <li>- Quyết định của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC về việc thành lập văn phòng điều hành;</li> <li>- Bản sao quyết định bổ nhiệm người đứng đầu văn phòng điều hành;</li> </ul>	

Stt	Mã số	Tên thủ tục	Thành phần hồ sơ cần số hóa	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao hợp đồng BCC.</li> <li>- Quyết định chấm dứt hoạt động của văn phòng điều hành trong trường hợp văn phòng điều hành chấm dứt hoạt động trước thời hạn;</li> <li>- Danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán;</li> <li>- Danh sách người lao động, quyền và lợi ích của người lao động đã được giải quyết;</li> <li>- Xác nhận của cơ quan thuế về việc đã hoàn thành nghĩa vụ về thuế;</li> <li>- Xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội về việc đã hoàn thành nghĩa vụ về bảo hiểm xã hội;</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành;</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;</li> <li>- Bản sao hợp đồng BCC.</li> </ul>	
III	<b>Lĩnh vực đầu thầu</b>			
582	2.002283	Thủ tục Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đôi với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, bao gồm cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu hồ sơ đề xuất dự án không được chấp thuận;</li> <li>- Nội dung đề xuất dự án đầu tư gồm: Tên dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, vốn đầu tư, phương án huy động vốn, thời hạn, tiến độ đầu tư; phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển bền vững của dự án đầu tư;</li> <li>- Đề xuất dự kiến nhu cầu sử dụng đất; thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án (nếu có); mục đích sử dụng đất; các chỉ tiêu quy hoạch được duyệt;</li> <li>- Các tài liệu cần thiết khác để giải trình hồ sơ đề xuất dự án (nếu có).</li> </ul>	
IV	<b>Lĩnh vực đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức</b>			
583	2.002551	Quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo mẫu tại Phụ lục IVa kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP</li> <li>- Báo cáo kết quả thẩm định nội bộ của cơ quan chủ quản về chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi</li> </ul>	

Stt	Mã số	Tên thủ tục	Thành phần hồ sơ cần số hóa	Ghi chú
584	1.008423	Quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	<p>- Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chương trình, dự án trong giai đoạn trước (đối với các chương trình, dự án thực hiện giai đoạn trước, tiếp tục thực hiện trong giai đoạn mới)</p> <p>Tờ trình thẩm định chương trình, dự án</p>	
585	2.002058	Xác nhận chuyên gia	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản cam kết không mang quốc tịch Việt Nam của chuyên gia.</li> <li>- Bản gốc hoặc bản sao (có chứng thực) các tài liệu sau: (i) Quyết định phê duyệt kết quả đầu thầu dịch vụ tư vấn (cá nhân hoặc nhóm chuyên gia); (ii) Tài liệu đầu thầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm phần danh sách tư vấn).</li> <li>- Văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thẩm định và trình xem xét, quyết định phê duyệt chương trình, dự án</li> <li>- Văn bản đề nghị phê duyệt chương trình, dự án;</li> <li>- Văn bản nhất trí cung cấp viện trợ của Bên cung cấp viện trợ.</li> <li>- Văn kiện chương trình, dự án;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (không áp dụng với trường hợp Bên cung cấp viện trợ là các cơ quan đại diện ngoại giao, các cơ quan thuộc chính phủ, chính quyền địa phương nước ngoài). + Đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đã đăng ký tại Việt Nam: Bản sao Giấy đăng ký do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp; + Đối với cá nhân cung cấp viện trợ: Bản sao công chứng hộ chiếu còn hiệu lực; + Đối với các bên cung cấp viện trợ khác: Bản sao công chứng giấy tờ hợp lệ chứng minh địa vị pháp lý của tổ chức.</li> <li>- Văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thẩm định và trình xem xét, quyết định phê duyệt chương trình, dự án</li> <li>- Văn bản đề nghị phê duyệt chương trình, dự án;</li> <li>- Văn bản nhất trí cung cấp viện trợ của Bên cung cấp viện trợ.</li> <li>- Văn kiện chương trình, dự án;</li> </ul>	
586	2.002333	Lập, thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại, không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		
587	2.002334	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển		



Stt	Mã số	Tên thủ tục	Thành phần hồ sơ cần số hóa	Chi chú
		chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	<p><b>Thành phần hồ sơ cần số hóa</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn kiện chương trình, dự án phải được xây dựng theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư công và đầu tư xây dựng công trình.</li> <li>- Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (không áp dụng với trường hợp Bên cung cấp viện trợ là các cơ quan đại diện ngoại giao, các cơ quan thuộc chính phủ, chính quyền địa phương nước ngoài).</li> <li>+ Đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đã đăng ký tại Việt Nam: Bản sao Giấy đăng ký do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp;</li> <li>+ Đối với cá nhân cung cấp viện trợ: Bản sao công chứng hộ chiếu còn hiệu lực;</li> <li>+ Đối với các bên cung cấp viện trợ khác: Bản sao công chứng giấy tờ hợp lệ chứng minh địa vị pháp lý của tổ chức.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thẩm định và trình xem xét, quyết định phê duyệt phi dự án;</li> <li>- Văn bản đề nghị phê duyệt phi dự án;</li> <li>- Văn bản nhất trí cung cấp viện trợ của Bên cung cấp viện trợ.</li> <li>- Văn kiện phi dự án;</li> <li>- Chứng thư giám định chất lượng hàng hóa được cấp bởi tổ chức giám định hợp pháp và đủ năng lực được Việt Nam hoặc nước sở tại công nhận. Chứng thư giám định phải nêu kết luận về chất lượng của hàng hóa, thiết bị, phương tiện vận tải tải đặt yêu cầu của tiêu chuẩn Việt Nam hoặc đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn tương đương được Việt Nam chấp nhận.</li> <li>- Đối với khoản viện trợ phi dự án là các phương tiện vận tải đã qua sử dụng, cần có thêm các văn bản sau: bản dịch tiếng Việt đã được công chứng của bản đăng ký hoặc Giấy chứng nhận sở hữu phương tiện của Bên cung cấp viện trợ; bản dịch tiếng Việt đã được công chứng của giấy Chứng nhận đăng kiểm của cơ quan có thẩm quyền của nước Bên cung cấp viện trợ. Trong trường hợp có phương tiện tạm nhập tái xuất thì cần có Giấy Chứng nhận đăng kiểm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.</li> <li>- Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (không áp dụng với trường hợp Bên cung cấp viện trợ là các cơ quan đại diện ngoại giao, các cơ quan thuộc chính phủ, chính quyền địa phương nước ngoài). + Đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đã</li> </ul>	
588	2.002335	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hồ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thẩm định và trình xem xét, quyết định phê duyệt phi dự án;</li> <li>- Văn bản đề nghị phê duyệt phi dự án;</li> <li>- Văn bản nhất trí cung cấp viện trợ của Bên cung cấp viện trợ.</li> <li>- Văn kiện phi dự án;</li> <li>- Chứng thư giám định chất lượng hàng hóa được cấp bởi tổ chức giám định hợp pháp và đủ năng lực được Việt Nam hoặc nước sở tại công nhận. Chứng thư giám định phải nêu kết luận về chất lượng của hàng hóa, thiết bị, phương tiện vận tải tải đặt yêu cầu của tiêu chuẩn Việt Nam hoặc đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn tương đương được Việt Nam chấp nhận.</li> <li>- Đối với khoản viện trợ phi dự án là các phương tiện vận tải đã qua sử dụng, cần có thêm các văn bản sau: bản dịch tiếng Việt đã được công chứng của bản đăng ký hoặc Giấy chứng nhận sở hữu phương tiện của Bên cung cấp viện trợ; bản dịch tiếng Việt đã được công chứng của giấy Chứng nhận đăng kiểm của cơ quan có thẩm quyền của nước Bên cung cấp viện trợ. Trong trường hợp có phương tiện tạm nhập tái xuất thì cần có Giấy Chứng nhận đăng kiểm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.</li> <li>- Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (không áp dụng với trường hợp Bên cung cấp viện trợ là các cơ quan đại diện ngoại giao, các cơ quan thuộc chính phủ, chính quyền địa phương nước ngoài). + Đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đã</li> </ul>	

Stt	Mã số	Tên thủ tục	Thành phần hồ sơ cần số hóa	Ghi chú
V		<b>Lĩnh vực thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100 phần trăm vốn điều lệ</b>	<p>đăng ký tại Việt Nam; Bản sao Giấy đăng ký do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp; + Đối với cá nhân cung cấp viện trợ: Bản sao công chứng hộ chiếu còn hiệu lực; + Đối với các bên cung cấp viện trợ khác: Bản sao công chứng giấy tờ hợp lệ chứng minh địa vị pháp lý của tổ chức.</p>	
589	2.000529	Thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình đề nghị thành lập doanh nghiệp.</li> <li>- Đề án thành lập doanh nghiệp phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau: a) Căn cứ pháp lý, mục tiêu, sự cần thiết thành lập doanh nghiệp; b) Tên gọi, mô hình tổ chức quản lý doanh nghiệp và thời gian hoạt động; c) Địa điểm trụ sở chính của doanh nghiệp, địa điểm xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh và diện tích đất sử dụng; chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có); d) Nhiệm vụ do Nhà nước giao; ngành, nghề kinh doanh; danh mục sản phẩm, dịch vụ do doanh nghiệp cung ứng; đ) Đánh giá sự phù hợp của việc thành lập doanh nghiệp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành quốc gia; e) Tình hình thị trường, nhu cầu và triển vọng thị trường về từng loại sản phẩm, dịch vụ do doanh nghiệp cung ứng; công nghệ dự kiến áp dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh; kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm sau khi thành lập; g) Mức vốn điều lệ; dự kiến tổng vốn đầu tư (trường hợp thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ gắn với thực hiện dự án đầu tư); nguồn và hình thức huy động số vốn còn lại ngoài nguồn vốn đầu tư ban đầu của Nhà nước; phương án hoàn trả vốn huy động; nhu cầu và biện pháp tạo vốn lưu động đối với doanh nghiệp; h) Dự kiến hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội; i) Dự kiến khả năng cung ứng nguồn lao động, nguyên liệu, vật liệu, năng lượng, công nghệ và các điều kiện cần thiết khác để hoạt động sau khi thành lập.</li> </ul>	
590	2.001061	Hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình đề nghị hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp;</li> <li>- Đề án hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:             <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Tên, địa chỉ các doanh nghiệp trước và sau khi hợp nhất, sáp nhập; b) Sự cần thiết của việc hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp; sự phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành quốc gia; c) Mức vốn điều lệ của doanh</li> </ul> </li> </ul>	

Stt	Mã số	Tên thủ tục	Thành phần hồ sơ cần số hóa	Ghi chú
		Thành lập hoặc được giao quản lý	<p>nghị sau khi hợp nhất, sáp nhập; d) Phương án sắp xếp, sử dụng lao động; đ) Phương án xử lý tài chính, chuyển đổi, bàn giao vốn, tài sản và giải quyết các quyền, nghĩa vụ của các doanh nghiệp liên quan đến việc hợp nhất, sáp nhập; e) Thời hạn thực hiện hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp;</p> <p>- Báo cáo tài chính năm trước liền kề của doanh nghiệp đã được kiểm toán và báo cáo tài chính quý gần nhất với thời điểm hợp nhất, sáp nhập;</p> <p>- Dự thảo Điều lệ của doanh nghiệp mới được hình thành sau khi hợp nhất, sáp nhập;</p> <p>- Dự thảo Hợp đồng hợp nhất, sáp nhập theo quy định tại Điều 200, Điều 201 Luật Doanh nghiệp đối với trường hợp sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp;</p> <p>- Các tài liệu khác có liên quan đến việc hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp (nếu có).</p> <p>- Tờ trình đề nghị chia, tách doanh nghiệp;</p> <p>- Đề án chia, tách doanh nghiệp phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau: a) Tên, địa chỉ các doanh nghiệp trước và sau khi chia, tách; b) Sự cần thiết của việc chia, tách doanh nghiệp; sự phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành quốc gia; c) Mức vốn điều lệ của doanh nghiệp sau khi chia, tách; d) Phương án sắp xếp, sử dụng lao động; đ) Phương án xử lý tài chính, chuyển đổi, bàn giao vốn, tài sản và giải quyết các quyền, nghĩa vụ của các doanh nghiệp liên quan đến việc chia, tách; e) Thời hạn thực hiện chia, tách doanh nghiệp; g) Trường hợp chia, tách doanh nghiệp để hình thành các doanh nghiệp mới thì Đề án chia, tách doanh nghiệp bao gồm thêm các nội dung khác quy định tại Khoản 3 Điều 6 Nghị định 23/2022/NĐ-CP.</p> <p>- Báo cáo tài chính năm trước liền kề của doanh nghiệp đã được kiểm toán và báo cáo tài chính quý gần nhất với thời điểm chia, tách;</p> <p>- Dự thảo Điều lệ của doanh nghiệp mới được hình thành sau khi chia, tách</p> <p>- Các tài liệu khác có liên quan đến việc chia, tách doanh nghiệp (nếu có).</p>	
591	2.001025	Chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	<p>- Tờ trình đề nghị chia, tách doanh nghiệp;</p> <p>- Đề án chia, tách doanh nghiệp phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau: a) Tên, địa chỉ các doanh nghiệp trước và sau khi chia, tách; b) Sự cần thiết của việc chia, tách doanh nghiệp; sự phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành quốc gia; c) Mức vốn điều lệ của doanh nghiệp sau khi chia, tách; d) Phương án sắp xếp, sử dụng lao động; đ) Phương án xử lý tài chính, chuyển đổi, bàn giao vốn, tài sản và giải quyết các quyền, nghĩa vụ của các doanh nghiệp liên quan đến việc chia, tách; e) Thời hạn thực hiện chia, tách doanh nghiệp; g) Trường hợp chia, tách doanh nghiệp để hình thành các doanh nghiệp mới thì Đề án chia, tách doanh nghiệp bao gồm thêm các nội dung khác quy định tại Khoản 3 Điều 6 Nghị định 23/2022/NĐ-CP.</p> <p>- Báo cáo tài chính năm trước liền kề của doanh nghiệp đã được kiểm toán và báo cáo tài chính quý gần nhất với thời điểm chia, tách;</p> <p>- Dự thảo Điều lệ của doanh nghiệp mới được hình thành sau khi chia, tách</p> <p>- Các tài liệu khác có liên quan đến việc chia, tách doanh nghiệp (nếu có).</p>	
592	1.002395	Tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh tại doanh nghiệp do Nhà	Theo quy định khi thực hiện thủ tục "Thông báo tạm ngừng kinh doanh".	

Stt	Mã số	Tên thủ tục	Thành phần hồ sơ cần số hóa	Ghi chú
593	2.001021	<p>nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)</p> <p>Giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)</p>	<p>Văn bản đề nghị giải thể doanh nghiệp</p>	
<b>VI</b>	<b>Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa</b>			
594	2.002418	<p>Hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị</p>	<p>- Tờ khai xác định doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa và đề xuất nhu cầu hỗ trợ theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, trong đó ghi rõ nội dung và mức ngân sách đề nghị được hỗ trợ, báo giá của bên cung cấp (nếu có).</p> <p>- Tài liệu xác định DNNVV khởi nghiệp sáng tạo: Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định DNNVV khởi nghiệp sáng tạo trên căn cứ có giải thưởng cấp quốc gia, quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo hoặc sản phẩm, dự án về đổi mới sáng tạo; hoặc được cấp văn bằng bảo hộ đối với sáng chế, hoặc được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ, Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Khoản 1, Điều 21 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP), tài liệu xác định bao gồm: + Giấy chứng nhận đạt giải thưởng cấp quốc gia, quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo hoặc sản phẩm, dự án về đổi mới sáng tạo. Giấy chứng nhận có thời gian không quá 05 năm tính đến thời điểm DNNVV nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ; + Văn bằng bảo hộ đối với sáng chế hoặc giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ hoặc giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao với điều kiện các tài liệu này vẫn còn thời hạn tính đến thời điểm DNNVV nộp hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ. Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định DNNVV khởi nghiệp sáng tạo trên căn cứ đã được đầu tư hoặc cam kết đầu tư bởi các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo;</p>	

Stt	Mã số	Tên thủ tục	Thành phần hồ sơ cần số hóa	Ghi chú
			<p>được hỗ trợ hoặc cam kết hỗ trợ bởi các khu làm việc chung, các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở ươm tạo, cơ sở thúc đẩy kinh doanh, các trung tâm đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về đầu tư (Khoản 2, Điều 21 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP), tài liệu bao gồm: + Hợp đồng góp vốn hoặc văn bản xác nhận khoản đầu tư của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo có giá trị tối thiểu 01 tỷ đồng; thời điểm đầu tư không quá 05 năm đến khi DNNVV nộp hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ; + Văn bản cam kết của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo với khoản đầu tư tối thiểu 500 triệu đồng và thời điểm cam kết không quá 01 năm đến khi DNNVV nộp hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ; + Văn bản xác nhận hoặc hợp đồng thể hiện đang thực hiện hỗ trợ cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo của các khu làm việc chung, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở ươm tạo, cơ sở thúc đẩy kinh doanh, trung tâm đổi mới sáng tạo; hoặc văn bản cam kết hoặc hợp đồng thể hiện sẽ hỗ trợ cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo. Thời điểm xác nhận, cam kết hỗ trợ không quá 06 tháng tính đến thời điểm DNNVV nộp hồ sơ đề xuất hỗ trợ.</p> <p>- Tài liệu xác định DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị thuộc lĩnh vực sản xuất, chế biến. + Đối với DNNVV là doanh nghiệp đầu chuỗi được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam: Tài liệu xác định quy mô là DNNVV. + DNNVV đang thực hiện hợp đồng mua, bán sản phẩm, dịch vụ hoặc hợp đồng hợp tác, liên kết với doanh nghiệp đầu chuỗi: Tài liệu là tối thiểu 01 hợp đồng mua hoặc bán sản phẩm hoặc hợp tác, liên kết với doanh nghiệp đầu chuỗi. + DNNVV được các doanh nghiệp đầu chuỗi hoặc cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV đánh giá có tiềm năng trở thành nhà cung ứng cho doanh nghiệp đầu chuỗi: tài liệu là xác nhận của doanh nghiệp đầu chuỗi.</p> <p>- Các tài liệu liên quan trực tiếp khác (nếu có)</p>	
<b>B.</b>	<b>CẤP HUYỆN</b>			
<b>I.</b>	<b>LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH</b>			
595	1.001612	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh - Giấy tờ pháp lý cá nhân	

Stt	Mã số	Tên thủ tục	Thành phần hồ sơ cần số hóa	Ghi chú
596	2.000720	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản ủy quyền (nếu có)</li> <li>- Kết quả: Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh</li> </ul> <p>1. Trường hợp thay đổi nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh</li> </ul> <p>Kết quả: Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh</p> <p>2. Trường hợp thay đổi chủ hộ kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo thay đổi chủ hộ kinh doanh</li> <li>- Hợp đồng mua bán, tặng cho, thừa kế</li> <li>- Văn bản ủy quyền (nếu có)</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh</li> </ul> <p>Kết quả: Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh</p> <p>Doanh</p> <p>3. Trường hợp chuyển địa chỉ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh</li> <li>- Giấy tờ pháp lý cá nhân</li> </ul> <p>Kết quả: Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh</p>	
597	1.001570	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh</li> <li>- Kết quả: Giấy xác nhận về việc tạm ngừng kinh doanh/Giấy xác nhận về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh</li> </ul>	
598	1.001266	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh</li> <li>- Thông báo về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế của Cơ quan thuế</li> <li>- Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh</li> <li>- Kết quả: Thông báo về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh.</li> </ul>	
599	2.000575	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh Giấy phép đăng ký kinh doanh	
I.	<b>LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ VÀ HỢP TÁC XÃ</b>			

Stt	Mã số	Tên thủ tục	Thành phần hồ sơ cần số hóa	Ghi chú
600	1.005280	Đăng ký thành lập hợp tác xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã;</li> <li>- Điều lệ;</li> <li>- Phương án sản xuất kinh doanh;</li> <li>- Danh sách thành viên hợp tác xã;</li> <li>- Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên;</li> <li>- Nghị quyết Hội nghị thành lập;</li> <li>- Trường hợp đăng ký hợp tác xã là tổ chức tín dụng kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</li> </ul>	
601	2.002123	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông báo về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo mẫu quy định tại Phụ lục I-7 Thông tư số 07/2019/TT-BKHDT.</li> <li>- Nghị quyết của đại hội thành viên về việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã;</li> <li>- Quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc cử người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;</li> <li>- Kết quả: Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.</li> </ul>	
602	1.005277	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo pháp luật của liên hiệp hợp tác xã.</li> <li>- Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của liên hiệp hợp tác xã;</li> <li>- Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã.</li> </ul>	
603	1.005378	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã;</li> <li>- Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của Hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã;</li> </ul>	

Stt	Mã số	Tên thủ tục	Thành phần hồ sơ cần số hóa	Ghi chú
604	2.002122	Đăng ký khi hợp tác xã chia	<p><b>Thành phần hồ sơ cần số hóa</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đối với trường hợp thay đổi người đại diện.</li> <li>- Kết quả: Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.</li> <li>- Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký.</li> <li>- Giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã;</li> <li>- Điều lệ;</li> <li>- Phương án sản xuất kinh doanh;</li> <li>- Danh sách hợp tác xã thành viên;</li> <li>- Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên;</li> <li>- Nghị quyết của Đại hội thành viên về việc chia hợp tác xã.</li> <li>- Trường hợp đăng ký hợp tác xã là tổ chức tín dụng kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</li> <li>- Kết quả: Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.</li> </ul>	
605	2.002120	Đăng ký khi hợp tác xã tách	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký.</li> <li>- Giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã;</li> <li>- Điều lệ;</li> <li>- Phương án sản xuất kinh doanh;</li> <li>- Danh sách hợp tác xã thành viên;</li> <li>- Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên;</li> <li>- Nghị quyết của đại hội thành viên về việc tách hợp tác xã.</li> <li>- Trường hợp đăng ký hợp tác xã là tổ chức tín dụng kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</li> <li>- Kết quả: Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.</li> </ul>	



Stt	Mã số	Tên thủ tục	Thành phần hồ sơ cần số hóa	Ghi chú
606	1.005121	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký.</li> <li>- Giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã;</li> <li>- Điều lệ;</li> <li>- Phương án sản xuất kinh doanh;</li> <li>- Danh sách hợp tác xã thành viên;</li> <li>- Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên;</li> <li>- Nghị quyết của đại hội thành viên về việc hợp nhất hợp tác xã.</li> <li>- Trường hợp đăng ký hợp tác xã hợp nhất là tổ chức tín dụng kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</li> <li>- Kết quả: Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã</li> </ul>	
607	1.004972	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	<p>Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã;</li> <li>- Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký</li> <li>- Nghị quyết của đại hội thành viên về việc sáp nhập hợp tác xã.</li> </ul>	
608	2.001973	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký.</li> <li>- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh,</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện,</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh</li> <li>- Kết quả: Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh</li> </ul>	

Stt	Mã số	Tên thủ tục	Thành phần hồ sơ cần số hóa	Ghi chú
609	1.004982	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo về việc giải thể hợp tác xã;</li> <li>- Nghị quyết của đại hội thành viên về việc giải thể hợp tác xã;</li> <li>- Biên bản hoàn thành việc giải thể hợp tác xã;</li> <li>- Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu của hợp tác xã;</li> <li>- Giấy biên nhận của cơ quan thông tin đại chúng về việc nhận đăng thông báo về việc giải thể hợp tác xã hoặc bản in 03 số báo liên tiếp đã đăng thông báo về việc giải thể hợp tác xã.</li> <li>- Kết quả: Giấy xác nhận về việc giải thể hợp tác xã</li> </ul>	
610	1.004979	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã;</li> <li>- Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của Hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã;</li> <li>- Điều lệ sửa đổi (trong trường hợp thay đổi điều lệ của hợp tác xã);</li> <li>- Danh sách hợp tác xã thành viên sau khi thay đổi (trong trường hợp thay đổi số lượng hợp tác xã thành viên);</li> <li>- Danh sách thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên sau khi thay đổi (trong trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên).</li> <li>- Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký hợp tác xã.</li> <li>- Kết quả: Bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã.</li> </ul>	
611	2.001958	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã;</li> <li>- Nghị quyết của đại hội thành viên về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã.</li> <li>- Kết quả: Bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã.</li> </ul>	
612	1.005377	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã;</li> <li>- Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của Hội đồng quản trị về việc tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, tạm ngừng hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.</li> </ul>	

Stt	Mã số	Tên thủ tục	Thành phần hồ sơ cần số hóa	Ghi chú
			<p><b>Thành phần hồ sơ cần số hóa</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả: Lưu hồ sơ đăng ký hợp tác xã</li> <li>- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã;</li> <li>- Nghị quyết của đại hội thành viên về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã;</li> <li>- Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.</li> <li>- Kết quả: Giấy xác nhận về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.</li> </ul>	
613	1.005010	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký hợp tác xã.</li> <li>- Giấy đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;</li> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được cấp trước đây và bản chính.</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký thuế</li> <li>- Kết quả: Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.</li> </ul>	
614	1.004901	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã;</li> <li>- Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã;</li> <li>- Bộ hồ sơ đã được cơ quan đăng ký hợp tác xã cũ bàn giao (khi hợp tác xã tiến hành đăng ký tại Phòng Tài chính - Kế hoạch đăng ký hợp tác xã mới).</li> <li>- Kết quả: Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.</li> </ul>	
615	1.004895	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã		
C.	<b>CẤP XÃ</b>			
616	Lĩnh vực	<b>Thành lập và hoạt động của Tổ hợp tác</b>		
617	2.002228	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy thông báo về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác;</li> <li>2. Biên bản cuộc họp tổ hợp tác về việc bầu tổ trưởng;</li> <li>3. Biên bản cuộc họp thành viên tổ hợp tác về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác.</li> </ol>	

Sтт	Mã số	Tên thủ tục	Thành phần hồ sơ cần số hóa	Ghi chú
618	2.002227	Thông báo thay đổi tổ hợp tác	1. Giấy thông báo thay đổi tổ hợp tác. 2. Hợp đồng hợp tác. 3. Biên bản cuộc họp tổ hợp tác về việc bầu tổ trưởng.	
619	2.002226	Thông báo thành lập tổ hợp tác	1. Giấy thông báo thành lập tổ hợp tác; 2. Hợp đồng hợp tác; 3. Biên bản cuộc họp tổ hợp tác về việc bầu tổ trưởng.	

### XII. NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Sтт	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
<b>A. CẤP TỈNH</b>				
<b>I. Lĩnh vực Thủy lợi</b>				
620	1.003921	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 03 (quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023).	
621	1.003893	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	1. Đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 03 (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023).	
622	1.003867	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý	1. Tờ trình đề nghị phê duyệt quy trình vận hành được lập theo mẫu 04 Phụ lục I Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018; 2. Báo cáo thuyết minh kết quả tính toán kỹ thuật; 3. Văn bản góp ý kiến của các tổ chức thủy lợi cơ sở, tổ chức khai thác công trình thủy lợi, cơ quan, đơn vị liên quan.	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
623	2.001804	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mọc chi giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Bản sao chụp Quyết định giao cho tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi hoặc hợp đồng khai thác công trình thủy lợi (bản sao có chứng thực điện tử hoặc bản chụp có bản chính đối chiếu theo quy định của Thông tư 01/2023/TT-VP-CP).</li> <li>2. Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công của công trình thủy lợi.</li> <li>3. Tờ trình đề nghị phê duyệt của tổ chức, cá nhân lập hồ sơ phương án cấm mọc chi giới</li> </ol>	
624	1.004427	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bản, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 (quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018)</li> <li>2. Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi của tổ chức, cá nhân</li> <li>3. Bản sao quyết định phê duyệt quy hoạch, chủ trương đầu tư, dự án đầu tư (Bản sao có chứng thực điện tử hoặc bản chụp có bản chính để đối chiếu theo quy định của Thông tư 01/2023/TT-VP-CP)</li> </ol>	
625	2.001793	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của UBND tỉnh	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 (quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018).</li> <li>2. Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi của tổ chức, cá nhân.</li> <li>3. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cơ giới đường bộ; phương tiện đường thủy nội địa.</li> </ol> <p>Đối với các dự án đầu tư trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi, hồ sơ đề nghị cấp phép phải bổ sung:</p>	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
626	1.004385	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;</li> <li>+ Bản sao quyết định phê duyệt quy hoạch, chủ trương đầu tư, dự án đầu tư;</li> <li>+ Bản sao thông báo thẩm định thiết kế cơ sở, bản vẽ thiết kế của dự án.</li> </ul> (Bản sao có chứng thực điện tử hoặc bản chụp có bản chính để đối chiếu theo quy định của Thông tư 01/2023/TT-VPCP)	
627	2.001791	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 (quy định Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018).</li> <li>2. Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi của tổ chức, cá nhân.</li> </ol> Đối với các dự án đầu tư trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi, hồ sơ đề nghị cấp phép phải bổ sung: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;</li> <li>+ Bản sao quyết định phê duyệt quy hoạch, chủ trương đầu tư, dự án đầu tư;</li> <li>+ Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</li> </ul>	
628	2.001796	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 (quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018)</li> <li>2. Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi.</li> <li>3. Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi của tổ chức, cá nhân.</li> </ol>	
628	2.001796	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 (quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018).</li> </ol>	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
		Lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	<ol style="list-style-type: none"> <li>3. Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi.</li> <li>4. Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi của tổ chức, cá nhân.</li> </ol>	
629	2.001795	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 (quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018).</li> <li>2. Sơ họa vị trí khu vực thực hiện các hoạt động đề nghị cấp phép.</li> <li>3. Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi.</li> <li>4. Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi của tổ chức, cá nhân.</li> </ol>	
630	2.001426	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép : Xây dựng công trình mới; Lắp bển, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép theo Mẫu số 02 (quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018).</li> <li>2. Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân.</li> <li>3. Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân.</li> </ol>	
631	2.001401	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép theo Mẫu số 02 (quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018);</li> <li>2. Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân;</li> <li>3. Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân;</li> </ol>	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
632	1.00388	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	<p>1. Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép theo Mẫu số 02 (quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018);</p> <p>2. Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân;</p> <p>3. Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân;</p>	
633	1.00387	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	<p>1. Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép theo Mẫu số 02 (quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018);</p> <p>2. Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân;</p> <p>3. Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân.</p>	
634	1.003232	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	<p>1. Báo cáo thuyết minh kết quả tính toán kỹ thuật.</p> <p>2. Tờ trình đề nghị phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa nước</p> <p>3. Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan.</p>	
635	1.003221	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	1. Tờ trình đề nghị phê duyệt	
636	1.003211	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	<p>1. Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật.</p> <p>2. Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án ứng phó thiên tai</p>	
637	1.003203	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	<p>1. Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật.</p> <p>3. Tờ trình đề nghị phê duyệt.</p> <p>3. Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan.</p>	
<b>II</b>		<b>Lĩnh vực Đề điều và Phòng, chống thiên tai</b>		



Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
638	1.008408	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1. Văn bản của Bên viện trợ thông báo hoặc thỏa thuận viện trợ, danh mục các khoản viện trợ (có bản dịch tiếng Việt kèm theo); 2. Tờ trình về việc phê duyệt tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ (nội dung tại Phụ lục I Nghị định 50/2020/NĐ-CP);	
639	1.008409	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ	1. Văn bản của nhà tài trợ thông nhất với nội dung khoản viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai (thông báo hoặc thỏa thuận viện trợ); 2. Văn bản trình phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế để khắc phục hậu quả thiên tai của cơ quan Chủ khoản viện trợ.	
III	<b>Lĩnh vực Bảo vệ thực vật</b>			
640	1.004363	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	1. Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT). 2. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).	
641	1.004346	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	1. Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT). 2. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).	
642	1.004509	Cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật	Đơn đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).	
643	1.004493	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh)	1. Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).	
644	1.007931	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2022/NĐ-CP.	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
645	1.007932	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	<p>(i) Trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng: + Bản chính Giấy chứng nhận đã được cấp (trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng). + Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2022/NĐ-CP.</p> <p>(ii) Trường hợp thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận: + Bản chính Giấy chứng nhận đã được cấp. + Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2022/NĐ-CP.</p> <p>(iii) Trường hợp thay đổi về địa điểm buôn bán phân bón: + Bản chính Giấy chứng nhận đã được cấp. + Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2022/NĐ-CP.</p>	
646	1.007933	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	1. Giấy xác nhận nội dung quảng cáo Văn bản xác nhận nội dung quảng cáo có giá trị trên phạm vi toàn quốc	
IV	Lĩnh vực Trồng trọt			
647	1.008003	Cấp quyết định, phục hồi quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	<p><b>a) Hồ sơ Cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng:</b> + Báo cáo kết quả bình tuyến cây đầu dòng theo Mẫu số 02.CDD Phụ lục VI Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019; báo cáo kết quả thiết lập vườn cây đầu dòng theo Mẫu số 03.CDD Phụ lục VI Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019. + Văn bản đề nghị cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng theo Mẫu số 01.CDD Phụ lục VI Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019.</p> <p><b>b) Hồ sơ phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng:</b> Văn bản đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng.</p>	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
648	1.012001	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ về giám định quyền đối với giống cây trồng;</li> <li>2. Tài liệu có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc người nộp hồ sơ đã trực tiếp làm công tác chuyên môn lĩnh vực giống cây trồng từ 05 năm trở lên;</li> <li>3. Tờ khai yêu cầu cấp Thẻ giám định viên theo Mẫu số 09 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ (Bản sao có chứng thực điện tử hoặc bản chụp có bản chính để đối chiếu theo quy định của Thông tư 01/2023/TT-VPCP)</li> </ol>	
649	1.011999	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Đơn yêu cầu thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	
650	1.012003	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng, làm theo Mẫu số 11 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ	
651	1.012004	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng, làm theo Mẫu số 11 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ	
652	1.012000	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Đơn yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	
V	Lĩnh vực	Lĩnh vực	Lĩnh vực	Chăn nuôi
653	1.008126	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (theo Mẫu số 01.TACN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<p>Bản thuyết minh điều kiện sản xuất (theo Mẫu số 02.TACN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).</p> <p>Quy trình kiểm soát chất lượng của cơ sở sản xuất (theo Mẫu số 03.TACN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).</p> <p>Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (theo Mẫu số 01.TACN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).</p>	
654	1.008127	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	<p>Bản thuyết minh điều kiện sản xuất (theo Mẫu số 02.TACN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).</p> <p>Quy trình kiểm soát chất lượng của cơ sở sản xuất (theo Mẫu số 03.TACN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).</p> <p>Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn (theo Mẫu số 01.ĐKCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).</p>	
655	1.008128	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	<p>Bản thuyết minh về điều kiện chăn nuôi (theo Mẫu số 02.ĐKCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).</p> <p>Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn (theo Mẫu số 01.ĐKCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).</p>	
656	1.008129	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	<p>Bản thuyết minh về điều kiện chăn nuôi (theo Mẫu số 02.ĐKCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).</p> <p>Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn (theo Mẫu số 01.ĐKCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).</p>	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			Bản thuyết minh về điều kiện chăn nuôi (theo Mẫu số 02-ĐKCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).	
VI	Lĩnh vực Thú y			
		Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	Đơn đăng ký cấp mới, đơn đăng ký gia gia hạn 2 hình 4x6  Chứng chỉ hành nghề thú y đã được cấp (trường hợp gia hạn).	
657	2.001064			
658	1.005319	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y).	Đơn đăng ký cấp lại. 2 hình 4 nhân 6  Chứng chỉ đã cấp, trừ trường hợp bị mất.	
659	2.002132	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y (Cấp Tỉnh)	Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y theo Mẫu 01 của Phụ lục Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT. Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y theo Mẫu số 06 Phụ lục Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT.	
660	1.001686	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y.	Đơn đăng ký Bản thuyết minh chi tiết về cơ sở, vật chất. Chứng chỉ hành nghề thú y (bản sao có chứng thực điện tử hoặc bản điện tử có bản chính đối chiếu)	
661	1.004022	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y.	Đơn xin xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y Bản sao giấy chứng nhận đăng ký thuốc thú y.	
662	1.004839	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Đơn cấp lại. Giấy đủ điều kiện đã cấp, trừ trường hợp bị mất.	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
663	1.011478	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật	Văn bản đề nghị theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT; Bản mô tả thông tin về vùng đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh động vật theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.	
664	1.011479	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật	Văn bản đề nghị theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT;	
665	1.011475	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	Đơn đăng ký theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT; Bản mô tả thông tin về cơ sở đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh động vật theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.	
666	1.011477	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	Đơn đăng ký theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.	
<b>VII</b>		<b>Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản</b>		
667	2.001827	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản.	- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP - Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh - Bản thuyết minh về cơ sở vật chất - Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm - Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức ATVSTP của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm. - Kết quả: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	
668	2.001823	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 6 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP - Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh - Bản thuyết minh về cơ sở vật chất - Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức ATVSTP của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm</li> <li>- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm</li> </ul>	
<b>VIII</b>	<b>Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn</b>			
669	1.003524	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy Đăng ký kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu theo Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 154/2018/NĐ-CP của Chính phủ;</li> <li>- Giấy chứng nhận chất lượng lô hàng muối nhập khẩu hoặc Chứng thư giám định chất lượng lô hàng muối nhập khẩu;</li> <li>- Giấy đăng ký kiểm tra thực phẩm nhập khẩu theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP;</li> <li>- Bản chính 03 (ba) Thông báo kết quả kiểm tra an toàn thực phẩm muối nhập khẩu được cơ quan kiểm tra đánh giá đạt yêu cầu an toàn thực phẩm sau 03 lần kiểm tra liên tiếp tại các ngày khác nhau đối với lô hàng muối nhập khẩu cùng loại, cùng xuất xứ, cùng nhà sản xuất, cùng người nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt (áp dụng đối với phương thức kiểm tra thông thường);</li> </ul>	
670	1.003486	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao giấy chứng nhận, huy chương đã đạt được trong các cuộc thi, triển lãm trong nước và quốc tế hoặc có tác phẩm đạt nghệ thuật cao được cấp tính, thành phố trở lên trao tặng (nếu có). Đối với những tổ chức, cá nhân không có điều kiện tham dự các cuộc thi, triển lãm hoặc không có tác phẩm đạt thường thì phải có bản mô tả đặc trưng mang bản sắc Văn hóa dân tộc của nghệ truyền thống;</li> <li>- Tờ trình của UBND huyện/Thành phố về việc đề nghị xét công nhận nghệ là làng nghề truyền thống (Mẫu số 5).</li> </ul>	
671	1.003712	Công nhận nghề truyền thống	<ul style="list-style-type: none"> <li>(Bản sao có chứng thực điện tử hoặc bản chụp có bản chính để đối chiếu theo quy định của Thông tư 01/2023/TT-VPPCP)</li> </ul>	
672	1.003695	Công nhận làng nghề	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản tóm tắt kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn trong 02 năm gần nhất (Mẫu số 3);</li> </ul>	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản bảo đảm các điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định (Văn bản của UBND huyện/Thành phố hoặc cơ quan có thẩm quyền).</li> <li>- Tờ trình của UBND huyện/Thành phố về việc đề nghị xét công nhận nghề là làng nghề (Mẫu số 5).</li> </ul>	
673	1.003434	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp huyện)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị của chủ dự án</li> <li>- Dự án liên kết</li> <li>- Bản thỏa thuận cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết</li> <li>- Bản sao chụp các chứng nhận về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm....</li> <li>- Bản sao chụp hợp đồng liên kết</li> <li>- Kế hoạch liên kết được duyệt</li> <li>- Kết quả: Quyết định phê duyệt kế hoạch</li> </ul>	
<b>IX</b>		<b>Lĩnh vực Thủy sản</b>		
674	1.004.918	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản theo Mẫu số 01.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP (đối với trường hợp cấp giấy chứng nhận và cấp lại)</li> <li>2. Bản chính Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản đã được cấp, trừ trường hợp Giấy chứng nhận bị mất (đối với trường hợp đề nghị cấp lại).</li> </ol>	
675	1.004.915	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất theo Mẫu số 11.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP (đối với trường hợp Giấy chứng nhận và trường hợp cấp lại)</li> <li>2. Bản chính Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đã được cấp, trừ trường hợp Giấy chứng nhận bị mất (đối với trường hợp đề nghị cấp lại).</li> </ol>	
676	1.004.692	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	<p>Hồ sơ đăng ký bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn đăng ký theo Mẫu số 26.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;</li> </ol> <p>Hồ sơ đăng ký lại bao gồm:</p>	



Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<ol style="list-style-type: none"> <li>2. Đơn đăng ký lại theo Mẫu số 27.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP</li> <li>3. Bản chính giấy xác nhận đăng ký đã được cấp (trừ trường hợp bị mất)</li> </ol>	
677	1.004.680	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn đăng ký xác nhận nguồn gốc theo Mẫu số 32.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP</li> <li>2. Giấy xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp hoặc loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm khai thác từ tự nhiên đối với trường hợp sử dụng cá thể có nguồn gốc từ tự nhiên để nuôi sinh trưởng, nuôi sinh sản và trồng cấy nhân tạo</li> </ol>	
678	1.004.656	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn đăng ký xác nhận nguồn gốc theo Mẫu 32.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP</li> <li>2. Tài liệu chứng minh nguồn gốc mẫu vật khai thác từ tự nhiên có xác nhận của Tổ chức quản lý cảng cá hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh tại thời điểm khai thác</li> </ol>	
679	1.004.359	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn đề nghị theo Mẫu số 02.KT Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP (cấp mới).</li> <li>2. Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03.KT Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.</li> <li>3. Bản chính giấy phép khai thác thủy sản đã được cấp, trong trường hợp thay đổi thông tin trong giấy phép.</li> </ol>	
680	1.004.697	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn đề nghị theo Mẫu số 01.TC Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP</li> <li>2. Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03.TC Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;</li> </ol>	
681	1.003.650	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	<p>I.Hồ sơ đối với tàu đóng mới gồm</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 02.DKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;</li> </ol>	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<p>2. Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);</p> <p>II. Hồ sơ đối với tàu cải hoán gồm:</p> <p>3. Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;</p> <p>4. Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu)</p> <p>5. Bản chính Giấy chứng nhận cải hoán, sửa chữa tàu theo Mẫu số 04.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;</p> <p>6. Văn bản chấp thuận cải hoán của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>III. Hồ sơ đối với tàu được mua bán, tặng cho gồm:</p> <p>7. Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;</p> <p>8. Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);</p> <p>9. Văn bản chấp thuận mua, bán tàu cá của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trừ trường hợp tàu cá mua bán trong tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>10. Bản chính Giấy chứng nhận xóa đăng ký.</p> <p>IV. Hồ sơ đối với tàu nhập khẩu gồm:</p> <p>11. Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;</p> <p>12. Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);</p> <p>V. Hồ sơ đối với tàu thuộc diện thuê tàu trần gồm:</p> <p>13. Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;</p> <p>14. Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);</p>	
682	1.003.634	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	<p>1. Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá theo Mẫu số 07.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;</p> <p>2. Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá hoặc Giấy xác nhận đã đăng ký, Giấy chứng nhận đăng ký tàu công vụ thủy sản cũ; trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá bị mất, chủ tàu phải khai báo và nêu rõ lý do;</p>	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
683	1.003.586	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá.	1. Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá theo Mẫu số 08-DKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT; BNNPTNT;	
684	1.003.681	Xóa đăng ký tàu cá	1. Tờ khai xóa đăng ký tàu cá theo Mẫu số 10-DKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT; 2. Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá; trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá bị mất, chủ tàu phải khai báo và nêu rõ lý do.	
685	1.003.666	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	1. Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác theo Mẫu số 05 Phụ lục III ban hành theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT; 2. Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác theo Mẫu số 05 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT hoặc giấy chứng nhận theo yêu cầu của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu đã kê khai đầy đủ thông tin;	
686	1.004.923	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	1. Đơn đề nghị theo Mẫu số 01.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; 2. Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản tại khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý theo Mẫu số 02.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;	
687	1.004.921	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	1. Đơn đề nghị theo Mẫu số 07.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP 2. Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện và dự thảo phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản mới đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao	
688	1.004.694	Công bố mở cảng cá loại 2	1. Đơn đề nghị công bố mở cảng cá theo Mẫu số 09.TC Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; 2. Văn bản cho phép đầu tư xây dựng cảng cá.	
<b>X</b>	<b>I. Lĩnh vực Kiểm lâm</b>			

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
689	3.000.160	Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ	<p>01 bản chính Bảng kê khai phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ theo Mẫu số 08 Phụ lục I kèm theo Nghị định 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ Quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam.</p> <p>01 bản chính Đề nghị phân loại doanh nghiệp theo Mẫu số 01 kèm theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông</p> <p>Bản phô tô hoặc bản chụp Tài liệu chứng minh tuân thủ tiêu chí phân loại doanh nghiệp theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông</p> <p>Đề nghị cấp mã số cơ sở nuôi, trồng theo Mẫu số 03 quy định tại Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ.</p> <p>Bản chính Phương án nuôi theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ (đôi với động vật). (kèm theo hồ sơ chứng minh nguồn gốc hợp pháp)</p> <p>Bản chính phương án trồng theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ (đôi với thực vật), (kèm theo hồ sơ chứng minh nguồn gốc hợp pháp)</p>	
690	1.004.815	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật nguy cấp, quý hiếm nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc phụ lục II và III Cites		
<b>XI</b>	<b>Lĩnh vực Lâm nghiệp</b>			
691	3.000.198	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	<p>Báo cáo kỹ thuật về nguồn giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 05 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT (bản chính).</p> <p>Văn bản đề nghị công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT (bản chính);</p>	
<b>XII</b>	<b>Lĩnh vực Khoa học, Công nghệ, Môi trường</b>			
692	1.009478	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn	<p>Đôi với trường hợp công bố hợp quy dựa vào đơn vị thứ 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản công bố hợp quy</li> <li>- Giấy chứng nhận sản phẩm</li> </ul>	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
		Kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành		
<b>B.</b>	<b>CẤP XÃ</b>			
<b>I.</b>	<b>Lĩnh vực thủy lợi</b>			
693	2.001621	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị hỗ trợ theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018;</li> <li>- Hồ sơ được phê duyệt;</li> <li>- Biên bản nghiệm thu giai đoạn hoặc nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng.</li> </ul>	
694	1.003446	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập</li> <li>- Dự thảo phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập</li> <li>- Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;</li> <li>- Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;</li> <li>- Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).</li> </ul>	
695	1.003440	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự thảo phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp;</li> <li>- Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;</li> <li>- Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;</li> <li>- Tờ trình đề nghị phê duyệt;</li> <li>- Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).</li> </ul>	
<b>II.</b>	<b>Lĩnh vực phòng, chống thiên tai</b>			
696	1.010091	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình</li> <li>- Đơn đề nghị thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ;</li> <li>- Phiếu xét nghiệm, đơn thuốc, hóa đơn thu tiền, giấy xuất viện.</li> </ul>	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
697	1.010092	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	<ul style="list-style-type: none"> <li>- + Tờ trình;</li> <li>- Trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao giấy chứng nhận thương tích do cơ sở y tế nơi đã cấp cứu, điều trị;</li> <li>- Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của hội đồng giám định y khoa bệnh viện cấp tỉnh và tương đương trở lên;</li> <li>- Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông)</li> <li>- Đơn đề nghị trợ cấp tai nạn theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ</li> <li>- + Giấy ra viện;</li> </ul>	
698	2.002162	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh theo mẫu số 1, 2, 3, 4, 5 Phụ lục I Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Bản kê khai số lượng chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) ban đầu theo mẫu số 6 Phụ lục I Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ hoặc giấy chứng nhận kiểm dịch (nếu có).</li> <li>- Bảng thống kê thiệt hại do dịch bệnh có xác nhận của thôn, bản, khu dân cư.</li> <li>- Bảng tổng hợp kết quả thực hiện hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh (Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5, 6) phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP (đối với cấp huyện, cấp xã)</li> <li>- Đơn đề nghị hỗ trợ thiệt hại do thiên tai theo Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5 Phụ lục I Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Bản kê khai số lượng chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) ban đầu theo mẫu số 6 Phụ lục I Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Bảng thống kê thiệt hại do thiên tai có xác nhận của thôn, bản, khu dân cư.</li> <li>- Bảng tổng hợp kết quả thực hiện hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh (Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5, 6) phụ lục II</li> </ul>	
699	2.002161	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị hỗ trợ thiệt hại do thiên tai có xác nhận của thôn, bản, khu dân cư.</li> <li>- Bảng tổng hợp kết quả thực hiện hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh (Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5, 6) phụ lục II</li> </ul>	

Sit	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
700	2.002163	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	- Bản kê khai số lượng chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) ban đầu theo mẫu số 6 phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 02/2017/NĐ-CP. xã)	
III.	<b>Lĩnh vực Trồng trọt</b>			
701	1.008004	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	- Bản đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa theo Mẫu số 04.CD Phụ lục X kèm theo Nghị định số 94/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.	
IV.	<b>Lĩnh vực bảo hiểm</b>			
702	1.005412	phê duyệt đổi tương được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	- Đơn đề nghị xem xét, phê duyệt đổi tương được hỗ trợ theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP. - Bản kê khai về cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng thủy sản theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP. - Tài liệu chứng minh thuộc đổi tương được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp đối với trường hợp đổi tương được hỗ trợ là tổ chức sản xuất nông nghiệp.	

## XIII. NGÀNH TƯ PHÁP

Số TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ	Ghi chú
A.	<b>CẤP TỈNH</b>			
I.	<b>Lĩnh vực Đầu giá</b>			
703	2.001333	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đầu giá tài sản	Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đầu giá tài sản	
704	2.001815	Thủ tục cấp Thẻ đầu giá viên	Giấy đề nghị cấp Thẻ đầu giá viên	
705	2.001247	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đầu giá tài sản	Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của chi nhánh Quyết định thành lập chi nhánh Giấy tờ chứng minh về trụ sở của chi nhánh	

II.	Lĩnh vực Công chứng	
706	Cấp lại Thẻ công chứng viên	Giấy đề nghị cấp lại Thẻ công chứng viên Thẻ công chứng viên đang sử dụng
707	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng Bản chính giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng Các giấy tờ đăng ký hoạt động được đề nghị thay đổi.
708	Thành lập Văn phòng công chứng	Đơn đề nghị thành lập Văn phòng công chứng Đề án thành lập Văn phòng công chứng
709	Xóa đăng ký hành nghề và thu hồi Thẻ công chứng viên trường hợp công chứng viên không còn hành nghề tại tổ chức hành nghề công chứng	Thông báo của Tổ chức hành nghề công chứng
710	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	Quyết định bổ nhiệm của công chứng viên được đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên Thẻ Hội viên hoặc giấy tờ khác chứng minh công chứng viên đã là Hội viên của Hội công chứng viên Giấy đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ cho công chứng viên Giấy tờ chứng minh đã chấm dứt hành nghề đối với người đang hành nghề luật sư, đầu giá, thừa phát lại hoặc công việc thường xuyên khác Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng công chứng phù hợp với nội dung đã nêu trong đề án thành lập Đơn đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng
711	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	Quyết định bổ nhiệm của công chứng viên được đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên Giấy đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên Quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư, Chứng chỉ hành nghề đầu giá, quyết định miễn nhiệm Thừa phát lại, giấy tờ chứng minh đã chấm dứt công việc thường xuyên khác; giấy tờ chứng minh đã được Sở Tư pháp xóa đăng ký hành nghề ở tổ chức hành nghề công chứng trước



			đó hoặc văn bản cam kết chưa đăng ký hành nghề công chứng kể từ khi được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chứng viên	
			Giấy tờ chứng minh công chứng viên là hội viên Hội công chứng viên tại địa phương hoặc hội viên Hiệp hội công chứng viên Việt Nam	
			Giấy đăng ký tập sự hành nghề công chứng	
712	1.001071	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoa đào tạo nghề công chứng hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng hoặc quyết định công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài	
<b>III. Lĩnh vực Hoà giải thương mại</b>				
			Giấy đề nghị đăng ký hoạt động	
713	1.008915	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác	Giấy tờ chứng minh về trụ sở của chi nhánh	
			Giấy đề nghị đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	
			Giấy tờ chứng minh đã qua thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 02 năm trở lên có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc	
714	1.009284	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc (cấp tỉnh)	Giấy tờ do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp hoặc công chứng, chứng thực ở nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên	
<b>IV. Lĩnh vực Luật sư</b>				
715	1.008709	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh,	Giấy đề nghị chuyển đổi trong đó nêu rõ mục đích, lý do chuyển đổi và cam kết về việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các công ty luật/văn phòng luật sư được chuyển đổi	

	chuyên đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	Dự thảo Điều lệ của công ty luật chuyên đổi Giấy đăng ký hoạt động của công ty luật/văn phòng luật sư được chuyển đổi
716	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đổi với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư	Danh sách thành viên hoặc luật sư chủ sở hữu; bản sao Thẻ luật sư của các luật sư thành viên hoặc luật sư chủ sở hữu của công ty luật chuyên đổi Phiếu lý lịch tư pháp Giấy chứng nhận sức khoẻ Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư Văn bản giải trình, cam kết về quá trình phấn đấu về việc tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt và có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi làm việc cuối cùng của người đó trước thời điểm đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư hoặc của công an xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú
717	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đổi với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	Phiếu lý lịch tư pháp Giấy chứng nhận sức khoẻ Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư Văn bản giải trình, cam kết về quá trình phấn đấu về việc tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt và có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi làm việc cuối cùng của người đó trước thời điểm đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư hoặc của công an xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú
718	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động Giấy tờ chứng minh về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động
719	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	Giấy tờ chứng minh về trụ sở của chi nhánh Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của chi nhánh Quyết định thành lập chi nhánh
720	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Dự thảo Điều lệ của công ty luật Giấy tờ chứng minh về trụ sở của tổ chức hành nghề luật sư Giấy đề nghị đăng ký hoạt động theo mẫu thông nhất

721	1.002153	Dăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	Đơn đề nghị đăng ký hành nghề luật sư
V.	<b>Lĩnh vực Lý lịch tư pháp</b>		Tờ khai yêu cầu cấp <u>Phiếu lý lịch tư pháp</u>
			Văn bản ủy quyền trong trường hợp ủy quyền cho người khác làm thủ tục yêu cầu cấp <u>Phiếu lý lịch tư pháp số 1</u>
722	2.000488	Cấp <u>Phiếu lý lịch tư pháp</u> cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	<u>Phiếu lý lịch tư pháp</u>
			Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân
VI.	<b>Lĩnh vực Quản tài viên</b>		Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: <u>Giấy chứng nhận kết hôn</u>
			<u>Giấy khám sức khỏe</u> do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp
723	1.001600	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế
			Đơn xin nhận con nuôi
724	1.002626	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	<u>Giấy đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản</u> với tư cách cá nhân
			<u>Phiếu lý lịch tư pháp</u>
VII. <b>Lĩnh vực Quốc tịch</b>			
725	1.005136	Thủ tục cấp <u>Giấy xác nhận</u> có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Tờ khai đề nghị cấp <u>Giấy xác nhận</u> có quốc tịch Việt Nam
726	2.001895	Thủ tục cấp <u>Giấy xác nhận</u> là người gốc Việt Nam	Tờ khai đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam
			<u>Giấy tờ được cấp trước đây</u> để chứng minh người đó đã từng có quốc tịch Việt Nam hoặc <u>giấy tờ để chứng minh</u> khi sinh ra người đó có cha mẹ hoặc ông bà nội, ông bà ngoại đã từng có quốc tịch Việt Nam
727	2.002039	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam
			Bản khai lý lịch
			<u>Phiếu lý lịch tư pháp</u>

			Giấy tờ chứng minh bảo đảm cuộc sống ở Việt Nam Văn bản thỏa thuận về việc xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con Đơn xin thời quốc tịch Việt Nam Bản khai lý lịch Phiếu lý lịch tư pháp Giấy tờ xác nhận về việc người đó đang làm thủ tục nhập quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp pháp luật nước đó không quy định về việc cấp giấy này
728	2.002036	Thủ tục thời quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Giấy xác nhận không nợ thuế do Cục thuế nơi người xin thời quốc tịch Việt Nam cư trú cấp Giấy xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị đã ra quyết định cho nghỉ hưu, cho thôi việc, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục viên xác nhận việc thời quốc tịch Việt Nam của người đó không phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam Văn bản thỏa thuận về việc xin thời quốc tịch Việt Nam cho con Văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam Bản khai lý lịch Phiếu lý lịch tư pháp Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam
729	2.002038	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam Bản khai lý lịch Phiếu lý lịch tư pháp Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam
<b>VIII.</b>	<b>Lĩnh vực Thừa phát lại</b>		
730	1.008931	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại	Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng
731	1.008925	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại	Giấy tờ chứng minh việc thay đổi và bản chính Giấy đăng ký hoạt động Giấy đăng ký tập sự hành nghề
<b>IX.</b>	<b>Lĩnh vực Trọng tài thương mại</b>		
732	1.008904	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi	Đơn đề nghị thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài/Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam

		nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tô chức trong tài nước ngoài tại Việt Nam	Bản chính Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trong tài, Chi nhánh của Trung tâm trong tài nước ngoài tại Việt Nam	
<b>X.</b>	<b>Lĩnh vực Tư vấn pháp luật</b>			
733	1.000426	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	Giấy đề nghị cấp Thẻ tư vấn viên pháp luật Giấy xác nhận về thời gian công tác pháp luật của người được đề nghị Bản chính Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, Chi nhánh	
734	1.000588	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	Giấy xác nhận trụ sở mới của Trung tâm, Chi nhánh trong trường hợp thay đổi trụ sở Quyết định về việc cử Giám đốc Trung tâm, Trưởng Chi nhánh Hồ sơ đề nghị cấp Thẻ tư vấn viên pháp luật, hồ sơ của luật sư Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của trung tâm tư vấn pháp luật	
735	1.000614	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	Đơn đăng ký hoạt động Quyết định của tổ chức chủ quản về việc thành lập Chi nhánh	
<b>B.</b>	<b>CẤP HUYỆN</b>			
<b>I.</b>	<b>Lĩnh vực Chứng thực</b>			
736	2.001008	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là công tác viên dịch thuật	Bản dịch và giấy tờ, văn bản cần dịch	
737	2.000992	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là công tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	Bản dịch đính kèm giấy tờ, văn bản cần dịch.	
738	2.000884	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Giấy tờ, văn bản mà mình sẽ yêu cầu chứng thực chữ ký. Trường hợp chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài, nếu người thực hiện chứng thực không hiểu rõ nội dung của giấy tờ, văn bản thì có quyền yêu cầu người yêu cầu chứng thực nộp kèm theo bản dịch ra tiếng Việt nội dung của giấy tờ, văn bản đó (bản dịch không cần công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch, người yêu cầu chứng thực phải chịu trách nhiệm về nội dung của bản dịch).	

739	2.001044	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	Dự thảo hợp đồng, giao dịch.
740	2.001050	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản	Dự thảo văn bản thỏa thuận phân chia di sản
741	2.001052	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	Dự thảo văn bản khai nhận di sản
			Hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực
			Dự thảo hợp đồng, giao dịch sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực
742	2.000913	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Trong trường hợp nội dung sửa đổi, bổ sung có liên quan đến tài sản thì người yêu cầu chứng thực phải nộp bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, trừ trường hợp người lập di chúc đang bị cái chết đe dọa đến tính mạng
743	2.000927	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực (xuất trình bản chính để đối chiếu)
<b>II.</b>	<b>Lĩnh vực Hộ tịch</b>		Hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực
744	2.000528	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp) Giấy chứng sinh
745	2.000806	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai sinh Tờ khai đăng ký kết hôn theo mẫu, có đủ thông tin của hai bên nam, nữ. Hai bên nam, nữ có thể khai chung vào một Tờ khai đăng ký kết hôn (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp) Giấy xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài xác nhận các bên kết hôn không mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác mà không có khả năng nhận thức, làm chủ được hành vi của mình

			Giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân của người nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp còn giá trị sử dụng, xác nhận hiện tại người đó không có vợ hoặc không có chồng; trường hợp nước ngoài không cấp xác nhận tình trạng hôn nhân thì thay bằng giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài xác nhận người đó có đủ điều kiện kết hôn theo pháp luật nước đó	
			Tờ khai đăng ký khai tử theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp)	
			Giấy tờ, tài liệu, chứng cứ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận hợp lệ chứng minh sự kiện chết đối với trường hợp đăng ký khai tử cho người chết đã lâu, không có Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử	
746	1.001766	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai tử. Trường hợp người có trách nhiệm đăng ký khai tử ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký khai tử mà người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực	
747	2.000779	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Tờ khai đăng ký đăng ký nhận cha, mẹ, con theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp)	
			Chúng cứ chứng minh quan hệ cha, con hoặc quan hệ mẹ, con	
			Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu	
			Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con theo mẫu	
			Giấy chứng sinh	
			Giấy tờ, đồ vật hoặc chứng cứ khác chứng minh quan hệ cha, con hoặc quan hệ mẹ, con	
748	1.001695	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Trường hợp cha hoặc mẹ hoặc cả cha, mẹ là người nước ngoài thì phải nộp văn bản thỏa thuận của cha, mẹ về việc lựa chọn quốc tịch cho con. Trường hợp cha, mẹ chọn quốc tịch nước ngoài cho con thì văn bản thỏa thuận phải có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước mà cha mẹ lựa chọn quốc tịch cho con	

749	1.001669	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	<p>Tờ khai đăng ký giám hộ theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp)</p> <p>Văn bản cử người giám hộ theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với trường hợp đăng ký giám hộ cũ; giấy tờ chứng minh điều kiện giám hộ đương nhiên theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với trường hợp đăng ký giám hộ đương nhiên; trường hợp có nhiều người cùng đủ điều kiện làm giám hộ đương nhiên thì nộp thêm văn bản thỏa thuận về việc cử một người làm giám hộ đương nhiên</p> <p>Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện đăng ký giám hộ. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực</p> <p>Tờ khai đăng ký chấm dứt giám hộ theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp)</p>
750	2.000756	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	<p>Giấy tờ làm căn cứ chấm dứt giám hộ theo quy định của Bộ luật Dân sự</p> <p>Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện đăng ký chấm dứt giám hộ. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực</p> <p>Tờ khai đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp)</p>
751	2.000748	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	<p>Giấy tờ liên quan đến việc thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc</p> <p>Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực</p>
752	2.002189	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải	<p>Tờ khai ghi chú kết hôn theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp)</p>



		quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Nếu công dân Việt Nam đã ly hôn hoặc hủy việc kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thì phải nộp Trích lục về việc đã ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn hoặc hủy việc kết hôn (Trích lục ghi chú ly hôn)	
753	2.000554	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Từ khai ghi chú ly hôn theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp) Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc ghi chú ly hôn. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực	
754	2.000547	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Từ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh/Từ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc khai tử/Từ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc giám hộ, nhận cha, mẹ, con/Từ khai ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp) Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc ghi chú. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực	
755	2.000522	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	Từ khai đăng ký lại khai sinh theo mẫu, trong đó có cam đoan của người yêu cầu về việc đã đăng ký khai sinh nhưng không lưu giữ được bản chính Giấy khai sinh	
756	1.000893	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Từ khai đăng ký khai sinh theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp) Văn bản cam đoan của người yêu cầu về việc chưa được đăng ký khai sinh Trường hợp người yêu cầu đăng ký khai sinh là cán bộ, công chức, viên chức, người đang công tác trong lực lượng vũ trang thì phải có văn bản	

			xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị về việc những nội dung khai sinh của người đó gồm họ, chữ đệm, tên; giới tính; ngày, tháng, năm sinh; dân tộc; quốc tịch; quê quán; quan hệ cha - con, mẹ - con phù hợp với hồ sơ do cơ quan, đơn vị đang quản lý	
757	2.000513	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai sinh. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực	
758	2.000497	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	Tờ khai đăng ký lại kết hôn theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp) Tờ khai đăng ký lại khai tử theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp)	
<b>III.</b>		<b>Lĩnh vực Nuôi con nuôi</b>	Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký lại khai tử. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực	
759	2.002363	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Tờ khai đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp) Giấy tờ, tài liệu có liên quan đến nội dung đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc xin cấp xác nhận thông tin hộ tịch. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực	
<b>IV.</b>		<b>Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật</b>		
760	2.000424	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	Giấy đề nghị hỗ trợ của hòa giải viên hoặc gia đình hòa giải viên trong trường hợp hòa giải viên bị thiệt hại về tính mạng có xác nhận của tổ trưởng tổ hòa giải hoặc Trường ban công tác Mặt trận trong trường hợp	

			hòa giải viên bị thiệt hại là tổ trưởng tổ hòa giải. Giấy đề nghị hỗ trợ phải ghi rõ họ tên, địa chỉ của người yêu cầu hỗ trợ; lý do yêu cầu hỗ trợ	
<b>C.</b>	<b>CẤP XÃ</b>			
<b>I.</b>	<b>Lĩnh vực Hộ tịch</b>			
761	2.002516	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	<p>Tờ khai cấp bản sao trích lục hộ tịch theo mẫu đối với trường hợp người yêu cầu là cá nhân</p> <p>Vấn bản yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch nêu rõ lý do trong trường hợp người yêu cầu là cơ quan, tổ chức</p> <p>Vấn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực</p> <p>Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu</p> <p>Bản chính Giấy chứng sinh; trường hợp không có Giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh</p> <p>Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi thì phải có biên 2 bản về việc trẻ bị bỏ rơi do cơ quan có thẩm quyền lập</p> <p>Trường hợp khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ phải có văn bản xác nhận của cơ sở y tế đã thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho việc mang thai hộ</p> <p>Vấn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai sinh</p> <p>Tờ khai đăng ký kết hôn theo mẫu. Hai bên nam, nữ có thể khai chung vào một Tờ khai đăng ký kết hôn</p> <p>Bản chính Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền cấp trong trường hợp người yêu cầu đăng ký kết hôn không đăng ký thường trú tại địa bàn xã, phường, thị trấn làm thủ tục đăng ký kết hôn</p> <p>Trường hợp người yêu cầu đăng ký kết hôn đăng công tác, học tập, lao động có thời hạn ở nước ngoài thì phải nộp Giấy xác nhận tình trạng hôn</p>	
762	1.001193	Thủ tục đăng ký khai sinh		
763	1.000894	Thủ tục đăng ký kết hôn		

			nhân do Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài cấp
764	1.001022	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con theo mẫu Giấy tờ, đồ vật hoặc chứng cứ khác chứng minh quan hệ cha, con hoặc quan hệ mẹ, con Tờ khai đăng ký khai sinh, Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con theo mẫu Bản chính giấy chứng sinh; trường hợp không có Giấy chứng sinh thì nộp bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh
765	1.000689	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	Giấy tờ, đồ vật hoặc chứng cứ khác chứng minh quan hệ cha, con hoặc quan hệ mẹ, con gồm: Văn bản của cơ quan y tế, cơ quan giám định hoặc cơ quan khác có thẩm quyền xác nhận quan hệ cha con, quan hệ mẹ con. Trường hợp không có văn bản nêu trên thì phải có thư từ, phim ảnh, băng, đĩa, đồ dùng, vật dụng khác chứng minh mối quan hệ cha con, quan hệ mẹ con và văn bản cam đoan của cha, mẹ về việc trẻ em là con chung của hai người, có ít nhất hai 4 người thân thích của cha, mẹ làm chứng Tờ khai đăng ký khai tử theo mẫu
766	1.000656	Thủ tục đăng ký khai tử	Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử do cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy tờ, tài liệu, chứng cứ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận hợp lệ chứng minh sự kiện chết đối với trường hợp đăng ký khai tử cho người chết đã lâu, không có Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai tử. Trường hợp người có trách nhiệm đăng ký khai tử ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký khai tử mà người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực
767	1.003583	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu

			Bản chính Giấy chứng sinh; trường hợp không có Giấy chứng sinh thì nộp bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh	
			Trường hợp khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ phải có văn bản xác nhận của cơ sở y tế đã thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho việc mang thai hộ	
768	1.00593	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	Tờ khai đăng ký kết hôn theo mẫu. Hai bên nam, nữ có thể khai chung vào một Tờ khai đăng ký kết hôn	
769	1.00419	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	Tờ khai đăng ký khai tử theo mẫu Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử do cơ quan có thẩm quyền cấp	
			Tờ khai đăng ký giám hộ theo mẫu	
			Văn bản cử người giám hộ theo quy định của Bộ luật dân sự đối với trường hợp đăng ký giám hộ cử	
770	1.004837	Thủ tục đăng ký giám hộ	Giấy tờ chứng minh điều kiện giám hộ đương nhiên theo quy định của Bộ luật dân sự đối với trường hợp đăng ký giám hộ đương nhiên. Trường hợp có nhiều người cùng đủ điều kiện làm giám hộ đương nhiên thì nộp thêm văn bản thỏa thuận về việc cử một người làm giám hộ đương nhiên	
			Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký giám hộ. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền không phải chứng thực	
			Tờ khai đăng ký chấm dứt giám hộ theo mẫu	
771	1.004845	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	Giấy tờ làm căn cứ chấm dứt giám hộ theo quy định của Bộ luật dân sự	
			Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký chấm dứt giám hộ. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực	
772	1.004859	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hồ tịch	Tờ khai đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hồ tịch, xác định lại dân tộc theo mẫu	
			Giấy tờ làm căn cứ thay đổi, cải chính, bổ sung hồ tịch	

			<p>Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực</p> <p>- Tờ khai cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân theo mẫu</p> <p>- Trường hợp người yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đã có vợ hoặc chồng nhưng đã ly hôn hoặc người vợ/chồng đã chết thì phải nộp bản sao giấy tờ hợp lệ để chứng minh</p> <p>- Công dân Việt Nam đã ly hôn, hủy việc kết hôn ở nước ngoài thì phải nộp bản sao Trích lục ghi 7 chú ly hôn</p> <p>- Trường hợp yêu cầu cấp lại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để sử dụng vào mục đích khác hoặc do Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đã hết thời hạn sử dụng theo quy định thì phải nộp lại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đã được cấp trước đó</p> <p>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực</p> <p>- Tờ khai đăng ký lại khai sinh theo mẫu, trong đó có cam đoan của người yêu cầu về việc đã đăng ký khai sinh nhưng không lưu giữ được bản chính Giấy khai sinh</p> <p>+ Bản sao toàn bộ hồ sơ, giấy tờ của người yêu cầu hoặc hồ sơ, giấy tờ, tài liệu khác trong đó có thông tin liên quan đến nội dung khai sinh</p> <p>- Trường hợp người yêu cầu đăng ký lại khai sinh là cán bộ, công chức, viên chức, người đang công tác trong lực lượng vũ trang thì phải có văn bản xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị về việc những nội dung khai sinh của người đó gồm họ, chữ đệm, tên; giới tính; ngày, tháng, năm sinh; dân tộc; quốc tịch; quê quán; quan hệ cha - con, mẹ - con phù hợp với hồ sơ do cơ quan, đơn vị đang quản lý</p> <p>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký lại khai sinh. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy</p>
773	1.004873	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	
774	1.004884	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	

			quyền thì văn bản ủy quyền không phải công chứng, chứng thực, nhưng phải có giấy tờ chứng minh mối quan hệ với người ủy quyền.	
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu</li> <li>- Văn bản cam đoan của người yêu cầu về việc chưa được đăng ký khai sinh</li> </ul>	
775	1.004772	Thủ tục đăng ký lại khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp người yêu cầu đăng ký khai sinh là cán bộ, công chức, viên chức, người đang công tác trong lực lượng vũ trang thì phải có văn bản xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị về việc những nội dung khai sinh của người đó gồm họ, chữ đệm, tên; giới tính; ngày, tháng, năm sinh; dân tộc; quốc tịch; quê quán; quan hệ cha - con, mẹ - con phù hợp với hồ sơ do cơ quan, đơn vị đăng quản lý</li> <li>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai sinh</li> </ul>	
776	1.004746	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	Tờ khai đăng ký lại khai sinh theo mẫu	
777	1.005461	Thủ tục đăng ký lại khai tử	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký lại khai tử theo mẫu</li> <li>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký lại khai tử. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực</li> </ul>	
778	2.000908	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp nộp trực tiếp thì xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng.</li> <li>- Trường hợp người yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc gửi qua bưu điện thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng, phong bì dán tem ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận cho cơ quan, tổ chức cấp bản sao</li> <li>- Trường hợp người yêu cầu là người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của cá nhân, tổ chức được cấp bản chính; cha, mẹ, con, vợ, chồng; anh, chị, em ruột; người thừa kế khác của người được cấp bản chính trong trường hợp người đó đã chết thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh quan hệ với người được cấp bản chính.</li> </ul>	

779	2.000635	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</li> <li>- Tờ khai đề nghị bản sao Trích lục hộ tịch theo mẫu trong trường hợp người yêu cầu là cá nhân hoặc Văn bản yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch nêu rõ lý do trong trường hợp người yêu cầu.</li> <li>- Biểu mẫu điện tử tương tác cấp bản sao Giấy khai sinh, bản sao Trích lục hộ tịch (do người yêu cầu cung cấp thông tin).</li> </ul>
780	2.001023	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu quy định</li> <li>- Giấy chứng sinh do cơ sở y tế nơi trẻ em sinh ra cấp; nếu trẻ em sinh ra ngoài cơ sở y tế thì giấy chứng sinh được thay bằng văn bản xác nhận của người làm chứng; trường hợp không có người làm chứng thì người đi khai sinh phải làm giấy cam đoan về việc sinh là có thực. Đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi thì nộp biên bản về việc trẻ em bị bỏ rơi thay cho giấy chứng sinh.</li> <li>- Tờ khai tham gia bảo hiểm y tế, Danh sách đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi của Ủy ban nhân dân cấp xã (theo mẫu quy định)</li> </ul>
781	2.000986	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu quy định.</li> <li>- Giấy chứng sinh do cơ sở y tế nơi trẻ em sinh ra cấp; nếu trẻ em sinh ra ngoài cơ sở y tế thì giấy chứng sinh được thay bằng văn bản xác nhận của người làm chứng; trường hợp không có người làm chứng thì người đi khai sinh phải làm giấy cam đoan về việc sinh là có thực. Đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi thì nộp biên bản về việc trẻ em bị bỏ rơi thay cho giấy chứng sinh.</li> <li>- Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (theo mẫu quy định); Sổ hộ khẩu của cha, mẹ (bản chính) hoặc Sổ hộ khẩu của mẹ (bản chính) đối với trường hợp trẻ em đăng ký thường trú theo mẹ hoặc Sổ hộ khẩu của cha (bản chính) đối với trường hợp trẻ em đăng ký thường trú theo cha hoặc Sổ hộ khẩu của người nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ (bản chính) đối với trường hợp trẻ em không đăng ký thường trú theo cha, mẹ, bản sao Giấy khai sinh của trẻ.</li> </ul>



			- Trường hợp trẻ em không đăng ký thường trú cùng hộ khẩu với cha, mẹ mà đăng ký thường trú theo hộ khẩu của người khác thì ngoài bản sao Giấy khai sinh, phải có ý kiến bằng văn bản của cha, mẹ, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, ý kiến đồng ý của chủ hộ và Sở hộ khẩu của chủ hộ (bản chính).	
782	1.000593	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	- Tờ khai tham gia bảo hiểm y tế, Danh sách đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi của Ủy ban nhân dân cấp xã (theo mẫu quy định) Tờ khai đăng ký kết hôn theo mẫu. Hai bên nam, nữ có thể khai chung vào một Tờ khai đăng ký kết hôn.	
783	1.000419	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	- Tờ khai đăng ký khai tử theo mẫu; - Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử do cơ quan có thẩm quyền cấp.	
<b>II. Lĩnh vực Chứng thực</b>				
784	2.001035	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở (đã được chứng thực) Giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó	
785	2.001019	Thủ tục chứng thực di chúc	Văn bản di chúc (đã được chứng thực) Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản đối với tài sản nêu di sản là tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng	
786	2.000884	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể điểm chỉ được)	- Dự thảo giấy ủy quyền - Kết quả Giấy ủy quyền đã được chứng thực	
787	2.001016	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Văn bản từ chối nhận di sản (Đã được chứng thực) Giấy tờ chứng minh quan hệ giữa người để lại di sản và người yêu cầu chứng thực theo pháp luật về thừa kế Giấy chứng từ người để lại di sản	

			Giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc các giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản	
788	2.001406	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở (đã được chứng thực)</li> <li>- Giấy tờ chứng minh quan hệ giữa người để lại di sản và người yêu cầu chứng thực theo pháp luật về thừa kế</li> <li>- Giấy chứng tử người để lại di sản</li> <li>- Giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc các giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản</li> </ul>	
789	2.001009	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu);</li> <li>+ Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp văn bản khai nhận di sản liên quan đến tài sản đó (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu).</li> <li>+ Dự thảo văn bản khai nhận di sản;</li> <li>+ văn bản khai nhận di sản thừa kế đã được UBND xã chứng thực</li> </ul>	
790	2.000927	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Hợp đồng, giao dịch (đã được chứng thực)	
791	2.000942	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Hợp đồng sửa lỗi sai sót (đã được chứng thực)	
792	2.000913	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	
			Hợp đồng, giao dịch (đã được chứng thực)	
			Hợp đồng sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch (đã được chứng thực)	

III.	Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật		
793	1.002211	Thủ tục công nhận hòa giải viên	<p>Biên bản kiểm phiếu hoặc biên bản về kết quả biểu quyết bầu hòa giải viên (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CPUBTUMTTQVN trong trường hợp bầu hòa giải viên bằng hình thức biểu quyết công khai; Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN trong trường hợp bầu hòa giải viên bằng hình thức bỏ phiếu kín; Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN trong trường hợp 13 bầu hòa giải viên bằng hình thức phát phiếu bầu đến hộ gia đình)</p> <p>Danh sách người được đề nghị công nhận là hòa giải viên (Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN)</p> <p>Biên bản kiểm phiếu hoặc biên bản về kết quả biểu quyết về việc bầu tổ trưởng tổ hòa giải</p> <p>Văn bản đề nghị công nhận tổ trưởng tổ hòa giải</p> <p>Văn bản đề nghị ra quyết định thời làm hòa giải viên (Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN)</p>
794	2.000950	Thủ tục công nhận Tổ trưởng Tổ hòa giải	
795	2.000930	Thủ tục thời làm hòa giải viên (cấp xã)	
796	2.002080	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	<p>Giấy đề nghị thanh toán thù lao của hòa giải viên có ghi rõ họ, tên, địa chỉ của hòa giải viên; tên, địa chỉ tổ hòa giải; số tiền đề nghị thanh toán; nội dung thanh toán (có danh sách các vụ, việc trong trường hợp đề nghị thanh toán thù lao cho nhiều vụ, việc); chữ ký của hòa giải viên; chữ ký xác nhận của tổ trưởng tổ hòa giải</p>
797	2.001457	Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật	Danh sách đề nghị công nhận tuyên truyền viên pháp luật của công chức tư pháp - hộ tịch.
IV.	<b>Lĩnh vực nuôi con nuôi</b>		
798	2.001255	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	<p>+ Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi</p> <p>+ Biểu mẫu điện tử tương tác Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước</p>
799	2.001263	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	<p>+ Đơn xin nhận con nuôi trong nước</p> <p>Bản sao Hộ chiếu, Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế.</p>

- + Phiếu lý lịch tư pháp.
- + Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân:  
rường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: Giấy chứng nhận kết hôn.
- + Trường hợp người nhận con nuôi là người độc thân nhận con nuôi: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
- + Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (trừ trường hợp cha dưỡng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi);
- + Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi
- + Trường hợp người nhận con nuôi có nguyện vọng và đủ điều kiện nhận con nuôi theo quy định nhưng chưa tìm được trẻ em để nhận làm con nuôi:
- + Đơn đăng ký nhu cầu nhận trẻ em làm con nuôi  
Người được nhận nuôi.
- + Giấy khai sinh;
- + Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;
- + Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng
- + Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;
- + Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng.

## XIV. NGÀNH NỘI VỤ

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ	Ghi chú
A.	CẤP TỈNH			
I.	Lĩnh vực TĐKT			
800	1.012392	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh (Cấp tỉnh)	<p>Tờ trình đề nghị khen thưởng</p> <p>Báo cáo thành tích các trường hợp đề nghị khen thưởng có xác nhận cấp trình khen thưởng (Mẫu 02 đối với tập thể, mẫu 03 đối với cá nhân và mẫu 07 đối với thành tích xuất sắc đột xuất)</p> <p>Biên bản xét khen thưởng của Hội đồng TĐKT cấp trình khen thưởng (Trường hợp cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh do lập được thành tích đột xuất hoặc xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện, nhân đạo thì phải có chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về thành tích đề nghị khen thưởng)</p> <p>Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh</p>	<p>Đề nghị đơn vị khi nộp hồ sơ sử dụng file ký điện tử</p>
801	1.012393	Thủ tục tặng Cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh (cấp tỉnh)	<p>Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu Cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh</p> <p>Báo cáo thành tích của tập thể (mẫu 02)</p> <p>Biên bản bình xét thi đua và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng TĐKT cấp trình khen thưởng</p> <p>Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh</p>	<p>Kết quả TTHC</p>
802	1.012395	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua Bộ, ban, ngành, tỉnh (cấp tỉnh)	<p>Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua;</p> <p>Báo cáo thành tích của cá nhân (mẫu 03)</p> <p>Biên bản bình xét thi đua và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng TĐKT cấp trình khen thưởng</p>	<p>Đề nghị đơn vị khi nộp hồ sơ sử dụng file ký điện tử</p>

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ	Ghi chú
			<p>Chứng nhận hoặc xác nhận của người đứng đầu bộ, ban, ngành, tỉnh về sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quân hoặc toàn lực lượng Công an nhân dân.</p> <p>Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh</p>	Kết quả TTHC
803	1.012396	Thủ tục tặng danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" (cấp tỉnh)	<p>Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua</p> <p>Báo cáo thành tích của tập thể (mẫu 02)</p> <p>Biên bản bình xét thi đua của Hội đồng TĐKT cấp trình khen thưởng</p> <p>Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh</p>	Đề nghị đơn vị khi nộp hồ sơ sử dụng file ký điện tử
804	1.012398	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh theo chuyên đề (cấp tỉnh)	<p>Tờ trình đề nghị khen thưởng</p> <p>Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng có xác nhận của cấp trình khen thưởng (mẫu 08)</p> <p>Biên bản xét khen thưởng của Hội đồng TĐKT cấp trình khen thưởng</p> <p>Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh</p>	Đề nghị đơn vị khi nộp hồ sơ sử dụng file ký điện tử
805	1.012399	Thủ tục tặng Cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh theo chuyên đề (cấp tỉnh)	<p>Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua</p> <p>Báo cáo thành tích của tập thể (mẫu 08)</p> <p>Biên bản bình xét thi đua và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng TĐKT cấp trình khen thưởng</p> <p>Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh</p>	Đề nghị đơn vị khi nộp hồ sơ sử dụng file ký điện tử
806	1.012401	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh về	<p>Tờ trình đề nghị khen thưởng</p> <p>Báo cáo tóm tắt thành tích của cá nhân, tập thể lập được thành tích hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý trực tiếp, trong đó ghi rõ hành động, thành tích, công</p>	Đề nghị đơn vị khi nộp hồ sơ sử dụng file ký điện tử

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ		Chi chú
			tràng, quá trình công tác hoặc tóm tắt kết quả lập thành tích đối với khen thưởng thành tích có nội dung tối mật, tuyệt mật để đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản (mẫu 07)	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	
807	1.012402	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh cho hộ gia đình (cấp tỉnh)	<p>Tờ trình đề nghị khen thưởng</p> <p>Báo cáo thành tích các trường hợp đề nghị khen thưởng có xác nhận của cấp trình khen thưởng</p> <p>Biên bản xét khen thưởng của Hội đồng TPKT cấp trình khen thưởng</p> <p>Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh</p>	<p>Đề nghị đơn vị khi nộp hồ sơ sử dụng file ký điện tử</p>	
808	1.012403	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh về thành tích đối ngoại (cấp tỉnh)	<p>Tờ trình đề nghị khen thưởng</p> <p>Báo cáo tóm tắt thành tích của cá nhân, tập thể lập được thành tích (mẫu 09 đối với tổ chức và mẫu 10 đối với cá nhân)</p> <p>Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh</p>	<p>Kết quả TTHC</p> <p>Đề nghị đơn vị khi nộp hồ sơ sử dụng file ký điện tử</p>	
II.	<b>Lĩnh vực Tôn giáo Chính phủ</b>				
809	1.001894	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	<p>Văn bản đề nghị nêu rõ tên tổ chức đề nghị công nhận, tên giao dịch quốc tế (nếu có); tên tôn giáo; họ và tên người đại diện tổ chức; số lượng tín đồ, địa bàn hoạt động của tổ chức tại thời điểm đề nghị; cơ cấu tổ chức, trụ sở của tổ chức; Văn bản tóm tắt quá trình hoạt động của tổ chức từ khi được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo;</p> <p>Danh sách, Sơ yếu lý lịch, Phiếu lý lịch tư pháp, Bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người đại diện và những người dự kiến lãnh đạo tổ chức;</p> <p>Bản tóm tắt giáo lý, giáo luật, lễ nghi;</p> <p>Hiển chương của tổ chức</p> <p>Bản kê khai tài sản hợp pháp của tổ chức</p>	<p>Đề nghị đơn vị khi nộp hồ sơ sử dụng file ký điện tử</p>	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ	Ghi chú
810	1.001886	Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	<p>Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở.</p> <p>Văn bản đăng ký sửa đổi hiến chương: nêu rõ tên tổ chức tôn giáo, người đại diện, nội dung, lý do sửa đổi;</p>	Đề nghị đơn vị khi nộp hồ sơ sử dụng file ký điện tử
811	1.001875	Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tốt chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	<p>Văn bản đề nghị nêu rõ lý do; tên tổ chức đề nghị; tên tổ chức tôn giáo trực thuộc dự kiến thành lập; tên tổ chức, người đại diện tổ chức trước và sau khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất; địa bàn hoạt động, số lượng tín đồ của tổ chức tôn giáo trực thuộc tại thời điểm thành lập; địa bàn hoạt động, số lượng tín đồ của tổ chức tôn giáo trực thuộc trước và sau khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất; cơ cấu tổ chức, địa điểm dự kiến đặt trụ sở của tổ chức tôn giáo trực thuộc sau khi thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất;</p> <p>Văn bản tóm tắt quá trình hoạt động của tổ chức tôn giáo trực thuộc trước khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất;</p> <p>Danh sách, Sơ yếu lý lịch của người đại diện và những người dự kiến lãnh đạo tổ chức; Phiếu lý lịch tư pháp của người đại diện và những người dự kiến lãnh đạo tổ chức;</p> <p>Bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người đại diện và những người dự kiến lãnh đạo tổ chức;</p> <p>Hiến chương của tổ chức tôn giáo trực thuộc (nếu có)</p> <p>Bản kê khai tài sản hợp pháp của tổ chức tôn giáo trực thuộc;</p> <p>Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở.</p>	Đề nghị đơn vị khi nộp hồ sơ sử dụng file ký điện tử
812	1.001854	Thủ tục đăng ký chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội	<p>Văn bản đăng ký nêu rõ tên tổ chức thông báo, họ và tên, phẩm vị, chức vụ của người được chuyển chức, lý do chuyển chức, địa bàn hoạt động tôn giáo trước khi chuyển chức, địa bàn hoạt động sau khi được chuyển chức đến.</p>	Đề nghị đơn vị khi nộp hồ sơ sử dụng file ký điện tử



Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ	Ghi chú
		hoặc người chưa được xóa án tích		
813	1.001843	Thủ tục đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	<p>Văn bản đề nghị nêu rõ họ và tên, quốc tịch, tôn giáo của người đại diện; lý do, thời gian, nội dung sinh hoạt, số lượng người tham gia, cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm dự kiến sinh hoạt;</p> <p>Bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh việc cư trú hợp pháp tại Việt Nam của người đại diện;</p> <p>Văn bản đồng ý của người đại diện cơ sở tôn giáo hoặc giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để sinh hoạt tôn giáo tập trung.</p>	Đề nghị đơn vị khi nộp hồ sơ sử dụng file ký điện tử
814	1.001832	Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh	<p>Văn bản đề nghị nêu rõ tên tổ chức mời; tên tổ chức, cá nhân được mời; mục đích, nội dung các hoạt động; danh sách khách mời; dự kiến chương trình, thời gian và địa điểm tổ chức;</p> <p>Bản giới thiệu tóm tắt các hoạt động chủ yếu của tổ chức, cá nhân nước ngoài;</p> <p>Văn bản chứng minh chức danh hoạt động tôn giáo của người được mời.</p>	Đề nghị đơn vị khi nộp hồ sơ sử dụng file ký điện tử
815	1.001818	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở một tỉnh	<p>Văn bản đề nghị nêu rõ tên tổ chức mời; tên tổ chức, cá nhân được mời; mục đích, nội dung các hoạt động; danh sách khách mời; dự kiến chương trình, thời gian và địa điểm tổ chức;</p> <p>Bản giới thiệu tóm tắt các hoạt động chủ yếu của tổ chức, cá nhân nước ngoài;</p> <p>Văn bản chứng minh chức danh hoạt động tôn giáo của người được mời.</p>	Đề nghị đơn vị khi nộp hồ sơ sử dụng file ký điện tử
816	1.001807	Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn	<p>Văn bản đề nghị nêu rõ tên, trụ sở, người đại diện của tổ chức tôn giáo; tên tổ chức tôn giáo hoặc tên tổ chức tôn giáo trực thuộc trước và sau khi thay đổi; lý do, dự kiến thời điểm thay đổi.</p>	Đề nghị đơn vị khi nộp hồ sơ sử dụng file ký điện tử

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC		Thành phần hồ sơ	Ghi chú
		hoạt động ở một tỉnh	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc		
817	1.001797	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Văn bản đề nghị nêu rõ tên tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc; họ và tên người đại diện của tổ chức; lý do, thời điểm thay đổi; trụ sở của tổ chức trước và sau khi thay đổi.	Đề nghị đơn vị khi nộp hồ sơ sử dụng file ký điện tử
818	1.001775	Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Thủ tục đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương	Văn bản đề nghị nêu rõ tên, trụ sở, người đại diện của tổ chức tôn giáo; tên, trụ sở, địa bàn hoạt động, cơ cấu tổ chức, số lượng tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành tại thời điểm đề nghị; họ và tên người đại diện của tổ chức tôn giáo trực thuộc được đề nghị cấp đăng ký.	Đề nghị đơn vị khi nộp hồ sơ sử dụng file ký điện tử
819	2.000713	Thủ tục đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương	Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương	Văn bản đề nghị nêu rõ tên, trụ sở của tổ chức đề nghị; tên, trụ sở của tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể; lý do và dự kiến thời điểm giải thể.	Đề nghị đơn vị khi nộp hồ sơ sử dụng file ký điện tử
820	1.001550	Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức	Thủ tục đề nghị cấp chứng nhận đăng ký	Văn bản đề nghị nêu rõ tên, trụ sở của tổ chức đề nghị; tên, trụ sở của tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể; lý do và dự kiến thời điểm giải thể.	Đề nghị đơn vị khi nộp hồ sơ sử dụng file ký điện tử
821	1.000766	Thủ tục đề nghị cấp chứng nhận đăng ký	Thủ tục đề nghị cấp chứng nhận đăng ký	Văn bản đăng ký nêu rõ tên tổ chức; tên tôn giáo; tôn chỉ, mục đích; nội dung, địa bàn hoạt động; nguồn gốc hình thành, quá trình phát triển ở Việt Nam; họ và	Đề nghị đơn vị khi nộp hồ sơ sử dụng file ký điện tử

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ	Ghi chú
		hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	<p>tên người đại diện tổ chức; số lượng người tin theo; cơ cấu tổ chức, địa điểm dự kiến đặt trụ sở;</p> <p>Danh sách của người đại diện và những người dự kiến lãnh đạo tổ chức;</p> <p>Sơ yếu lý lịch của người đại diện và những người dự kiến lãnh đạo tổ chức; Phiếu lý lịch tư pháp của người đại diện và những người dự kiến lãnh đạo tổ chức;</p> <p>Bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người đại diện và những người dự kiến lãnh đạo tổ chức; Bản tóm tắt giáo lý, giáo luật, lễ nghi;</p> <p>Quy chế hoạt động của tổ chức;</p> <p>Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở.</p>	dùng file ký điện tử
822	2.000269	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	<p>Văn bản đăng ký của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo nêu rõ họ và tên người được dự kiến bổ nhiệm, bầu cử, suy cử; phẩm vị, chức vụ, địa bàn phụ trách trước và sau khi được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử.</p> <p>Sơ yếu lý lịch của người được dự kiến bổ nhiệm, bầu cử, suy cử; Phiếu lý lịch tư pháp của người được dự kiến bổ nhiệm, bầu cử, suy cử;</p> <p>Bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người được dự kiến bổ nhiệm, bầu cử, suy cử.</p>	Đề nghị đơn vị khi nộp hồ sơ sử dụng file ký điện tử
823	2.000264	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	<p>Văn bản đăng ký của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo nêu rõ họ và tên người được dự kiến bổ nhiệm, bầu cử, suy cử; phẩm vị, chức vụ, địa bàn phụ trách trước và sau khi được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử.</p> <p>Sơ yếu lý lịch của người được dự kiến bổ nhiệm, bầu cử, suy cử; Phiếu lý lịch tư pháp của người được dự kiến bổ nhiệm, bầu cử, suy cử;</p> <p>Bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người được dự kiến bổ nhiệm, bầu cử, suy cử.</p>	Đề nghị đơn vị khi nộp hồ sơ sử dụng file ký điện tử

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ	Ghi chú
824	2.000456	Thủ tục đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo	Văn bản đăng ký nêu rõ tên lớp, địa điểm, lý do, thời gian học, nội dung, chương trình, thành phần tham dự, danh sách giảng viên.	Đề nghị đơn vị khi nộp hồ sơ sử dụng file ký điện tử
825	1.001610	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	<p>Văn bản đề nghị nêu rõ tên tổ chức; lý do tổ chức; dự kiến thành phần, số lượng người tham dự; nội dung, chương trình, thời gian, địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>Báo cáo tổng kết hoạt động của tổ chức</p> <p>Dự thảo hiến chương hoặc hiến chương sửa đổi (nếu có).</p>	Đề nghị đơn vị khi nộp hồ sơ sử dụng file ký điện tử
826	1.001604	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	Văn bản đề nghị nêu rõ tên tổ chức đề nghị, tên cuộc lễ, người chủ trì, nội dung, chương trình, thời gian, địa điểm thực hiện, quy mô, thành phần tham dự cuộc lễ.	Đề nghị đơn vị khi nộp hồ sơ sử dụng file ký điện tử
827	1.001589	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm	Văn bản đề nghị nêu rõ họ và tên người đề nghị, nội dung, lý do, chương trình, thời gian, địa điểm thực hiện, thành phần tham dự.	Đề nghị đơn vị khi nộp hồ sơ sử dụng file ký điện tử

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ	Ghi chú
		hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh		
<b>B.</b>	<b>CẤP HUYỆN</b>			
<b>I.</b>	<b>Lĩnh vực Tôn giáo Chính phủ</b>			
828	1.001212	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện	<p>Văn bản đề nghị nêu rõ tên tổ chức; lý do tổ chức; dự kiến thành phần, số lượng người tham dự; nội dung, chương trình, thời gian, địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>Báo cáo tổng kết hoạt động của tổ chức;</p> <p>Dự thảo hiến chương hoặc hiến chương sửa đổi (nếu có).</p>	Đề nghị đơn vị khi nộp hồ sơ sử dụng file ký điện tử
829	1.001204	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	Văn bản đề nghị nêu rõ tên tổ chức đề nghị, tên cuộc lễ, người chủ trì, nội dung, chương trình, thời gian, địa điểm thực hiện, quy mô, thành phần tham dự cuộc lễ.	Đề nghị đơn vị khi nộp hồ sơ sử dụng file ký điện tử
830	1.001199	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng	Văn bản đề nghị nêu rõ họ và tên người đề nghị, nội dung, lý do, chương trình, thời gian, địa điểm thực hiện, thành phần tham dự.	Đề nghị đơn vị khi nộp hồ sơ sử dụng file ký điện tử

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ	Ghi chú
		ký có quy mô tổ chức ở một huyện		
<b>II.</b>		<b>Lĩnh vực Tổ chức - Biên chế (tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập)</b>		
831	1.009354	Thủ tục hành chính về thẩm định số lượng người làm việc thuộc thẩm quyền quyết định của bộ, ngành, địa phương	<p>- Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị; Kế hoạch số lượng người làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập, kèm theo văn bản làm cơ sở xác định số lượng người làm việc; Các văn bản liên quan (nếu có).</p> <p>- Kết quả giải quyết: Tổng hợp số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của bộ, ngành, địa phương.</p>	
832	1.009355	Thủ tục hành chính về thẩm định điều chỉnh số lượng người làm việc thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ, ngành, địa phương	<p>- Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị; Kế hoạch số lượng người làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập, kèm theo văn bản làm cơ sở xác định số lượng người làm việc; Các văn bản liên quan (nếu có).</p> <p>- Kết quả giải quyết: Tổng hợp số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của bộ, ngành, địa phương.</p>	
833	1.011262	Thủ tục hành chính thẩm định thành lập tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện.	<p>- Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị thẩm định được ký tên, đóng dấu của cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập tổ chức hành chính theo quy định. Dự thảo tờ trình thành lập tổ chức hành chính. Dự thảo đề án thành lập tổ chức hành chính. Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan liên quan về việc thành lập tổ chức hành chính. Báo cáo của cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập về việc tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan liên quan.</p> <p>- Kết quả giải quyết: Văn bản thẩm định</p>	
834	1.011263	Thủ tục hành chính thẩm định giải thể tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền	<p>- Thành phần hồ sơ: Đề án giải thể tổ chức hành chính. Tờ trình giải thể tổ chức hành chính. Dự thảo văn bản của cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định giải thể tổ chức hành chính. Các văn bản của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền</p>	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ	Ghi chú
		quyết định của UBND cấp huyện	<p>Xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan (nếu có).</p> <p>- Kết quả giải quyết: Văn bản thẩm định.</p>	
835	1.009335	Thủ tục hành chính thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện	<p>- Thành phần hồ sơ: Đề án tổ chức lại tổ chức hành chính. Tờ trình tổ chức lại tổ chức hành chính. Dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Các văn bản của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan (nếu có).</p> <p>- Kết quả giải quyết: Văn bản thẩm định</p>	
836	1.009322	Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện	<p>- Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị thẩm định được ký tên, đóng dấu của cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập theo quy định (trường hợp tổ chức không có dấu pháp nhân thì người đứng đầu tổ chức ký và ghi rõ họ tên). Dự thảo tờ trình thành lập đơn vị sự nghiệp công lập. Dự thảo đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập. Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Dự thảo văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập hoặc quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập và các tài liệu khác có liên quan (giấy tờ đất đai, kinh phí, nguồn nhân lực). Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan liên quan về việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập. Báo cáo của cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập về việc tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan liên quan.</p> <p>- Kết quả giải quyết: Văn bản thẩm định</p>	
837	1.009323	Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện	<p>- Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị thẩm định được ký tên, đóng dấu của cơ quan, tổ chức đề nghị tổ chức lại theo quy định (trường hợp tổ chức không có dấu pháp nhân thì người đứng đầu tổ chức ký và ghi rõ họ tên). Dự thảo Đề án tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập. Dự thảo Tờ trình tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập. Dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Dự thảo văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập hoặc quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp</p>	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ	Ghi chú
838	1.009324	Thủ tục thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện	<p>công lập và các tài liệu khác có liên quan (giấy tờ đất đai, kinh phí, nguồn nhân lực). Các văn bản của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan (nếu có).</p> <p>- Kết quả giải quyết: Văn bản thẩm định</p> <p>Văn bản thẩm định</p>	
<b>III.</b>	<b>Lĩnh vực Tổ chức phi chính phủ</b>	<b>(quản lý nhà nước chuyên ngành)</b>		
839	1.003841	Thủ tục công nhận Ban vận động thành lập Hội (cấp huyện)	<p>- Thành phần hồ sơ: Đơn đề nghị công nhận ban vận động thành lập hội (theo mẫu); Danh sách và trích ngang của những người dự kiến trong ban vận động thành lập hội.</p> <p>- Kết quả giải quyết: Quyết định công nhận ban vận động thành lập hội.</p>	
840	1.003827	Thủ tục thành lập Hội cấp huyện	<p>- Thành phần hồ sơ: Đơn đề nghị thành lập hội (theo mẫu); Dự thảo điều lệ hội (theo mẫu); Danh sách những người trong ban vận động thành lập hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; Lý lịch tư pháp của người đứng đầu ban vận động thành lập hội; Văn bản xác nhận nơi dự kiến đặt trụ sở hội; Bản kê khai tài chính, tài sản (nếu có).</p> <p>- Kết quả giải quyết: Quyết định cho phép thành lập hội.</p>	
841	1.003807	Thủ tục phê duyệt điều lệ Hội (cấp huyện)	<p>- Thành phần hồ sơ: Công văn báo cáo Kết quả đại hội (theo mẫu); Điều lệ (theo mẫu) và biên bản của Đại hội thông qua điều lệ hội; Biên bản bầu ban lãnh đạo, ban kiểm tra (có danh sách kèm theo) và lý lịch người đứng đầu hội, công văn báo cáo thay đổi chức danh lãnh đạo hội (nếu có); Chương trình hoạt động của hội; Nghị quyết đại hội.</p> <p>- Kết quả giải quyết: Quyết định phê duyệt điều lệ hội.</p>	



Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ	Ghi chú
842	1.003783	Thu tục chia, tách; sát nhập; hợp nhất Hội (cấp huyện)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần hồ sơ: Đơn đề nghị đổi tên hội; Nghị quyết đại hội của hội về việc đổi tên hội; Dự thảo điều lệ sửa đổi, bổ sung; Trường hợp đồng thời có sự thay đổi về ban lãnh đạo hội thì gửi kèm theo biên bản bầu ban lãnh đạo (có danh sách kèm theo).</li> <li>- Kết quả giải quyết: Quyết định cho phép đổi tên hội và phê duyệt điều lệ (sửa đổi, bổ sung) hội.</li> </ul>	
843	1.003757	Thu tục đổi tên Hội (cấp huyện)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần hồ sơ: Đơn đề nghị giải thể hội (theo mẫu); Nghị quyết giải thể hội; Bản kê tài sản, tài chính; Dự kiến phương thức xử lý tài sản, tài chính, lao động và thời hạn thanh toán các khoản nợ khác.</li> <li>- Kết quả giải quyết: Quyết định giải thể hội.</li> </ul>	
844	1.003732	Thu tục Hội tự giải thể (cấp huyện)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần hồ sơ: Đơn đề nghị giải thể hội (theo mẫu); Nghị quyết giải thể hội; Bản kê tài sản, tài chính; Dự kiến phương thức xử lý tài sản, tài chính, lao động và thời hạn thanh toán các khoản nợ khác.</li> <li>- Kết quả giải quyết: Quyết định giải thể hội.</li> </ul>	
845	2.002100	Thu tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của Hội cấp huyện	<p><b>* Đại hội nhiệm kỳ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần hồ sơ: Nghị quyết của ban lãnh đạo hội về việc tổ chức đại hội nhiệm kỳ; Dự thảo báo cáo tổng kết công tác nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tới của hội; Báo cáo kiểm điểm của ban lãnh đạo, ban kiểm tra và báo cáo tài chính của hội; Dự thảo điều lệ sửa đổi, bổ sung (nếu có); Danh sách dự kiến nhân sự ban lãnh đạo, ban kiểm tra, trong đó nêu rõ tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng thành viên ban lãnh đạo, ban kiểm tra hội. Đối với nhân sự dự kiến là người đứng đầu hội phải có sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp, văn bản đồng ý của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ; Dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức đại hội, số lượng đại biểu mời, đại biểu chính thức tham dự đại hội, dự kiến chương trình đại hội; Báo cáo số lượng hội viên, trong đó nêu rõ số hội viên chính thức của hội; Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của đại hội theo quy định của điều lệ hội và quy định của pháp luật (nếu có).</li> <li>- Kết quả giải quyết: Công văn cho phép hội tổ chức đại hội nhiệm kỳ.</li> </ul> <p><b>* Đại hội bất thường:</b></p>	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ	Ghi chú
IV.			<p>- Thành phần hồ sơ: Nghị quyết của ban lãnh đạo hội về việc tổ chức đại hội bất thường trong đó nêu rõ nội dung thảo luận và quyết định tại đại hội; Dự thảo những nội dung thảo luận và quyết định tại đại hội; Dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức đại hội, số lượng đại biểu mời, đại biểu chính thức tham dự đại hội, dự kiến chương trình đại hội.</p> <p>- Kết quả giải quyết: Công văn cho phép hội tổ chức đại hội bất thường.</p>	
			<b>Lĩnh vực quản lý nhà nước về Thi đua - Khen thưởng</b>	
846	1.012381	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện theo công trạng (Cấp huyện)	<p>- Thành phần hồ sơ: Tờ trình đề nghị khen thưởng; Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng có xác nhận của cấp trình khen thưởng; Biên bản xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng.</p> <p>- Kết quả giải quyết: Quyết định của Chủ tịch UBND huyện tặng thưởng giấy khen.</p>	
847	1.012383	Thủ tục tặng danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" (Cấp huyện)	<p>Quyết định công nhận Tập thể lao động tiên tiến của định của Chủ tịch UBND huyệ</p>	
848	1.012385	Thủ tục tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" (Cấp huyện)	<p>- Thành phần hồ sơ: Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua; Báo cáo thành tích cá nhân; Biên bản bình xét thi đua và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng thi đua</p> <p>- Khen thưởng cấp trình khen thưởng; Chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với sáng kiến hoặc đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu trong trường hợp đề nghị danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở"</p> <p>- Kết quả giải quyết: Quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện tặng thưởng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở</p>	
849	1.012386	Thủ tục tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến" (Cấp huyện)	<p>- Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị kèm theo danh sách cá nhân được đề nghị tặng danh hiệu LĐTT của cấp trình khen. Báo cáo thành tích cá nhân. Biên bản bình xét thi đua</p>	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết: Quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện tặng thưởng danh hiệu.</li> </ul>	
850	1.012389	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất (Cấp huyện)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần hồ sơ: tờ trình đề nghị khen thưởng; báo cáo tóm tắt thành tích của cá nhân, tập thể lập được thành tích hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý trực tiếp</li> <li>- Kết quả giải quyết: Quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện tặng giấy khen</li> </ul>	
851	1.012387	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo chuyên đề (Cấp huyện)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần hồ sơ: Tờ trình đề nghị khen thưởng; báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng có xác nhận của cấp trình khen thưởng; Biên bản xét khen thưởng của Hội đồng thi đua - khen thưởng cấp trình khen thưởng</li> <li>- Kết quả giải quyết: Quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện tặng giấy khen.</li> </ul>	
852	1.012390	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng cho hộ gia đình (Cấp huyện)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị kèm theo danh sách gia đình được đề nghị tặng giấy khen của cấp trình khen; báo cáo thành tích do gia đình được đề nghị khen thưởng, biên bản xét khen thưởng</li> <li>- Kết quả giải quyết: Quyết định của Chủ tịch UBND huyện tặng giấy khen</li> </ul>	
V.	<b>Lĩnh vực Tín ngưỡng - Tôn giáo</b>			
853	1.001228	Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2, Điều 41 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần hồ sơ: Văn bản thông báo (Mẫu TG3)</li> <li>- Kết quả giải quyết: Văn bản xác nhận của UBND cấp huyện về việc tiếp nhận thông báo</li> </ul>	
854	2.000267	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần hồ sơ: Văn bản thông báo (Mẫu B30) và các tài liệu kèm theo (nếu có)</li> </ul>	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ	Ghi chú
855	1.000316	<p>chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện</p> <p>Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện</p>	<p>- Kết quả giải quyết: Văn bản xác nhận của UBND cấp huyện về việc tiếp nhận thông báo</p> <p>- Thành phần hồ sơ: Văn bản thông báo (Mẫu B30) và các tài liệu kèm theo (nếu có)</p> <p>- Kết quả giải quyết: Văn bản xác nhận của UBND cấp huyện về việc tiếp nhận thông báo</p>	
856	1.001220	<p>Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện</p>	<p>- Thành phần hồ sơ: Văn bản thông báo (Mẫu B31) và các tài liệu kèm theo (nếu có)</p> <p>- Kết quả giải quyết: Văn bản xác nhận của UBND cấp huyện về việc tiếp nhận thông báo</p>	
857	1.001180	<p>Thủ tục thông báo tổ chức quyền góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương</p>	<p>- Thành phần hồ sơ: Văn bản thông báo (Mẫu B47) và các tài liệu kèm theo (nếu có)</p> <p>- Kết quả giải quyết: Văn bản xác nhận của UBND cấp huyện về việc tiếp nhận thông báo</p>	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ	Chi chú
		của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc		
<b>C. CẤP XÃ</b>				
<b>I. Tôn giáo chính phủ</b>				
858	1.001098	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	Văn bản đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung: nêu rõ tên tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo; tên tôn giáo; tên nhóm; họ và tên người đại diện của nhóm; lý do, dự kiến thời điểm thay đổi; địa điểm nhóm đang sinh hoạt tôn giáo và dự kiến địa điểm mới.	Đề nghị đơn vị khi nộp hồ sơ sử dụng file ký điện tử
859	2.000509	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	Văn bản đăng ký hoạt động tín ngưỡng hàng năm hoặc hoạt động tín ngưỡng bỏ sung: nêu rõ tên cơ sở tín ngưỡng, các hoạt động tín ngưỡng; nội dung, quy mô; thời gian, địa điểm diễn ra hoạt động; số lượng, thành phần tham dự hoạt động tín ngưỡng.	Đề nghị đơn vị khi nộp hồ sơ sử dụng file ký điện tử
860	1.001028	Thủ tục đăng ký bỏ sung hoạt động tín ngưỡng	Văn bản đăng ký nêu rõ tên cơ sở tín ngưỡng, tên hoạt động tín ngưỡng; nội dung, quy mô; thời gian, địa điểm diễn ra hoạt động; số lượng, thành phần tham dự hoạt động tín ngưỡng.	Đề nghị đơn vị khi nộp hồ sơ sử dụng file ký điện tử
861	1.001055	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	Văn bản đăng ký nêu rõ tên tổ chức đăng ký; tên tôn giáo; họ và tên, nơi cư trú của người đại diện; nội dung, địa điểm, thời gian sinh hoạt tôn giáo, số lượng người tham gia; Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để làm nơi sinh hoạt tôn giáo; Sơ yếu lý lịch của người đại diện nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung; Bản tóm tắt giáo lý, giáo luật đối với trường hợp đăng ký thuộc quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.	Đề nghị đơn vị khi nộp hồ sơ sử dụng file ký điện tử
862	1.001090	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại	Văn bản đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung: nêu rõ tên tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động	Đề nghị đơn vị khi nộp hồ sơ sử

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ	Ghi chú
		điện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	<p>tôn giáo; tên tôn giáo; tên nhóm, họ và tên, nơi cư trú của người đại diện cũ và người đại diện mới của nhóm; lý do, dự kiến thời điểm thay đổi;</p> <p>Sơ yếu lý lịch của người đại diện mới;</p> <p>Văn bản chấp thuận của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo về việc thay đổi người đại diện đối với nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung do tổ chức đăng ký.</p> <p>Biên bản cuộc họp bầu, cử người đại diện mới (nếu có).</p> <p>- Kết quả giải quyết: Văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung.</p>	dùng file ký điện tử
863	1.001109	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	<p>Văn bản đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung: nêu rõ tên tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo; tên tôn giáo; tên nhóm; họ và tên người đại diện của nhóm; lý do, dự kiến thời điểm thay đổi; địa điểm nhóm đang sinh hoạt tôn giáo và dự kiến địa điểm mới.</p> <p>- Kết quả giải quyết: Văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung.</p>	Đề nghị đơn vị khi nộp hồ sơ sử dụng file ký điện tử
864	1.001085	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	<p>- Thành phần hồ sơ: Văn bản thông báo (B30) và các tài liệu kèm theo (nếu có).</p> <p>- Kết quả giải quyết: Văn bản xác nhận của UBND cấp xã về tiếp nhận thông báo.</p>	
865	1.001078	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	<p>- Thành phần hồ sơ: Văn bản thông báo (B30) và các tài liệu kèm theo (nếu có).</p> <p>- Kết quả giải quyết: Văn bản xác nhận của UBND cấp xã về tiếp nhận thông báo.</p>	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ	Ghi chú
866	1.001167	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản thông báo (theo mẫu) và các tài liệu kèm theo (nếu có).</li> <li>- Kết quả giải quyết: Văn bản xác nhận của UBND cấp xã về việc tiếp nhận thông báo</li> </ul>	
867	1.001156	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần hồ sơ: Văn bản đăng ký (Mẫu B7)</li> <li>- Kết quả giải quyết: Văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung</li> </ul>	
<b>II. Lĩnh vực thi đua khen thưởng</b>				
868	1.012378	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho hộ gia đình (Cấp xã)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị kèm theo danh sách gia đình được đề nghị tặng Giấy khen</li> <li>- Báo cáo thành tích do gia đình được đề nghị khen thưởng làm, trong đó ghi rõ thành tích đề đề nghị khen thưởng</li> <li>- Biên bản xét khen thưởng.</li> <li>- QĐ khen thưởng</li> </ul>	
869	1.012374	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo chuyên đề (Cấp xã)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản xét khen thưởng.</li> <li>- Văn bản đề nghị kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị tặng Giấy khen</li> <li>- Báo cáo thành tích do tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng làm, trong đó ghi rõ thành tích đề đề nghị khen thưởng</li> <li>- QĐ khen thưởng</li> </ul>	
870	1.012376	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất (Cấp xã)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản xét khen thưởng.</li> <li>- Văn bản đề nghị kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị tặng Giấy khen</li> <li>- Báo cáo thành tích do tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng làm, trong đó ghi rõ thành tích đề đề nghị khen thưởng</li> <li>- QĐ khen thưởng</li> </ul>	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ	Ghi chú
871	1.012373	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã theo công trạng (Cấp xã)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản xét khen thưởng.</li> <li>- Văn bản đề nghị kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị tặng Giấy khen</li> <li>- Báo cáo thành tích do tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng làm, trong đó ghi rõ thành tích để đề nghị khen thưởng</li> <li>- QĐ khen thưởng</li> </ul>	
872	1.012379	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến (Cấp xã)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị kèm theo danh sách cá nhân được đề nghị tặng danh hiệu Lao động tiên tiến</li> <li>- Biên bản bình xét thi đua.</li> <li>- QĐ khen thưởng</li> </ul>	

**XV. NGÀNH LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
<b>A.</b>	<b>CẤP TỈNH</b>			
<b>I.</b>	<b>Lĩnh vực Người có công</b>			
873	1.010801	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân lập bản khai có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú theo Mẫu số 05 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP</li> </ul>	
874	1.010802	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị Mẫu số 17 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</li> <li>- Trường hợp nuôi con liệt sĩ đến tuổi trưởng thành: Văn bản đồng thuận của con liệt sĩ có xác nhận về chữ ký và nơi thường trú của Ủy ban nhân dân cấp xã.</li> </ul>	
875	1.010803	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ (liên thông)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị Mẫu số 18 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</li> <li>- Văn bản ủy quyền.</li> </ul>	
876	1.010804	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu anh hùng dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" (liên thông)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản khai Mẫu số 03 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</li> </ul>	



Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
877	1.010805	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an (liên thông)	- Bản khai Mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	
878	1.010807	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an	- Đơn đề nghị giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với thương binh, người bị thương theo Mẫu số 33 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. - Biên bản của các lần giám định trước. - Kết quả chụp, chiếu và chẩn đoán của bệnh viện tuyến huyện hoặc trung tâm y tế huyện hoặc tương đương trở lên (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an) đối với trường hợp người bị thương còn sót mảnh kim khí trong cơ thể. - Phiếu phẫu thuật hoặc tóm tắt hồ sơ bệnh án của của bệnh viện tuyến huyện hoặc trung tâm y tế huyện hoặc tương đương trở lên (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an) đối với trường hợp đã phẫu thuật lấy dị vật.	
879	1.010808	Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	- Đơn đề nghị giải quyết thêm chế độ trợ cấp theo Mẫu số 19 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. - Biên bản giám định y khoa.	
880	1.010809	Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động	- Đơn đề nghị giải quyết thêm chế độ trợ cấp. - Biên bản giám định y khoa.	
881	1.010810	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an (liên thông)	- Bản khai theo Mẫu số 08 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. Nếu đã phẫu thuật lấy dị vật thì phải kèm theo phiếu phẫu thuật hoặc giấy ra viện hoặc tóm tắt hồ sơ bệnh án ghi nhận nội dung này.	
882	1.010811	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc	- Đơn đề nghị cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng (Mẫu số 21 phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP)	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
883	1.010814	<p>đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý (liên thông)</p> <p>Cấp bỏ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ (liên thông)</p>	<p>- Giấy khám và chỉ định sử dụng phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị chỉnh hình phục hồi chức năng (Mẫu số 40 phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP).</p> <p>Đơn đề nghị theo Mẫu số 25 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</p>	
884	1.010817	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (liên thông)	<p>a) Bản khai theo Mẫu số 09 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</p> <p>c) Một trong các giấy tờ có ghi nhận thời gian tham gia kháng chiến tại vùng quân đội Mỹ sử dụng chất độc hóa học sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy X Y Z.</li> <li>- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận trước ngày 01 tháng 01 năm 2000.</li> <li>d) Một trong các giấy tờ ghi nhận mắc bệnh hoặc dị dạng, dị tật như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án của bệnh viện tuyến huyện hoặc trung tâm y tế huyện hoặc tương đương trở lên (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an) theo mẫu quy định của Bộ Y tế.</li> <li>- Giấy xác nhận dị dạng, dị tật bẩm sinh của các cơ sở y tế cấp xã trở lên đối với con đẻ chưa khám bệnh, chữa bệnh về các dị dạng, dị tật.</li> </ul> </li> </ul> <p>- Bản khai theo Mẫu số 10 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</p> <p>- Giấy báo tử hoặc trích lục khai tử (đối với trường hợp chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi).</p> <p>- Một trong các giấy tờ chứng minh có tham gia cách mạng, kháng chiến bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế và thời gian, địa điểm bị tù, đầy như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản trích lục hồ sơ liệt sĩ.</li> <li>+ Giấy xác nhận của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an về thời gian tù và nơi bị tù.</li> </ul>	
885	1.010818	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đầy (liên thông)	<p>- Bản khai theo Mẫu số 10 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</p> <p>- Giấy báo tử hoặc trích lục khai tử (đối với trường hợp chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi).</p> <p>- Một trong các giấy tờ chứng minh có tham gia cách mạng, kháng chiến bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế và thời gian, địa điểm bị tù, đầy như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản trích lục hồ sơ liệt sĩ.</li> <li>+ Giấy xác nhận của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an về thời gian tù và nơi bị tù.</li> </ul>	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
886	1.010819	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế (liên thông)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản khai theo Mẫu số 11 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</li> <li>- Giấy báo tử hoặc trích lục khai tử (đối với trường hợp chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi).</li> </ul>	
887	1.010820	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng (liên thông)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản khai theo Mẫu số 11 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</li> <li>- Giấy báo tử hoặc trích lục khai tử (đối với trường hợp chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi).</li> </ul>	
888	1.010821	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (liên thông)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị theo Mẫu số 20 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</li> <li>- Giấy xác nhận theo Mẫu số 41 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</li> </ul>	
889	1.010822	Giải quyết phụ cấp đặc biệt hàng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị.</li> <li>- Bản tóm tắt bệnh án điều trị thể hiện cụ thể hoặc liệt hoàn toàn hai chi trở lên; mù hoàn toàn hai mắt; tâm thần nặng dẫn đến không tự lực được trong sinh hoạt của bệnh viện tuyến huyện hoặc trung tâm y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an).</li> </ul>	
890	1.010823	Hưởng lại chế độ ưu đãi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị theo Mẫu số 24 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</li> <li>- Các giấy tờ chứng minh đã chấp hành xong hình phạt tù, thời điểm hưởng lại chế độ ưu đãi kể từ tháng liền kề sau tháng chấp hành xong hình phạt tù (đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 54 Pháp lệnh).</li> <li>- Giấy tờ nhập cảnh (đối với trường hợp người có công hoặc thân nhân xuất cảnh trái phép nay trở về nước thường trú). Nếu trong thời gian 01 tháng sau khi nhập cảnh không có đơn đề nghị hưởng lại chế độ thì phải kèm theo Phiếu lý lịch tư pháp số 1 quy định tại Luật Lý lịch tư pháp.</li> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp số 1 quy định tại Luật Lý lịch tư pháp (đối với trường hợp người có công hoặc thân nhân mất tích nay trở về).</li> </ul>	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
891	1.010824	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần (liên thông)	<p>a) Trợ cấp một lần, mai táng</p> <p>- Bản khai theo Mẫu số 12 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</p> <p>b) Trợ cấp tuất hàng tháng, trợ cấp tuất nuôi dưỡng hàng tháng:</p> <p>- Bản khai theo Mẫu số 12 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</p> <p>- Giấy xác nhận của cơ sở giáo dục nơi đang theo học đối với trường hợp thân nhân là con từ đủ 18 tuổi trở lên đang đi học; nếu đang theo học tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc giáo dục đại học thì phải có thêm bản sao được chứng thực từ Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc giấy xác nhận của cơ sở giáo dục trung học phổ thông về thời điểm kết thúc học.</p>	
892	1.010825	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ (liên thông)	- Đơn đề nghị theo Mẫu số 06 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.	
893	1.010826	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	- Đơn đề nghị theo Mẫu số 26 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.	
894	1.010827	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú	- Đơn đề nghị theo Mẫu số 27 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. - Giấy xác nhận của cơ quan đăng ký cư trú.	
895	1.010828	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng	Đơn đề nghị hoặc văn bản đề nghị cấp trích lục hoặc sao một số giấy tờ trong hồ sơ hoặc toàn bộ hồ sơ người có công.	
896	1.010829	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	<p>- <b>Đổi với trường hợp chưa được hỗ trợ:</b></p> <p>+ Đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ theo Mẫu số 32 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</p> <p>+ Giấy báo tin mộ liệt sĩ.</p> <p>+ Văn bản ủy quyền đối với trường hợp thân nhân liệt sĩ ủy quyền di chuyển hài cốt liệt sĩ.</p> <p>- <b>Đổi với trường hợp đã được hỗ trợ:</b></p> <p>+ Đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ theo Mẫu số 32 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</p> <p>+ Giấy báo tin mộ liệt sĩ.</p>	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<p>+ Văn bản ủy quyền đối với trường hợp thân nhân liệt sĩ ủy quyền đi chuyển hài cốt liệt sĩ.</p>	
897	1.010830	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	<p>- Đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ theo Mẫu số 32 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP</p> <p>- Văn bản ủy quyền đối với trường hợp thân nhân liệt sĩ ủy quyền đi chuyển hài cốt liệt sĩ.</p>	
898	1.010831	Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh	<p>Đơn đề nghị cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh</p> <p>a) Đối với người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản khai đề công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945.</li> <li>- Đối với người đã hy sinh, từ trần từ ngày 30/6/1999 trở về trước thì bổ sung thêm một trong các giấy tờ sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản trích lục hồ sơ liệt sĩ.</li> <li>+ Lịch sử đảng bộ từ cấp xã trở lên được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và cấp phép xuất bản.</li> </ul> </li> <li>b) Đối với người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lý lịch đảng viên khai năm 1975, 1976 theo Thông tri số 297/TT-TW ngày 20 tháng 4 năm 1974 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa III) đối với 116 người hoạt động cách mạng do cơ quan, tổ chức đề thất lạc lý lịch khai từ năm 1969 trở về trước hoặc người hoạt động cách mạng được kết nạp vào Đảng sau năm 1969 hoặc người hoạt động liên tục ở các chiến trường B, C, K từ năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975.</li> </ul> </li> </ul>	
899	1.010815	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng		

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
900	1.010816	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	<p>a) Bản khai theo Mẫu số 09 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</p> <p>b) Một trong các giấy tờ có ghi nhận thời gian tham gia kháng chiến tại vùng quân đội Mỹ sử dụng chất độc hóa học sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy X Y Z.</li> <li>- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận trước ngày 01 tháng 01 năm 2000.</li> <li>c) Một trong các giấy tờ ghi nhận mắc bệnh (trừ trường hợp có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ) như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án của bệnh viện tuyến huyện hoặc trung tâm y tế huyện hoặc tương đương trở lên (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an) theo mẫu quy định của Bộ Y tế.</li> <li>+ Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án ngoại trú của Phòng khám Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo mẫu quy định của Bộ Y tế.</li> </ul> </li> <li>+ Giấy tờ do cơ quan, đơn vị có thẩm quyền ban hành được xác lập từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước ghi nhận mắc bệnh thuộc nhóm bệnh thần kinh ngoại biên trong thời gian từ một đến năm tuân sau phơi nhiễm đối với trường hợp mắc bệnh thần kinh ngoại biên cấp tính hoặc bán cấp tính.</li> <li>+ Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án của lần điều trị cuối cùng ghi nhận quá trình điều trị về bệnh rối loạn tâm thần liên tiếp trong 03 năm trở lên của bệnh viện tuyến huyện hoặc trung tâm y tế huyện hoặc tương đương trở lên (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an) với các bệnh rối loạn tâm thần có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học theo.</li> <li>d) Trường hợp có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ thì bổ sung thêm Giấy xác nhận người hoạt động kháng chiến có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ của Ủy ban nhân dân cấp xã.</li> </ul>	
<b>II.</b>		<b>Lĩnh vực Chính sách lao động</b>		

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
901	1.000105	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài theo Mẫu số 01/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 70/2023/NĐ-CP.</li> <li>- Báo cáo giải trình thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài theo Mẫu số 02/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 70/2023/NĐ-CP.</li> </ul>	
902	2.000219	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài	Nhà thầu thực hiện theo mẫu 04/PLI và mẫu 05/PLI của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP.	
903	2.000205	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Văn bản đề nghị cấp giấy phép lao động theo mẫu số 11/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP.	
904	2.000192	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép lao động theo mẫu số 11/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP.	
905	1.009811	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép lao động theo mẫu số 11/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP.	
906	1.000459	Xác nhận người lao động không thuộc diện cấp giấy phép lao động	Văn bản đề nghị xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 09/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP.	
907	2.001955	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị đăng ký nội quy lao động.</li> <li>- Nội quy lao động.</li> <li>- Văn bản góp ý của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở đối với nơi có tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở.</li> </ul>	
908	1.000479	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp giấy phép của doanh nghiệp theo Mẫu số 05/PLIII Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 145/2020/NĐ-CP.</li> <li>- Bản lý lịch tự thuật của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo Mẫu số 07/PLIII Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 145/2020/NĐ-CP.</li> </ul>	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
909	1.000464	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận tiên ký quỹ hoạt động cho thuê lại lao động theo Mẫu số 01/PL/III Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 145/2020/NĐ-CP.</li> <li>- Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép của doanh nghiệp theo Mẫu số 05/PL/III, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.</li> <li>- Giấy chứng nhận tiên ký quỹ hoạt động cho thuê lại lao động theo Mẫu số 01/PL/III Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.</li> </ul>	
910	1.000448	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 05/PL/III Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.</li> <li>- Văn bản đề nghị thu hồi giấy phép theo Mẫu số 06/PL/III Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.</li> <li>- Giấy phép đã được cấp hoặc văn bản cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật của doanh nghiệp cho thuê lại đối với trường hợp giấy phép bị mất.</li> <li>- Báo cáo tình hình hoạt động cho thuê lại lao động của doanh nghiệp theo Mẫu số 09/PL/III Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.</li> </ul>	
911	1.000436	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị rút tiên ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại.</li> <li>- Phương án sử dụng số tiền rút từ tài khoản ký quỹ, gồm: lý do, mục đích rút tiên ký quỹ; danh sách, số lượng người lao động, số tiền, thời gian, phương thức thanh toán đối với trường hợp rút tiên ký quỹ.</li> <li>- Báo cáo việc hoàn thành nghĩa vụ và văn bản chứng minh việc hoàn thành nghĩa vụ đối với người lao động thuê lại trong trường hợp rút tiên ký quỹ.</li> <li>- Giấy chứng nhận tiên ký quỹ hoạt động cho thuê lại lao động đối với trường hợp rút tiên ký quỹ.</li> </ul>	
912	1.000414.	Rút tiên ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp giấy phép của doanh nghiệp theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 23/2021/NĐ-CP.</li> </ul>	
913	1.001865	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm		



Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận tiên ký quy hoạt động dịch vụ việc làm theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 23/2021/NĐ-CP.</li> <li>- Bản lý lịch tự thuật của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 23/2021/NĐ-CP.</li> </ul>	
914	1.001853	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 23/2021/NĐ-CP.	
915	1.001823.	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép của doanh nghiệp theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 23/2021/NĐ-CP	
916	1.009873	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị thu hồi giấy phép theo Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 23/2021/NĐ-CP.</li> <li>- Giấy phép đã được cấp hoặc văn bản cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm đối với trường hợp giấy phép bị mất.</li> <li>- Báo cáo tình hình hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp.</li> </ul>	
917	1.001881.	Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động.</li> <li>- Văn bản xác nhận của tổ chức bảo hiểm xã hội nơi người sử dụng lao động đóng bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP.</li> <li>- Phương án thay đổi cơ cấu hoặc công nghệ hoặc sản xuất, kinh doanh được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</li> <li>- Phương án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề và duy trì việc làm theo quy định tại Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP.</li> </ul>	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ chứng minh không đủ kinh phí để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP.</li> <li>- Văn bản đăng ký theo Mẫu số 39 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH.</li> <li>- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người lao động thường trú hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý người lao động.</li> <li>- Văn bản đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập (theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH).</li> <li>- Giấy tờ chứng minh việc ký quỹ của doanh nghiệp theo Mẫu số 11 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP.</li> </ul>	
918	2.002028	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết		
919	1.005132.	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công văn đề nghị xếp hạng doanh nghiệp (bản chính).</li> <li>- Bảng tính điểm theo các chỉ tiêu xếp hạng.</li> <li>- Biểu tổng hợp số lao động thực tế sử dụng bình quân</li> <li>- Danh sách các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc (bản chính).</li> </ul>	
920	2.001949	Xếp hạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II và hạng III)		
921	2.000134	Khai báo với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	Phiếu khai báo sử dụng đối tượng kiểm định theo mẫu Id của Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.	
922	1.005449.	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 140/2018/NĐ-CP.</li> <li>- Bản thuyết minh về quy mô huấn luyện và các điều kiện, giải pháp thực hiện theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 140/2018/NĐ-CP.</li> <li>- Tài liệu huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, chỉ liệt kê danh mục theo Mẫu 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 140/2018/NĐ-CP.</li> </ul>	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
		tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)		
923	1.005450	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập).	Văn bản đề nghị gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B.	
924	2.000111	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho doanh nghiệp	- Văn bản đề nghị hỗ trợ huấn luyện theo Mẫu số 11 tại Phụ lục của Nghị định số 88/2020/NĐ-CP.	
925	2.002341	Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động; gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám	Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp của người lao động theo Mẫu số 02 tại Phụ lục của Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 đối với người lao động đã nghỉ hưu hoặc thôi việc; hoặc văn bản của người sử dụng lao động nơi người lao động đang làm việc theo Mẫu số 5 của Nghị định số 88/2020/NĐ-CP.	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
<b>III. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội</b>				
		bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động.		
926	1.001806	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng lao động trở lên là người khuyết tật	1.Văn bản đề nghị của cơ sở sản xuất, kinh doanh trong đó nêu rõ tổng số lao động hiện có, số lao động là người khuyết tật; + Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy phép hoạt động của cơ sở 2.Danh sách lao động là người khuyết tật và bản sao giấy xác nhận khuyết tật của những người khuyết tật có trong danh sách	
927	1.000669	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Văn bản đề nghị về việc đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở. - Bản photocopy đăng ký thành lập cơ sở đã được cấp.	
928	2.000062	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	1..Đơn đề nghị giải thể cơ sở của tổ chức, cá nhân đăng ký thành lập cơ sở, trong đó có nêu rõ lý do đề nghị giải thể 2. Bản kê khai tài sản, tài chính và phương án xử lý 3. Danh sách đối tượng và phương án giải quyết khi cơ sở giải thể 4. Các tài liệu liên quan khác (nếu có) 5. Kiến nghị giải thể cơ sở của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)	
929	2.000056	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	1. Tờ khai đề nghị cấp giấy phép hoạt động của cơ sở	
930	2.000051	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội cấp	1.Văn bản đề nghị điều chỉnh, cấp lại giấy phép. - Giấy phép hoạt động. 2.Giấy tờ chứng minh thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đứng đầu, loại hình cơ sở, nhiệm vụ và địa bàn hoạt động.	
<b>IV. Lĩnh vực Bảo vệ chăm sóc trẻ em</b>				
931	1.004944	Chăm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em.	Thực hiện theo Mẫu số 15 và mẫu số 16 ban hành kèm theo Nghị định số 56/2017/NĐ-CP	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
932	1.012091	Đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc theo Mẫu số 01 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động chưa thành niên (sau đây gọi tắt là Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH).</li> <li>- Bản cam kết chưa từng bị truy cứu trách nhiệm hình sự, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại trẻ em của người giao kết hợp đồng lao động bên phía người sử dụng lao động theo Mẫu số 02 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH.</li> <li>- Hợp đồng lao động hoặc dự thảo hợp đồng lao động giữa người sử dụng lao động với người chưa đủ 13 tuổi và người đại diện theo pháp luật của người đó. Trong trường hợp dự thảo hợp đồng lao động thì phải có Phiếu đồng ý của người đại diện theo pháp luật của người chưa đủ 13 tuổi làm việc theo Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH.</li> <li>- Thời khóa biểu hoặc chương trình học tập của cơ sở giáo dục nơi người chưa đủ 13 tuổi đang học tập nếu đang đi học</li> </ul>	
V.	<b>Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội</b>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo mẫu quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH</li> <li>- Đề án thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo quy định tại phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH</li> <li>- Sơ yếu lý lịch trích ngang của người dự kiến làm giám đốc cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo mẫu 26 phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/8/2023</li> <li>- Danh sách nhân sự dự kiến làm việc tại cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo quy định tại phụ lục 4 kèm theo Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH</li> </ul>	
933	2.000025	Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân		

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<p>Giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc tài sản gắn liền với đất phục vụ cho hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân</p> <p>Ý kiến bằng văn bản của UBND cấp xã nơi cơ sở hỗ trợ nạn nhân đặt trụ sở hoạt động.</p> <p>Các văn bằng, chứng chỉ chứng minh trình độ chuyên môn của nhân sự làm việc dự kiến tại cơ sở hỗ trợ nạn nhân</p> <p>Tài liệu, văn bản chứng minh Giấy phép thành lập bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy</p> <p>Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH</p>	
934	2.000027	Cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	<p>Bản sao Giấy phép thành lập đã được cấp</p> <p>Văn bản, tài liệu chứng minh việc thay đổi người đứng đầu; hoặc thay đổi địa điểm đặt trụ sở; hoặc thay đổi tên gọi, phạm vi hoạt động, dịch vụ hỗ trợ được cấp phép</p> <p>Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH</p>	
935	2.000032	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	<p>Báo cáo về tình hình hỗ trợ nạn nhân của cơ sở tính đến thời điểm đề nghị gia hạn và phương hướng hoạt động tiếp theo của cơ sở theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH</p> <p>Bản gốc Giấy phép thành lập đã được cấp</p> <p>Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH</p>	
936	2.000036	Gia hạn giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	<p>Đơn đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân</p> <p>Phương án giải quyết đối với nạn nhân, người lao động, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan của cơ sở hỗ trợ nạn nhân khi chấm</p>	
937	1.000091	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân		

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<p>đứt hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục I1 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2013/TT- BLĐTĐHXH</p> <p>- Đơn đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2013/TT- BLĐTĐHXH</p> <p>- 01 bản sao quyết định thành lập, cho phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</p> <p>- Văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc chấp thuận đặt trụ sở cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện</p> <p>- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện</p> <p>- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện</p> <p>- Tài liệu chứng minh bảo đảm đủ các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị quy định tại Khoản 2, 3 Điều 9 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP</p> <p>- 01 bản chính danh sách nhân viên, kèm theo bản sao văn bằng, chứng chỉ; 01 bản lý lịch tóm tắt của người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật, 01 bản sao giấy xác nhận đã được đào tạo, tập huấn về điều trị, cai nghiện ma túy hoặc giấy xác nhận thời gian làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy của người đứng đầu, người đại diện theo pháp luật của cơ sở</p> <p>- 01 bản phương án tài chính của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện để bảo đảm duy trì hoạt động cai nghiện ma túy</p>	
938	1.010935	Cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện		
939	1.010936	Cấp lại giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	<p>- Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 01 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP</p> <p>- 01 bản chính Biên bản của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện về việc xác nhận giấy phép hoạt động bị mất (hoặc hỏng) theo Mẫu số 07 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP của cơ sở cai nghiện đối với</p>	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<p>trường hợp quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 bản lý lịch tóm tắt của người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật của cơ sở cại nghiện theo Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định 116/2021/NĐ-CP.</li> <li>- Các văn bằng, chứng chỉ theo quy định tại Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP đối với trường hợp quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.</li> <li>- Tài liệu chứng minh bảo đảm đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 9 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP đối với trường hợp quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.</li> <li>- Báo cáo kết quả khắc phục việc đình chỉ hoạt động của cơ sở cại nghiện đối với trường hợp quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP theo Mẫu số 08 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP</li> </ul>	
940	1.010937	<p>Dừng hoạt động cại nghiện ma túy tự nguyện (tên trên CSDLQG: Thu hồi Giấy phép hoạt động cại nghiện ma túy trong trường hợp cơ sở cại nghiện có văn bản đề nghị dừng hoạt động cại nghiện ma túy tự nguyện)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản của cơ sở cại nghiện ma túy tự nguyện xin dừng hoạt động cại nghiện ma túy theo Mẫu số 11 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP</li> </ul>	
<b>VI.</b>	<b>Lĩnh vực Việc làm</b>			
941	1001978	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp	Đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp (mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH)	
942	2001953	Chăm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp	Thông báo về việc chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động (mẫu số 23 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH)	



Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
943	2001953	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi)	Đề nghị chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (mẫu số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH)	
944	2000839	Giải quyết hồ trợ học nghề	Đề nghị hồ trợ học nghề (mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020)	
945	2000148	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm	Phiếu tư vấn, giới thiệu việc làm (mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH)	
946	1000362	Thông báo về việc tìm kiếm việc làm hàng tháng	Thông báo về việc tìm kiếm việc làm (Mẫu số 16 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH)	
<b>VII. Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp</b>				
947	1.000389	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp.	Thực hiện theo mẫu số 7, mẫu số 8 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/04/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp	
948	1.010593	Công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực.	Thực hiện theo mẫu số 7, mẫu số 8 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường trung cấp	
949	1.010595	Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thực.	Thực hiện theo mẫu số 12, mẫu số 13 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường trung cấp	
950	1.000243	Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Thực hiện theo mẫu số 1, mẫu số 2 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/04/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp	
951	2.000189	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với	Thực hiện theo mẫu số 4, mẫu số 5 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/04/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
952	1.010587	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp. Thành lập hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp Thực hiện theo mẫu số 1, mẫu số 2 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường Cao đẳng	
<b>B.</b>	<b>CÁP HUYỆN</b>			
<b>I.</b>	<b>Lĩnh vực Người có công</b>			
953	1.010832	Thăm viếng mộ liệt sĩ	- Đơn đề nghị theo Mẫu số 31 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. - Một trong các giấy tờ sau: + Giấy báo tin mộ liệt sĩ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi quản lý mộ đối với trường hợp mộ liệt sĩ có đầy đủ thông tin. + Đối với trường hợp chưa xác định được mộ cụ thể trong nghĩa trang liệt sĩ: Giấy xác nhận do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi quản lý mộ về việc có tên trong danh sách quản lý của nghĩa trang. +Bản trích lục hồ sơ liệt sĩ do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi quản lý hồ sơ gốc cấp.	
<b>II.</b>	<b>Lĩnh vực Bảo trợ xã hội</b>			
954	2.000777	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	Văn bản đề nghị hỗ trợ của cơ quan, tổ chức trực tiếp cấp cứu, chữa trị cho người bị thương nặng.	
955	1.000669	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền Phòng Lao động – TBXH	1. Văn bản đề nghị về việc đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
956	2.000298	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền Phòng Lao động – TBXH	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn đề nghị giải thể cơ sở của tổ chức, cá nhân đăng ký thành lập cơ sở, trong đó có nêu rõ lý do đề nghị giải thể</li> <li>2. Bản kê khai tài sản, tài chính và phương án xử lý</li> <li>3. Danh sách đối tượng và phương án giải quyết khi cơ sở giải thể</li> <li>4. Các tài liệu liên quan khác (nếu có)</li> <li>5. Kiến nghị giải thể cơ sở của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)</li> </ol>	
957	1.000684	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động – TBXH cấp	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Văn bản đề nghị điều chỉnh, cấp lại giấy phép.</li> <li>2. Giấy phép hoạt động. - Giấy tờ chứng minh thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đứng đầu, loại hình cơ sở, nhiệm vụ và địa bàn hoạt động.</li> </ol>	
958	2.000294	Cấp giấy phép hoạt động cơ sở TGXH thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động-TBXH	Tờ khai đề nghị cấp giấy phép hoạt động của cơ sở	
III.	<b>Lĩnh vực Bảo vệ chăm sóc trẻ em</b>			
959	1.004944	Chăm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em.	Thực hiện theo Mẫu số 15 và mẫu số 16 ban hành kèm theo Nghị định số 56/2017/NĐ-CP	
IV.	<b>Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội</b>			
960	2.001661	Hỗ trợ học văn hoá, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị hỗ trợ của nạn nhân hoặc của gia đình nạn nhân.</li> <li>- Giấy xác nhận của cơ quan công an huyện, thành phố thuộc tỉnh.</li> <li>- Giấy xác nhận nạn nhân của cơ quan giải cứu.</li> <li>- Giấy xác nhận nạn nhân của cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân.</li> <li>- Giấy tờ, tài liệu do cơ quan nước ngoài cấp đã được cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hoặc Bộ ngoại giao Việt Nam hợp pháp hoá lãnh sự chứng minh người đó là nạn nhân.</li> </ul>	
961	1.010938	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng của tổ chức, cá nhân đề nghị theo Mẫu số 13 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP</li> </ul>	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<p><b>Thành phần hồ sơ phải số hóa</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản, chứng chỉ, phiếu lý lịch tư pháp được cấp không quá 03 tháng tại thời điểm nộp hồ sơ của từng nhân viên.</li> <li>- Bản dự kiến quy trình cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng</li> <li>- Bản lý lịch tóm tắt của người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật của cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện theo Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP</li> <li>- Danh sách nhân viên của cơ sở cai nghiện ma túy/cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện (Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 116/2021/NĐ-CP).</li> <li>- Tài liệu chứng minh bảo đảm đủ các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị cung cấp dịch vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP</li> </ul>	
962	1.010939	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị công bố lại đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng của tổ chức, cá nhân đề nghị theo Mẫu số 13 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.</li> <li>- Bản báo cáo kết quả khắc phục việc đình chỉ cung cấp dịch vụ đối với trường hợp quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 19 Nghị định 116/2021/NĐ-CP</li> <li>- Bản lý lịch tóm tắt của người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật của cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện theo Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP kèm theo các văn bản, chứng chỉ đối với trường hợp thay đổi người đại diện theo pháp luật quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP</li> <li>- Tài liệu chứng minh bảo đảm cơ sở vật chất tại địa điểm cung cấp dịch vụ mới quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP đối với trường hợp thay đổi địa điểm cung cấp dịch vụ quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.</li> </ul>	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
963	1.010940	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị công bố (công bố lại) đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng của tổ chức, cá nhân đề nghị theo Mẫu số 13 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP</li> <li>- Các tài liệu sau đây đối với cơ sở cai nghiện ma túy công lập:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quyết định thành lập;</li> <li>+ Tài liệu chứng minh bảo đảm đủ các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị cung cấp dịch vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP;</li> </ul> </li> <li>+ Danh sách nhân viên của cơ sở cai nghiện ma túy/cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện theo Mẫu số 03 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP;</li> <li>+ Văn bản, chứng chỉ, phiếu lý lịch tư pháp được cấp không quá 03 tháng tại thời điểm nộp hồ sơ của từng nhân viên;</li> <li>- Bản lý lịch tóm tắt của người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật của cơ sở cung cấp dịch vụ theo Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP;</li> <li>+ Bản dự kiến quy trình cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng</li> <li>- Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện đối với cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.</li> </ul>	
<b>C. CẤP XÃ</b>				
<b>I. Lĩnh vực Người có công</b>				
964	1.010832	Cấp giấy xác nhận thân nhân người có công	- Đơn đề nghị cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công.	
965	2.001396	Trờ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Một trong các giấy tờ sau đây chứng minh là TNXP (là bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã): Lý lịch cán bộ hoặc lý lịch đảng viên khai trước ngày Quyết định số 104/1999/QĐ-TTg ngày 14/4/1999 có hiệu lực thi hành. Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp trước khi TNXP trở về địa phương như: Giấy chứng nhận hoàn thành</li> </ul>	Huyện đề xuất

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<p>nhiệm vụ của đơn vị quản lý TNXP; Giấy chuyển thương, chuyển viện, phiếu sức khỏe; Giấy khen trong thời gian tham gia lực lượng TNXP; Giấy chứng nhận tham gia TNXP; Giấy điều động công tác, bổ nhiệm, giao nhiệm vụ. Trường hợp TNXP không còn một trong các giấy tờ thì phải nộp bản khai có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi tham gia TNXP (bản chính). Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác nhận bản khai đối với đối tượng là người địa phương đi TNXP nhưng hiện đang đăng ký hộ khẩu thường trú ở địa phương khác (nội dung xác nhận theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 08).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản khai cá nhân (lập theo mẫu số 1C)</li> <li>- Đối với đối tượng đủ điều kiện hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng, ngoài các giấy tờ quy định trên, phải có giấy chứng nhận sức khỏe của cơ sở y tế cấp huyện trở lên (bản chính)</li> </ul>	
966	2.001157	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Một trong các giấy tờ sau đây chứng minh là TNXP (là bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã): Lý lịch cán bộ hoặc lý lịch đảng viên khai trước ngày Quyết định số 104/1999/QĐ-TTg ngày 14/4/1999 có hiệu lực thi hành. Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp trước khi TNXP trở về địa phương như: Giấy chứng nhận hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị quản lý TNXP; Giấy chuyển thương, chuyển viện, phiếu sức khỏe; Giấy khen trong thời gian tham gia lực lượng TNXP; Giấy chứng nhận tham gia TNXP; Giấy điều động công tác, bổ nhiệm, giao nhiệm vụ. Trường hợp TNXP không còn một trong các giấy tờ thì phải nộp bản khai có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi tham gia TNXP (bản chính). Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác nhận bản khai đối với đối tượng là người địa phương đi TNXP nhưng hiện đang đăng ký hộ khẩu thường trú ở địa phương khác (nội dung xác nhận theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 08)</li> <li>- Bản khai cá nhân (lập theo mẫu số 1A hoặc 1B)</li> </ul>	Huyện đề xuất

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
<b>II. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội</b>				
967	1.001699	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị (theo Mẫu số 01).</li> <li>- Bản sao các giấy tờ y tế chứng minh về khuyết tật: bệnh án, giấy tờ khám, điều trị, phẫu thuật hoặc các giấy tờ liên quan khác (nếu có)</li> <li>- Bản sao kết luận của Hội đồng Giám định y khoa về khả năng tự phục vụ, mức độ suy giảm khả năng lao động đối với trường hợp người khuyết tật đã có kết luận của Hội đồng Giám định y khoa trước ngày 01/6/2012</li> </ul>	
968	1.001653	Cấp đổi, cấp lại giấy xác nhận mức độ khuyết tật	Đơn đề nghị xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	
969	2.000751	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	Tờ khai đề nghị hỗ trợ về nhà ở	
970	1.011606	Công nhận hộ nghèo, cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ hàng năm	01 bộ, gồm Giấy đề nghị xét duyệt thoát nghèo, thoát cận nghèo	
971	1.011607	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hàng năm	Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo	
972	1.011608	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hàng năm	Giấy đề nghị công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo.	
973	1.011609	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	Giấy đề nghị xác định hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	
974	2.000355	Đăng ký hoạt động đơn vị/ cơ sở TGXH dưới 10 người có hoàn cảnh khó khăn	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tờ khai đăng ký hoạt động trợ giúp xã hội</li> <li>2. Phiếu lý lịch tư pháp của người đứng đầu cơ sở, nhân viên của cơ sở</li> </ol>	
<b>III. Lĩnh vực Bảo vệ chăm sóc trẻ em</b>				
975	2.001942	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế.	Thực hiện theo Mẫu số 10 và mẫu số 14 ban hành kèm theo Nghị định số 56/2017/NĐ-CP	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
976	1.004944	Chăm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em.	Thực hiện theo Mẫu số 15 và mẫu số 16 ban hành kèm theo Nghị định số 56/2017/NĐ-CP	
977	2.001947	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.	Thực hiện theo Mẫu số: 01, 03, 04 và mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định số 56/2017/NĐ-CP	
978	2.001944	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em.	Thực hiện theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo Nghị định số 56/2017/NĐ-CP	
979	1.004946	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em.	Thực hiện theo Mẫu số 01, 02 và Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 56/2017/NĐ-CP	
980	1.004941	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em.	Thực hiện theo Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định số 56/2017/NĐ-CP	
<b>IV.</b>	<b>Lĩnh vực phòng chống tệ nạn xã hội</b>			
981	1.010941	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	- Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện của người nghiện hoặc người đại diện hợp pháp theo Mẫu số 22 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP - Phiếu kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy của cơ quan có thẩm quyền.	
<b>D</b>	<b>CẤP TỈNH, HUYỆN, XÃ</b>			
<b>I.</b>	<b>Lĩnh vực Bảo trợ xã hội</b>			
982	2.000286	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	- Tờ khai của đối tượng hoặc người giám hộ; - Giấy tờ liên quan khác (nếu có).	



Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Chi chú
983	2.000282	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	Tờ khai của đối tượng hoặc người giám hộ - Biên bản đối với trường hợp khẩn cấp có nguy cơ đe dọa đến an toàn của đối tượng.	
984	2.000477	Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	Đơn đề nghị dùng trợ giúp xã hội	
<b>E</b>				
<b>CẤP HUYỆN, XÃ</b>				
<b>I. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội</b>				
985	2.000286	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	- Tờ khai của đối tượng hoặc người giám hộ - Xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền đối với trường hợp nhiễm HIV; - Giấy tờ liên quan khác (nếu có).	
986	2.000282	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	Đơn của đối tượng hoặc người giám hộ.	
987	1.001776	Thực hiện, điều chỉnh, thời hướng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	-Đôi với hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng 1. Tờ khai hộ gia đình có người khuyết tật 2. Tờ khai nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội 3. Tờ khai của đối tượng được nhận chăm sóc, nuôi dưỡng trong trường hợp đối tượng không hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng -Đôi với hồ sơ đề nghị trợ cấp xã hội hàng tháng Tờ khai của đối tượng	
988	1.001758	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Văn bản đề nghị của đối tượng	
989	1.001753	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi	Văn bản đề nghị của đối tượng	

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
		cur trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		
990	1.001739	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	1. Đơn đề nghị nhận chăm sóc, nuôi dưỡng. 2. Biên bản về vụ việc bạo hành, xâm hại đối tượng và văn bản xác nhận tình trạng sức khỏe đối tượng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (nếu có).	
991	1.001731	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	Tờ khai đề nghị hỗ trợ chi phí mai táng của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình hoặc cá nhân đứng ra tổ chức mai táng cho đối tượng	
992	2.000744	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	1. Tờ khai đề nghị hỗ trợ chi phí mai táng 2. Giấy báo tử của đối tượng đối với trường hợp hộ gia đình có người chết, mất tích do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh; tai nạn giao thông, tai nạn lao động nghiêm trọng hoặc các lý do bất khả kháng khác 3. Xác nhận của công an cấp xã đối với trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân tổ chức mai táng cho người chết do không có người nhận trách nhiệm tổ chức mai táng.	

**XVI. NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
<b>A.</b>	<b>CẤP TỈNH</b>	<b>Lĩnh vực hoạt động xây dựng</b>		
993	1.009972	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi theo Mẫu số 01 Phụ lục I của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ (Đối với dự án điều chỉnh nêu rõ nội dung, lý do điều chỉnh); Báo cáo giám sát đánh giá đầu tư, Báo cáo thẩm định nội bộ (nếu điều chỉnh) theo quy định pháp luật về đầu tư, đầu tư công.	

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản về chủ trương đầu tư xây dựng công trình theo quy định pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư và quy định khác có liên quan;</li> <li>- Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có yêu cầu);</li> <li>- Quyết định phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư (đối với dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công và nguồn vốn nhà nước ngoài đầu tư công);</li> <li>- Văn bản/ quyết định phê duyệt và bản vẽ kèm theo (nếu có) của một trong các loại quy hoạch sau đây: Quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch; phương án tuyển, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận đối với công trình xây dựng theo tuyển; quy hoạch phân khu xây dựng đối với trường hợp không có yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng;</li> <li>- Các văn bản pháp lý trước khi điều chỉnh (đối với dự án điều chỉnh);</li> <li>- Văn bản ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy của thiết kế cơ sở theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy (không yêu cầu bắt buộc). Trường hợp thực hiện theo nguyên tắc đồng thời, phải có kết quả gửi Sở Giao thông vận tải trước thời hạn thông báo kết quả thẩm định 05 ngày. Trường hợp chủ đầu tư yêu cầu thực hiện liên thông, phải nộp bổ sung 01 bộ hồ sơ theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy;</li> <li>- Văn bản kết quả thực hiện thủ tục về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (không yêu cầu bắt buộc). Trường hợp thực hiện theo nguyên tắc đồng thời, phải có kết quả gửi Sở Giao thông vận tải trước thời hạn thông báo kết quả thẩm định 05 ngày;</li> <li>- Các văn bản thỏa thuận, xác nhận về đầu nói hạ tầng kỹ thuật của dự án;</li> <li>- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án;</li> <li>- Danh sách các nhà thầu kèm theo mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, nhà thầu thẩm</li> </ul>
--	--	--

			<p>tra (nếu có); Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; Chủ trì các bộ môn thiết kế, lập tổng mức đầu tư; Chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra (nếu có); Kiểm định xây dựng công trình (nếu có)</p> <p>- Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có)</p> <p>- Các văn bản khác liên quan (nếu có);</p>
994	1.009973	<p>Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh</p>	<p>- Tờ trình thẩm định Thiết kế dự toán xây dựng triển khai sau Thiết kế cơ sở theo Mẫu số 04 Phụ lục I của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP; Báo cáo giám sát đánh giá đầu tư;</p> <p>- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình kèm theo Báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt; Quyết định phê duyệt dự toán chi phí tư vấn giai đoạn thực hiện dự án;</p> <p>- Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo NCKT dự án của cơ quan chuyên môn về xây dựng, của cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư và hồ sơ bản vẽ Thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có);</p> <p>Báo cáo kết quả thẩm tra Thiết kế, dự toán xây dựng của nhà thầu tư vấn thẩm tra được chủ đầu tư xác nhận (nếu có yêu cầu);</p> <p>- Văn bản thẩm duyệt Thiết kế phòng cháy chữa cháy theo quy pháp luật về PCCC (không yêu cầu bắt buộc). Trường hợp thực hiện theo nguyên tắc đồng thời, phải có kết quả gửi Sở Giao thông vận tải trước thời hạn thông báo kết quả.</p> <p>- Kết quả thực hiện thủ tục về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu);</p> <p>- Đối với điều chỉnh thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở, Chủ đầu tư nộp báo cáo tình hình thực tế thi công xây dựng công trình (trường hợp công trình đã thi công xây dựng);</p> <p>- Các văn bản pháp lý khác liên quan như: thỏa thuận đấu nối, cấp nguồn, di chuyển các công trình trong phạm vi dự án...</p> <p>- Danh sách các nhà thầu kèm theo mã số chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có);</p>

			- Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; Chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế. Chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra; Kiểm định xây dựng công trình (nếu có)	
<b>II. Lĩnh vực quản lý chất lượng</b>				
995	1.009788	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh	- Báo cáo kết quả thực hiện công việc tổ chức kiểm tra, kiểm định để đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình và đề xuất phương án gia cố, cải tạo, sửa chữa hư hỏng công trình (nếu có), xác định thời gian được tiếp tục sử dụng công trình sau khi sửa chữa, gia cố; tổ chức gia cố, cải tạo, sửa chữa hư hỏng công trình (nếu có) để đảm bảo công năng và an toàn sử dụng.	
996	1.009791	Cho ý kiến về việc các công trình hết thời hạn sử dụng nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	Báo cáo kết quả đánh giá an toàn công trình	
997	1.009794	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	- Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng quy định tại Phụ lục VIa ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ; - Danh mục hồ sơ hoàn thành công trình quy định tại Phụ lục VIIb ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ. * (Số hóa kết quả: Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng)	
<b>III. Lĩnh vực đường bộ</b>				
998	1.002030	Cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu.	Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng; Thông tin tổ chức, cá nhân.	
999	2.000881	Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố.	Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng; Thông tin tổ chức, cá nhân.	
1000	1.001994	Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyển đến.	Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng; Thông tin tổ chức, cá nhân.	

1001	2.000847	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký, biên số xe máy chuyên dùng bị mất.	Tờ khai cấp (đổi) đăng ký xe máy chuyên dùng; Tờ khai thông báo công khai đăng ký xe máy chuyên dùng; Thông tin tổ chức, cá nhân
1002	1.001896	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biên số xe máy chuyên dùng có thời hạn.	Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng; Thông tin tổ chức, cá nhân.
1003	2.000872	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biên số xe máy chuyên dùng có thời hạn.	Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng; Thông tin tổ chức, cá nhân.
1004	1.001919	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng	Tờ khai đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng; Thông tin tổ chức, cá nhân; Chứng từ sở hữu bản sao; Chứng từ nguồn gốc bản sao; Giấy Chứng nhận đăng ký tạm thời
1005	1.001001	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo.	Văn bản Đề nghị thẩm định; Thông tin tổ chức, cá nhân; Giấy Chứng nhận Thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo; Giấy CN Đăng ký kinh doanh
1006	1.001826	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biên số xe máy chuyên dùng.	Tờ khai thu hồi đăng ký xe máy chuyên dùng; Thông tin tổ chức, cá nhân.
1007	1.002007	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	Tờ khai di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng; Thông tin tổ chức, cá nhân.
1008	1.000660	Công bố đưa Bến xe khách vào khai thác	<ol style="list-style-type: none"> <li>Văn bản đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 của QCVN 45:2012/BGTVT;</li> <li>Văn bản chấp thuận đầu nói đường ra, vào bến xe khách với đường bộ của cơ quan có thẩm quyền;</li> <li>Quyết định cho phép đầu tư xây dựng của cơ quan có thẩm quyền và biên bản nghiệm thu xây dựng;</li> <li>Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của bến xe khách theo Phụ lục 2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015.</li> <li>Quy chế quản lý khai thác bến xe khách do đơn vị quản lý, khai thác bến xe khách ban hành.</li> </ol>
1009	1.000672	Công bố lại đưa Bến xe khách vào khai thác	<ol style="list-style-type: none"> <li>Văn bản đề nghị công bố lại bến xe khách theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 của QCVN 45:2012/BGTVT.</li> <li>Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể các công trình xây dựng, cải tạo bến xe khách (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).</li> </ol>

			<p>3. Quyết định cho phép đầu tư xây dựng, cải tạo của cơ quan có thẩm quyền (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).</p> <p>5. Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn này với các công trình của bên xe khách (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).</p>
1010	1.002889	Công bố đưa Trạm dừng nghỉ đường bộ vào khai thác	<p>1. Giấy đề nghị công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác (theo mẫu quy định tại Phụ lục 2).</p> <p>2. Văn bản chấp thuận đầu nối đường ra, vào trạm dừng nghỉ với đường giao thông của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>4. Quyết định cho phép đầu tư xây dựng của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>6. Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn này với các công trình của trạm dừng nghỉ (theo mẫu quy định tại Phụ lục 3).</p> <p>7. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của đơn vị kinh doanh khai thác trạm dừng nghỉ.</p> <p>8. Quy chế quản lý khai thác do trạm dừng nghỉ ban hành.</p>
1011	1.002883	Công bố lại đưa Trạm dừng nghỉ vào khai thác	<p>1. Giấy đề nghị tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác (theo mẫu quy định tại phụ lục 5).</p> <p>3. Quyết định cho phép đầu tư xây dựng, cải tạo của cơ quan có thẩm quyền (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).</p> <p>5. Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn này với các công trình của trạm dừng nghỉ (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).</p> <p>6. Báo cáo kết quả hoạt động (theo mẫu quy định tại Phụ lục 6).</p>
1012	1.002268	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.	<p>Giấy đề nghị đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia</p> <p>Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hện nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ số gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh</p>

			<p>Phương án khai thác tuyên vận tài hành khách có định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu;</p> <p>4. Hợp đồng đối tác giữa đơn vị kinh doanh vận tải Việt Nam với đối tác của Lào và/hoặc Campuchia (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).</p>
1013	1.002877	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	<p>1. Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu.</p> <p>2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ số góc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;</p> <p>3. Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bên xe khách ở Việt Nam và bên xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào, Campuchia (đối với phương tiện kinh doanh tuyên vận tải hành khách có định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia</p>
1014	1.002869	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	<p>1. Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu.</p> <p>2. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu). Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);</p> <p>3. Đối với doanh nghiệp thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh doanh nghiệp đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (bản sao có chứng thực).</p>



1015	1.002286	Giã hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	1. Giấy đề nghị giã hạn theo mẫu;	
1016	1.002856	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	<p>2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hện nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ số gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;</p> <p>3. Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào).</p> <p><b>I. Phương tiện phi thương mại:</b></p> <p>1. Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu.</p> <p>3. Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp xe công vụ và xe của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác);</p> <p>4. Bản sao hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào).</p> <p><b>II. Phương tiện thương mại:</b></p> <p>1. Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu.</p>	
1017	1.002852	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	<p>2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hện nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ số gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện</p>	

			<p>bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;</p> <p>3. Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách có định giữa Việt Nam và Lào).</p> <p><b>I. Phương tiện phi thương mại:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu.</li> <li>3. Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp xe công vụ và xe của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác);</li> <li>4. Bản sao hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào).</li> </ol> <p><b>II. Phương tiện thương mại:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu.</li> <li>1. Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu.</li> <li>1. Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;</li> <li>2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân phải xuất trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện;</li> <li>3. Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền đối với xe công vụ.</li> </ol>
1018	1.002063	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu.</li> </ol>
1019	1.001023	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;</li> <li>2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân phải xuất trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện;</li> <li>3. Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền đối với xe công vụ.</li> </ol>
1020	1.001577	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia.	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu.</li> </ol>

1021	1.010707	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	1. Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu.	
1022	1.010708	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;</li> <li>2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;</li> <li>3. Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia</li> <li>4. Hợp đồng đối tác giữa đơn vị kinh doanh vận tải Việt Nam với đối tác của Lào và/hoặc Campuchia (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu)</li> </ol>	
1023	1.010711	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu;</li> <li>2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hện nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân phải xuất trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện;</li> <li>2. Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền đối với xe công vụ.</li> </ol>	
1024	1.002046	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	1. Giấy đề nghị gia hạn	
1025	1.001737	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	1. Giấy đề nghị gia hạn	

1026	1.002861	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	1. Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào theo mẫu; 2. Phương án kinh doanh vận tải theo mẫu.
1027	1.002859	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	1. Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào theo mẫu; 2. Phương án kinh doanh vận tải.
1028	1.000028	Cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.	- Đơn đề nghị theo mẫu quy định - Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ
<b>IV. Lĩnh vực đường thủy nội địa</b>			
1029	1.004088	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa.	Đơn đề nghị đăng ký phương tiện; Thông tin tổ chức, cá nhân
1030	1.004047	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa.	Đơn đề nghị đăng ký phương tiện; Thông tin tổ chức, cá nhân
1031	1.004002	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.	Đơn đề nghị đăng ký phương tiện; Thông tin tổ chức, cá nhân
1032	1.003970	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.	Đơn đề nghị đăng ký phương tiện; Thông tin tổ chức, cá nhân
1033	2.001711	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật.	Đơn đề nghị đăng ký phương tiện; Thông tin tổ chức, cá nhân
1034	1.006391	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Đơn đề nghị đăng ký phương tiện; Thông tin tổ chức, cá nhân

		của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác.	
1035	1.004036	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa.	Đơn đề nghị đăng ký phương tiện; Thông tin tổ chức, cá nhân
1036	1.003930	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.	Đơn đề nghị đăng ký phương tiện; Thông tin tổ chức, cá nhân
1037	2.001659	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Đơn đề nghị đăng ký phương tiện; Thông tin tổ chức, cá nhân
1038	2.001215	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu.	Đơn đề nghị đăng ký phương tiện; Thông tin tổ chức, cá nhân
1039	2.001214	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước.	Đơn đề nghị đăng ký phương tiện; Thông tin tổ chức, cá nhân
1040	2.001212	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước.	Đơn đề nghị đăng ký phương tiện; Thông tin tổ chức, cá nhân
1041	2.001211	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước.	Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện; Thông tin tổ chức, cá nhân
1042	1.001322	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Văn bản đề nghị kiểm tra cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới theo mẫu quy định; Thông tin Doanh nghiệp, nhân sự; Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền của địa phương (bản sao có chứng thực hoặc bản chính để đối chiếu)
1043	1.001296	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới
1044	1.009456	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa.	- Đơn đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa theo mẫu; - Quyết định công bố cảng thủy nội địa.
1045	1.004242	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa	- Đơn đề nghị công bố lại hoạt động cảng theo mẫu; - Quyết định công bố lại cảng thủy nội địa.
1046	2.001219	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến	- Đơn đề nghị theo Mẫu - Văn bản chấp thuận

		đường thủy nội địa phương (Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải)		
1047	2.001218	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc để quan sát	- Đơn đề nghị theo Mẫu - Quyết định công bố mở vùng hoạt động vui chơi giải trí	
1048	2.001217	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc để quan sát	- Đơn đề nghị theo mẫu - Quyết định công bố đóng vùng hoạt động vui chơi giải trí	
1049	1.009442	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa	- Đơn đề nghị thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa theo mẫu;	
1050	1.009443	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	- Đơn đề nghị theo mẫu	
1051	1.009444	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	- Đơn đề nghị gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa;	
1052	1.009445	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa	- Văn bản đề nghị phải nêu rõ quy mô dự kiến nâng cấp; thời gian thực hiện cải tạo nâng cấp công trình; ảnh hưởng của việc cải tạo nâng cấp đến hoạt động của phương tiện trong vùng nước, phương tiện, thiết bị xếp dỡ hàng hóa và hoạt động vận tải hành khách, hàng hóa; công trình liên kề	

1053	1.009446	Công bố chuyển bản thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bản thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa	- Đơn đề nghị công bố chuyển bản thủy nội địa thành cảng thủy nội địa theo mẫu;	
1054	1.009447	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	- Đơn đề nghị đóng cảng, bến thủy nội địa của chủ cảng, bến thủy nội địa	
1055	1.009448	Thiết lập khu neo đậu	- Đơn đề nghị thỏa thuận thiết lập khu neo đậu theo mẫu;	
1056	1.009449	Công bố hoạt động khu neo đậu	- Đơn đề nghị công bố hoạt động khu neo đậu theo mẫu;	
1057	1.009450	Công bố đóng khu neo đậu	- Đơn đề nghị theo mẫu	
1058	1.009451	Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa	- Đơn đề nghị thỏa thuận thiết lập báo hiệu theo mẫu.	
1059	1.009452	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	- Đơn đề nghị thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa theo mẫu;	
1060	1.009453	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	- Đơn đề nghị thỏa thuận xây dựng bến thủy nội địa theo mẫu;	
1061	1.009455	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	- Đơn nghị công bố hoạt động theo mẫu;	
1062	1.009459	Công bố mở luồng chuyên dùng nói với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nói với luồng địa phương	- Đơn đề nghị công bố mở luồng đường thủy nội địa theo mẫu.	
1063	1.009460	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng	- Đơn đề nghị công bố đóng luồng đường thủy nội địa theo mẫu.	
1064	1.009461	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng	- Đơn đề nghị công bố thông báo luồng theo mẫu	

1065	1.009462	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa	- Đơn đề nghị thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa theo mẫu;
1066	1.009463	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa	- Đơn đề nghị thỏa thuận xây dựng công trình theo mẫu;
1067	1.009464	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa	- Đơn đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông theo mẫu;
1068	1.009465	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	- Đơn đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông theo mẫu;

### XVII. NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Cơ quan thực hiện
I.	Lĩnh vực Đất đai			
1069	1.011616	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	<p>Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04a/DK ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT đối với toàn bộ diện tích của thửa đất đang sử dụng</p> <p>Một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất, hoặc các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật đất đai, Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Khoản 16 Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ và Giấy chứng nhận của thửa đất góc hoặc giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật đất đai, Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Khoản 16 Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ</p> <p>Giấy chứng nhận, các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật đất đai, Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Khoản 16 Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của diện tích đất tăng thêm</p>	<p>(1) UBND cấp tỉnh</p> <p>(2) UBND cấp huyện</p>



			<p>Một trong các giấy tờ về quyền sở hữu nhà ở đối với trường hợp tài sản là nhà ở; một trong các giấy tờ quy định tại các Điều 31, 32, 33 và 34 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP đối với trường hợp đăng ký về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</p> <p>Một trong các giấy tờ về quyền sở hữu công trình xây dựng đối với trường hợp tài sản là công trình xây dựng; hồ sơ thiết kế xây dựng của công trình đối với trường hợp chứng nhận quyền sở hữu công trình trên đất nông nghiệp</p> <p>Một trong các giấy tờ về quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng đối với trường hợp chứng nhận tài sản rừng sản xuất là rừng trồng</p> <p>Một trong các giấy tờ về quyền sở hữu cây lâu năm đối với trường hợp chứng nhận quyền sở hữu cây lâu năm</p> <p>Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính; giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất - nếu có</p> <p>Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận hoặc quyết định của Tòa án nhân dân về việc xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề, kèm theo sơ đồ thể hiện vị trí, kích thước phần diện tích thừa đất mà người sử dụng thừa đất liền kề được quyền sử dụng hạn chế đối với trường hợp có đăng ký quyền sử dụng hạn chế đối với thừa đất liền kề</p> <p>Bản gốc Giấy chứng nhận và hợp đồng, văn bản về việc chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất được lập theo quy định của diện tích đất tăng thêm (nếu có)</p> <p>Giấy chứng nhận</p> <p>Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04a/DK ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT</p> <p>Một trong các giấy tờ về về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng, quyền sở hữu cây lâu năm</p> <p>Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân hoặc giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết được quyền sở hữu cây lâu năm đã có hiệu lực pháp luật</p> <p>Giấy chứng nhận</p>	<p>(1) UBND cấp tỉnh</p> <p>(2) UBND cấp huyện</p>
1070	2.000983	<p>Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu</p>		

1071	1.002255	<p>Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất</p>	<p>Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04a/ĐK ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT đối với toàn bộ diện tích của thửa đất đang sử dụng</p> <p>Một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất, sở hữu đối với trường hợp tài sản là nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng đối với trường hợp chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng, chứng nhận quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng, quyền sở hữu cây lâu năm</p> <p>Giấy chứng nhận</p>	(1) Văn phòng Đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
1072	2.000889	<p>Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tặng cho, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng theo quy định</p> <p>Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp</p> <p>Văn bản chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư</p> <p>Văn bản của người sử dụng đất đồng ý cho chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, góp vốn tài sản gắn liền với đất đối với trường</p>	<p>Trường hợp 1: Hồ sơ nộp khi thực hiện đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không thuộc trường hợp “đòn điền đổi thửa”, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng</p> <p>Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK</p> <p>Hợp đồng, văn bản về việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng theo quy định</p> <p>Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp</p> <p>Văn bản chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư</p> <p>Văn bản của người sử dụng đất đồng ý cho chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, góp vốn tài sản gắn liền với đất đối với trường</p>	(1) Văn phòng Đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai

quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận	<p>hợp chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không đồng thời là người sử dụng đất</p> <p>Trường hợp người đề nghị cấp Giấy chứng nhận đã chết trước khi được trao Giấy chứng nhận thì người được thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật thừa kế nộp bổ sung giấy tờ về thừa kế theo quy định</p> <p>Văn bản của các thành viên trong hộ gia đình sử dụng đất đồng ý chuyển quyền sử dụng đất của hộ gia đình đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật</p> <p>Văn bản xác nhận trực tiếp sản xuất nông nghiệp đối với trường hợp nhận chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất trồng lúa</p> <p>Trường hợp 2: Hồ sơ nộp khi cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp diện tích đất tăng thêm do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận trong trường hợp thửa đất gốc đã được cấp Giấy chứng nhận:</p> <p>Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 10/DK ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT đối với toàn bộ diện tích của thửa đất đang sử dụng</p>
Bản gốc Giấy chứng nhận của thửa đất gốc	<p>Bản gốc Giấy chứng nhận và hợp đồng, văn bản về việc chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất được lập theo quy định của diện tích đất tăng thêm.</p> <p>Trường hợp nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho phần diện tích đất tăng thêm theo quy định tại Khoản 2 Điều 82 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì nộp bản gốc Giấy chứng nhận của bên chuyển quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng, văn bản về việc chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất của diện tích đất tăng thêm</p>
Trường hợp 3: Hồ sơ nộp khi thực hiện thủ tục xác định lại diện tích đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận bao gồm	<p>Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/DK;</p>
Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp	
Giấy chứng nhận	

1073	2.000976	<p>Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp</p>	<p>Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04a/ĐK</p> <p>Giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu tài sản, công trình xây dựng, rừng sản xuất là rừng trồng, cây lâu năm</p> <p>Sơ đồ về tài sản gắn liền với đất (trừ trường hợp trong giấy tờ về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đã có sơ đồ tài sản phù hợp với hiện trạng)</p> <p>Giấy chứng nhận đã cấp đổi với trường hợp chứng nhận bỏ sung quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</p> <p>Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính; giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về tài sản gắn liền với đất (nếu có).</p> <p>Giấy chứng nhận</p>	(1) Văn phòng Đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
1074	1.004199	<p>Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)</p>	<p>Đơn đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận theo Mẫu số 10/ĐK</p> <p>Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp</p> <p>Bản sao hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thay cho bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp đổi với trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận sau khi đo đạc lập bản đồ địa chính mà Giấy chứng nhận đã cấp đang thế chấp tại tổ chức tín dụng</p> <p>Giấy chứng nhận</p>	(1) Văn phòng Đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
1075	1.004227	<p>Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giám</p>	<p>Trường hợp: đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được đổi tên; giám diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận</p> <p>Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK</p> <p>Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp</p>	(1) Văn phòng Đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai

		<p>diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận</p>	<p>Một trong các giấy tờ liên quan đến nội dung biến động: Văn bản công nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đối với trường hợp cá nhân hoặc người đại diện hộ gia đình thay đổi họ, tên, Văn bản thỏa thuận của hộ gia đình được UBND cấp xã xác nhận đối với trường hợp thay đổi người đại diện là thành viên trong hộ gia đình mà không phải là chủ hộ, Văn bản thỏa thuận của cộng đồng dân cư được UBND cấp xã xác nhận đối với trường hợp cộng đồng dân cư đổi tên, Văn bản xác nhận của UBND cấp xã về tình trạng sạt lở tự nhiên đối với trường hợp giảm diện tích thửa đất, tài sản gắn liền với đất do sạt lở tự nhiên, Chứng từ về việc nộp nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp có ghi nợ hoặc chậm nộp nghĩa vụ tài chính, Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thay đổi hạn chế về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất ghi trên Giấy chứng nhận, Bản sao Giấy chứng minh nhân dân mới hoặc Giấy chứng minh quân đội mới hoặc bản sao căn cước công dân mới, Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc công nhận việc thay đổi thông tin pháp nhân đối với trường hợp thay đổi thông tin về pháp nhân của tổ chức đã ghi trên Giấy chứng nhận</p> <p>Trường hợp: xác nhận thay đổi thông tin về pháp nhân, số Giấy chứng minh nhân dân, số thẻ Căn cước công dân, địa chỉ trên Giấy chứng nhận đã cấp theo nhu cầu của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất:</p> <p>Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/PĐK</p> <p>Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp</p> <p>Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc công nhận việc thay đổi thông tin pháp nhân đối với trường hợp thay đổi thông tin về pháp nhân của tổ chức đã ghi trên Giấy chứng nhận</p>	<p>Văn phòng Đăng ký đất đai</p>
1076	1.002273	<p>Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng</p>	<p>Trường hợp: thành phần hồ sơ đối với Chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở</p> <p>Giấy chứng nhận hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền; chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư dự án, trường hợp có thay đổi nghĩa vụ tài chính thì phải nộp chứng từ chứng minh việc hoàn thiện nghĩa vụ tài chính đối với sự thay đổi đó (trừ trường hợp được miễn hoặc chậm nộp theo quy định của pháp luật).</p>	<p>(1) Văn phòng Đăng ký đất đai</p> <p>(2) Chi</p>

	<p>đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở và trong các dự án kinh doanh bất động sản không phải dự án phát triển nhà ở</p> <p>Sơ đồ nhà, đất đã xây dựng là bản vẽ mặt bằng hoàn công hoặc bản vẽ thiết kế mặt bằng; thông báo của cơ quan chuyên môn nghiệm thu công trình; danh sách các căn hộ, công trình xây dựng (có các thông tin số hiệu căn hộ, diện tích đất, diện tích xây dựng và diện tích sử dụng chung, riêng của từng căn hộ; trường hợp nhà chung cư thì sơ đồ phải thể hiện phạm vi (kích thước, diện tích) phần đất sử dụng chung của các chủ căn hộ, mặt bằng xây dựng nhà chung cư, mặt bằng của từng tầng, từng căn hộ.</p> <p>Trường hợp: Thành phần hồ sơ đối với Chủ đầu tư dự án kinh doanh bất động sản không phải là dự án phát triển nhà ở</p> <p>Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính của chủ dự án, trường hợp có thay đổi nghĩa vụ tài chính thì phải nộp chứng từ chứng minh việc hoàn thiện nghĩa vụ tài chính đối với sự thay đổi đó</p> <p>Bản vẽ thiết kế mặt bằng phù hợp với hiện trạng xây dựng và hợp đồng đã ký; Thông báo của cơ quan chuyên môn về xây dựng cho phép chủ đầu tư nghiệm thu hạng mục công trình, công trình hoặc chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng; danh sách các tài sản (công trình, hạng mục công trình, phần diện tích của hạng mục công trình) gồm các thông tin tên của tài sản, diện tích đất, diện tích xây dựng sử dụng chung, sử dụng riêng của từng tài sản.</p> <p>Trường hợp: thành phần hồ sơ đối với người mua nhà, công trình xây dựng</p> <p>Đơn đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo mẫu số 04a/ĐK.</p> <p>Hợp đồng về chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua bán nhà ở, công trình xây dựng không phải là nhà ở theo quy định của pháp luật</p> <p>Biên bản bàn giao nhà, đất, công trình xây dựng không phải là nhà ở</p> <p>Giấy chứng nhận</p>	nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
1077	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bỏ sung	(1) Văn phòng
1.005194	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 10/ĐK hoặc Đơn đề nghị cấp lại Trang bỏ sung của Giấy chứng nhận.	

		của Giấy chứng nhận do bị mất	<p>Giấy xác nhận của UBND cấp xã về việc đã niêm yết thông báo mất giấy chứng nhận hoặc Trang bổ sung của Giấy chứng nhận trong thời gian 15 ngày đối với hộ gia đình và cá nhân.</p> <p>Giấy xác nhận của UBND cấp xã về việc thiên tai, hỏa hoạn đối với trường hợp mất Giấy chứng nhận hoặc Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do thiên tai, hỏa hoạn.</p> <p>Giấy chứng nhận hoặc Trang bổ sung của Giấy chứng nhận</p>	<p>Đăng ký đất đai</p> <p>(2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai</p>
1078	1.001045	<p>Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)</p>	<p>Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK (ban hành kèm Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT);</p> <p>Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở</p> <p>Giấy chứng nhận hoặc Trang bổ sung của Giấy chứng nhận</p>	<p>(1) Văn phòng Đăng ký đất đai</p> <p>(2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai</p>
1079	2.000880	<p>Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản</p>	<p>Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK</p> <p>Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp, trừ trường hợp thực hiện quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã có hiệu lực thi hành hoặc thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo yêu cầu của Tòa án nhân dân, cơ quan thi hành án mà không thu hồi được bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp.</p> <p>Một trong các loại giấy tờ gồm: Biên bản hòa giải thành (trường hợp hòa giải thành mà có thay đổi ranh giới thửa đất thì có thêm quyết định công nhận của UBND cấp có thẩm quyền) hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết</p>	<p>(1) Văn phòng Đăng ký đất đai</p> <p>(2) Chi nhánh Văn phòng</p>

	<p>gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp</p>	<p>tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai theo quy định của pháp luật, quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án, văn bản kết quả đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận phân chia hoặc hợp nhất hoặc chuyển giao quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản ...</p> <p>Văn bản chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức theo quy định của pháp luật đối với trường hợp phân chia hoặc hợp nhất quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của tổ chức</p> <p>Văn bản của các thành viên trong hộ gia đình sử dụng đất đồng ý chuyển quyền sử dụng đất của hộ gia đình vào doanh nghiệp tư nhân đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật đối với trường hợp hộ gia đình đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp</p> <p>Hợp đồng thuê đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp</p> <p>Giấy chứng nhận hoặc Trang bổ sung của Giấy chứng nhận</p>	<p>Đăng ký đất đai</p>
1080	<p>Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</p>	<p>Văn bản thanh lý hợp đồng cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hoặc hợp đồng cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất có xác nhận đã được thanh lý hợp đồng</p> <p>Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế và trường hợp góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</p> <p>Giấy chứng nhận hoặc Trang bổ sung của Giấy chứng nhận</p>	<p>(1) Văn phòng Đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai</p>
1081	<p>Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập</p>	<p>Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp</p> <p>Đơn đề nghị đính chính Giấy chứng nhận đối với trường hợp phát hiện sai sót do lỗi của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất</p> <p>Giấy chứng nhận hoặc Trang bổ sung của Giấy chứng nhận</p>	<p>(1) UBND cấp tỉnh (2)</p>



		Văn phòng đăng ký đất đai)		UBND cấp huyện (3) Văn phòng Đăng ký đất đai (4) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
1082	1.004177	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	<p>Đơn phản ánh việc cấp Giấy chứng nhận không đúng quy định.</p> <p>Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp</p> <p>Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận</p>	(1) UBND cấp tỉnh (2) UBND cấp huyện (3) Văn phòng Đăng ký đất đai (4) Chi nhánh Văn phòng Đăng

			<p>Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04a/DK ban hành kèm theo Thông tư số 24/TT-BTNMT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính</p> <p><b>Một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất:</b></p> <p>Giấy tờ về quyền được sử dụng đất trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 do cơ quan có thẩm quyền cấp</p> <p>Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc có tên trong Sổ đăng ký ruộng đất, Sổ địa chính trước ngày 15 tháng 10 năm 1993.</p> <p>Giấy tờ hợp pháp về thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất; giấy tờ giao nhà tình nghĩa, nhà tình thương gắn liền với đất.</p> <p>Giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua bán nhà ở gắn liền với đất ở trước ngày 15/10/1993 được UBND cấp xã xác nhận là đã sử dụng trước ngày 15/10/1993</p> <p>Giấy tờ thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; giấy tờ mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật.</p> <p>Giấy tờ về quyền sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp cho người sử dụng đất</p> <p>Một trong các giấy tờ lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 có tên người sử dụng đất (sổ mục kê, giấy tờ được lập trong quá trình thực hiện đăng ký ruộng đất, Biên bản xét duyệt của Hội đồng đăng ký ruộng đất, Bản tổng hợp các trường hợp sử dụng đất hợp pháp do UBND cấp xã, ...)</p> <p>Hộ gia đình, cá nhân được sử dụng đất theo bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án, văn bản công nhận kết quả hòa giải thành, quyết định giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã được thi hành</p> <p>Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ ngày 15/10/1993 đến ngày 01/7/2014</p>	<p>ký đất đai</p> <p>(1) Văn phòng Đăng ký đất đai</p> <p>(2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai</p>
1083	1.005398	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu		

		<p>Giấy xác nhận là đất sử dụng chung cho cộng đồng đối với trường hợp cộng đồng dân cư đang sử dụng đất.</p> <p>Chúng tôi thực hiện nghĩa vụ tài chính; giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất - nêu có (bản sao)</p> <p>Trường hợp có đăng ký quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất liền kề phải có hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận hoặc quyết định của Tòa án nhân dân về việc xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề; kèm theo sơ đồ thể hiện vị trí, kích thước phần diện tích thửa đất mà người sử dụng thửa đất liền kề được quyền sử dụng hạn chế</p>	
1084	1.002993	<p>Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định (đã thành lập)</p> <p>Trường hợp nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất mà có hợp đồng hoặc văn bản về chuyển quyền theo quy định nhưng bên chuyển quyền không trao Giấy chứng nhận cho bên nhận chuyển quyền, hồ sơ gồm</p> <p>Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK</p> <p>Hợp đồng hoặc văn bản về chuyển quyền đã lập theo quy định</p> <p>Trường hợp nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất nhưng không lập hợp đồng, văn bản chuyển quyền theo quy định, hồ sơ gồm có</p> <p>Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK</p> <p>Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp.</p> <p>Giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất có đủ chữ ký của bên chuyển quyền và bên nhận chuyển quyền.</p> <p>Giấy chứng nhận</p>	<p>(1) Văn phòng Đăng ký đất đai</p> <p>(2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai</p>
1085	1.004221	<p>Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề</p> <p>Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK ban hành kèm theo Thông tư 33/2017/TT-BTNMT</p> <p>Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp của một bên hoặc các bên liên quan</p> <p>Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận hoặc quyết định của Tòa án nhân dân về việc xác lập hoặc thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề.</p> <p>Sơ đồ thể hiện vị trí, kích thước phần diện tích thửa đất mà người sử dụng thửa đất liền kề được quyền sử dụng hạn chế</p> <p>Giấy chứng nhận</p>	<p>(1) Văn phòng Đăng ký đất đai</p> <p>(2) Chi nhánh Văn phòng</p>

			Đăng ký đất đai
1086	1.001009	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	<p>Văn bản về chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật; (bản chính).</p> <p>Trích đo địa chính thửa đất đối với trường hợp chuyển nhượng giá trị quyền sử dụng đất của một phần thửa đất.</p> <p>Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp.</p> <p>Giấy chứng nhận</p>
1087	1.004203	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	<p>Đơn đề nghị tách thửa hoặc hợp thửa theo Mẫu số 11/ĐK ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính.</p> <p>Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp.</p> <p>Trường hợp tách thửa đất từ Giấy chứng nhận đã cấp chung cho nhiều thửa đất để cấp riêng một Giấy chứng nhận</p> <p>Đơn đăng ký biên động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK.</p> <p>Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp</p> <p>Giấy chứng nhận</p>
1088	1.004269	Thủ tục cung cấp dữ liệu đất đai	<p>Phiếu yêu cầu cung cấp dữ liệu đất đai (Mẫu số 01 được ban hành kèm theo Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Giấy giới thiệu trích lục hồ sơ (đối với tổ chức).</p>

			Hợp đồng cung cấp dữ liệu đất đai (trường hợp yêu cầu cung cấp thông tin dưới hình thức tổng hợp thông tin đất đai) (Mẫu số 02).	đai (2)
			Cung cấp thông tin đất đai từ hồ sơ địa chính	Trung tâm TCNNTT
			Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/DK.	(1) Văn phòng
			Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp	Đăng ký đất đai
			Giấy chứng nhận	(2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
1089	1.004206	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	Giấy chứng nhận	phòng Đăng ký đất đai
			Trường hợp không thực hiện cấp đổi đồng loạt:	UBND cấp huyện
			Đơn đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận theo mẫu số 10/DK.	(1) Văn phòng
			Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp.	Đăng ký đất đai
			Bản sao hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thay bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận, do đặc lập BDDC mà Giấy chứng nhận đã cấp đang thế chấp tại tổ chức tín dụng.	phòng Đăng ký đất đai
			Biên bản giao nhận ruộng đất theo phương án "đón diện đổi thửa" (nếu có).	phòng Đăng ký đất đai
			Trường hợp thực hiện cấp đổi đồng loạt:	(2) Chi nhánh Văn phòng Đăng
			Đơn đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận theo mẫu số 10/DK.	nhân Văn phòng Đăng
			Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp hoặc bản sao hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đối với trường hợp đất đang thế chấp tại tổ chức tín dụng.	phòng Đăng
			Văn bản thỏa thuận về chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	phòng Đăng
1090	1.011982	Thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân		

			<p>Phương án chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp xã đã được Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh phê duyệt.</p> <p>Biên bản giao nhận ruộng đất theo phương án "đồn điền đổi thửa" (nếu có).</p> <p>Giấy chứng nhận QSDĐ, ..</p>	kỳ đất đai
1091	1.003010	<p>Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao</p>	<p>1. Trường hợp thẩm định không đồng thời cấp Quyết định đầu tư hoặc thẩm định dự án đầu tư hoặc xét duyệt dự án đầu tư để thực hiện dự án đầu tư</p> <p>1.1 Thành phần hồ sơ đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư</p> <p>- Quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư kèm theo bản thuyết minh dự án đầu tư; giấy phép khai thác khoáng sản đối với các dự án khai thác khoáng sản, theo quy định của pháp luật về đầu tư.</p> <p>- Đơn đề nghị thẩm định của người xin giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo Mẫu số 03b ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT hoặc văn bản đề nghị thẩm định của cơ quan đăng ký đầu tư;</p> <p>- Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất (đối với dự án khu dân cư, khu công nghiệp và cụm công nghiệp phải công bố quy hoạch chi tiết xây dựng lên bản đồ địa chính; quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng kèm theo bản đồ hoặc văn bản thỏa thuận tổng thể mặt bằng kèm theo bản vẽ tổng thể mặt bằng).</p> <p>- Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính, ký quỹ theo quy định của Pháp luật đầu tư, trừ trường hợp xin giao đất của cơ sở tôn giáo.</p> <p>- Bản vẽ tổng thể mặt bằng dự kiến bố trí các hạng mục công trình, thiết kế sơ bộ công trình đối với những trường hợp không phải trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng hoặc thỏa thuận tổng thể mặt bằng.</p> <p>1.2. Thành phần hồ sơ đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình.</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường

			<p>Đơn đề nghị thẩm định của người xin giao đất, cho thuê đất theo Mẫu số 03b ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT hoặc văn bản đề nghị thẩm định của cơ quan đăng ký đầu tư;</p> <p>- Quyết định phê duyệt đầu tư của chủ dự án và bản sao bản thuyết minh dự án đầu tư.</p> <p>- Bản sao báo cáo kinh tế - Kỹ thuật (đối với trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình).</p> <p>- Trích lục bản đồ địa chính khu đất hoặc trích đo địa chính khu đất</p> <p>- Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính, ký quỹ theo quy định của Pháp luật đầu tư.</p> <p>- Bản vẽ tổng thể mặt bằng dự kiến bố trí các hạng mục công trình, thiết kế sơ bộ công trình đối với những trường hợp không phải trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng hoặc thỏa thuận tổng thể mặt bằng.</p> <p>2. Trường hợp thẩm định đồng thời cấp Quyết định đầu tư hoặc thẩm định dự án đầu tư hoặc xét duyệt dự án đầu tư để thực hiện dự án đầu tư</p>	
--	--	--	--	--

<p>2.1. Hồ sơ thẩm định nhu cầu sử dụng đất đồng thời với thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị thẩm định của người xin giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo Mẫu số 03b ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc văn bản đề nghị thẩm định của cơ quan đăng ký đầu tư;</li> <li>- Hồ sơ dự án đầu tư khi thực hiện quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.</li> </ul>		
<p>2.2. Hồ sơ thẩm định nhu cầu sử dụng đất đối với trường hợp xin giao đất, thuê đất mà không phải thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị thẩm định của người xin giao đất, cho thuê đất theo Mẫu số 03b ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc văn bản đề nghị thẩm định của cơ quan đăng ký đầu tư</li> <li>- Hồ sơ dự án đầu tư khi thực hiện quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.</li> </ul>		
<p>2.3. Hồ sơ thẩm định nhu cầu sử dụng đất đối với trường hợp xin chuyển mục đích sử dụng đất mà không phải thẩm định điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư</p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị thẩm định của người xin chuyển mục đích sử dụng đất theo Mẫu số 03b ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc văn bản đề nghị thẩm định của cơ quan đăng ký đầu tư;</li> </ul>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</li> <li>- Hồ sơ dự án đầu tư khi thực hiện quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.</li> </ul>		
<p>2.4. Hồ sơ thẩm định nhu cầu sử dụng đất đối với trường hợp xin chuyển mục đích sử dụng đất mà không lập dự án đầu tư</p>		



		<p>- Đơn đề nghị thẩm định của người xin chuyển mục đích sử dụng đất theo Mẫu số 03b ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất</p> <p>- Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất.</p> <p>- Văn bản thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc để cho thuê hoặc để bán kết hợp cho thuê theo quy định của pháp luật về nhà ở; dự án đầu tư kinh doanh bất động sản gắn với quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản; dự án sản xuất, kinh doanh không sử dụng vốn từ ngân sách nhà nước.</p> <p>Đơn xin giao đất, cho thuê đất</p> <p>- Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo chính thửa đất</p> <p>Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất; văn bản thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất</p> <p>Văn bản xác nhận hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng của UBND cấp huyện nơi có đất bị thu hồi</p>	
1092	1.002253	<p>Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đấu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao</p> <p>Quyết định giao đất, Quyết định cho thuê đất, Hợp đồng cho thuê đất</p>	<p>(1) UBND cấp tỉnh</p> <p>(2) Sở Tài nguyên và Môi trường</p>
1093	1.002040	<p>Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải</p> <p>Đơn xin giao đất, cho thuê đất</p> <p>Quyết định phê duyệt đầu tư của chủ dự án, ...</p> <p>Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo chính thửa đất</p>	<p>(1) UBND cấp tỉnh</p> <p>(2) Sở</p>

		<p>trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao</p>	<p>Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình tôn giáo đối với trường hợp xin giao đất cho cơ sở tôn giáo.          Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất; văn bản thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất,...</p> <p>Quyết định giao đất, Quyết định cho thuê đất, Hợp đồng cho thuê đất</p>	<p>Tài nguyên và Môi trường</p>
1094	1.004257	<p>Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</p>	<p>Đơn xin phép chuyển mục đích sử dụng đất          Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.          Văn bản thẩm định điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất, ...          Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất; văn bản thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, ...          Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo chính thửa đất          Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất          1. Hồ sơ trình ban hành thông báo thu hồi đất:          - Quyết định chấp thuận đầu tư của UBND tỉnh và sơ đồ kèm theo;          - Kế hoạch điều tra, khảo sát, đo đạc kiểm đếm do UBND cấp huyện lập;          Báo cáo của UBND huyện và danh sách các đối tượng có đất bị thu hồi (tên đối tượng, số tờ, số thửa, diện tích thu hồi, loại đất);          Bản vẽ vị trí, ranh giới, diện tích khu đất thu hồi để thực hiện dự án (đã có trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện);</p>	<p>(1) UBND cấp tỉnh          (2) Sở Tài nguyên và Môi trường</p>
1095	1.001007	<p>Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng</p>	<p>1. Hồ sơ trình ban hành thông báo thu hồi đất:          - Quyết định chấp thuận đầu tư của UBND tỉnh và sơ đồ kèm theo;          - Kế hoạch điều tra, khảo sát, đo đạc kiểm đếm do UBND cấp huyện lập;          Báo cáo của UBND huyện và danh sách các đối tượng có đất bị thu hồi (tên đối tượng, số tờ, số thửa, diện tích thu hồi, loại đất);          Bản vẽ vị trí, ranh giới, diện tích khu đất thu hồi để thực hiện dự án (đã có trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện);</p>	<p>Sở Tài nguyên và Môi trường</p>

Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất đối với các thửa đất nằm trong ranh giới khu đất thu hồi để thực hiện dự án.	
2. Hồ sơ trình ban hành quyết định kiểm đếm bất buộc:	
Thông báo thu hồi đất;	
Văn bản đề nghị kiểm đếm bất buộc của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;	
Báo cáo của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi về quá trình vận động, thuyết phục người sử dụng đất theo quy định để thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm;	
Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất;	
Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định kiểm đếm bất buộc.	
3. Hồ sơ trình ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bất buộc:	
Quyết định kiểm đếm bất buộc;	
Văn bản đề nghị cưỡng chế kiểm đếm bất buộc của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;	
Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bất buộc.	
4. Hồ sơ trình ban hành quyết định thu hồi đất gồm:	
(1) Thông báo thu hồi đất;	
(2) Dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được thẩm định và bản tổng hợp ý kiến đóng góp của người có đất bị thu hồi;	
(3) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất (nếu có) gồm:	
(4) Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa;	
(5) Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định thu hồi đất.	

			<p>5. Hồ sơ trình ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất</p> <p>a) Quyết định thu hồi đất;</p> <p>b) Văn bản đề nghị cưỡng chế thu hồi đất của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;</p> <p>c) Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi về quá trình vận động, thuyết phục người có đất thu hồi theo quy định nhưng không chấp hành việc bàn giao đất cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;</p> <p>d) Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định cưỡng chế thu hồi đất.</p> <p>6. Hồ sơ trình thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất</p> <p>a) Quyết định cưỡng chế thu hồi đất;</p> <p>b) Biên bản về việc từ chối không nhận quyết định cưỡng chế hoặc vắng mặt khi giao quyết định cưỡng chế;</p> <p>c) Văn bản đề nghị tổ chức cưỡng chế thu hồi đất của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;</p> <p>d) Tờ trình kèm theo quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất. Quyết định kiểm đếm bất buộc, Quyết định kiểm đếm bắt buộc Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất, Quyết định thu hồi đất</p>	<p>3.1. Hồ sơ trình ban hành quyết định thu hồi đất do bị giải thể, phá sản, chuyển đi nơi khác, giảm hoặc không còn nhu cầu sử dụng đất:</p> <p>1) Văn bản thông báo hoặc văn bản trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất mà tiền sử dụng đất đã nộp có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm nay chuyển đi nơi khác, giảm hoặc không còn nhu cầu sử dụng đất.</p>	Số Tài nguyên và Môi trường
1096	1.001039	<p>Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức</p>			

	<p>năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</p>	<p>(2) Quyết định giải thể, phá sản đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất mà tiền sử dụng đất đã nộp có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm bị giải thể, phá sản.</p> <p>(3) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất (nếu có) gồm:</p> <p>(4) Biên bản xác minh thực địa do Sở Tài nguyên và Môi trường lập (nếu có).</p> <p>(5) Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất.</p> <p>(6) Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định thu hồi đất.</p> <p>3.2. Hồ sơ trình ban hành quyết định thu hồi đất do người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất:</p> <p>(1) Văn bản trả lại đất của người sử dụng đất hoặc văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận về việc trả lại đất của người sử dụng đất;</p> <p>(2) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất (nếu có) gồm:</p> <p>(3) Biên bản xác minh thực địa do cơ quan tài nguyên và môi trường lập (nếu có);</p> <p>(4) Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất;</p> <p>(5) Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định thu hồi đất.</p> <p>3.3. Hồ sơ trình ban hành quyết định thu hồi đất do đất được Nhà nước giao, cho thuê có thời hạn nhưng không được gia hạn:</p> <p>(1) Quyết định giao đất hoặc quyết định cho thuê đất, hợp đồng thuê đất;</p> <p>(2) Văn bản thông báo cho người sử dụng đất biết không được gia hạn sử dụng đất;</p> <p>(3) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất (nếu có) gồm:</p> <p>(4) Biên bản xác minh thực địa do cơ quan tài nguyên và môi trường lập (nếu có);</p>
--	--	--

		<p>Thủ tục thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</p>	<p>(5) Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất;  (6) Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định thu hồi đất.  3.4. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cưỡng chế thu hồi đất:  (1) Quyết định thu hồi đất;  (2) Báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường về quá trình vận động, thuyết phục người có đất thu hồi nhưng không chấp hành quyết định thu hồi đất;  (3) Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định cưỡng chế thu hồi đất.  Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất, Quyết định thu hồi đất  Văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác định mức độ ô nhiễm môi trường, sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người  Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc quyết định giao đất  Biên bản xác minh thực địa do Sở Tài nguyên và Môi trường lập (nếu có)  Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất  Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường kèm theo dự thảo quyết định thu hồi đất</p>		
1097	1.000964		<p>Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất, Quyết định thu hồi đất</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường	
1098	1.004688	<p>Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước 01/7/2004</p>	<p>1. Trường hợp thuộc thẩm quyền của Chính phủ  Văn bản đề nghị điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 33/2017/TT-BTNMT  Bản sao quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2004</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường	

			<p>Bản sao giấy phép đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy đăng ký kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã cấp (nếu có)</p> <p>Trích lục bản đồ địa chính khu đất</p> <p>2. Trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh</p> <p>Văn bản đề nghị điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 33/2017/TT-BTNMT</p> <p>Trích lục bản đồ địa chính khu đất</p> <p>Hợp đồng thuê đất và các phụ lục hợp đồng</p> <p>Quyết định điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.</p> <p>Văn bản đề nghị chấp thuận việc nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp theo Mẫu</p>	
1099	1.010200	<p>Chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp</p>	<p>Văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường
1100	1.001134	<p>Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất</p>	<p>Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/DK;</p> <p>Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp; trường hợp người sử dụng đất thực hiện thủ tục hành chính về đăng ký, cấp Giấy chứng nhận trên môi trường điện tử thì Cơ quan tiếp nhận hoặc cơ quan giải quyết hồ sơ thông báo cho người yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính nộp bản chính Giấy chứng nhận đã cấp, các giấy tờ theo quy định sau khi người sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính.</p> <p>Hợp đồng thuê đất đã lập;</p> <p>Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính; giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất (nếu có).</p>	<p>(1) UBND cấp tỉnh</p> <p>(2) UBND cấp huyện</p> <p>(3) Văn phòng</p>

	hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	<p>* Đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất mà có thay đổi thông tin về pháp nhân, số CMND/thẻ căn cước công dân/số định danh cá nhân, hộ chiếu, địa chỉ trên Giấy chứng nhận đã cấp thì người sử dụng đất nộp thêm các giấy tờ sau đây:</p> <p>Trường hợp dữ liệu quốc gia về dân cư được chia sẻ và kết nối với dữ liệu của các ngành, các lĩnh vực (trong đó có lĩnh vực đất đai) thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ sử dụng dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư mà không yêu cầu người nộp hồ sơ phải nộp bản sao giấy CMND/thẻ căn cước công dân/số định danh cá nhân, hộ chiếu hoặc giấy tờ khác để chứng minh nhân thân.</p> <p>Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc công nhận việc thay đổi thông tin pháp nhân đối với trường hợp thay đổi thông tin về pháp nhân của tổ chức đã ghi trên Giấy chứng nhận.</p> <p>Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất</p>	<p>Đăng ký đất đai</p> <p>(4) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai</p>
1101	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	<p>- Hợp đồng, văn bản mua bán, góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự;</p> <p>- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;</p> <p>- Hợp đồng thuê đất đã ký với Nhà nước.</p> <p>Giấy chứng nhận.</p> <p>Hợp đồng thuê đất.</p>	<p>(1) UBND cấp tỉnh</p> <p>(2) UBND cấp huyện</p>
1102	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	<p>Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04a/ĐK;</p> <p>Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc giao đất để quản lý (nếu có);</p> <p>Sơ đồ hoặc trích đo địa chính thửa đất, khu đất được giao quản lý (nếu có).</p> <p>Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK;</p> <p>Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;</p> <p>- Chứng từ đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính (nếu có).</p> <p>Đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất mà có thay đổi thông tin về pháp nhân, số Giấy chứng minh nhân dân, số thẻ</p>	<p>Văn phòng Đăng ký đất đai</p> <p>(1) Văn phòng Đăng ký đất đai</p>
1103	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế		



			<p>Căn cước công dân, địa chỉ trên Giấy chứng nhận đã cấp thì người sử dụng đất nộp thêm các giấy tờ sau đây:</p> <p>+ Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc công nhận việc thay đổi thông tin pháp nhân đối với trường hợp thay đổi thông tin về pháp nhân của tổ chức đã ghi trên Giấy chứng nhận (bản chính).</p> <p>Giấy chứng nhận.</p> <p>Trường hợp không đủ điều kiện được gia hạn sử dụng đất thì cơ quan tài nguyên và môi trường thông báo cho người sử dụng đất và làm thủ tục thu hồi đất theo quy định.</p>	(2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
			<p>Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/DK;</p> <p>Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp.</p> <p>Quyết định gia hạn quyền sử dụng đất</p> <p>Giấy chứng nhận</p>	(1) Sở Tài nguyên và môi trường (2) Văn phòng Đăng ký đất đai (3) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
1105	2.000962	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp	<p>Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án sử dụng đất;</p> <p>Báo cáo thuyết minh tổng hợp phương án sử dụng đất và Biểu kèm theo;</p> <p>Bản đồ phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp.</p> <p>Thông báo kết quả thẩm định phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp.</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường
1104	1.004217	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo		

1106	1.004267	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai (trường hợp UBND tỉnh giải quyết tranh chấp đất đai lần đầu) hoặc Đơn khiếu nại Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai do Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành; Biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã; các biên bản làm việc, biên bản hòa giải khác trong quá trình giải quyết tranh chấp (nếu có); Các tài liệu có liên quan làm chứng cứ, chứng minh (nếu có).	(1) UBND cấp tỉnh (2) Sở Tài nguyên và Môi trường
1107	1.004237	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường	Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai hoặc QĐ công nhận hòa giải thành. - Văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (Mẫu số 02 kèm theo). - Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đối với cá nhân nước ngoài tại Việt Nam (Mẫu số 03 kèm theo). Thông tin, dữ liệu tài nguyên, môi trường.	Sở Tài nguyên và Môi trường
<b>II. Lĩnh vực Môi trường</b>				
1108	1.008675	Cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ	- Đơn xin cấp Giấy phép Trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ (bản chính) - Văn bản thỏa thuận về trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê mẫu vật của loài được ưu tiên bảo vệ (bản chính) - Giấy tờ chứng minh nguồn gốc hợp pháp của mẫu vật (bản chính) Quyết định cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ hoặc văn bản từ chối, đồng thời nêu rõ lý do	Sở Tài nguyên và Môi trường
1109	1.008682	Cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	- Mẫu dự án thành lập cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học (bản chính) - Mẫu giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học (bản chính) - Mẫu Đơn đăng ký thành lập, chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học (bản chính) Quyết định cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học hoặc văn bản từ chối, đồng thời nêu rõ lý do	Sở Tài nguyên và Môi trường
1110	1.010727	Cấp giấy phép môi trường	- Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (bản chính)	Sở Tài nguyên và Môi trường

			<p>- Trường hợp dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi đi vào vận hành thử nghiệm: Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi đi vào vận hành thử nghiệm (mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (bản chính)</p> <p>- Trường hợp dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường: Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường (mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (bản chính)</p> <p>- Trường hợp cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm I hoặc nhóm II: Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm I hoặc nhóm II (mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (bản chính)</p> <p>- Trường hợp dự án đầu tư nhóm III: Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)</p> <p>- Trường hợp cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III: Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (bản chính)</p> <p>Giấy phép môi trường (mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT) hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở và nêu rõ lý do trong trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường.</p> <p>- Văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (bản chính)</p>	và Môi trường
1111	1.010728	Cấp đổi giấy phép môi trường		Số Tài nguyên

			Giấy phép môi trường cấp đổi (mẫu số 40 Phụ lục II phân phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)	và Môi trường
1112	1.010729	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	<p>- Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (bản chính)</p> <p>Giấy phép môi trường điều chỉnh (mẫu số 41 Phụ lục II phân phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường
1113	1.010730	Cấp lại giấy phép môi trường	<p>- Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (bản chính)</p> <p>Trường hợp dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường: Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường (mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (bản chính)</p> <p>Trường hợp cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm I hoặc nhóm II: Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm I hoặc nhóm II (mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (bản chính)</p> <p>Trường hợp dự án đầu tư nhóm III: Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (bản chính)</p> <p>Trường hợp cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III: Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (bản chính)</p> <p>Giấy phép môi trường (mẫu số 40 Phụ lục II phân phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT) hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ cho chủ dự</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường

			<p>ấn, cơ sở và nêu rõ lý do trong trường hợp không đủ điều kiện cấp lại giấy phép môi trường</p> <p>Hồ sơ đề nghị thẩm định: - 01 bản chính văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT). - 01 bản chính Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật của dự án đầu tư hoặc các tài liệu tương đương; - 01 bản chính Báo cáo đánh giá tác động môi trường (mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)</p> <p>Hồ sơ nộp lại sau khi họp hội đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, trong đó giải trình rõ những nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung theo kết quả thẩm định, trừ trường hợp không phải chỉnh sửa, bổ sung (bản chính)</li> <li>- Báo cáo đánh giá tác động môi trường được đóng quyển gáy cứng, tổ chức/cá nhân ký vào phía dưới của từng trang hoặc đóng dấu giáp lai báo cáo kể cả phụ lục kèm theo đĩa CD trong đó chứa tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.doc” chứa nội dung của báo cáo và tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.pdf” chứa nội dung đã quét (scan) của toàn bộ báo cáo (bao gồm cả phụ lục) (bản chính)</li> </ul> <p>Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định.</p> <p>Hồ sơ đề nghị thẩm định:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường (mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT) (bản chính)</li> <li>- Phương án cải tạo, phục hồi môi trường (mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT) (bản chính)</li> <li>- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường đơn giản hoặc đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt hoặc xác nhận (bản sao)</li> </ul> <p>Hồ sơ nộp lại sau khi họp hội đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản giải trình ý kiến thẩm định, trừ trường hợp không phải chỉnh sửa, bổ sung (bản chính)</li> </ul>	
1114	1.010733	<p>Thủ tục thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường</p>	<p>Hồ sơ đề nghị thẩm định: - 01 bản chính văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT). - 01 bản chính Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật của dự án đầu tư hoặc các tài liệu tương đương; - 01 bản chính Báo cáo đánh giá tác động môi trường (mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)</p> <p>Hồ sơ nộp lại sau khi họp hội đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, trong đó giải trình rõ những nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung theo kết quả thẩm định, trừ trường hợp không phải chỉnh sửa, bổ sung (bản chính)</li> <li>- Báo cáo đánh giá tác động môi trường được đóng quyển gáy cứng, tổ chức/cá nhân ký vào phía dưới của từng trang hoặc đóng dấu giáp lai báo cáo kể cả phụ lục kèm theo đĩa CD trong đó chứa tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.doc” chứa nội dung của báo cáo và tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.pdf” chứa nội dung đã quét (scan) của toàn bộ báo cáo (bao gồm cả phụ lục) (bản chính)</li> </ul> <p>Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định.</p> <p>Hồ sơ đề nghị thẩm định:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường (mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT) (bản chính)</li> <li>- Phương án cải tạo, phục hồi môi trường (mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT) (bản chính)</li> <li>- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường đơn giản hoặc đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt hoặc xác nhận (bản sao)</li> </ul> <p>Hồ sơ nộp lại sau khi họp hội đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản giải trình ý kiến thẩm định, trừ trường hợp không phải chỉnh sửa, bổ sung (bản chính)</li> </ul>	<p>Sở Tài nguyên và Môi trường</p>
1115	1.010735	<p>Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)</p>	<p>Hồ sơ đề nghị thẩm định: - 01 bản chính văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT). - 01 bản chính Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật của dự án đầu tư hoặc các tài liệu tương đương; - 01 bản chính Báo cáo đánh giá tác động môi trường (mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)</p> <p>Hồ sơ nộp lại sau khi họp hội đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, trong đó giải trình rõ những nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung theo kết quả thẩm định, trừ trường hợp không phải chỉnh sửa, bổ sung (bản chính)</li> <li>- Báo cáo đánh giá tác động môi trường được đóng quyển gáy cứng, tổ chức/cá nhân ký vào phía dưới của từng trang hoặc đóng dấu giáp lai báo cáo kể cả phụ lục kèm theo đĩa CD trong đó chứa tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.doc” chứa nội dung của báo cáo và tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.pdf” chứa nội dung đã quét (scan) của toàn bộ báo cáo (bao gồm cả phụ lục) (bản chính)</li> </ul> <p>Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định.</p> <p>Hồ sơ đề nghị thẩm định:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường (mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT) (bản chính)</li> <li>- Phương án cải tạo, phục hồi môi trường (mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT) (bản chính)</li> <li>- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường đơn giản hoặc đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt hoặc xác nhận (bản sao)</li> </ul> <p>Hồ sơ nộp lại sau khi họp hội đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản giải trình ý kiến thẩm định, trừ trường hợp không phải chỉnh sửa, bổ sung (bản chính)</li> </ul>	<p>Sở Tài nguyên và Môi trường</p>

			<p>- Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến thẩm định (bản chính)</p> <p>Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và báo cáo phương án cải tạo phục hồi môi trường (mẫu số 18 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)</p>	
<b>III.</b>	<b>Lĩnh vực Chính sách thuế</b>			
1116	Thu tục Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	1.008603	<p>Tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của cơ sở theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP (bản chính)</p> <p>Thông báo nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường
<b>IV.</b>	<b>Lĩnh vực Đăng ký biện pháp bảo đảm</b>			
1117	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	1.011441	<p>Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 01a tại Phụ lục (01 bản chính).</p> <p>Hợp đồng bảo đảm hoặc hợp đồng bảo đảm có công chứng, chứng thực trong trường hợp Luật Đất đai, Luật Nhà ở, luật khác có liên quan quy định (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực).</p> <p>Giấy chứng nhận (bản gốc), trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ.</p> <p>Phiếu yêu cầu đăng ký có chứng nhận của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh hoặc chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai</p> <p>Trường hợp thành phần hồ sơ đăng ký có bản gốc hoặc bản chính Giấy chứng nhận thì trả Giấy chứng nhận.</p>	(1) Văn phòng Đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
1118	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	1.011442	<p>Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 02a tại Phụ lục (01 bản chính).</p> <p>Một trong các loại giấy tờ sau đây (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực): Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo đảm trong trường hợp đăng ký thay đổi theo thỏa thuận trong văn bản này, Văn bản chuyển giao quyền đòi nợ, chuyển giao nghĩa vụ trong trường hợp đăng ký thay đổi do chuyển giao quyền đòi nợ, chuyển giao nghĩa vụ, Văn bản khác chứng minh có căn cứ đăng ký thay đổi đối với trường hợp không thuộc điểm a và điểm b khoản 2 Điều 32 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.</p>	(1) Văn phòng Đăng ký đất đai (2) Chi nhánh

			<p>Giấy chứng nhận (bản gốc) trong trường hợp tài sản bảo đảm có Giấy chứng nhận. Phiếu yêu cầu đăng ký có chứng nhận của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh hoặc chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai</p> <p>Trường hợp thành phần hồ sơ đăng ký có bản gốc hoặc bản chính Giấy chứng nhận thì trả Giấy chứng nhận.</p> <p>Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 03a tại Phụ lục (01 bản chính).</p> <p>Giấy chứng nhận (bản gốc) trong trường hợp tài sản bảo đảm có Giấy chứng nhận.</p> <p>Trường hợp người yêu cầu xóa đăng ký không phải là bên nhận bảo đảm và trên Phiếu yêu cầu không có chữ ký, con dấu (nếu có) của bên nhận bảo đảm thì ngoài giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 33 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP còn nộp thêm giấy tờ, tài liệu sau đây (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực):</p> <p>Văn bản có nội dung thể hiện việc bên nhận bảo đảm đồng ý xóa đăng ký hoặc xác nhận về việc hợp đồng bảo đảm đã chấm dứt, đã được thanh lý hoặc xác nhận về việc giải chấp trong trường hợp người yêu cầu xóa đăng ký là bên bảo đảm</p> <p>Hợp đồng hoặc văn bản khác đã có hiệu lực pháp luật chứng minh việc chuyển giao hợp pháp tài sản bảo đảm trong trường hợp người yêu cầu xóa đăng ký là người nhận chuyển giao hợp pháp tài sản bảo đảm, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 33 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.</p> <p>Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá đã có hiệu lực pháp luật hoặc Văn bản xác nhận kết quả thi hành án trong trường hợp người yêu cầu xóa đăng ký là cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên hoặc người yêu cầu xóa đăng ký là người mua tài sản bảo đảm trong xử lý tài sản theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.</p> <p>Văn bản của cơ quan có thẩm quyền có nội dung về việc bên nhận bảo đảm là tổ chức kinh tế không phải là tổ chức tín dụng trở thành doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, là công dân Việt Nam trở thành công dân nước ngoài trong trường hợp xóa đăng ký quy định tại điểm k khoản 1 Điều 20 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.</p> <p>Văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc giải thể pháp nhân trong trường hợp xóa đăng ký quy định tại điểm l khoản 1 Điều 20 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.</p>	<p>Văn phòng Đăng ký đất đai</p>
1119	1.011443	<p>Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất</p>	<p>Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 03a tại Phụ lục (01 bản chính).</p> <p>Giấy chứng nhận (bản gốc) trong trường hợp tài sản bảo đảm có Giấy chứng nhận.</p> <p>Trường hợp người yêu cầu xóa đăng ký không phải là bên nhận bảo đảm và trên Phiếu yêu cầu không có chữ ký, con dấu (nếu có) của bên nhận bảo đảm thì ngoài giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 33 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP còn nộp thêm giấy tờ, tài liệu sau đây (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực):</p> <p>Văn bản có nội dung thể hiện việc bên nhận bảo đảm đồng ý xóa đăng ký hoặc xác nhận về việc hợp đồng bảo đảm đã chấm dứt, đã được thanh lý hoặc xác nhận về việc giải chấp trong trường hợp người yêu cầu xóa đăng ký là bên bảo đảm</p> <p>Hợp đồng hoặc văn bản khác đã có hiệu lực pháp luật chứng minh việc chuyển giao hợp pháp tài sản bảo đảm trong trường hợp người yêu cầu xóa đăng ký là người nhận chuyển giao hợp pháp tài sản bảo đảm, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 33 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.</p> <p>Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá đã có hiệu lực pháp luật hoặc Văn bản xác nhận kết quả thi hành án trong trường hợp người yêu cầu xóa đăng ký là cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên hoặc người yêu cầu xóa đăng ký là người mua tài sản bảo đảm trong xử lý tài sản theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.</p> <p>Văn bản của cơ quan có thẩm quyền có nội dung về việc bên nhận bảo đảm là tổ chức kinh tế không phải là tổ chức tín dụng trở thành doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, là công dân Việt Nam trở thành công dân nước ngoài trong trường hợp xóa đăng ký quy định tại điểm k khoản 1 Điều 20 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.</p> <p>Văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc giải thể pháp nhân trong trường hợp xóa đăng ký quy định tại điểm l khoản 1 Điều 20 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.</p>	<p>(1) Văn phòng Đăng ký đất đai</p> <p>(2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai</p>

			<p>Phiếu yêu cầu đăng ký có chứng nhận của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh hoặc chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai</p> <p>Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp hồ sơ có Giấy chứng nhận.</p> <p>Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 04a tại Phụ lục (01 bản chính)</p> <p>Văn bản thông báo xử lý tài sản bảo đảm (01 bản chính).</p> <p>Trường hợp đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm thì hồ sơ đăng ký là Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 04a tại Phụ lục (01 bản chính).</p> <p>Phiếu yêu cầu đăng ký có chứng nhận của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh hoặc chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai</p>	(1) Văn phòng Đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
1120	1.011444	<p>Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất</p>	<p>Trường hợp thành phần hồ sơ đăng ký có bản gốc hoặc bản chính Giấy chứng nhận thì trả Giấy chứng nhận.</p>	(1) Văn phòng Đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
1121	1.011445	<p>Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất</p>	<p>Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 05a tại Phụ lục (01 bản chính);</p> <p>Văn bản chứng nhận đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở (01 bản chính)</p> <p>Hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực)</p> <p>Hợp đồng thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) đối với chuyển tiếp sang thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai, trừ trường hợp hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở đã có nội dung về chuyển tiếp sang thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai.</p> <p>Hợp đồng thế chấp nhà ở (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) đối với chuyển tiếp sang thế chấp nhà ở đã được cấp Giấy chứng nhận, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.</p> <p>Giấy chứng nhận (bản gốc) trong trường hợp chuyển tiếp sang đăng ký thế chấp nhà ở đã được cấp Giấy chứng nhận.</p>	(1) Văn phòng Đăng ký đất đai (2) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai



			<p>Phiếu yêu cầu đăng ký có chứng nhận của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh hoặc chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai</p> <p>Trường hợp thành phần hồ sơ đăng ký có bản gốc hoặc bản chính Giấy chứng nhận thì trả Giấy chứng nhận.</p>	
<b>V.</b>	<b>Lĩnh vực Tài nguyên nước</b>			
1122	1.009669	Thủ tục tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	<p>- Bản chính: Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Phụ lục III kèm theo Nghị định số 41/2021/NĐ-CP) với các nội dung chủ yếu sau: Chất lượng nguồn nước; loại nguồn nước, điều kiện khai thác, quy mô khai thác, thời gian khai thác, thời gian tính tiền, sản lượng khai thác cho từng mục đích sử dụng, giá tính tiền, mức thu tiền cho từng mục đích sử dụng; tính tiền cho từng mục đích sử dụng, tổng tiền cấp quyền khai thác, phương án nộp tiền cấp quyền khai thác và kèm theo các tài liệu để chứng minh.</p> <p>Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p> <p>Bản chính: Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Phụ lục III kèm theo Nghị định số 41/2021/NĐ-CP) với các nội dung chủ yếu sau: Chất lượng nguồn nước; loại nguồn nước, điều kiện khai thác, quy mô khai thác, thời gian khai thác, thời gian tính tiền, sản lượng khai thác cho từng mục đích sử dụng, giá tính tiền, mức thu tiền cho từng mục đích sử dụng; tính tiền cho từng mục đích sử dụng, tổng tiền cấp quyền khai thác, phương án nộp tiền cấp quyền khai thác và kèm theo các tài liệu để chứng minh.</p> <p>Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p> <p>- Bản chính: Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Phụ lục III kèm theo Nghị định số 41/2021/NĐ-CP).</p> <p>- Bản chính: Văn bản đề nghị điều chỉnh kèm theo các tài liệu để chứng minh.</p> <p>Quyết định điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p> <p>Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước mặt, nước biển: Mẫu 37 và Mẫu 38 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 02/2023/NĐ-CP.</p> <p>Kết quả thực hiện thủ tục Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển (cấp tính) được thực hiện theo Mẫu 20 ban hành kèm theo Phụ lục Nghị định 02/2023/NĐ-CP</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường
1123	2.001770	Thủ tục tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành		Sở Tài nguyên và Môi trường
1124	1.004283	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước		Sở Tài nguyên và Môi trường
1125	1.011516	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển		Sở Tài nguyên và Môi trường

1126	1.011517	Đăng ký khai thác nước dưới đất	Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất: Mẫu 36 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 02. Kết quả thủ tục Đăng ký khai thác nước dưới đất cấp theo Mẫu 36 Phụ lục kèm theo Nghị định 02/2023/NĐ-CP - Đơn đề nghị trả lại giấy phép; - Tài liệu chứng minh việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (nếu có); Kết quả của thủ tục Trả lại giấy phép tài nguyên nước do Ủy ban nhân dân tỉnh/ Sở Tài nguyên và Môi trường cấp theo Mẫu 19 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP - Đơn đề nghị cấp giấy phép. - Đề án thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 200 m <sup>3</sup> /ngày đêm trở lên; thiết kế giếng thăm dò đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m <sup>3</sup> /ngày đêm. Giấy phép thăm dò nước dưới đất: Mẫu 11 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP - Đơn đề nghị cấp giấy phép.	Sở Tài nguyên và Môi trường
1127	1.011518	Trả lại giấy phép tài nguyên nước		Sở Tài nguyên và Môi trường
1128	1.004232	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm		Sở Tài nguyên và Môi trường
1129	1.004223	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	- Sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất.  Sở Tài nguyên và Môi trường - Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá sáu (06) tháng tính từ thời điểm nộp hồ sơ. Trường hợp chưa có công trình khai thác nước dưới đất, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải nộp trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư. Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất: Mẫu 13 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP.	Sở Tài nguyên và Môi trường
1130	1.004122	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	- Đơn đề nghị cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất (Mẫu số 01, Phụ lục IV, ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT);	Sở Tài nguyên và Môi trường

			<p>- Bàn khai kinh nghiệm chuyên môn trong hoạt động khoan nước dưới đất của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép (Mẫu số 02, Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT).</p> <p>Kết quả thủ tục cấp Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ theo Mẫu số 03, Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT</p>	
		<p>Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm</p>	<p>- Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh nội dung giấy phép.</p> <p>- Báo cáo tình hình thực hiện các quy định trong giấy phép.</p>	Số Tài nguyên và Môi trường
1131	1.004228	<p>Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm</p>	<p>- Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh giấy phép.</p> <p>- Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước và tình hình thực hiện giấy phép.</p> <p>Trường hợp điều chỉnh giấy phép có liên quan đến quy mô công trình, số lượng giếng khai thác, mực nước khai thác thì phải nêu rõ phương án khai thác nước.</p> <p>- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá sáu (06) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.</p> <p>- Sơ đồ vị trí công trình khai thác nước dưới đất đối với trường hợp điều chỉnh giấy phép.</p>	Số Tài nguyên và Môi trường
1132	1.004211	<p>Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm</p>	<p>Giấy phép (gia hạn/điều chỉnh) khai thác, sử dụng nước dưới đất: Mẫu 14 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP</p>	
1133	2.001738	<p>Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ</p>	<p>(1) Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (theo Mẫu số 04, Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT);</p> <p>(2) Bảng tổng hợp các công trình khoan nước dưới đất do tổ chức, cá nhân thực hiện trong thời gian sử dụng giấy phép đã được cấp (theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT);</p> <p>(3) Đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép mà có sự thay đổi người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật thì ngoài Đơn và Bảng tổng hợp các công trình khoan nước dưới đất, hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép còn bao gồm:</p>	Số Tài nguyên và Môi trường

		<p>Bản khai kinh nghiệm chuyên môn trong hoạt động khoan nước dưới đất của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật (theo Mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT);</p> <p>(4) Đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép, ngoài đơn và bảng tổng hợp công trình, hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép còn bao gồm các tài liệu chứng minh điều kiện năng lực đáp ứng quy mô hành nghề theo quy định (đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh quy mô hành nghề).</p> <p>Kết quả thủ tục cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ theo Mẫu số 06, Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT.</p>		
1134	1.004253	<p>Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ</p>	<p>- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (Mẫu số 07 Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT)</p> <p>- Tài liệu chứng minh lý do đề nghị cấp lại giấy phép.</p> <p>Kết quả thủ tục cấp lại Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ theo Mẫu số 06, Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường
1135	1.004179	<p>Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới <math>2\text{m}^3/\text{giây}</math> và dung tích toàn bộ dưới <math>20\text{ triệu m}^3</math>, hoặc lưu lượng khai thác từ <math>2\text{m}^3/\text{giây}</math> trở lên và dung tích toàn bộ dưới <math>3\text{ triệu m}^3</math>, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới <math>5\text{ m}^3/\text{giây}</math>;</p>	<p>- Đơn đề nghị cấp giấy phép.</p> <p>- Đề án khai thác, sử dụng nước đối với trường hợp chưa có công trình khai thác.</p> <p>- Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước kèm theo quy trình vận hành đối với trường hợp đã có công trình khai thác (nếu thuộc trường hợp quy định phải có quy trình vận hành).</p> <p>- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá ba (03) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ (trừ mục đích khai thác, sử dụng nước cho thủy điện).</p> <p>- Sơ đồ vị trí công trình khai thác nước.</p> <p>- Văn bản góp ý, tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến (đối với trường hợp phải lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân).</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường

	<p>phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm</p>	<p>Trường hợp chưa có công trình khai thác nước mặt, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải nộp trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.</p> <p>Giấy phép khai thác sử dụng nước mặt: Mẫu 15 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP, Giấy phép khai thác, sử dụng nước biển: Mẫu 17 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP</p>	
1136	1.004167	<p>Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m<sup>3</sup>/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m<sup>3</sup>, hoặc lưu lượng khai thác từ 2m<sup>3</sup>/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m<sup>3</sup>, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5m<sup>3</sup>/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000</p> <p>Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh giấy phép.</p> <p>- Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước và tình hình thực hiện giấy phép. Trường hợp điều chỉnh quy mô công trình, phương thức, chế độ khai thác sử dụng nước, quy trình vận hành công trình thì phải kèm theo đề án khai thác nước.</p> <p>- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá ba (03) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ (trừ mục đích khai thác, sử dụng nước cho thủy điện);</p> <p>- Bản sao giấy phép đã được cấp.</p> <p>Giấy phép (gia hạn, điều chỉnh) khai thác, sử dụng nước mặt: Mẫu số 16 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP, Giấy phép (gia hạn, điều chỉnh) khai thác, sử dụng nước biển: Mẫu 18 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP</p>	Số Tài nguyên và Môi trường

		m <sup>3</sup> /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm			
1137	1.000824	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước			Số Tài nguyên và Môi trường
				- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép. - Tài liệu chứng minh lý do đề nghị cấp lại giấy phép. Giấy phép thăm dò nước dưới đất (cấp lại): Mẫu 12 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP., Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất (cấp lại): Mẫu 14 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP., Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt (cấp lại): Mẫu 16 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP, Giấy phép khai thác, sử dụng nước biển (cấp lại): Mẫu 18 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP	
1138	2.001850	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi		Phương án cấm mốc giới  Phương án cấm mốc được phê duyệt	Số Tài nguyên và Môi trường
1139	1.001740	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên dòng chính lưu vực sông liên tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa,		- Thuyết minh và thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình (báo cáo nghiên cứu khả thi) kèm theo tờ trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định dự án; - Kế hoạch triển khai xây dựng công trình; - Tiến độ xây dựng công trình; - Dự kiến tác động của việc khai thác, sử dụng nước và vận hành công trình đến nguồn nước, môi trường và các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác có khả năng bị ảnh hưởng trong quá trình xây dựng, vận hành công trình, thời gian công trình không vận hành; - Các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước, đảm bảo nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác có khả năng bị ảnh hưởng trong quá trình xây dựng, vận hành công trình, thời gian công trình không vận hành;	Số Tài nguyên và Môi trường

		đập dâng) sử dụng nguồn nước liên tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m <sup>3</sup> /giây trở lên (TTHC cấp tỉnh)	<p>- Các thông tin quy định tại khoản 1 điều 3 của Nghị định số 02/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/02/2023;</p> <p>- Các số liệu, tài liệu khác liên quan đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước.</p> <p>- Quy mô, phương án chuyển nước (đối với dự án có chuyển nước).</p> <p>Văn bản trả lời xin ý kiến.</p>	
<b>VI.</b>	<b>Lĩnh vực Khí tượng thủy văn</b>		<p>Hồ sơ cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo đối với tổ chức:</p> <p>(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn theo Mẫu số 2 Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ (01 bản chính);</p> <p>(4) Bản khai cơ sở vật chất, kỹ thuật; thông tin, dữ liệu phục vụ dự báo, cảnh báo; quy trình kỹ thuật dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; quy trình quản lý, đánh giá chất lượng dự báo, cảnh báo theo Mẫu số 06 Phụ lục kèm theo Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ (01 bản chính);</p> <p>(5) Bản khai kinh nghiệm công tác của nhân viên tham gia dự báo, cảnh báo, có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý nhân sự nơi đã từng làm việc (01 bản chính).</p> <p>+ Hồ sơ cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo đối với cá nhân:</p> <p>(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn theo Mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ (01 bản chính);</p> <p>(3) Bản khai cơ sở vật chất, kỹ thuật; thông tin, dữ liệu phục vụ dự báo, cảnh báo; quy trình kỹ thuật dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; quy trình quản lý, đánh giá chất lượng dự báo, cảnh báo theo Mẫu số 06 Phụ lục kèm theo Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ (01 bản chính);</p> <p>(4) Bản khai kinh nghiệm công tác, có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý nhân sự nơi đã từng làm việc (01 bản chính).</p> <p>Giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn hoặc văn bản từ chối cấp phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn cho tổ chức, cá nhân</p> <p>Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn theo Mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ (01 bản chính).</p>	
1141	1.000943	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn		Sở Tài nguyên và Môi trường
1140	1.000987	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn		Sở Tài nguyên và Môi trường

Số Tài nguyên

			Giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn theo Mẫu số 05	và Môi trường
1142	1.00097	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	<p>(1) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung hoặc gia hạn giấy phép theo Mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ (01 bản chính);</p> <p>Giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn theo Mẫu 05 (kèm theo Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ) hoặc văn bản từ chối cấp phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn cho tổ chức, cá nhân.</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường
<b>VII.</b>	<b>Lĩnh vực khoáng sản</b>			
1143	1.000778	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	<p>* Đối với Doanh nghiệp mới thành lập</p> <p>Bản chính bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (Mẫu số 22 Phụ lục 2 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Đề án thăm dò khoáng sản (Mẫu số 01 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Đơn đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản (Mẫu số 03 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>*Đối với Doanh nghiệp đang hoạt động</p> <p>Bản chính bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (Mẫu số 22 Phụ lục 2 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Đề án thăm dò khoáng sản (Mẫu số 01 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>*Đối với Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã</p> <p>Bản chính bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (Mẫu số 22 Phụ lục 2 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Đề án thăm dò khoáng sản (Mẫu số 01 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường



			Giấy phép thăm dò khoáng sản (Mẫu số 23 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)	
			Bản chính Đơn đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn)	
			Bản chính Báo cáo kết quả thăm dò đã thực hiện đến thời điểm đề nghị gia hạn và kế hoạch thăm dò khoáng sản tiếp theo)	
			Bản chính bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (sau khi đã trả lại 30% diện tích khu vực thăm dò trước đó)	Sở Tài nguyên và Môi trường
			Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	
			Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản	
			Báo cáo hoạt động thăm dò khoáng sản và kế hoạch tiếp tục thăm dò (Mẫu số 42, Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016)	
			Giấy phép thăm dò khoáng sản (Mẫu số 23 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)	
			Bản chính Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (Mẫu số 06 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)	
			Bản chính hợp đồng chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	Sở Tài nguyên và Môi trường
			Bản chính báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	
			Bản chính báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (Mẫu số 43 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)	
			Giấy phép thăm dò khoáng sản (Mẫu số 23 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)	
			Bản chính Đơn đề nghị trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản (Mẫu số 05 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)	Sở Tài nguyên và Môi trường
			Bản chính Giấy phép thăm dò khoáng sản	
1144	1.004481	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản		
1145	2.001814	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản		
1146	1.005408	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản		

		<p>Bản chính Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã thực hiện đến thời điểm đề nghị trả lại (Mẫu số 42 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản, kế hoạch thăm dò khoáng sản tiếp theo trong trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò (Mẫu số 33 Phụ lục 2 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Quyết định về việc cho phép trả lại Giấy phép thăm dò (trả lại một phần diện tích thăm dò) khoáng sản</p>	
1147	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản 2.001787	<p>Sở Tài nguyên và Môi trường</p> <p>Bản chính Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản hoặc báo cáo kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản, các phụ lục, bản vẽ và tài liệu nguyên thủy có liên quan (Mẫu số 39 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Tài liệu luận giải chỉ tiêu tính trữ lượng hoặc báo cáo khả thi của dự án đầu tư khai thác khoáng sản</p> <p>Bản chính Biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trình thăm dò khoáng sản đã thi công của tổ chức, cá nhân</p> <p>Bản chính báo cáo kết quả giám sát thi công đề án thăm dò khoáng sản</p> <p>Dữ liệu của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò</p> <p>Quyết định phê duyệt/công nhận trữ lượng, tài nguyên khoáng sản (Mẫu số 30 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường
1148	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản 1.004083	<p>Bản chính văn bản đề nghị khảo sát, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản (Phụ lục III Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ)</p> <p>Bản chính Kế hoạch khảo sát, lấy mẫu để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản (Mẫu số 46 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016)</p> <p>Thông báo chấp thuận kế hoạch khảo sát, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường

	1149	1.004446	<p>Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình</p> <p>1. Đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản          Bản chính Đơn đề nghị điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 11 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Dự án đầu tư điều chỉnh theo trữ lượng mới được phê duyệt hoặc theo công suất điều chỉnh, thay đổi phương pháp khai thác, công nghệ khai thác kèm theo quyết định phê duyệt</p> <p>Bản chính Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Kế hoạch bảo vệ môi trường kèm theo quyết định phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền</p> <p>2. Đối với hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản          Bản chính Đơn đề nghị điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 11 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Dự án đầu tư điều chỉnh theo trữ lượng mới được phê duyệt hoặc theo công suất điều chỉnh, thay đổi phương pháp khai thác, công nghệ khai thác kèm theo quyết định phê duyệt</p> <p>Bản chính Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Kế hoạch bảo vệ môi trường kèm theo quyết định phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền</p> <p>Bản chính Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản, nghĩa vụ đã thực hiện tính đến thời điểm đề nghị điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản và các văn bản phê duyệt, cho phép điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền (Mẫu số 43 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>3. Đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình</p> <p>Bản chính Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 12 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính bản đồ khu vực khai thác khoáng sản trên đó thể hiện phạm vi, diện tích xây dựng dự án công trình (Mẫu số 26 Phụ lục số 02 Thông tư số</p>	Số Tài nguyên và Môi trường
--	------	----------	--	-----------------------------

			<p>45/2016/TTBTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Phương án khai thác khoáng sản trong diện tích dự án kèm theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt</p> <p>Giấy phép khai thác khoáng sản; Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 24 Mẫu số 28 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p>	
1150	1.004434	Đầu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	<p>Bản chính: Đơn đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC)</p> <p>Bản chính hoặc bản điện tử được ký chữ ký số kế hoạch sơ bộ về đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến sâu, tiêu thụ sản phẩm (01 bản) và bản cam kết thực hiện nếu trúng đấu giá (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC)</p> <p>Văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá</p>	Số Tài nguyên và Môi trường UBND cấp tỉnh
1151	.004433	Đầu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	<p>Bản chính Đơn đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC)</p> <p>Bản chính hoặc bản điện tử được ký chữ ký số chương trình sơ bộ việc đầu tư khai thác, chế biến sâu, tiêu thụ sản phẩm (01 bản) và bản cam kết thực hiện dự án nếu trúng đấu giá (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC)</p> <p>Quyết định về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản (Mẫu số 07b Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014)</p>	Số Tài nguyên và Môi trường UBND cấp tỉnh
1152	2.001783	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	<p>Bản chính Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 08 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị gia hạn (Mẫu số 25 Phụ lục 2 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p>	Số Tài nguyên và Môi trường

			Bản chính Báo cáo kết quả hoạt động khai thác tính đến thời điểm đề nghị gia hạn (Mẫu số 43 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)	
			Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) - (Mẫu số 25 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)	
			Bản chính Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (Mẫu số 10 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)	
			Bản chính Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, kèm theo bản kê giá trị tài sản chuyển nhượng	
1153	1.004345	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	Bản chính Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị chuyển nhượng (Mẫu số 24 Phụ lục 2 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)	Sở Tài nguyên và Môi trường
			Bản chính Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (Mẫu số 43 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)	
			Giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 24 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)	
			Bản chính Đơn đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản (Mẫu số 09 Thông tư số 45/2016/TTBTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)	
1154	1.004135	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	Bản chính Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị trả lại (Mẫu số 34, phụ lục 2 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)	Sở Tài nguyên và Môi trường
			Bản chính Giấy phép khai thác khoáng sản (Mẫu số 24 Thông tư số 45/2016/TTBTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)	
			Bản chính Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại (Mẫu số 36, mẫu số 43 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016)	

			<p>Bản chính Đề án đóng cửa mỏ hoặc đề án đóng cửa một phần khu vực khai thác, trong trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác (Mẫu số 02, mẫu số 43 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016)</p> <p>Quyết định về việc cho phép trả lại Giấy phép khai thác (trả lại một phần khu vực khai thác) khoáng sản (Mẫu số 34 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Đơn đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 20 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 02 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ (Mẫu số 32, Phụ lục số 2; Bản đồ khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Báo cáo tình hình thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường đến thời điểm đóng cửa mỏ</p> <p>Quyết định phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản/đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản và Quyết định về việc đóng cửa mỏ khoáng sản/đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản. (Mẫu số 31; Mẫu số 32 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường
1155	1.004367	Đóng cửa mỏ khoáng sản	<p>Bản chính Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 13 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Bản đồ khu vực khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 29, Phụ lục số 2 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)</p> <p>Bản chính Dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo quyết định phê duyệt</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường
1156	2.001781	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản		

			Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	
			Bản chính Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; báo cáo kết quả khai thác tận thu khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn	Sở Tài nguyên và Môi trường
1157	1.004343	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 29 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)	Sở Tài nguyên và Môi trường
			Bản chính Đơn đề nghị trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 15 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)	
			Bản chính Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 29 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)	Sở Tài nguyên và Môi trường
1158	2.001777	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Bản chính Báo cáo kết quả khai thác tận thu khoáng sản tính đến thời điểm trả lại giấy phép (Mẫu số 36 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)	Sở Tài nguyên và Môi trường
			Bản chính Đề án đóng của mỏ (Mẫu số 02 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)	
			Quyết định cho phép trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 34 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)	
			- Đối với thủ tục đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình	
			Bản đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản;	
			Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của giấy tờ sau:	Sở Tài nguyên và Môi trường
			- Bản vẽ quy hoạch tổng thể khu vực xây dựng dự án và quyết định phê duyệt dự án của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	
			- Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	
			-Đối với thủ tục đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch	
1159	1.004132	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự		Sở Tài nguyên và Môi trường

		án nạn vết, khơi thông luồng lạch	<p>Đơn đề nghị thu hồi cát, sỏi, kèm theo bản vẽ vị trí, phạm vi khu vực dự án nạn vết, khơi thông luồng</p> <p>Bản đăng ký khơi luồng, kế hoạch, phương pháp, thiết bị dùng để thu hồi cát, sỏi</p> <p>Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của giấy tờ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch, thời gian thực hiện dự án nạn vết, khơi thông luồng lạch và quyết định phê duyệt dự án của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;</li> <li>- Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;</li> <li>- Hợp đồng thuê bến bãi chứa cát (nếu có).</li> </ul> <p>Bản xác nhận đăng ký khai thác</p>
<b>VIII.</b>	<b>Lĩnh vực đo đạc và bản đồ</b>		<p><b>*Về cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II</b></p> <p>Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ theo Mẫu số 12 Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định số 136/2021/NĐ-CP</p> <p>Bản sao văn bằng, chứng chỉ về chuyên môn đo cơ sở đào tạo hợp pháp cấp; giấy chứng nhận đủ sức khỏe hành nghề đo cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện theo quy định</p> <p>Bản khai kinh nghiệm nghề nghiệp theo Mẫu số 13 Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định số 136/2021/NĐ-CP</p> <p>Bản sao giấy tờ chứng minh là người được miễn sát hạch kinh nghiệm nghề nghiệp, kiến thức pháp luật.</p> <p>Bản sao kết quả sát hạch đạt yêu cầu trong trường hợp đã sát hạch trước ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.</p> <p><b>*Về gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II</b></p> <p>Đơn đề nghị gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ theo Mẫu số 12 Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định số 136/2021/NĐ-CP</p> <p>Bản khai tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ hoặc chứng nhận liên quan đến việc cấp nhật kiến thức theo Mẫu số 20</p>
1160	1.000049	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	Sở Tài nguyên và Môi trường





1164	1.000798	<p>không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất</p> <p>Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân</p>	<p>Đơn xin phép chuyển mục đích sử dụng đất.</p> <p>Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.</p> <p>Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất</p> <p>Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất;</p> <p>Tờ khai phí trước bạ, tờ khai tiền SDD</p>	Phòng Tài nguyên và Môi trường
1165	1.005367	<p>Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam</p>	<p><b>Hồ sơ trình ban hành quyết định thu hồi đất do cá nhân sử dụng đất chết mà không có người thừa kế:</b></p> <p>Văn bản xác nhận không có người thừa kế của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của cá nhân sử dụng đất đã chết;</p> <p>(2) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất (nếu có)</p> <p>(3) Biên bản xác minh thực địa do cơ quan tài nguyên và môi trường lập (nếu có);</p> <p>(4) Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất;</p> <p>(5) Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định thu hồi đất.</p> <p><b>Hồ sơ trình ban hành quyết định thu hồi đất do người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất:</b></p> <p>(1) Văn bản trả lại đất của người sử dụng đất hoặc văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận về việc trả lại đất của người sử dụng đất;</p> <p>(2) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất</p> <p>(3) Biên bản xác minh thực địa do cơ quan tài nguyên và môi trường lập (nếu có)</p> <p>(4) Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất;</p> <p>(5) Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định thu hồi đất.</p> <p><b>Hồ sơ trình ban hành quyết định thu hồi đất do đất được Nhà nước giao, cho thuê có thời hạn nhưng không được gia hạn:</b></p>	Phòng Tài nguyên và Môi trường

			<p>1) Quyết định giao đất hoặc quyết định cho thuê đất, hợp đồng thuê đất;</p> <p>(2) Văn bản thông báo cho người sử dụng đất biết không được gia hạn sử dụng đất;</p> <p>(3) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất (nếu có);</p> <p>(4) Biên bản xác minh thực địa do cơ quan tài nguyên và môi trường lập (nếu có);</p> <p>(5) Trích lục kèm theo dự thảo quyết định thu hồi đất.</p> <p>(6) Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định thu hồi đất.</p> <p><b>Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất:</b></p> <p><b>Quyết định thu hồi đất:</b></p> <p>Báo cáo của Phòng Tài nguyên và Môi trường về quá trình vận động, thuyết phục người có đất thu hồi nhưng không chấp hành quyết định thu hồi đất;</p> <p>Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định cưỡng chế thu hồi đất.</p> <p><b>Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất, Quyết định thu hồi đất</b></p> <p>(1) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác định mức độ ô nhiễm môi trường, sụt lún, sạt lở, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người;</p> <p>(2) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất (nếu có)</p> <p>(3) Biên bản xác minh thực địa do Phòng Tài nguyên và Môi trường lập (nếu có);</p> <p>(4) Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất;</p> <p>(5) Tờ trình của Phòng Tài nguyên và Môi trường kèm theo dự thảo quyết định thu hồi đất.</p> <p><b>Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất, Quyết định thu hồi đất</b></p> <p><b>Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai</b></p> <p><b>Biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã; biên bản làm việc với các bên tranh chấp và người có liên quan; biên bản kiểm tra hiện trạng đất tranh chấp; biên bản</b></p>	
1166	1.005187	<p>Thủ tục thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam</p>		<p>Phòng Tài nguyên và Môi trường</p>
1167	2.000395	<p>Thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm</p>		<p>Phòng Tài nguyên</p>

		quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện	cuộc họp các ban, ngành có liên quan để tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai đối với trường hợp hòa giải không thành; biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết tranh chấp Trích lục bản đồ, hồ sơ địa chính qua các thời kỳ liên quan đến diện tích đất tranh chấp và các tài liệu làm chứng cứ, chứng minh trong quá trình giải quyết tranh chấp Báo cáo đề xuất và dự thảo quyết định giải quyết tranh chấp hoặc dự thảo quyết định công nhận hòa giải thành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai hoặc quyết định công nhận hòa giải thành.	và Môi trường
<b>II.</b>	<b>Lĩnh vực Môi trường</b>			
1168	1.010723	Cấp giấy phép môi trường	Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở Giấy phép môi trường	Phòng Tài nguyên và Môi trường
1169	1.010724	Cấp đổi giấy phép môi trường	Văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở Giấy phép môi trường cấp đổi	
1170	1.010725	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở Giấy phép môi trường điều chỉnh	
1171	1.010726	Cấp lại giấy phép môi trường	Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư Giấy phép môi trường	
<b>III.</b>	<b>Lĩnh vực Tài nguyên nước</b>			
1172	1.001662	Đăng ký khai thác nước dưới đất (TTHC cấp huyện)	Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất Phản xác nhận của cơ quan quản lý: Mẫu 35 Nghị định 02/2023/NĐ-CP	UBND cấp huyện/xã
1173	1.001645	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh; dự án đầu tư xây	Thuyết minh và thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình Kế hoạch triển khai xây dựng công trình Tiến độ xây dựng công trình Dự kiến tác động của việc khai thác, sử dụng nước và vận hành công trình đến nguồn nước, môi trường và các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác có khả năng bị ảnh	Phòng Tài nguyên và Môi trường

		<p>dùng hồ chứa, đập dâng trên sông suối nội tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước nội tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m<sup>3</sup>/giây trở lên; công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất (gồm một hoặc nhiều giếng khoan, giếng đào, hồ đào, hành lang, mạch lộ, hang động khai thác nước dưới đất thuộc sở hữu của một tổ chức, cá nhân và có khoảng cách liên kề giữa chúng không lớn hơn 1.000 m) có lưu lượng từ 12.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên</p>	<p>hướng trong quá trình xây dựng, vận hành công trình, thời gian công trình không vận hành</p> <p>Các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước, đảm bảo nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác có khả năng bị ảnh hưởng trong quá trình xây dựng, vận hành công trình, thời gian công trình không vận hành</p> <p>Các số liệu, tài liệu khác liên quan đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước</p> <p>Quy mô, phương án chuyên nước</p>	
IV.	<b>Lĩnh vực chính sách thuế</b>			
1174	1.008603	Thu tục kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	<p>- Đối với nước thải công nghiệp: Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải</p> <p>Thông báo nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải</p>	Phòng Tài nguyên và Môi trường
C	<b>CẤP XÃ</b>			
I.	<b>Lĩnh vực Đất đai</b>			

1175	1.003554	Hòa giải tranh chấp đất đai (cấp xã)	- Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai - Biên bản hòa giải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng hòa giải, các bên tranh chấp có mặt tại buổi hòa giải, các thành viên tham gia hòa giải	UBND cấp xã
<b>II.</b>	<b>Lĩnh vực chính sách thuế</b>			
1176	1.008603	Thủ tục kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	- Đối với nước thải sinh hoạt: Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải. - Thông báo nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	UBND cấp xã
<b>III.</b>	<b>Lĩnh vực Môi trường</b>			
1177	1.010736	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	01 bản chính văn bản lấy ý kiến tham vấn Văn bản phản hồi (mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP); trường hợp không có phản hồi trong thời hạn quy định được coi là thống nhất với nội dung tham vấn	UBND cấp xã
1178	1.004082	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (Cấp Xã)	Hợp đồng đã ký giữa các bên liên quan; Xác nhận vào Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích.	UBND cấp xã

**XVIII. LĨNH VỰC DÂN TỘC (Theo đề xuất của UBND thành phố Biên Hòa, Ban Dân tộc Không có báo cáo)**

Số tt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
1179	1.012222	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	- Văn bản đề nghị của Ban công tác mặt trận thôn/ khu phố; - Biên bản họp liên tịch thôn (ấp)- mẫu 02 ban hành kèm theo quyết định số 12/2018/QĐ-TTG ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ).	
1180	1.012223	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	- Văn bản đề nghị Ban công tác mặt trận thôn/ khu phố; - Biên bản họp liên tịch thôn (ấp)- mẫu 06 ban hành kèm theo quyết định số 12/2018/QĐ-TTG ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ).	